

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

Directeur Rédacteur en chef }
Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút }

PHẠM QUỲNH

Tome XXI

N^{OS} 119 - 124

JUILLET - DÉCEMBRE

1927



IN TAI
HÔNG-KINH ẤN-QUÁN (Imprimerie Tonkinoise)
80-82, Rue du Chanvre, Hanoi
1928

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

MỤC-LỤC

QUYỂN THỨ XXI (từ số 119 đến số 124)

Số 119 — Juillet 1927

	<i>Số trang</i>
Báo Nam-Phong được mười tuổi.....	1
Khảo về Khuất Nguyên.....	4
Câu chuyện tháng tám.....	15
Triết-học Âu-châu ngày nay. I.....	22
Hai người nước Triệu đời Chiến-quốc.....	31
Luận-thuyết tân-xã-hội. II.....	36
Đàn bà Đông-phương. X.....	44
Tùng-đám : Tạp-biên về Cao-ly.....	56
Hương-chính tinh-ngĩa. III.....	61
Tướng hát Nguyễn-chúa phủ Lê-hoàng. IV.....	67
Tiểu-thuyết : Chồng tôi (Dư chi phu). I.....	79
Văn-uyên.....	86
Thời-đàm.....	96

Số 120 — Août 1927

Văn-minh Nhật bản.....	107
Hán-Việt văn-tự. III.....	123
Văn-học nước Tàu sau khi Âu-chiến.....	137
Hương-chính tinh-ngĩa. IV.....	142
Nho-thuật và Nho-giáo ở nước Tàu.....	147
Câu chuyện tiêu ngày dài : Chàng Thiện-sĩ ba kiếp thác sinh.....	150
Luận-thuyết tân-xã-hội. III.....	155
Đàn bà Đông-phương. XI.....	168
Thơ ngữ-ngôn mới.....	174
Tướng hát Nguyễn-chúa phủ Lê-hoàng. V.....	177
Tiểu-thuyết : Chồng tôi (Dư chi phu). II.....	188
Văn-uyên.....	197
Thời-đàm.....	205

Số 121 — Septembre 1927

	<i>Số trang</i>
Khảo về đạo Phật. I.....	215
Khảo-sát về hiện-tình nước Nga.....	226
Vũ-trung-tùy-bút. I.....	236
Hán-học tập-ký.....	245
Hương-chính tinh-nghĩa. V.....	250
Cảnh học-đường, ân giáo-dục.....	260
Luận-luuyết tân-xã-hội. IV.....	264
Tùng-đám : Khảo về hôn-lễ các nước.....	273
Đàn bà Đông-phương. XII.....	280
Tuồng hát Nguyễn-chúa phù Lê-hoàng. VI.....	289
Tiểu-thuyết : Chồng tôi (Dư chi phu). III.....	295
Văn-uyên.....	304
Thời-đám.....	314

Số 122 — Octobre 1927

Khảo về chữ quốc-ngữ.....	327
Triết-học Âu-châu đời nay. II.....	340
Khảo về đạo Phật. II.....	348
Vũ-trung-tùy-bút. II.....	357
Bảo-tồn nam-ngữ. I.....	368
Mấy ngày chơi Thất-khê.....	381
Hương-chính tinh-nghĩa VI.....	394
Tuồng hát Nguyễn-chúa phù Lê-hoàng VII.....	401
Tiểu-thuyết : Chồng tôi (Dư chi phu). IV.....	408
Văn-uyên.....	416
Thời-đám.....	418

Số 123 — Novembre 1927

Khoa-học và luân-lý.....	425
Văn-minh nước Mĩ.....	439
Đạo làm người. VI.....	444
Vũ-trung-tùy-bút. III.....	455
Hương-chính tinh-nghĩa. VII.....	466
Bảo-tồn nam-ngữ. II.....	476
Hán-Việt ngụ-ngôn điển-ca.....	488
Đàn bà Đông-phương. XII.....	492
Tuồng hát Nguyễn-chúa phù Lê-hoàng. (Hết).....	501
Tiểu-thuyết : Chồng tôi. (Dư chi phu). V.....	508
Văn-uyên.....	517
Thời-đám.....	524

Số 124 — Décembre 1927

Số trang

Thăm đảo Phú-quốc.....	513
Khảo về lễ thọ.....	551
Khảo về đạo Phật. III.....	554
Vũ-trung-lũy-bút. IV.....	561
Nét mực nhà.....	570
Hương-chính tạnh - nghĩa VII.....	580
Giấc chiêm-bao của người thiếu-nữ.....	591
Hồ cái già : Nhật ký sự vợ. I.....	601
Tiêu-thuyết : Chồng tôi (Dư chi phu). VI.....	614
Văn-uyên.....	622
Thời-đàm.....	628

Các tranh ảnh

- Số 119. — Ảnh miếu Trung-lương (Thái-bà-ấp).
 Số 120. — Ảnh cầu Trội và chùa Lăng.
 Số 121. — Ảnh đèn Kiếp-bạc.
 Số 122. — Tranh cảnh Hà-tiên.
 Số 124. — Ảnh Hà-tiên danh-thắng.

Phụ-trương bằng chữ Pháp. — Supplément en français

No 119. — Les religions en Chine.....	1
La Mecque chinoise.....	5
Les récents mouvements religieux en Chine.....	7
Foi bouddhique et foi chrétienne.....	9
No 120. — L'énigme de la Chine actuelle. I.....	11
L'organisation d'un voyage d'affaires en Extrême-Orient.....	20
No 121. — L'énigme de la Chine actuelle. II.....	23
+ Resterons-nous toujours en Indochine?.....	30
Le problème de la morale en Asie.....	32
No 122. — Une figure originale de philosophie chinois : Mạc-Địch, apôtre de la paix et de la fraternité.....	35
No 123. — La Chine et l'Europe.....	49
+ Comment nous garderons l'Indochine.....	52
Les impressions d'un Polonais sur Paris et la France.....	55
No 124. — Le génie japonais.....	59
Le Japon mystique.....	60
Un poète de la conscience nationale polonaise : Slovacki.....	62
Molière et la cité jaune.....	64
Qu'est-ce que la vie?.....	65

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

BÁO NAM-PHONG ĐƯỢC MƯỜI TUỔI

Số này ra là báo Nam-Phong vừa được mười năm tròn.

Số thứ nhất là số tháng 7 năm 1917.

1917-1927, đối với cuộc đời thì mười năm thắm-thoắt không là mấy, mà đối với một cái báo, kể cũng là một quãng đường dài.

Vậy cũng nên dừng chân ngoảnh lại mà nhìn xem bước đường đã qua thế nào.

Năm 1917 bên Âu-châu chiến-tranh đương dữ-dội ; bên này thì chính-trị cần-nghiêm, dư-luận trong nước hình như vắng ngắt, trong Nam ngoài Bắc, thật là tịch-mịch không có tăm tiếng gì. Báo-quán thì ở Hà-nội ở Sài-gòn lơ-thơ có một vài tờ báo quốc-ngữ, còn báo bằng chữ tây của người mình, tuyệt-nhiên chưa có cái nào. Báo quốc-ngữ cũng là báo phổ-thông mà thôi, chưa có nghị-luận gì. Và lại bàn đến chính-trị, nói về việc nước, bấy giờ coi như câu chuyện quái-gở, không ai dám công-nhiên đả-động. Còn văn quốc-ngữ thời hãy còn non-nớt, chưa ai nghĩ dùng để bàn-bạc những vấn-đề quan-trọng hay nghiên-cứu những nghĩa-lý cao-xa. Tiếng « quốc-văn » dùng để chỉ văn quốc-ngữ cũng mới thông-dụng tự năm 1917 trở đi. Đến cái « phong-trào quốc-văn », về sau này tràn khắp cả xã-hội, thì hồi ấy còn phăng-lặng ếm-đềm cả.

Giữa lúc ấy, báo Nam-Phong ra đời.

Chủ-nghĩa của báo Nam-Phong thế nào ?

Ở một nước dân-trị hãy còn chưa khai-thống hẳn, quyền ngôn-luận cũng còn chưa được hoàn-toàn như nước ta, lấy chính-trị làm tôn-chỉ không bằng lấy văn-hóa làm chủ-nghĩa.

Chính-trị là chuyện bấp-bông, tùy thời-cơ mà thay đổi. Chính-trị năm 1917 không giống chính-trị năm 1927. Chính-trị đương khi Âu-châu hữu-sự không giống chính-trị giữa lúc thế-giới hòa-bình. Chính-trị trước khi nước Nga khởi ra phong-trào quá-khích không giống chính-trị sau khi nước Nga tuyên-truyền chủ-nghĩa cộng-sản. Chính-trị bất-thường như thế, phức-tạp như thế, người có kiến-thức rộng về thời-thế nhiều khi cũng còn phải khờ-tám chưa hiểu được, vậy mà đem bàn với một dân-tộc về đường chính-trị phần nhiều chưa thoát khỏi cái phạm-vi chốn hương-thôn, chưa có cái quan-niệm gì sắc-đáng về quốc-gia, về xã-hội, thời không khác gì như đem văn Tả-truyện mà giảng cho người chưa học qua sách Tam Hoàng vậy. Tất một là không hiểu tí gì, hai là hiểu lầm, lại càng tệ nữa. Gia-chỉ-dĩ, quyền ăn nói

không được tự-do, dầu có muốn bàn giải cho võ-vascular, lại còn phải e-lệ từng lời nói, thành ra nói không hết ý, chỉ đủ khiến cho người ta ngộ-hội vậy.

Đến như văn-hóa là phần cốt-yếu, cái công-hiệu nó sâu-xa mà lâu dài. Chính-trị như cơn giông-lốc, có mạnh mà không được bền; văn-hóa như gió xuân-phong, hòa-khí vẫn thoang-thoảng mãi. Dân-tộc ta trí còn non, sức còn yếu, chưa chịu được những trận gió bão trên trường quốc-tế; còn phải nhờ ngọn gió xuân háy-hầy để bồi-dưỡng lấy tinh-thần. Bởi vậy đem văn-hóa mà truyền-bá trong dân-gian, ấy là cái cấp-vụ của kẻ trí-thức đương-thời.

Các nhà sáng-lập ra báo Nam-Phong này thiết-nghĩ như thế, nên ngay từ khi báo mới ra đời đã đặt cái tôn-chỉ báo về đường văn-hóa hơn là về đường chính-trị.

Tuy vì thời-thế bất-buộc, không thể tuyệt-nhiên không bàn đến việc thời-chính, nhưng không hề coi chính-trị là phần cốt-yếu bao giờ. Đồng-nhân trong báo-quán, thủy-chung vẫn cho văn-hóa là trọng hơn.

Theo ý-kiến của đồng-nhân thì cái vấn-đề văn-hóa ở nước ta ngày nay là quan-hệ hơn hết cả. Làm thế nào mà thái-thái được cái tinh-hoa của văn-hóa Đông-Tây để gây lấy một cái tinh thần cốt-cách mới cho dân-tộc Việt-Nam này, khiến cho không đến nỗi mất nền-nếp cũ mà lại học được phương-pháp mới; ấy trong mười năm nay chúng tôi chỉ băn-khoăn về một câu hỏi đó.

Chúng tôi không dám chắc rằng đã giải-quyết được hoàn-toàn, nhưng thật đã gia công chịu khó mà nghiên-cứu,

Nhân nghiên-cứu mới hiểu rằng vấn-đề văn-hóa ở nước ta thật có mật-thiết quan-hệ với vấn-đề quốc-văn. Muốn cho nước Nam có một nền văn-hóa xứng-đáng, trước hết phải có một cái khí-cụ tiện-lợi để dung hòa và để truyền-bá tư-tưởng. Khí-cụ ấy không thể là chữ táy được, không thể là chữ lậu được; phải là chữ quốc-ngữ của ta. Vậy trước hết phải đem chữ quốc-ngữ mà luyện-tập cho thành quốc-văn, để làm cái lợi-khí cho văn-hóa sau này.

Quốc-văn đã liêm thành, bây giờ phải đem ra dùng để truyền-bá các tư-tưởng học-thuật mới.

Đoàn-luyện quốc-văn, truyền bá học-thuật, đó là hai cái mục-đích thiết-yếu của báo Nam-Phong trong mười năm nay.

Hai cái mục-đích đó chúng tôi đã đạt được chưa, xin đề độc-giả chư-quán-tử phán-đoán.

Nay chỉ xin phân-trần qua mấy lời về cái phương-pháp chúng tôi đã theo, và xem ra cũng có hiệu-nghiệm.

Về việc đoàn-luyện quốc-văn, chúng tôi nghiệm ra vận-văn của nước ta, nhờ các tiền-nhân tập-luyện, đã đến bậc tinh-xảo lắm. Thi-ca mà như truyện Kiều thì sánh với thế-giới tưởng cũng không kém. Duy tản-văn, xưa nay hầu như chưa có. Mà tản-văn mới là văn nghị-luận, văn thuyết-lý. Vậy việc cần-cấp là phải gây ra một

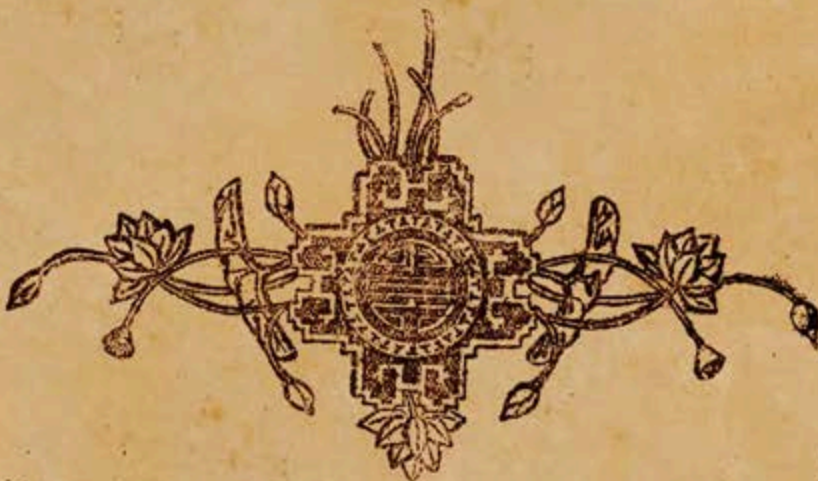
lời tận-văn thích-dụng cho sự truyền-bá tư-tưởng ngày nay. Cái khuyết-điểm thứ nhất của văn quốc-ngữ là còn thiếu các danh-từ mới để chỉ những sự-vật cùng nghĩa-lý mới. Bởi thế nên trong mấy năm chúng tôi hết sức tra-cứu các sách tây sách tàu mà nhặt lấy hoặc dịch ra những chữ cần-dùng, « phát-hành » kể có hàng nghìn tiếng mới, chắc lúc đầu cũng lạ tai lạ mắt. nhưng chẳng bao lâu thành thông-dụng. Ngày nay các bậc thức-giả trong nước đều thừa-nhận rằng báo Nam-Phong thật đã có công « nhật chữ » cho văn quốc-ngữ được thêm giàu vậy.

Về việc truyền-bá học-thuật thời chúng tôi quả-quyết đem văn quốc-ngữ mà dịch-thuật cả các sách văn-chương nghĩa-lý của Đông-Tây, dù những văn rất khó, nghĩa rất lạ, cũng cố diễn ra tiếng ta cho kỳ được, không quản lời văn không được chải-chuốt, chỉ cầu ý-nghĩa cho được thông-đạt. Trong mười năm nay chúng tôi thí-nghiệm, thấy cái công dịch-thuật ấy không phải là không có ích. Các bạn đọc báo có ông viết thư nói rằng chữ Pháp chữ Nho vốn không được thông cho lắm, không đủ đọc được sách Tây sách Tàu, chỉ nhờ chữ quốc-ngữ, nhờ báo Nam-Phong mà bổ thêm được sự học. Nếu quả như thế thì chúng tôi lại càng vui lòng mà theo đuổi cho tới mục-đích, vì cái chí của chúng tôi vẫn là ước-ao rằng sau này người Việt-Nam ta không cần phải học chữ tây, không cần phải học chữ tàu, chỉ học bằng quốc-ngữ cũng có thể thông-hiểu được các điều nghĩa-lý làm gốc cho văn-hóa đời xưa đời nay. Nếu bao giờ có ngày được như thế thì báo Nam-Phong này cũng có thể tự-phụ là có công vào đấy một phần vậy.

Ấy công việc của báo Nam-Phong trong mười năm nay như thế.

Nay nhìn lại chồng sách cao, trước sau được 120 quyển, 1 vạn 5 nghìn trang, chắc trong đó vàng thau lẫn-lộn, có cái đáng giữ mà có cái đáng bỏ, nhưng cũng là công-phu huyết-hãn của đồng-nhân trong mười năm trời vậy. Nhìn đống sách mà không thể không có chút cảm-tưởng. Nhân gặp ngày kỷ-niệm thập-chu-niên, giải tỏ mấy lời, đề ghi trên đầu sách.

Nam-Phong báo-quán đồng-nhân
cần-chí.



KHẢO VỀ KHUẤT NGUYÊN

Nói về tổ các nhà văn-học nước Tàu, thì tất phải suy-tôn đến Khuất Nguyên 屈原. Trước kia không phải là không có văn-học, nhưng chưa có người nào là một nhà văn-học chuyên-gia. Như là ba trăm thiên ở trong kinh Thi và những các bài thi-ca truyền ở trong sách cổ thi cũng thực nhiều bài hay, nhưng phần nhiều không đích là của ai làm, vả lại những bài ấy thiên-chương cũng ngắn. Chúng ta đọc những bài thi-ca ấy, chẳng qua chỉ xét biết được một phần tư-trào hoặc cảnh-tượng về những thời-dại ấy mà thôi. Nay muốn cầu lấy một nhà thi-ca có tiếng, thì trước nhất phải nghiên-cứu lịch-sử Khuất Nguyên.

Lịch-sử của Khuất Nguyên thì ở trên đầu sách *Sử-ký* có một bài «liệt-truyện» rất dài, có thể làm tài-liệu cho những nhà xét về lịch-sử, nhưng tiếc rằng nghị-luận nhiều quá mà ít sự thực, không biết đích rằng Khuất Nguyên sinh và mất năm nào, thọ được bao nhiêu tuổi. Cứ theo trong liệt-truyện mà tính ra thì ông ấy sinh vào khoảng trước kỷ-nguyên 338-288, tuổi thọ cũng chừng độ trên dưới 50 tuổi, đồng-thời với những ông Mạnh-tử, Trang-tử, Triệu Võ, Linh-vương, Trương Nghi. Khuất Nguyên vốn là họ qui-tộc nước Sở, trong họ qui-tộc thì có họ Chiêu 昭, Khuất 屈, Cảnh 景, ba họ rất thịnh, Khuất Nguyên là về dòng họ Khuất trong ba họ ấy. Ông ấy đã từng làm quan Tam-lư đại-phu 三闕大夫, cứ theo như Vương Dật cất nghĩa chức Tam-lư là coi về ba họ nhà vua là Chiêu, Khuất, Cảnh. Khuất Nguyên phải kể thứ-tự trong tộc-thuộc mà đóng - dả người hiền-lương để làm khuyển-răn. Xem thế thì ông ấy là một người tổng-quản trong

họ qui-tộc, đã từng được vua Hoài-vương nước Sở tin dùng, làm quan đến chức Tả-dồ 左徒. Cứ như trong bản-truyện nói ông ấy khi vào thì cùng với vua lo toan bàn tính việc nước để ra hiệu-lệnh, khi ra thì tiếp-dãi tân-khách ứng-đối với các nước chư-hầu, vua rất tin dùng. Xem thế thì ông ấy đã từng chiếm được cái địa-vị trọng-yếu ở trên con đường chính-trị. Về sau bị phải thượng-quan đại-phu họ gièm, vua Hoài-vương mới sơ ông ấy. Hoài-vương làm vua được ba-mươi năm (trước kỷ-nguyên 328-297). Khuất Nguyên làm quan Tả-dồ không biết đích là năm nào, nhưng cũng vào khoảng năm thứ 16 (trước kỷ-nguyên 313) đời vua Hoài-vương trở lên. Vì năm ấy vua Hoài-vương đã bị phải tướng nhà Tần là Trương Nghi đánh lừa, là sau khi Khuất Nguyên đã bị sơ rồi. Nếu Khuất Nguyên làm quan Tả-dồ về trước hay sau năm-mươi năm đời vua Hoài-vương, thì lúc ấy tuổi ông ấy ít là hơn hai-mươi tuổi, thế thì năm ông ấy sinh ra vào độ khoảng trước kỷ-nguyên 338 năm. Khi Khuất Nguyên đương làm quan, nước Sở đương cường-thịnh, chính-sách của Khuất Nguyên chỉ cốt liên-hợp sáu nước lại để cùng chống với nước Tần mà giữ lấy thế-lực cho quân-binh, tuy rằng sau khi ông ấy đã bị sơ rồi, mà ông ấy còn đi làm quan sứ ở nước Tề. Chỉ tiếc rằng Hoài-vương không có chủ-ý, lúc thì chống nước Tần, lúc lại hợp với nước Tần, rồi bị phải kế tung-hoành nó lừa-đảo, đến nỗi thua binh mất đất, mất cả sáu quận, thân chết ở nước Tần, để tiếng cười trong thiên-hạ. Sau khi Hoài-vương chết rồi sáu-mươi năm, thì nước Sở cũng mất. Khuất Nguyên đương vào hồi năm thứ mười

sáu đời vua Hoài-vương trở về sau, thì hình như đã đoạn-tuyệt hết cả sinh-nhai về đường chính-trị. Còn về khoảng mười bốn năm sau thì phỏng chừng ông ấy vẫn ở vùng Sinh-dô (Võ-xương), vì lúc ấy là năm thứ ba-mươi đời vua Hoài-vương sắp vào nước Tần, Khuất Nguyên còn hết sức can-ngân, xem thế khá biết ông ấy vẫn còn quan-hệ với Hoài-vương, dấu rằng ngó đút mà vẫn còn vương toạ vậy. Sau khi Hoài-vương chết rồi, vua Tương-vương mới lập (trước kỷ-nguyên 289 năm), dăng phản-đối Khuất Nguyên bấy giờ mới lại càng đặc-chi, họ mới mưu đuổi ông ấy ra đất Hồ-nam, rồi sau đến nổi tự-trảm mà chết.

Thế thì Khuất Nguyên chết về lúc nào? Cứ như thiên *Bộc-cư* nói: « Khuất Nguyên đã bị đuổi, ba năm không được trở lại nữa. » Thiên *Ai-sinh* nói: « Vụt không thể tin được, đến nay đã chín năm mà không được trở về. » Nếu hai thiên ấy mà làm ra về đời Tương-vương, thì Khuất Nguyên về hồi trước kỷ-nguyên 288 năm vẫn hãy còn sống. Ông ấy thoát-ly đường chính-trị sinh-hoạt mà chuyên theo đường văn-học sinh-hoạt vào khoảng độ hai mươi năm.

Khuất Nguyên có đi đến những địa-phương nào, thì cứ xét những câu văn đã có tên đất như sau này. Như trong bài *Tương-quân* 湘君 có nói đến sông Nguyên sông Tương, hồ Đồng-dinh, đất Sầm-dương, bến Lê-phổ. Bài *Tương phu-nhân* 湘夫人 cũng có nói đến Đồng-dinh, sông Nguyên sông Lê. Bài *Thiếp-giang* 涉江 thì có nói đến bến Ngạc sông Tương, đất Thần-dương, bến Thục-phổ. Bài *Ai-sinh* 哀郢 thì có nói đến đất Sinh đất Hạ. Bài *Tư mỹ-nhân* 思美人 thì nói đến đất Giang-hạ, bài *Viễn-du* 遠遊 thì nói đến đất Nam-nghi, bài *chiêu-hồn* 招魂 thì có nói đến sông

Lư-giang. Trong các bài trên ấy mà nói đến Sinh-dô Giang-hạ là những nơi ông Khuất Nguyên ở; nói đến hồ Đồng-dinh sông Tương-thủy là những nơi ông ấy bị đuổi ra đây, thì bắt-tất phải xét nữa. Chỉ có bài *Chiêu-hồn* nói đến sông Lư-giang thì hình như một giải núi Lư-sơn ở Giang-tây, ông ấy đã từng đi đến. Song bài *Chiêu-hồn* là một lối văn lãng-mạn, không dám nhận cho làm sự thực. Chỉ có bài *Thiếp-giang* thì có cái ý-tử là nói về hành-trình, như là câu: « Ta cưỡi thuyền lên sông Nguyên, » lại câu rằng: « Sớm qua Uông-chủ tối ngủ Thần-dương », thì ra ông ấy đã từng qua lên thượng-du sông Nguyên, mà đến cõi đất Thần-châu. Ông ấy nói: « Những núi cao ngất trời tuyết xuống man-mác », thì đại-khải trở về núi Hành-nhạc. Trong những bài văn ấy lại có câu: « Một mình ta ở âm-thầm trong núi, » đại-loại nói như thế rất nhiều, thì hình như ông ấy đã qua ở trong núi Hành-nhạc ít lâu ngày, văn-chương ông ấy thành-tựu là ở về những lúc tĩnh-dưỡng ở trong núi ấy vậy.

Chỉ lạ có một việc là gia-dình ông Khuất Nguyên trạng-huống như thế nào, xem trong bản-truyện và các bài văn thơ ông ấy làm ra, thì không xét ra được một tí gì cả! Trong bài *Ly-tao* có câu rằng: « Nàng Nữ-tu eo-lả kia sanb-sánh cứ mắng ta ». Vương Dật thích nghĩa rằng Nữ-tu là chị Khuất Nguyên, không biết có phải không? Nếu mà thực ra thì chúng ta chỉ biết Khuất Nguyên có một người chị, còn như anh em vợ con thế nào đều không biết cả. Nay xem như những bài văn thơ ông ấy thì từ sau khi ông bị đuổi ra đất Hồ-nam, ông ấy chỉ là một cách độc-thân sinh-hoạt ở một mình mà thôi.

Cái thân-thể Khuất Nguyên ta đã xét qua như trên rồi, nay ta phải xét xem cái thời ấy là về thời-vận nào, mà

lại sản-xuất ra một nhà đại-văn-chương như thế. Có sao không sản-xuất ra ở nước khác mà lại sản-xuất ra ở nước Sở? Khuất Nguyên tại sao lại hay chiếm được cái địa-vị là một nhà văn-chương thủ-sáng trước tiên? Cái vấn-đề ấy có thể giải ra như sau này, vì là cái phong-trào văn-hóa đương lúc ấy đã lên đến bậc tối-cao, về đường triết-học đã bột-hưng lên rồi, nên đường văn-học cũng theo đều mà phát-siễn ra. Xem như những ông Trang-tử, Mạnh-tử và những người nhân-tài đời Chiến-quốc ngôn-luận đều có cái thú văn-chương cả, sở-dĩ xuất-hiện ra được những nhà văn-học giỏi-dang cũng là nhờ về cái thời-thế ấy vậy. Còn như cái cơ làm sao mà nước Sở lại sản-xuất ra được nhà văn-học, thì nguyên là dân-tộc Trung-hoa cứ mỗi qua một lần đồng-hóa, thì đường văn-học lại phát-sinh ra một quang-thái lạ-lùng, nước Sở đương lúc đầu đời Xuân-thu tuy là một giống man-di, song đến khoảng giữa đời Xuân-thu thì nước Sở đã dần dần đồng-hóa làm một dân-tộc Trung-hoa. Khuất Nguyên sinh ra về sau khi đồng-hóa ấy độ 250 năm. Khi bấy giờ người nước Sở cũng là một giống dân-tộc Trung-hoa mới trưởng-thành lên, chẳng khác gì một người thanh-niên trong xã-hội mới lớn lên vậy. Trước kia cái thói người nước Sở vốn là tin-mê đồng-cốt ma quỷ, nên trong lý-tưởng vẫn hàm có cái sự thần-bí hư-vô, giống như đứa trẻ con còn mơ-màng vậy, đến lúc tiếp-xúc với cái văn-hóa, cái luân-lý hiện-thực của dân-tộc Trung-hoa, thì tự-nhiên phát-sinh ra cái tư-tưởng mới lạ, cái tư-tưởng mới ấy tức là văn-chương, ấy cái lịch-sử văn-hóa nước Sở về hồi ấy đại-khái như thế. Còn như Khuất Nguyên lại là một nhà qui-tộc, đối với cái văn-hóa Trung-hoa đương thâm-nhập về hồi ấy thì tự-nhiên thích-hội được nhiều. Vả lại ông ấy lại

từng đi sang sứ nước Tề, gặp đương lúc Tắc-hạ tiên-sinh hằng ngày họp và vạ người giảng bàn về cái nguyên-lý trong vũ-trụ, thế thì ông ấy chịu được cái ảnh-hưởng ấy cũng nhiều. Song lạ cho ông ấy có cái tính thường phản-kháng với xã-hội, sau khi phải đuổi ra cõi nam, thì lại ở về những nơi non-nước lạ-lùng, qua những cái cảnh u-độc sinh-hoạt, bởi vậy nên cái tinh-thần tác-dụng đối với cái cảnh đặc-biệt tự-nhiên cùng kích-phát nhau, rồi tự-nhiên nó mới phát-sinh ra một cách văn-chương đặc-biệt.

Khuất Nguyên làm ra được cả thảy bao nhiêu bài văn-thơ, cứ như trong sách *Hán-thư văn-nghe-chi* thì Khuất Nguyên làm ra được hai-mươi năm thiên. Lại cứ như Vương Dật kể ra thì 1 thiên *Li-tao*, 11 thiên *Cửu-ca*, 1 thiên *Thiên-vấn*, 9 thiên *Cửu-chương*, 1 thiên *Viễn-du*, 1 thiên *Bốc-cư*, 1 thiên *Ngũ-phủ*, lại còn 1 thiên *Dạ-chiều* nữa. Song cứ xét như thiên *Dạ-chiều* thì là mô-phỏng bài *Chiêu-hồn*, không phải là Khuất Nguyên làm ra, điều ấy không phải xét biện nữa. Song lại xét trong *Sử-ký* ông Thái-Sử-công có chép truyện Khuất Nguyên nói rằng: « Ta đọc những bài *Li-tao*, *Thiên-vấn*, *Chiêu-hồn*, *Ái-Sinh* mà thương cho cái chí ông ấy », thế thì Thái-sử-công cũng nhận bài *Chiêu-hồn* là của Khuất Nguyên làm ra. Nhưng Vương Dật lại cho là của Tống Ngọc làm ra. Dật là người đời Hậu-Hán, không biết lấy bằng-cớ ở đâu mà dám nói khác ra như thế. Ý hẳn Vương Dật cho là thêm ra một thiên ấy thì thành ra 26 thiên, lại không hợp với số các thiên trong sách *Văn-nghe-chi*. Vả lại Dật nghĩ rằng thiên *Chiêu-hồn* là sau khi Khuất Nguyên đã chết rồi, người ta mới làm ra để chiêu-hồn Khuất Nguyên, nên mới đem gán vào cho Tống Ngọc. Nhưng nay ta xét ra

thi lý-tưởng và văn-thê thiên *Chiêu-hồn* khác với những bài văn của Tống Ngọc, vậy nên theo cái thuyết của Thái-sử-công cho là của Khuất Nguyên làm ra mới phải. Song như thế thì không hợp với số thiên trong sách *Văn-nghe-chí*, nhưng không phải. Nguyên ở cuối thiên *Cửu-ca* có một bài hát đề tế hồn chỉ có năm câu, thì không thành ra một thiên. Thiên *Cửu-ca* vốn là khúc hát đề tế thần, mười thiên là tế mười vị thần, cuối cùng thiên nào cũng hát thêm năm câu ca nữa đề tế hồn, thế thì bài ca *Chiêu-hồn* là một bài hát chung ở cuối mười thiên *Cửu-ca*. Người sau không biết mới viết giởn cả vào cuối thiên, Vương Dật lại không xét kỹ lại đem chia ra làm một thiên *Chiêu-hồn*. Nay cứ kể các bài của Khuất Nguyên làm ra như sau này: 1 thiên *Li-tao*, 1 thiên *Thiên-vân*, 10 thiên *Cửu-ca* (*Đông-hoàng-thái-nhất*, *Vân-trung-quân*, *Tương-quân*, *Tượng-phu-nhân*, *Đại-tư-mệnh*, *Thiếu-tư-mệnh*, *Đông-quân*, *Hà-bá*, *Sơn-qui*, *Quốc-thương*), 9 thiên *Cửu-chương*, (*Tích-tụng*, *Thiếp-giang*, *Ai-sinh*, *Trừu-tư*, *Tư-mi-nhân*, *Tích-vãng-nhật*, *Quất-tụng*, *Bi-hồi-phong*, *Hoài-sa*), 1 thiên *Viễn-du*, 1 thiên *Chiêu-hồn*, 1 thiên *Ngư-phủ*. Cộng cả thấy là 25 thiên.

Nay lại xét đến tính-chất 25 thiên kể ra như sau này:

1) *Li-tao*. — Cứ như trong bản-truyện thì thiên này làm ra là về trước khi Khuất Nguyên sang sứ nước Tề sau khi đã bị sơ, là một thiên Khuất Nguyên làm ra trước tiên. Trước nhất kể về gia-thế giống như là một thiên tự-thuật truyện mình, kể đủ cả tư-tưởng và phẩm-cách của mình, có thể làm một bức tranh truyền-thần cho cả toàn bộ sách.

2) *Thiên-vân*. — Vương Dật bảo rằng: Khuất Nguyên khi vào yết-kiến

miếu tiên-vương nước Sở và từ-dương các quan công-khanh, thấy vẽ những cảnh trời đất non sông, thần-linh thái-hiễn kỳ-quái, mới viết ra bài này ở trên vách tường đề hỏi. Song ta nghĩ rằng thiên này làm ra là trước khi Khuất Nguyên chưa bị đuổi, vì nghĩ rằng miếu đấng tiên-vương không nên ở về nơi xa vắng, nên mới làm ra thiên này đặt ra những lời nghi-vấn về các thần-hoại tương-truyền, nửa thiên sau thì lại ngờ hỏi về lịch-sử thần-hoại, có ý phiến-não hoài-nghi về những hiện-tượng và pháp-lý trong vũ-trụ, ấy đó là cái tư-tưởng văn-học của Khuất Nguyên phát-hiện ra vậy.

3) *Cửu-ca* — Vương Dật nói: Ở về vùng sông Tương sông Nguyên có cái thói mê-tin quỷ-thần hay cúng-tế, lúc cúng lại hay múa hát đề làm vui cho các thần. Khuất Nguyên khi bị đuổi ra ở đấy thấy những lời ca thô-bỉ, nên mới làm ra khúc hát *Cửu-ca* này, trên kể về sự kinh thờ quỷ-thần, dưới kể nỗi oan của mình. Lời nói ấy cũng phải. Nguyên *Cửu-ca* là một tên cũ về Nhạc-chương, không phải là nghĩa chín bài hát, nên Khuất Nguyên làm ra những mười bài. Trong mười bài ấy hàm có cái lý-thù nhiều lắm, thực là một cách văn lãng-mạn trong tập văn-chương của Khuất Nguyên.

4) *Cửu-chương* — Chín thiên này không phải là làm ra một lúc. Đại-khái như thiên *Tích-tụng*, thiên *Tư-mi-nhân* thì làm về trước khi chưa bị đuổi; thiên *Ai-sinh* thì làm về lúc mới bị đuổi; thiên *Thiếp-giang* thì làm về lúc đã phải đi xa đến phương nam; thiên *Hoài-sa* thì làm về lúc lâm-chung. Còn những thiên khác thì không thể xét cho biết hết được. Trong chín thiên ấy thì biểu-hiện ra cái tư-tưởng của tác-giả mỗi lúc một khác, thực là lời li-tao rộng-rãi.

5) *Viễn-du* — Vương Dật nói : Khuất Nguyên giữ cái nết vuông thẳng không được dụng với đời, phải đi bơ vơ chốn chằm núi, không biết kêu vào đâu. Mới suy nghĩ đến lẽ nhất-nguyên, diêm-đạm tu-duỡng, sực nghĩ đến cuộc đời thì trong lòng tức giận, nên mới phát ra vảo-thái kỳ-diệu, nói thác ra là phối-hợp với người tiên cùng đi chu-du khắp cả trong trời đất, không chỗ nào không đến, nhưng vẫn nhớ đến nước Sở và tư-tướng đến người cố-cựu. Ta nghĩ rằng thiên *Viễn-du* là Khuất Nguyên biểu-hiện ra cái tư-tướng về vũ-trụ-quan, nhân-sinh-quan, ấy là cái tư-tướng triết-học của nam-phương lúc bấy giờ mới phát-hiện ra văn-chương đó.

6) *Chiêu-hồn* -- Thiên này đã khảo chứng nói ra ở trên rồi. Thiên này cùng với tư-tướng thiên *Viễn-du* hình như trái nhau, nhưng cũng là nhất-quán cả. Thiên này nói khắp cả trên dưới bốn phương, không còn có chỗ nào là chốn yên vui, làm sao lại hồi-dầu muốn mong về chốn khoái-lạc vật-chất hiện đời ấy, cái tư-tướng ấy giống như ý bài Kịch - bản của Cát - Đắc (*Goethe*) *Phù-Sĩ-Đắc (Faust)*; bài *Viễn-du* thì chính là bản-kịch, mà thiên này là tả ý hoài-nghi.

7) Thiên *Bổc-cư* và *Ngư-phủ*. --- Thiên *Bổc-cư* nói cõi đời có hai cái trái khác nhau. Thiên *Ngư-phủ* thì là tỏ ý mình kén chọn, nên theo về đường nào, ý-vị rất là rõ-ràng.

Xét về Khuất Nguyên thì lại phải xét cái cơ làm sao mà ông ấy tự-sát? Khuất Nguyên là một người có tính thanh-khiết chỉ chuyên tâm thành-thực yêu mến có một người, định cùng kết-hôn với nhau, nhưng ông ấy lại lập ra một điều-ước về lý-tướng, hẹn rằng người yêu ấy có theo điều-ước thì mới chịu ủy-thân phụng-sự. Nhưng người yêu ấy không kể gì cả, thành ra ông ấy

phải bỏ mà không lấy được nhau. nhưng ông ấy vẫn quyết không chịu bỏ hẳn, đối với người yêu, lúc thì yêu lúc thì ghét, càng ghét lại càng yêu, hai cái tình ấy nó trái ngược nhau hằng ngày nó đánh nhau ở trong tư-tướng, rút cục lại phải đem sinh-mệnh mà chết theo với người tương-tư, thế thì ông cũng vì như một người vì ái-tình mà chết. Chẳng hay người yêu của ông là ai? Chính là xã-hội lúc bấy giờ đó.

Trong óc Khuất Nguyên lúc nào cũng có hai cái nguyên-tố trái khác nhau: Một là cái lý-tướng rất lạnh-lẽo, hai là cái cảm-tình rất nồng-nàn. Xem bài tả sơn-quỉ trong khúc *Cửu-ca* thì biết là ông ấy dùng ngòi bút tả-chân vẽ ra cái nhân-cách của mình. Như những câu văn rằng :

*Kìa ai lơ-lửng đầu non,
Đai dây áo lá, ai còn biết ta.
Vần-vơ ta lại yêu ta,
Nửa cười nửa khóc ai là tương-tri?
Bông hoa lặng bạn tương-ti,
Đường xa thăm-thẳm đi về khôn năng.
Năm cùng ai kể dãi-dằng,
Mơ-màng cố-quốc biết rằng về đân.
Vi ai để oán để sầu,
Mong ai luống những bấy lâu bàng.
Gió mưa sấm chớp mơ-màng, [hoàng.
Tắm lòng li-biệt ngồn-ngang vì chàng.*

Nếu đời nay có nhà mỹ-thuật mà muốn truyền-thần Khuất Nguyên, thì cứ nhận kỹ lấy cái tinh-thần trong bài thơ tả sơn-quỉ ấy mà vẽ ra, thì thực là đúng. Ông ấy là một người thanh-khiết chỉ yêu cái cảnh-thú tự-nhiên, không nhiệm phải một ti trần-tục nào cả. Song trong bụng ông ấy lúc nào cũng âm-âm như mưa như gió không lúc nào ngơi, lúc nào cũng mong nhớ người tương-tư chan-chứa muốn học ái-tình, chẳng hay người tương-tư có nhớ ông ấy không, ông cũng chẳng quản chi cả, ông chỉ bảo rằng chàng có nhớ ta chăng, ta mong chàng luống

những hầy lâu bàng-hoàng, sờ-dĩ trong suốt ngày lúc nào cũng tinh-tự như mưa sa gió táp.

Ông ấy về triết-học kiến-giải rất cao, nhưng ông không có đam-mê gì về đường ảo-tưởng, mà nhãng bỏ mất sự thực của đời người. Trong thiên *Viễn-du* có câu rằng:

*Vô-cùng trời đất mệnh-mang,
Đời người khó - nhọc lại càng thêm
Trước ta ta chẳng kịp lường, [thương.
Sau ta ta những mơ-màng nghe hơi.*

Xem những câu thơ ấy thì ra một đàng ông xét về trời đất vô-cùng, một đàng ông lại thương đời người vất-vả, hai cái tư-tưởng ấy thường luôn luôn ở trong óc. Lại còn cái lý-tưởng của ông ấy cũng sâu-xa, trong bài *Viễn-du* có câu rằng: « Đạo-thống không thể truyền được, nhỏ không biết đâu là trong, lớn không biết đâu là bờ, tự-nhiên mà vẫn có hồn, đêm tĩnh khi thanh, lặng yên mà đợi, không biết trước từ đâu, mà muốn vật vẫn tự-nhiên sinh-thành ».

Ông ấy kiến-thức như thế có phần tinh-vi hơn các nhà đạo-gia, học-thức lại chẳng kém gì bậc tiền-bối là ông Lão Đam và ông Trang Chu thời bấy giờ. Trong thiên *Viễn-du* ông từng tả ra một cảnh-giới rộng-rãi, mà nói rằng: « Kinh-doanh bốn cõi, chu-lưu sáu bờ, trên đến tuyết-mù, dưới xuống hang thẳm, khắp mệnh-mang mà không còn đất, rộng thênh-thang mà không thấy trời, nhìn hoảng-hốt mà không thấy bóng, nghe vắng-vắng mà không thấy tiếng, vượt lên cõi vô-vi, qua đến cõi chí-thanh, cùng lặng giềng với đời thái-sơ vắng lặng. » Xem như những câu văn ấy thì ông vẫn đứng ở trong cõi mộng-mệnh rộng-rãi, siêu-nhiên tự-dắc, há chẳng hay lắm ru, nhưng ông lại không giữ được thế, trong thiên *Ly-tao*, ông lại nói rằng: « Ta vẫn biết rằng hễ xét-nét là làm lo cho ta lắm, nhưng ta không thể bỏ qua đi được. »

Thế thời ông đối với xã-hội là cõi đời thực-hiện đã biết thấu cả rồi, muốn bỏ đi mà không thể bỏ đi được. Cảm-tình của ông ta rất là miễn-nhuệ, giá người khác mà cảm đến thì không đau đớn mấy, nhưng cảm đến óc ông ta thì không khác gì như sét đánh vậy, trong bài *Viễn-du* ông có nói rằng: « Thương xuống dầm-đìa, thương thay cho cái cỏ thơm kia rụng trước. Ai biết thương-ngoạn cái thơm sót kia chẳng? nên sớm đến trước gió mà chơi nhón. » Trong thiên *Tư mi-nhân*: « Tiếc cho ta không kịp trông thấy người đời xưa, ta biết cùng ai thương-ngoạn cái hoa thơm kia nữa ».

Cái hoa thơm kia rụng đi thì có can-dự gì đến ông ta, nhưng mà ông ta là người đa-tình, đa-cảm, nên trông thấy mà thương-tâm không chịu được.

Ông Khuất Nguyễn lại nghĩ thương đến cái xã - hội đời người ta, sờ-dĩ trong bài *Ly-tao* có câu rằng: « Gạt nước mắt mà thở dài, thương thay cho loài người ta khó nhọc! » Xã-hội vì có sao mà thống-khổ, thì ông cho là bởi tại loài người ta đạo-dức truy-lạc, nên trong thiên *Ly-tao* có nói rằng: « Thái đời biến - đổi phân-vân sao khá yên - lưu được. Hoa lan kia sao chợt biến đi mà không thơm, bông huệ kia lại hóa ra rế cỏ. Cụm cỏ thơm ngày xưa nay lại biến làm cây ngải, bởi tại có gì đâu, chẳng qua không biết tu-bổ lại đó mà thôi. Muốn theo cùng thời-tục mà thay đổi đi chẳng, nhưng tiếc thay cho cái hoa lan kia mà bị phải tồi-tàn như thế. »

Khi ông còn đương lúc thanh-niên đã quyết phẫn-đấu với cái xã-hội xấu-sa kia, chỉ sợ bỏ nhãng đi mất thì giờ, nên trong bài *Ly-tao* có nói rằng: « Ta chỉ sợ năm tháng không ở cùng ta, ta làm theo không kịp, ngày giờ chợt qua đi mất, xuân-thu thay đổi đi liền cỏ,

hoa thì rụng đi, đời người thì già đi, nên phải cố gắng mà theo cho kịp.»

Ấy ông phấn-dấu với cái xã-hội xấu xa là ý muốn vượt ra ngoài cái xã-hội ấy. Ông muốn lập-dị về những việc phục-sức, trong thiên *Thiếp - giang* có nói rằng : « Ta mặc cái áo kỳ-phục kia đến già mà vẫn không chán, mũ đội xác-xơ, đai dài mộc-mạc, người đời hỗn-trọc, chẳng ai biết ta, ta cứ ruồi đi mà chẳng thèm nhìn đến nữa.»

Ông Trang-tử có nói rằng ông Doãn Văn có làm ra cái mũ Họa-sơn để cho mình đội. Ấy những nhà tu-tướng lúc bấy giờ cứ mặc riêng một cách lạ, để cho khác với lưu-tục cũng là cái thói thường. Khuất Nguyên từ khi nhỏ đã khi-khái, đã quyết phản-kháng với xã-hội, nên cũng đem tính-mệnh mà liều cả với đời, trong thiên *Ly-tao* có câu rằng : « Dân-sinh ai cũng có cái vai chơi, chỉ một mình ta đi tu cho rảnh. Nếu bụng ta đã cho làm phải, thì đầu chết cũng chẳng ăn-năn gì. »

Ông ấy trong tâm lại giặc-ngộ lạ thường, biết rằng phấn-dấu với xã-hội xấu-sa kia thì không phải là việc dễ, nhưng ông quyết không chịu. Song vì cái thể-lực của xã-hội xấu-sa kia lớn quá, không thể địch nổi, đến lúc cuối cùng chỉ có một cách khiết-thân tự-sát là xong, trong thiên *Ly-tao* có nói rằng : « Ta đã giồng cái hoa lộn kia, lại giồng cái hoa huệ nọ, mong cho tốt để đến sau ta hái, song gặp lúc điều-tàn lại thương hại cho cái hoa thơm kia. » Ấy cái chí-khi ông Khuất Nguyên khi tuổi trẻ vẫn định rủ-ré lấy nhiều bạn đồng-chí cùng hiệp sức nhau để ra cải-cách xã-hội. Nhưng đến sau đều thất-bại cả, mà rất thương cho cái người có lòng hi-vọng mà phải trụy-lạc, thì có khác gì như hoa thơm điều-tàn, cỏ thơm đồ nát, thực là đau lòng cho Khuất Nguyên.

Ông ấy nghĩ rằng muốn cải-cách xã-hội thì phải cầm quyền chính-trị. Vả lại ông là họ quý - tộc, sự vui lo phải cùng với nước nhà cùng chịu ; nên lúc ông được Hoài-vương tin dùng là có cái cơ-hội khả-vi, ông phải hết sức lo về việc nước, chỉ muốn cho vua mình theo kịp được vua đời trước, song Hoài-vương lại không phải là người tài giỏi, nên trong *Ly-tao* có câu rằng : « Trước đã nói cùng ta, sau lại hối bỏ đi ; ta có ngại gì ly-biệt, chỉ thương thay cho thời - vận. » Trong thiên *Trừu-tư* lại có câu rằng : « Xưa chàng đã hẹn cùng ta, đến tối thì gặp nhau ; nay giữa đường mà trở lại, hẳn có chi gì khác đó ».

Ông ấy cùng với Hoài-vương có quan-hệ chẳng khác gì đã đính hôn-ước với một người yêu, mà chợt nửa chừng biến đổi, nên trong thiên *Tương-quân* có câu rằng : « Đã không đồng-tâm thì chỉ thêm nhọc, đã tuyệt ân-tình thì chỉ thêm thương. Giao với nhau mà bất-trung thì chỉ thêm oán, hẹn với nhau mà bất-tin thì còn mong gì. »

Khuất Nguyên trong khi kinh-lịch về hồi ấy thì rất là khổ-tâm, nên trong các bài văn thường có ý cảm - khái đau-dớn vô-cùng, trong thiên *Tích-tụng* có nói rằng : « Ta có bụng trung mà vua chẳng biết đến ta, thì ta cũng phải đành chịu cái thân ta vậy ; người trung tội gì mà phải dầy đoạ, khiến lòng ta nghĩ đến mà thêm thương. »

Khi ông ấy còn tuổi trẻ chí-khi háng-hái nghĩ rằng việc trong thiên-hạ có thể cứ lấy tâm-lực một mình ra mà làm xong ngay, không ngờ rằng đến khi ra đời đã bị khiết-toả, nên trong thiên *Tích-tụng* có những câu tả cái tâm-lý mình rằng : « Xưa ta mơ-màng lên trời, đến giữa đường chơi-với không lên được. Có dứt tay mới hay thuốc, ta nay mới biết câu ấy là phải. » Ông

phải chịu một hồi chiết-toả như thế, nên mới sinh ra buồn bực; song một bầu nhiệt-huyết của ông vẫn thường sôi nổi lên chứ không lạnh đi lúc nào, nên mới phát ra những lời thâm-trầm bi-dát, như trong thiên *Lý-tao* có câu rằng: « Vua hiền đã không gặp, ai còn xét biết được tình, ta lại cứ ăn-nhẫn mà trọn đời ở đây ư? »

Tài-khi Khuất Nguyễn lúc bấy giờ đã chán nản, nên mới thác ra lời người chị bảo rằng: « Sao em cứ trung-trực đến nỗi giết mình, kẻ chúng không có thể bảo được đâu, việc gì lại còn dằn dùm mà đi răn bảo ai được? »

Lại thác làm lời người Ngự-phủ khuyên răn rằng: « Ông thánh-nhân không có nệ một việc gì, mà hay du-di theo thói đời, đời người ta dục cả, thì mình sao không quấy bần lên cho dục? Đời người ta say cả, thì mình sao không lặn vào rượu uống cho say? »

Ông ấy lại từng khuyên răn mình như lời trong thiên *Tích-tụng* rằng: « Nếu đã sợ bồng mà phải thôi canh cho nguội thì sao không thay đời cái chí đi? Lại cứ muốn không thang mà bước lên trời, cái thói ấy thực là dở. »

Tuy rằng ông nói như thế, nhưng ông vẫn bài-sích cái chủ-nghĩa du-di, xem như trong thiên *Hoài-sa* nói rằng: « Mài góc vuông đi để làm tròn, thế là biến mất thường-độ, người quân-tử lấy làm, khinh-bi lắm. Tắm gấm để chỗ xô tối, thì anh sấm chề là không văn-vẻ; chàng Li Lâu liếc mắt, thì anh thầy bói chề là mập-mờ. Đàn chó xủa vang, hề động thấy quái lạ thì cần; cái thói chề kẻ tuấn ngó người kiệt, là cái thói thường của người đời. »

Ông ấy lại nhận giữ lấy cái nghĩa-lý chân-chính, biết rằng kẻ lưu-tục không dung, tất là bị họ dè nén. Nhưng ông vẫn cứ đứng vững không dời, trong thiên *Quát-tụng* có nói rằng: « Từ khi

bé vẫn có chí khác thường, độc-lập không dôi dời, không cầu cạnh gì với đời, cứ đứng vững mà chẳng chịu trôi nổi. »

Ông ấy vẫn giữ lấy cái chủ-nghĩa độc-lập bất-thiên như thế, nên trong thiên *Ly-tao* có nói rằng: « Những kẻ thời-tục khôn khéo bỏ cả qui-cũ thẳng-mặc đi, để luôn lọt với đời, ta nghĩ lấy làm thẹn thò lắm, ta đành chết đi cho rồi, chứ không nỡ làm những thói ấy. Con chim cất kia không đi đàn dùm với ai, là cái tinh nó từ xưa vẫn thế; nếu chịu nén chí khuất lòng mà theo người, thì lại càng thêm nhơ thêm bẩn, thà rằng giữ lấy thanh-bạch mà chết theo tiên-thánh là hơn. »

Ấy cái chí ông trung-trực như thế quyết không chịu luôn lọt ai, nhất-dịnh là đánh đổ những người khác đạo, nếu không đánh đổ được thì thà rằng chết cho xong, ấy cái nhân-cách của Khuất Nguyễn độc-lập là như thế.

Trong bụng ông ấy vẫn thường nghĩ rằng nay ta ra giúp nước Sở hay là ra mở-mang xã-hội, ông ấy vẫn thường lưỡng-tính như thế, nên trong thiên *Ly-tao* có câu rằng: « Chín châu còn rộng-rãi như thế kia, ta hà tất cứ cần ở đây. Chỗ nào lại chẳng có hoa thơm, mà ta lại cứ mền mãi chốn cũ này. »

Những câu văn ấy giống như bài văn Giả Nghị thăm viếng Khuất Nguyễn sau này cũng nói rằng: « Ta đi khắp chín châu mà tìm vua, hà-tất phải cứ mề-mệt mãi ở cái nơi này. » Song Khuất Nguyễn lại nghĩ rằng khắp cả đời đâu cũng là hỗn-trọc cả, dầu đi đến đâu cũng rửa mà thôi. Minh đối với ý-trung-nhân, đã mất sự tin yên đi rồi, thì dầu đi lấy người khác cũng một phường ấy cả. Giả mà đi khắp cả bên trời góc bể, ta cũng khó tìm được một người cho bằng lòng ta đâu, trong thiên *Ly-tao* có câu rằng: « Ta ngoảnh

lại xem cũng phải rõ nước mắt mà thương cho đời, không có ai biết mình.»

Bởi vậy ông phải đành chịu chết già mà không lấy ai nữa. Nhưng cái cảm-tình vẫn thương cho đời hồn-trọc, trong thiên *Chiêu-hồn* đã tỏ rõ ra cái ý ấy mà rằng: « Hồn ơi, đi về đâu bây giờ, về phương đông hay phương nam, phương tây hay phương bắc, đâu cũng thế mà thôi, hồn đi lên trời chẳng, hay hồn xuống âm-phủ chẳng, đâu đâu cũng rứa cả.» Thế thì bốn phương trên dưới đi đâu cũng gặp kẻ gian-tà, chỉ có nơi đất cũ là nước Sở, ta muốn bỏ đi cũng không được, vậy thì khắp trong xã-hội ta biết đi đâu cho gặp được người hay. Đồng-thời bấy giờ có ông Trang Chu cũng đồng-ý như thế. Trong thiên *Viễn-du* ông Khuất Nguyên đã từng nói rằng: « Ta thương cho đời gặp buổi ách-tắc, ta muốn đi chơi xa cho rảnh.»

Ý ông ấy vẫn muốn thoát-ly xã-hội mà vẫn không xong, vẫn thường có những câu văn yên-ùi tấm lòng mà rằng: « Ta đi chơi lên cõi đời Trùng-hoa, đề ta thăm ông Hiên Viên, mà hỏi ông Vương Kiêu, đề cho thỏa tấm lòng ta mong mỏi.» Những câu văn ấy là tả ra một cõi đời siêu-việt tuyết-trần, đã có cái tư-tưởng về triết-học, về tôn-giáo. Nếu Khuất Nguyên về đường tinh-thần sinh-hoạt mà được thư-thải thì cũng thỏa đời. Nhưng ông ấy lúc nào cũng bàng-khuáng nghĩ-ngợi, nào là sợ thì giờ qua đi mất, bóng sáng không dừng; nào là thương hoa thơm rụng đi mất, sương sa tầm-tã. Ông cũng muốn làm khuấy cho qua ngày tháng, nhưng lắm lúc lại bực mình về cảnh-ngộ mà mong nhớ cố-hương, thì lại không thiết gì đến những trò chơi vật-chất nữa.

Khuất Nguyên là một người có nhiều cảm-tình, đối với xã-hội lúc nào cũng cảm-tình chan-chứa, thấy những kẻ chúng-sinh thống-khổ cũng như mình thống-khổ, cái cảm-tình thương

xót ấy dầu dùng thuốc mê làm cho quên đi cũng không thể quên đi được. Song cũng không thể bắt buộc ông ấy được, trong thiên *Tư-mi-nhân* có câu rằng: « Lên cao thì ta không thích, mà xuống thấp thì ta không hay.» Câu ấy thực là tả ra cái tâm ông ấy. Ông đối với xã-hội đã giàu lòng cảm-tình, cho nên lúc nào cũng vẫn-vơ thương đến tổ-quốc, lúc phải bị đuổi đi thì tinh-tự rất là thương đau, trong thiên *Ai-sinh* có câu rằng: « Nay ta bỏ đất Sinh-dó mà đi, trong lòng hoang-hốt bàng-hoàng, muốn trông thấy vua mà không được trông thấy, chỉ trông ngóng non nước cỏ cây mà thở dài; lúc thì mộng hồn mê-mẩn, muốn về mà lại quên mất đường về, cố-quốc mơ-màng, càng ngày càng xa mãi đi.» Lại có những câu kể tinh-tự rất là đau-đớn, như câu rằng: « Ta muốn trông theo trở về, như con chim kia bay về tổ cũ, con cáo kia quay đầu về núi. Chẳng hay ta tội-tình gì mà bị đuổi, ngày đêm mong nhớ, lúc nào cho nguôi.» Ấy những bài văn ấy, một chữ là một giọt lệ, dầu người sắt đá cũng phải cảm-động thương tình.

Khi ông ấy ở Hồ-nam thì trong thiên *Thiếp-giang* có tả một đoạn tình-cảnh rằng: « Ta cưỡi thuyền qua sông Nguyên lênh-đênh trên mặt nước. Song lòng ta cứ ngay thẳng thì dầu ở nơi xa vắng cũng chẳng ngại gì. Thương cái đời ta bơ-vơ vất-và, chỉ một mình u-độc ở trong núi sâu, ta không thể biến-tâm mà theo thói đời được, đành chịu sâu-khổ cùng-cư cho qua đời vậy.»

Ấy những lúc ông ở trong cái cảnh sầm-tịch âm-thầm, không còn có cái cách gì là xã-hội sinh-hoạt nữa, trải biết bao nhiêu năm, nếu ông là người giàu cái tinh xã-hội, thì sao hay chịu được. Nhưng tính ông vẫn là người diêm-tĩnh, chẳng cần ai biết đến chi, nên mới qua được những cảnh-ngộ ấy

Ông đối với cái xã-hội xấu-sa kia đã từng mấy phen phấn-dấu, đến khi kiệt-quệ ông cũng nhất-dịch không chịu hàng, chỉ một niềm giữ lấy cái nhân-cách sạch-sẽ của mình chớ không chịu như bần, trong thiên *Ngư-phủ* có câu rằng : « Cái thân ta sạch-sẽ này, lại để cho tục-vật nó làm bần đi ư ? Thà nhầy xuống sông Tương, chôn vào trong bụng cá cho rồi, lẽ nào lại lấy cái tư-cách trắng-trẻo kia, mà chịu để trần-ai nó rây bần. »

Ông ấy là một người sống về đường tinh-thần sinh-hoạt, có nghĩ tiếc chi cái xác thịt bần kia làm gì, về sau ông chỉ tính một đường chết đi là xong, nên cứ thung-dung mà tìm đến đường chết, trong thiên *Hoài-sa* có câu rằng ; « Người ta sống chết đều có mệnh cả, ta có sợ gì đâu, đời đã không biết đến ta, nhân-tâm đã không ra gì, thì cái chết ta cũng không thể nhường đi cho ai được. »

Cứ theo cái thuyết đạo-dức của Tây-phương thì cho những người tự-sát là hèn-mạt. Nhưng ta nghĩ rằng những kẻ phạm tội mà tự-sát mới là hèn-mạt, còn những người chết về nghĩa-vụ thì thực là vẻ-vang. Những đứa bố cu bố dĩ mà thất cổ chết ở chốn ngòi lạch, thì ai còn khen làm gì. Đến như kẻ chí-sĩ bền lòng ở chốn lâm-toàn, kẻ dũng-sĩ hăng-hái không sợ mất đầu, thì ai là chẳng phải khen. Khuất Nguyễn bền lòng vững chí không sợ gì cái chết, không nhường cái chết cho ai, ông có phải là người khiếp sợ hèn-mạt đâu, trong thiên *Cửu-ca* có câu khen người võ-sĩ tử-trạc rằng : « Đầu đầu lìa mà tâm chẳng sợ, thân đầu chết mà thần vẫn thiêng, người tử-trận như thế thì thực là hồn mạnh ma thiêng. »

Những câu ca ấy là dùng để tế thần mà chính là tả cái khí-phách của mình đó. Chúng ta đối với một bậc lão-tổ văn-học kính mến biết chừng nào, ông

còn để cho ta được hơn hai mươi bài văn-chương tuyệt-tác ấy, tức là để cho quốc-dân lâu một món di-sản về sau, thế là trách-nhiệm ông đã hoàn-toàn. Đến sau ông nhầy xuống sông Mịch-la mà chết, lại làm cho cái văn-chương ông thêm giá-trị lên gấp mấy, mà lại làm cho sinh-mệnh ông sống đến muôn kiếp không mòn, chúng ta đến bây giờ vẫn còn cảm-dộng. Ông thực là một người dũng-sĩ cương-cường không ai lúng lẩn được, than ôi ! ông không chết đâu. ông chỉ vì cơ tự-sát một cách về nghĩa-vụ, nên cái danh ông bất-tử.

Trên này là mới xét về văn-chương của Khuất Nguyễn mà thể-nhận ra cái nhân-cách của ông, nhưng còn văn-học kỹ-thuật của ông, ta cũng nên bàn xét qua.

Trước khi Khuất Nguyễn, kể về văn-học thì ta mới thấy có kinh *Thi* ba trăm thiên mà thôi. Mà ba trăm thiên kinh *Thi* đó đều là tả ra cái cảm-tình thiết-thực. Cảm-tình thiết-thực chính là cái sinh-mệnh thiết-yếu của văn-học. Song văn-học lại còn có cái sinh-mệnh thứ hai nữa là cái sức tưởng-tượng. Kể về sức tưởng-tượng mà làm ra văn-chương thì Khuất Nguyễn hơn cả. Khuất Nguyễn dùng về cái địa-vị trên văn-học-sử, thì không những là tiền vô cô-nhân, mà đầu đến ngày nay cũng không có ai bằng được. Cứ kể về tản-văn hoặc tiểu-thuyết thì cái sức tưởng-tượng cũng có người hơn Khuất Nguyễn, nhưng về vận-văn thì để thường không ai hơn được.

Những bài văn của ông tỏ ra cái sức tưởng-tượng thì nhất là những thiên *Thiên-vấn*, *Chiêu-hồn*, *Viễn-du*. Thiên *Viễn-du* phần trên còn nhiều câu văn chứng-dẫn không kể. Thiên *Thiên-vấn* thì thuần là thần-thoại văn-học, hình như trong vũ-trụ chung-đức cho ông một cái tính thần-bí, nên cái

tu-tướng phát-hiện cực giống như cái tu-tướng người Hi-lạp. Thiên *Chiêu-hồn* thì nửa trước kể ra vô-số kỳ-linh dị-tục nửa thần nửa người, làm cho người ta phải rùng mình sớn ớn; còn nửa thiên sau thì nói về cái cách khoái-lạc của thế-gian, một cái gì cũng tự trong óc ông ấy tưởng-tượng bày ra cả. Còn như thiên *Ly-tao* kể ra biết bao nhiêu là quỷ - thần như là: Linh-phân, Vu-hàm, Phong-long, Vọng-thư, Kiền-tu, Phi-liêm, Lôi-sur, hoặc cùng ngồi nói chuyện, hoặc sai khiến làm việc gì. Lại còn các nữ-thần như là: Bất-phi, Hữu-nhung dật-nữ, Hữu-Ngu Nhị-Diêu, đều cùng ông thương-lượng về ái - tình. Lại các loài chim như chim phượng chim cưu, tùy ông sai-khiến, loài cù-long, chim loan-phụng thì hoặc đi dây xe, các thứ hoa thì như hoa lan, hoa quế, hoa phù-dung, cùng các loài cỏ thơm hoặc đề-dùng làm áo làm mũ, các tên đất thì như: Hàm-tri, Côn-luán, Phù-tang, Xích-thủy, những cách kiến-trúc như thế nào đều tự trong óc ông ấy bày ra. Lại như mười-một thiên *Cửu-ca*, mỗi thiên tả một vị thần, vị thần nào thì ông cũng kể đủ cả thân-phận và ý-thức ra như vẽ. Ấy cái sức tưởng-tượng của ông phong-phú lạ-lùng như thế, không những người Tàu, dầu đến văn-chương trong thế-giới, cũng không có mấy nhà đọ bằng được.

Ban Cố có nói rằng: « Không ca mà đọc được thì gọi là phú. » Xưa nay bao nhiêu thơ đều có thể ca được, thể thơ mà không ca được là trước tự bài phú Khuất Nguyên. Bài phú ấy là một thiên vận-văn mấy nghìn chữ, kể về thể-cách thì từ xưa không có bao giờ, mà giọng văn thì ba-lan rộng-rãi, thực là tỏ ra cái khí-phách vĩ-dại của ông ta, có khi đọc rồi lại muốn đọc nữa, ý-từ chiền-miền, càng nghĩ lại càng tình

sâu thấm-thía. Ông ấy có cái tài văn-chương ba-lan như thế, mới xứng với cái cảm-tình chan-chứa.

Lại còn cái cách mượn những cảnh khách-quan mà tả vào văn-chương, cũng làm giúp thêm cho văn hay lên. Văn của Khuất Nguyên có cái bản-lĩnh ấy mà tả ra ở trong thiên *Cửu-ca* rất nhiều. Như trong thiên *Tương-phu-nhân* nói rằng:

*Sông Nguyên sóng Lẽ mệnh mông,
Bông hoa bè cỏ đói dòng lênh-dênh;*

*Nhớ ai ngư-ngân làm thỉnh,
Nhờ chàng công-tử mới tình ngư-ngư!*

Lại như thiên *Thiếu-tử-mệnh* có câu rằng:

*Tương-tri buổi mới vui thay!
Biệt-ly buổi sống thương này càng
thương!*

*Vừa đâu đến vội-vàng đi thẳng,
Chờ đợi ai kia áng mây bay.*

Những câu văn ấy có một cách đẹp tự-nhiên, khiến chúng ta đọc lên cũng phải sinh ra vô-hạn cảm-tình, ấy mới thực là một áng văn-chương có sinh-mệnh.

Thái-sử-công có phê-bình Khuất Nguyên ở trong *Sử-ký bản-truyện* rằng: « Khuất Nguyên là một người chí sạch nét liêm, văn - chương giản-ước, từ-diệu uyên-vĩ, câu văn ít mà ý rất rộng, lời nói gần mà nghĩa rất xa, chí sạch cho nên phạm - cách thơm - tho, nét liêm cho nên đến chết cũng chẳng chịu nhơ bản. Ví như con ve lột bỏ cái xác bản đi, không để cho bùn rầy-rương vào. Cứ như cái chi ấy thì có thể tranh sáng với mặt trời mặt trăng được. »

ĐÔNG-CHÂU lược-dịch

(Nguyên-văn của LƯƠNG KHẢI-SIÊU)

CÂU CHUYỆN THÁNG TÁM

Trong một năm, tháng tám là tháng có vẻ thanh-nhã u-nhàn hợp với chí-thú tinh-tinh của con nhà thơ con nhà tình lâm lâm. Tháng tám có mưa không mưa dầm như tháng hạ, mưa phùn; có nắng không nắng gắt như mùa hè, nắng ấm; có gió, gió không lạnh buốt như mùa đông, gió vừa mát; có núi, núi không đậm-đà như mùa xuân, núi phớt xanh; có trời hồng buổi sớm, có mây trắng buổi chiều; lại có hai vẻ đặc-sắc nhất, là bóng trắng sáng thanh-thanh và màu nước xanh biêng-biếc. Những chữ thu - thủy, thu-son, thu-thiên, thu-nguyệt là gồm trong tháng tám cả. Thế nên đã có câu thơ: « Ba thu gồm lại bữa trung-thu », tưởng cũng khám-phá lắm. Những nét vẽ cảnh-vật trong tháng tám là những nét vẽ siêu-nhiên hình như không đậm - đà phong - phú gì, nhưng những người đã chán cái nét tục, cái vẻ phàm rồi thì vẫn thường dan-diu dặt-diu với cái nét vẽ ấy.

Cho nên nói « câu chuyện tháng tám » thì ai chẳng biết là câu chuyện « xinh thay tiết thu-thiên quang-cảnh, khi lạc-hà dải bóng tà-dương ! Một con thuyền cạy bát liên-giang, thu thủy cộng trường thiên nhất sắc », mà cùng nhau « giang tay người tài-tử khách thuyền-quyên, chén rượu thánh câu thơ thần thích chí »; bởi vì « đã chơi trăng cho phải biết tình trăng » thì « quan-cảnh ấy người sao nên phụ ». Câu chuyện ấy là câu chuyện đêm rằm; câu chuyện ấy là câu chuyện đã có từ mấy ngàn năm nay, là câu chuyện phong - nhã hào - hoa trong tháng tám. Từ hai ba năm nay, trước câu chuyện ấy năm ngày lại phát-sinh ra một câu có ý-vị thâm-trầm, có lý-

thú cao-thượng hơn nhiều. Đó mới thiệt là câu chuyện « phong-nhã hào-hoa », câu chuyện mỹ-miêu khả-ái, câu chuyện đáng nên thơ nên mộng biết bao nhiêu, khiến cho những khách văn-nhân tài-tử cùng nhau « ni-non đêm vẫn tinh dài ». Câu chuyện ấy là câu chuyện ngày mồng mười tháng tám, tức là câu chuyện ngày giỗ cụ Nguyễn Tiên-diễn tiên-sinh vậy. Nhân đó mà có câu chuyện sau này, viết theo thể văn-dáp.

...

Đêm mồng mười tháng tám, trời vừa chập tối thì ngoài kia khách cung trăng đã bày xong cái cảnh « vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân »; trong này « tường đông lay động bóng cảnh, cửa gác « Nam-phong » mở rộng, để đón lấy ánh quang-nhuận chị Hằng-nga, cho dội tạt vào bên án sách. Trên án, giữa đặt một bình hương, khói trầm cao thấp, bên tả một bình hoa, vẻ ngọc bóng hồng tha - thướt, bên hữu một chõng sách, nhỏ lớn không đều nhau. Chủ-nhân ngồi giữa, nét mặt dăm-dăm ra chiều tư-tưởng, nhãn-quang theo làn khói trầm trong bình hương chập-chờn, khè-khẽ ngấm :

Trăm năm đề tấm lòng, còn nước còn non còn cõ-lục;

Tác thành dáng một lễ, nhớ người nhớ cảnh nhớ hôm nay.

Ngấm vừa dứt thì nghe bên gác trong có tiếng động, chưa kịp ra rước thì khách đã bước vào.

Khách cười hỏi :

— Đêm nay chủ-nhân cao-hưng lắm nhỉ, mà thiệt « đêm thanh ai để cầm lòng cho nắng ! » ; mới rồi ngấm gì thế, nhờ chủ-nhân ngấm lại cho đệ nghe với !

Chủ-nhân ngẫm lại đôi câu đối khi nầy. Ngẫm xong khách mới đi n-tĩnh nét mặt hỏi :

— Đôi câu đối này, để nghe như dùng những chữ trong truyện *Kiều* mà xếp thành thì phải, vậy mà câu đối muốn nói chuyện gì thế, nhờ chủ-nhân cho biết ?

Chủ-nhân bèn trịnh-trọng đứng dậy thưa với khách rằng :

— Chính phải đấy, câu đối ấy là dùng những chữ trong truyện *Kiều* mà xếp thành, còn hỏi câu đối ấy muốn nói những chuyện gì thì phải có một câu chuyện khá dài, nếu khách chẳng chê thì để sẽ lần-lượt kể tương.

Khách cho phép chủ-nhân ngồi xuống, và ra ý chăm-chỉ lắm để chực nghe. Chủ-nhân thông-thả nói :

— Đôi câu đối để mới vừa ngẫm ấy, là câu đối của ban « Văn-học » hội Khai-trí tiến-đức ở Hà-nội dùng vào ngày mồng mười tháng 8 năm giáp-tí (1924) làm lễ kỷ-niệm ngày giỗ cụ Tiên-diễn Nguyễn tiên-sinh, chính là đêm nay đây. Tiên-sinh tức là tác-giả quyền-văn-chương tuyệt-tác của nước ta là bộ truyện *Kim-Vân Kiều* mà ta vẫn thường ngâm nga mà vẫn thường ca-tụng đấy. Nhân đêm nay, chính là đêm mà hai ba năm rồi ở Hà-nội đã có cái lễ long-trọng để mới vừa nói đó ; thế theo ý ban « Văn-học » hội Khai-trí, để đốt lò hương, đem truyện *Kiều* ra ngâm, để tưởng nhớ đến công-nghiep người quốc-sĩ, là người đã gây dựng cho quốc-âm ta thành văn-chương, để lại cho chúng ta một cái « hương-hỏa » rất quý báu, đời đời làm tươi-tĩnh cho non sông, vẻ-vang cho nòi giống.

Khách hỏi :

— Chủ-nhân nói thế thì sơ-lược quá, để khôn-hiều thế nào là gây dựng

cho quốc-âm ta thành văn-chương, thế nào là hương-hỏa, thế nào là tác-giả truyện *Kiều* lại có công với quốc-dân ta lớn như thế, mà ta phải sùng-bái cảm-nhờ đến.

— Nếu khách muốn biết rõ đầu-đuôi thì xin nghe để đọc đoạn văn này, vì để nói chắc không được rõ-ràng tường-tận bằng.

— Thế chẳng là nhọc chủ-nhân lắm, để đầu dán !

— Chẳng nhọc gì, để cũng sắp coi đây, nên để đã chọn sẵn cả rồi đó coi thêm một mình có lẽ không hứng-thú bằng cùng đọc cùng nghe.

Chủ-nhân vừa nói vừa với lấy một quyển trong chồng sách trước án, mở rộng, giở bỏ vài tờ đầu, thông-thả đọc.

« Hiện nay suốt quốc-dân ta, trên từ hàng thượng-lưu học-thức, dưới đến kẻ lam-lũ làm ăn, bất-cứ già trẻ lớn bé, đàn ông, đàn bà, ai ai cũng biết truyện *Kiều*, ai ai cũng ngâm truyện *Kiều*, như vậy thì ai ai cũng đều hưởng cái công-nghiep của cụ Tiên-diễn ta, ai ai cũng phải nhớ ngày giỗ cụ và nghĩ đến cái ơn tác-thành cho tiếng nước nhà.

« Muốn cảm cái ơn ấy cho đích-dáng, hằng thử giả-thiết cụ Tiên-diễn không xuất-thế, cụ Tiên-diễn có xuất-thế mà quyền truyện *Kiều* không xuất-thế, quyền truyện *Kiều* có xuất-thế mà vì có gì không lưu-truyền, thời tình-cảnh tiếng An-Nam đến thế nào, tình-cảnh dân-tộc ta đến thế nào ?

« Văn-chương người ta thiên kinh vạn quyển, đâu có thiếu mất một quyển cũng chẳng hại gì. Văn-chương mình chỉ đọc có một quyển, vừa là kinh, vừa là truyện, vừa là thánh-thư phúc-án của cả một dân-tộc, vì lại khuyết nốt thì dân-tộc ấy đến thế nào ?

« Than ôi! mỗi lần nghĩ tới mà không khỏi rùng mình, chột dạ, sửng-sốt,

rụng-rời, tưởng như hòn ngọc ở trên tay, bỗng rơi xuống vỡ tan-tành vậy. Rồi mới tỉnh ra, sực nhớ đến mấy câu *Kiều*, vỗ bàn đập ghế, gõ dịp rung đùi, lên giọng cao-ngâm:

*Lơ-thơ lơ-liếu buông mảnh,
Con oanh học nói trên cành mĩ-mai.*

« Hay là:

*Phong-trần mài một lưỡi gương,
Những phường đá áo túi cơm xá gì.*

« Bỗng thấy trong lòng vui-vẻ, trong dạ vững-vàng, muốn nhảy muốn múa, muốn reo muốn hò, muốn ngao-nghe với non-sông mà tự-phụ với người đời rằng: *Truyện Kiều* còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn, có gì mà lo, có gì mà sợ,

Có điều chi nữa mà ngờ! . . .

« Có nghĩ cho xa-xôi, cho thắm-thía, mới hiểu rằng *Truyện Kiều* đối với vận-mạng nước ta có một cái qui-giá vô-ngăn. Một nước không thể không có quốc-hoa, *Truyện Kiều* là quốc-hoa của ta; một nước không thể không có quốc-túy, *Truyện Kiều* là quốc-túy của ta; một nước không thể không có quốc-hồn, *Truyện Kiều* là quốc-hồn của ta. *Truyện Kiều* là cái « văn-tự » của giống Việt-Nam ta đã « trước-hạ » với non-sông đất nước này.

« Trong mấy nghìn năm ta chôn rau cắt rốn, gửi thịt gửi xương ở cõi đất này mà ta vẫn hình như một giống ăn trọ ở nhờ, đối với đất nước non-sông, vẫn chưa từng có một cái văn-tự văn-khế phân-minh chứng-nhận cho ta có một cái quyền sở-hữu chính-dáng. Mãi đến thế-kỷ mới rồi mới có một đấng quốc-sĩ, vì nòi giống, vì đồng-bào, vì tổ-tiên, vì hậu-thế rỏ máu làm mực, « tá-lả » một thiên văn-khế tuyệt-bút, khiến cho giống An-Nam được công-nhiên, nghiêm-nhiên, rõ-ràng, đích-dáng làm chủ-nhân ông một cõi sơn-hà gấm-vóc.

« Đấng quốc-sĩ ấy là ai? Là cụ Tiên-diễn ta vậy.

« Thiên văn-khế ấy là gì? Là quyền *Truyện Kiều* ta vậy.

*Gẫm trong người ấy bâu này,
Chẳng duyên chưa để vào tay ai cầm!*

« Bâu ấy mà lọt đến tay ta, thật cũng là một cái phúc-duyên cho ta, nhưng bâu ấy ở trong tay cụ lại là một cái túc-duyên của cụ. Thiên văn-tự tuyệt-bút kia là gồm bao nhiêu giọt máu, bao nhiêu giọt lệ kết-tinh lại mà thành ra, những khi đêm khuya thanh-vắng vẫn thường tỉ-tê thánh-thót trong lòng ta, như « giọt sương gieo nặng cành xuân la-đa » vậy.

« Cái áng văn-chương tuyệt-tác cho người đời đó, an-trị lại không phải là một thiên lịch-sử thống-thiết của tác-giả? »

(Phạm Quỳnh, *Nam-Phong Tạp-chí* số 86).

Chủ-nhân đọc xong, khách nói:
— *Truyện Kiều* đối với vận-mạng nước ta có quan-hệ thế nào và địa-vị *Truyện Kiều* đối với văn-hóa nước ta cao-quí thế nào thì đệ đã hiểu, còn nói *Truyện Kiều* mà ở tay cụ Tiên-diễn là cái túc-duyên của cụ và quyền văn-chương ấy lại là một thiên lịch-sử của tác-giả thì nghĩa là thế nào?

— Muốn biết thế nào quyền văn-chương ấy là cái túc-duyên của tác-giả thì xin khách hãy nghe trước cái lịch-sử của tác-giả đã.

Chủ-nhân mời khách uống nước rồi gắp quyền sách khi nãy lại, lấy một quyền khác nhỏ hơn đọc.

« Tác-giả húy là Du, tự là Tố-như, hiệu là Thanh-hiền, biệt-hiệu là Hồng-

son liệp-hộ, quán tại làng Tiên-diễn, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh. con thứ bảy ông Hoàng-giáp Xuân-quận-công Nguyễn Nghiễm, làm thủ-tướng Lê-triều . . .

« Tổ-như tiên-sinh là con bà trặc-thất người huyện Đông-ngạn tỉnh Bắc-ninh tên là Thấn 儼, Tiên-sinh sanh vào ngày nào thì không rõ, chỉ biết vào năm Ất-dậu là năm Cảnh-hung thứ 26 (1765) nghĩa là vào đời Lê-mạt.

« Xem gia-thế nhà tiên-sinh, thì tiên-sinh là dòng-dõi một nhà thế-phiệt trâm-anh đệ-nhất trong nước lúc bấy giờ. Không rõ tiên-sinh thụ-nghiệp ai, có lẽ là học-tập phụ-huynh trong nhà. Tiên-sinh thừa còn trẻ thiên-tư dĩnh-ngộ, năm 19 tuổi đã đỗ ba trường, tức là đỗ tú-tài. Tiên-sinh là người có khí-tiết, gặp khi trong nước có biến, nhà Nguyễn Tây-son dấy lên, nhà Lê bại-vong, tiên-sinh đã nhiều phen lo toan sự khôi-phục, nhưng vì sự không thành, bỏ về quê ở, lấy sự chơi-bời săn-bắn làm vui-thú. Trong vùng 99 ngọn núi Hồng-lĩnh không có chỗ nào là chỗ tiên-sinh không có đi đến. — Phải thời quốc-phá gia-vong, tiên-sinh đã toan bỏ việc đời ra ngoài tai, đem cái thân-thế mà vui với non sông. Ấy cái chí của tiên-sinh đã định như thế, nhưng đến khi vua Thế-tổ Cao-hoàng bản-triều đã thống-nhất được giang-sơn, có ý muốn thâu-phục lòng người ở xứ Bắc, xuống chiếu trưng-triệu những nhà dòng-dõi cựu-thần nhà Lê ra lục-dụng. Tiên-sinh phải triệu ra làm quan; hai ba lần từ chối không được. Năm Gia-long nguyên-niên (1802) tiên-sinh phải ra làm tri-huyện huyện Phù-dực, nay thuộc tỉnh Thái-bình. Được ít lâu bỏ đi tri-phủ Thường-tín. Sau tiên-sinh cáo-bệnh xin về, đến năm Gia-long thứ năm lại phải triệu về kinh thụ chức Đông-các học-sĩ. Năm thứ 8 bỏ ra làm bổ-

chính Quảng-bình. Năm thứ 12 thăng lên Cần - chính - diện học-sĩ, sung chức Chánh-sứ sang cống Tàu. Đến khi về, phải thăng Lê-hộ hữu Tham-tri. Năm Minh-mạng nguyên-niên lại có chỉ sai tiên-sinh đi sứ Tàu lần nữa, nhưng chưa kịp đi thì phải bệnh mất... Tiên-sinh mất vào ngày mồng 10 tháng 8 năm canh - thìn (1820) thọ được 56 tuổi ».

(Trần Trọng-Kim, tựa truyện *Thúy-Kiều*).

Chủ-nhân đọc xong, nói tiếp : Quyền truyện *Kiều* là tiên-sinh làm ra, theo một bộ tiểu-thuyết Tàu là bộ « *Phong-tinh-lục* », tức là bộ *Thanh-tâm tài-nhân*, sau khi cụ đi sứ Tàu về.

Khách nói :

— Lịch-sử cụ Tiên-diễn dè đã biết, nhưng vì lẽ gì cụ Tiên-diễn ta lại mượn lịch-sử thân-thế có *Kiều* mà giải bày tâm-sự mình ?

Chủ - nhân sửa những mảnh trâm tàn trong lò hương, rồi lấy một quyển sách khác đọc tiếp.

Khách ngồi nghe, tỉnh-thoảng đưa tay đỡ nhẹ-nhẹ đóa hoa trong bình.

Chủ-nhân đọc :

« Trên cõi trần, phàm những người anh-hùng hào-kiệt, tài-tử giai-nhào, phần nhiều là những người thường phải khổn-cùng ức-tắc, đã phải khổn-cùng ức-tắc, thì thường hay khảng-khái bi-ca; trong lúc khảng-khái bi-ca ấy, thì lại hay tìm những người khác, đồng-thời hay dị-đại với mình mà cảnh-ngộ như mình và tâm-sự như mình, để làm khách-dộng mà tự lấy mình làm chủ-dộng; lấy người đồng-thời làm khách-dộng thì khuây với nhau, chén tạc chén thù, câu xướng câu họa, dè mà thõ-lộ tâm-sự với

nhau, tức như đòi Tấn hội Lan-dinh, Vương Hi-Chi làm chủ, mà lấy những người đương-thời như ông Tạ An, Lưu Linh làm khách. Còn lấy người dị-dại làm khách thời lại lấy ngọn bút và văn-tâm của mình để mà tả cái lịch-sử của người ấy lên trên bài phú bài ca hay cuốn truyện, vẽ tâm-sự của người ấy là để mà phát-lộ cái tâm-sự của mình; tức như bài phú điệu Khuất Nguyên trong lúc bị trích ở Trường-sa, ông Giả Nghị làm chủ mà quan Tam-lực đại-phu làm khách. Có Thúy-Kiều và cụ Nguyễn Du hai vị khách chủ ấy, cũng chẳng khác gì thế; có Thúy-Kiều là người tài-sắc, mà bắt phải phong-trần, cụ Nguyễn Du là bậc tài-hoa, mà lại chịu trầm-khuất; có Thúy-Kiều là phường trinh-nữ, không nên đổi hai chồng, vì cảnh-ngộ mà phải dang-dỡ; cụ Nguyễn Du là người trung-thần, không nên thờ hai vua, vì cảnh-ngộ mà phải lữ-làng; cụ Nguyễn Du là người tác truyện tìm trong cổ-nhân được khách như có Thúy-Kiều để làm tri-kỷ, có Thúy-Kiều là người đương-kịch về sau thiên-cổ, được chủ như cụ Nguyễn Du để làm tri-âm; có Thúy-Kiều có ngọn bút của cụ Nguyễn Du mới lưu-truyền được danh tiếng, cụ Nguyễn Du có bản tường của có Thúy-Kiều, mới nhân đó vẽ-vời ra mà thổ-lộ được tâm-sự của mình, cho đến về sau này cũng vì lời than tiếng thở của ông chủ là cụ Nguyễn Du đối với người khách là có Thúy-Kiều, mà bây giờ quốc-văn mình mới có cơ-sở được. »

(Lê Thuớc, *Truyện cụ Nguyễn Du*).

Chủ-nhân đọc xong, khách ra về khoái-chá vô-cùng. Chủ-nhân gấp sách lại, ngồi một lát, khách bỗng hỏi một cách tỉnh-táo rằng :

— Để nghe truyện *Kiều* hay, để biết truyện *Kiều* hay là biết phảng-phất

tâm - thường thời, còn nói hay về ý nghĩa thâm-trầm sâu-sắc thế nào thì để chưa được biết. Có sách nào nói về « Văn-chương truyện *Kiều* » xin chủ-nhân chẳng ngại cho để được nghe nốt.

Chủ-nhân cười nói : « Đã lời dạy đến, dạy thời xin vâng », bèn lấy một quyển như một khổ với quyển đọc trước nhất, gỡ lối giữa quyển, sửa ngọn đèn cao lên rồi đưa khách coi. Khách xem chừng cũng đã cao-búng, bèn đọc :

« Ở nước ta thấy rất nhiều thợ thơ mà thi-nhân có rất ít. Chỉ có lời văn đẹp không đủ gọi là thơ, như thế mới đủ gọi là văn có văn. Nhà thi-sĩ là người trông cái vẻ nên thơ của tạo-vật biết sinh cảm sinh tình, là người nặng đeo những tấm tình cao-qui của loài người, khi cao-hứng bề lòng rần-rụa, cảm không được, lai-láng ra lời văn. Văn tự-nhiên mà nên văn như thế, văn chứa-chan tình-tử như thế mới là thơ, văn ấy dù có văn hay không, cũng có thể gọi là thơ được, mà người làm được những áng văn tự-nhiên ấy đều được tôn làm bậc thi-nhân. Cụ Nguyễn Du thực là bậc thi-nhân đại-gia, không những cụ biết cảm vì tạo-vật, mà cụ lại hiểu thấu tạo-vật, không những cụ biết ngấm người đời trong tạo-vật, mà cụ đứng trước tạo-vật lại còn nghe thấu được cái điệu đàn ai-oán thiết-tha trong tâm-hồn người đời nữa.

*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.*

« Cụ rất mến cảnh thiên-nhiên, nên văn cụ có rất nhiều chỗ tả-cảnh, có khi cụ dừng bước trên dịp cầu nhỏ bắc ngang cuối ghềnh, ngấm dòng nước nao-nao cuốn quanh như khúc rầu, hoặc bên nắm đất sè-sè ở bên đường, ngọn cỏ dầu-dầu, xanh vàng pha lộn. Có khi cụ đứng trên đám cỏ xanh, nhìn cảnh cây lá lổm-dổm một vài

bông hoa trắng, hoặc bên thư-phòng ngắm gương Nga chênh-chếch, ánh sáng soi xuống nước, như có châu ném vàng gieo . . .

« Đến thơ cụ Nguyễn Du viết thì hay quá : khi lên bổng khi xuống trầm, êm-dềm vui-vẻ; khi mơn-man như ngọn cỏ khi cuộn-cuộn như nước sóng; khi nhẹ-nhàng như cành trúc mùa xuân, khi nặng-nề như trời đông mưa gió; khiến nên những bạn tri-âm của truyện *Kiều* đã công-nhận truyện *Kiều* là một khúc đàn tuyệt-diệu, mà thiệt là một khúc đàn tuyệt-diệu, một khúc đàn hàm biết bao nhiêu là tính-tình mau-mác : khi vui-vẻ êm-dềm khiến cho lòng người hơn hờ nhẹ-nhàng; khi ní-non ảo-nảo, khiến cho mặt người ngơ-ngẩn ngẩn-ngơ; khi gay-gắt khiến cho người nghe nghiêng rãng cầu lợi; khi thiết-tha ai-oán khiến cho ai cũng cau mày rơi lụy. Truyện *Kiều* thiệt là một cây đàn tuyệt quý không phím, không giây, tác-giả lấy đầu lưỡi mà nẩy nên từng tiếng, mỗi đoạn văn là một cung, mỗi câu văn là một điệu, mỗi chữ là một tay ní-non thánh-thót, réo-rất tiêu-tao, đem khuya canh tĩnh mà nghe người tốt giọng ngâm *Kiều* thì còn đàn nào hay bằng nữa.

« Cụ Nguyễn Du không phải là nhà tài-sĩ, cụ chính là thần thơ vậy. »

(Vũ Đình-Long, *Nam-Phong* số 81).

Khách đọc xong, gấp sách lại trao qua chủ-nhân và vội hỏi hình như câu hỏi đã dự-định sẵn rồi:

— Văn-chương truyện *Kiều* hay thế thì đã đành, còn như có kẻ bảo truyện *Kiều* là đả-thư, truyện *Kiều* là sách vô-luân-lý, cho nên tục-ngữ có câu: « Con gái chớ kể Thúy-Vân, Thúy-Kiều », thì thế nào?

Chủ-nhân đáp :

— Khách hỏi phải đấy. Phàm sách có giá-trị, không những ở câu văn réo-rất êm-dềm mà lại phải có ý-nghĩa quan-hệ mật-thiết với nhân-tâm thế-dạo nữa. Nói rằng truyện *Kiều* vô-luân-lý. Vô-luân-lý ấy lỗi tại người đọc mà không phải lỗi ở sách. Hãy chưa nói đến cái triết-lý luân-lý cao-xa siêu-việt của truyện *Kiều*, để xin đọc một đoạn văn này nói về một lễ thông-thường đủ giải với câu hỏi của khách :

« Vàng, truyện *Kiều* cũng như hầu hết các tiểu-thuyết, vì tiểu-thuyết nào cũng có truyện tình, đem đề cho những con gái ít học-hành, kém giáo-đục, không chút lịch-duyệt việc đời thì hại thực, thì khiêu-dộng dục-tình thực. Nào các cô đọc đến chỗ Kim *Kiều* dan-diu vãng-lai, có biết mắng con người lẳng-lơ, đem khuya bỏ nhà đi nói chuyện với trai dâu? Các cô chính vì phẫn-hạnh kém nên đọc đến những chỗ ấy lại lấy làm thích, lại tưởng chừng như mình ở vào cái cảnh vai chủ-động mà mong có khi được lịch cái cảnh-tình như chứa-chau khoái-lạc của cô *Kiều* . . . Các cô có nghĩ đâu rằng cái tư-tình nó ràng buộc Kim *Kiều*, đã khiến cho đôi tình-chân ấy về sau khổ-thống một đời, không kể xiết... Cụ Nguyễn Du không hề giảng đạo đức, cụ há đại gì mà đem tiểu-thuyết làm nơi giáo-đàn. Nhưng mà nhân-vật của cụ có sinh-hoạt, luân-lý của truyện *Kiều* chính do sự sinh-hoạt ấy mà phát-sinh. Có khi ta thấy người tiết-liệt hiếu-nữ mà ta hâm-mộ, có khi ta thấy kẻ độc-ác bạo-làn mà ta ghét ta khinh. Sở Khanh xỏ-lả tiếng đề muôn đời, ai dọ: truyện *Kiều* đến hồi « tích-việt » mà không nghiêng rằng thống-mạ tuồng bất-lương? Thúc-sinh « bõ: rời quen thói », mài-miệt chỗ lâu xanh, sợ vợ như cọp, mà còn giữ trò cưới vợ lẽ, tiếng xấu thiên-cổ còn lưu-truyện Ấy các nhà

tiểu-thuyết muốn gián-tiếp răn đời, thường dùng lời văn khéo-léo tả cái tư-cách xấu xa, cái thái-độ dè-hạ, cái hành-động dè-mạt . . . của những nhân-vật trong truyện khiến cho độc-giả khinh, ghét, giận những tuồng vô liêm-sĩ, cái lương-tâm của độc-giả nhờ đó mà thêm sáng suốt, cái lòng đạo-đức của độc-giả nhờ đó mà tự-nhiên phấn-khởi vậy. »

(Vũ Đình-Long, *Nam-Phong* số 87).

Chủ - nhân đọc xong, không đợi khách hỏi, lấy ngay một quyển sách khác giở đọc tiếp, khách đã hiểu ý, chỉ ngồi nghe mà miệng vẫn tùm-tùm cười cái « hăng-hái đọc » của chủ - nhân.

« Truyện *Kiều* thật là một tấm gương luân-lý thiên-cổ, một cái thú giải buồn cho người thích ngâm thơ, một cái thú gọi buồn cho người buồn, một bức tranh vẽ cuộc đời cho người biết nhân-tình thế-thái, một quyển bói cho người hay tin, một tập « văn mẫu » rất bổ-ích cho người làm văn.

« Nói giống Việt - Nam còn, văn - chương Việt-Nam thịnh, thì bao giờ là không có người biết đến truyện *Kiều*, và thâm phục cái đặc - tài của cụ Nguyễn Du.

« Ở chốn thôn quê, đêm sáng trăng, nghe tiếng vông dừa trong một chiếc nhà tranh với tiếng ru con bằng những câu thơ *Kiều*

Trăm năm trong cõi người ta . . .
để ai ai nghe đến cũng có một cái cảm-

giác giống nhau, cảm-giác chung cho cả một dân-tộc vậy. »

(Nguyễn Tường - Tam, *Nam-Phong* số 79).

Chủ-nhân đọc xong, thì trăm trong bình hương đã tàn, chông sách trước án khi nãy đã đời sang hết cả bên tả, khách đứng dậy cười nói :

— Đệ rất cảm cái thịnh-linh nhã-ý của chủ-nhân, đã cho đệ được nghe một câu chuyện, đệ rất lấy làm lý-thú. Chẳng những là một câu chuyện lý-thú, mà lại là một bài học hay cho đệ nữa. Từ đây nói đến truyện *Kiều* đệ sẽ khỏi cái tình-cảnh « rõ-ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao ».

Trông ra « chênh - chênh bóng nguyệt xế màn », khách từ-giã ra về còn tạ một câu rằng :

— Tiếng ru con bằng những câu thơ *Kiều* ở trong chiếc nhà tranh nào thì chưa nghe, chớ đêm nay ở gác « Nam-phong », đã có người bàn nói đến truyện *Kiều*, đã có người ngâm-nga đến câu « Trăm năm trong cõi người ta » rồi đây, cũng cảm-giác lắm đấy, cũng cảm-giác lắm đấy !

Chủ nhân chỉ cười mà không đáp, trở vào ngồi ghi lại câu chuyện trên đây, gọi là « câu chuyện thăng tâm » để hiển chư quân-tử trong khi tửu-hậu trà-dư, dưới trăng trước gió, đốt lò hương, so phiếm đàn, đem ra đọc để chiêu hồn người quốc-sĩ . . .

Nam-Phong lâu chủ-nhân

ĐÔNG-HỒ (Hà-tiên)

TRIẾT-HỌC ÂU-CHÂU ĐỜI NAY

... 知之爲知, 不知爲不知. 是知也。

(論語, II, 17)

1

Các nhà triết-học Âu-châu đời xưa, cho mãi đến cận-dại, đều có cái chí hoài-bảo rất to.

Nói ngay các nhà về thế-kỷ thứ 17, như DESCARTES (Tàu dịch là Địch-táp-nhĩ) cùng các môn-đệ của ông, đều định cho triết-học một cái mục-dịch rất cao, một cái phạm-vi thật rộng.

Cho triết-học là cốt nhất phải giải nghĩa được cả vũ-trụ, mà giải nghĩa một cách tuyệt-dịch. Theo các nhà ấy, phạm triết-học phải có ba phần: 1^o một cái lý-thuyết chứng-giải được hoàn-toàn về nguyên-thù của sự-vật; 2^o một cái lý-thuyết kinh-nghiệm được rõ-ràng về tính-cách và lịch-sử các chân-tướng mà giác-quan của người ta chỉ cảm biết được bề ngoài mà thôi; 3^o một cái lý-thuyết cất nghĩa được châu-dào về các lẽ chân-chính sở-dĩ làm sao mà có vũ-trụ này, và có những vật ở trong vũ-trụ cùng những sự xảy ra ở đấy.

Không những thế mà thôi; các nhà ấy lại còn kỳ-vọng ở triết-học nhiều hơn nữa. Người ta ở đời phải ba cái nguy-hiểm: một là hiểu-biết lầm, hai là thường-thức sai, ba là ăn-ở trái. Vậy thời phải định phép-lắc cho tránh được khỏi ba sự đó: định phép học-vấn thế nào cho khỏi hiểu-biết lầm; định phép thâm-mĩ thế nào cho khỏi thường-thức sai; định phép cư-xử thế nào cho khỏi ăn-ở trái. Các nhà tư-tướng thế-kỷ thứ 17 đều phó-thác cả cho triết-học để qui-định về ba phương-diện đó; muốn cho triết-học phải bao-hàm có một khoa *ly-luận*

tuyệt-dịch, để định cho chân-lý có những tính-cách gì và phải dùng những phương-pháp gì cho đạt tới; một khoa *thâm-mĩ tuyệt-dịch* để định cho sự đẹp có những tính-cách gì và phải dùng những phương-pháp gì cho gây được; một khoa *luận-lý tuyệt-dịch* để định cho điều thiện có những tính-cách gì và phải dùng những phương-pháp gì cho làm nên.

Tự-trung cũng đã có người vào bậc lỗi-lạc như PASCAL biểu rằng một cái công-trình to-tát như thế thì trí người không thể sao mà đương cho nổi được. Nhưng hàng đó ít lắm. Còn phần nhiều nhà triết-học đều có cái sức tự-tin rất mạnh, cứ vững dạ mà kết-cấu ra những lý-thuyết ngày nay thì cho là thật-thà mà đời ấy đã cho là đích-dáng lắm vậy.

Thời-dại tự-tin đó nay đã qua rồi. Phần nhiều nhà triết-học đã kinh-nghiệm mà biết tự-khiêm hơn. Nhưng tuy không dám hoài-bảo to-lát quá, mà lại thành ra mỗi người một ý-kiến riêng. Về phương-pháp nên dùng để nghiên-cứu các vấn-đề triết-học, về kết-quả sự nghiên-cứu ấy phải thế nào mới cho là sắc-dáng, nhiều khi về chính ngay các vấn-lề ấy nên thiết-lập ra thế nào, các nhà cũng không đồng-ý nhau, và không nhà nào chịu nhà nào cả.

Tứ nhất là những lý-thuyết dựng ra để giải nghĩa về vũ-trụ, lại càng phá-vấn lắm. DESCARTES và các môn-

đệ ông thì cho rằng những lý-thuyết đó có thể theo phép khoa-học mà kết-cấu ra một cách dich-dàng được. Nhà triết-học đời nay thời lại hoài-nghi rằng không thể làm được. Bởi sao mà sinh lòng hoài-nghi như thế? Phải biết cái lý-do đó thời mới hiểu được cái tình-trạng khùng-hoảng của triết-học ngày nay. Nay nếu chú-ý nghiên-cứu về hai cái phong-trào khoa-học trong thế-kỷ thứ 19, thì có thể giải được lý-do đó cũng dễ vậy.

Phong-trào thứ nhất thời dễ hiểu lắm. Tự thế-kỷ thứ 17 đến ngày nay, các khoa-học thực-nghiệm đã phát-dạt một cách lạ-lùng, mà hình như khuynh-hướng cả về một đường, khiến cho bao nhiêu kết-quả điều-hòa nhau thành một cái thống-hệ lớn, trái hẳn với cái tư-tưởng cũ của người ta về vũ-trụ cùng về cái địa-vị của loài người trong vũ-trụ, địa-vị ấy đời xưa cho là rất quan trọng vậy. Cờ-nhân cho vũ-trụ là có ông Hóa-công sắp-dặt ra để chủ một cái mục-dịch gì, và người ta là được ông Hóa-công trao cho cái thiên-chức đặc-biệt, nên cũng được cái địa-vị tối-cao ở trong vũ-trụ. Đến như khoa-học đời nay thời lại dạy rằng vũ-trụ chẳng qua là gồm những sức mạnh vô-tri vô-giác, sinh-sản ra muôn sự muôn vật không có ý-thức gì mà cũng không có mục-dịch gì, và người ta ở trong vũ-trụ chẳng qua cũng ví như một con vi-trùng ở trên một mây bụi mà thôi, duy là con vi-trùng:ảo có ý-hức là nhờ đã biết xum-hợp thành xã-hội vậy.

Kể ra thì các khoa-học chia ra hai loại lớn, khác hẳn nhau: một là các khoa số-học, hai là các khoa thiên-nhiên.

Các khoa số-học thực ra không có trực-tiếp ảnh-hưởng gì về toàn-thể những sự tri-thức của ta về vũ-trụ. Cái

thế-giới của số-học là một cái thế-giới thuần-lý, tự tri người suy-nghi mà đặt ra. Số-học kết-cấu ra những cái hình-thể cứ suy-lý có thể có được và có thể làm tiêu-chuẩn cho sự thực được, coi như những công-lý cố-nhiên. Những công-lý ấy đã thừa-nhận rồi, thời các lẽ suy ở đó mà ra cũng phải thừa-nhận cả. Ấy công việc của số-học chỉ có thế mà thôi. Nhưng nháo vì các khoa-học thiên-nhiên tấn-lối mà công-việc của số-học đó thành ra quan-trọng. Vì số-học cung-cấp cho các khoa-học thiên-nhiên một cái đồ dùng tuyệt-diệu, vì không có thì không có thể chứng-giải được các lẽ bày ra, không thể kết-cấu cho thành thống-hệ, cũng không thể suy-diễn mà đem ứng-dụng được. Muốn chúng cho rõ một cái thuyết nào có giá-trị hay không thời phải dùng phép tính mà định được rằng nếu đúng ra thời gập vào trương-hợp như thế nào tất xảy ra những hiện-tượng như thế nào, rồi nghiệm xem khi gập trương-hợp như thế thời có những hiện-tượng như thế thật xảy ra hay không. Muốn kết-cấu các lẽ đã chứng-giải như trên cho thành thống-hệ thời cũng phải dùng phép tính để định rằng lẽ nào là do ở lẽ nào mà ra. Muốn ứng-dụng các khoa-học ra sự thực, cũng lại phải dùng phép tính để chúng rõ cho biết rằng nếu luật nọ hay luật kia là đúng thời thứ máy nọ hay thứ máy kia phải chạy theo cách thế nào và thành-hiệu được như thế nào. Bấy nhiêu việc chứng-nghiệm suy-xét, nếu không có số-học thì thế nào làm cho được? Số-học đối với các khoa-học thiên-nhiên, tức là cái khi-cụ để phân-giải, tức là cái phù-hiệu cần dùng để mà diễn-dạt ra. Vậy thời các khoa-học khác tiến-bộ được, phần nhiều là nhờ ở số-học tiến-bộ vậy.

Nay cái đặc-sắc của số-học về cận-dại là tự đầu thế-kỷ thứ 17 đã khuếch-

trương các phương-pháp và kết-quả ra ngoài cái phạm-vi của mình, đến dùng được làm một cái lợi-khi tuyệt-diệu để mở rộng cho cõi khoa-học đời nay. Trước DESCARTES thời thiên-hạ nghiên-cứu về toán-học, về đại-số-học, về kỹ-hà-học, về động-học, coi là những khoa-học đặc-biệt nhau cả. Tự ông DESCARTES phát-minh ra cái phép nghiên-cứu về các đường « khúc-tuyến » (*courbes*) mà không lấy đường khúc-tuyến làm bản-vị, lại đối-chiếu với các biểu « tung-hoành-tuyến » (*coordonnées*) khác, tự đấy thời khoa số-học đổi mới hẳn. Ông DESCARTES thật đã có công sáng-lập ra cái phương-pháp cốt-yếu nhờ đó mà phạm-vấn-đề gì về kỹ-hà-học hay về động-học cũng có thể qui thành ra một vấn-đề giản-dị về đại-số học được. Kế đó ông LEIBNITZ xướng ra cái thuyết về tối-thiểu-số, và ông NEWTON nghĩ ra phép tính vi-phân (*calcul des fluxions*), các khoa-học cũng nhờ đấy tiến-bộ được một bước to. Phương-pháp đó, rồi sau kể có hàng trăm các nhà số-học sửa-sang mãi cho được hoàn-toàn. Ngày nay thời khoa số-học tuyệt-dịch là khoa đại-số-học (*algèbre*). Như ông AUGUSTE COMTE đã giải-rõ, nhờ đại-số-học mà định được phép-lắc chung cho hết thảy cái gì có thể tính được, bất-câu là sự-vật gì. Hễ một số-lượng nào có quan-hệ với một số-lượng khác có thay đổi, thời nhà đại-số-học có thể tức khắc định được cái giá-trị nó ngay, đối với giá-trị bên kia, bên kia thay đổi thế nào thời bên này đối-chiếu thế nào, có thể định được cái trình-độ biến-phân vậy. Nhân đó suy ra các hiện-tượng về thiên-văn, vật-lý, hóa-học, sinh-lý, v. v., cũng một phép ấy đem ứng-dụng ra được. Đại-số-học hình như đã đặt ra cái khung, cái khuôn sẵn. Khung ấy, khuôn ấy đem dùng ra các môn khác được cả, Phép diêu thay, cách dùng giản-dị mà suy-loại vô-cùng.

Nhưng đặt ra cái phép hay như thế mà các khoa-học thiên-nhiên chưa biết tự nhận-chân thì cũng là vô-ích. Nay từ đời DESCARTES đến giờ các khoa ấy lại tiến-bộ một cách mau chóng lạ-lùng. Chính ông DESCARTES còn gồm cả các khoa ấy vào trong phạm-vi triết-học. Từ đấy dần-dần mỗi khoa mới lia triết-học mà tự-lập.

Lúc đầu khoa nào mới biết phương-pháp của khoa đó mà thôi. DESCARTES thời tưởng-tượng có thể kết-cấu cả bách-khoa học-vấn theo cái khuôn mẫu của số-học được. Ông tự-phụ có thể dùng phép lý-luận « tiên-thiên » (*a priori*) mà chứng-giải được trong trời đất có một đấng Tuyệt-dịch có tính-cách đặc-biệt. Ông lại tự-phụ có thể nhân đó suy-diễn được các phép-lắc cốt-yếu của cái sức vận-dộng trong vũ-trụ; lại nhân các phép-lắc ấy cùng giả-thiết ra mấy cái ức-thuyết nữa mà có thể lý-hội được cả vũ-trụ. Một cái phương-pháp như thế thời kết-quả chỉ là đặt ra một bộ tiêu-thuyết về vạn-vật mà thôi. BACON (tên dịch là Bồi-căn) nước Anh xét còn dùng hơn DESCARTES. Ông cho là muốn biết mọi sự xảy ra, phải bắt đầu quan-sát (*observation*) đã. Tuy-nhiên hợp một mớ những sự-vật đã quan-sát lại, chưa gọi là một khoa-học được. Gọi là khoa-học được là bắt đầu tự khi nhân những sự quan-sát được, nhà khảo-cứu nghĩ ra một cái luật chung hay là một cái lý-thuyết gì. Nhưng cái luật hay cái thuyết nghĩ ra đó lại phải chứng-nghiệm hẳn-hoi xem có đích-thực không, khi ấy mới gọi được là khoa-học chân-chính. Muốn kiểm-điểm như thế thời nhà khoa-học phải: 1^o định một cái chương-trình thí-nghiệm; 2^o thi-hành cái chương-trình ấy. Phải trước tự hỏi rằng: « Nếu ta nghĩ thế là phải, thì ta thử tưởng-tượng ra gặp vào trường-hợp như thế nào sẽ xảy ra như thế nào? » Rồi phải

thực - hành cái trường - hợp ấy, và nghiệm xem nếu cái chủ-ý đúng thời sự xảy ra có được đúng như thế hay không. Nếu thí - nghiệm thấy trái với sự dự-tưởng, thời cái chủ-ý là sai. Nếu thí-nghiệm đúng như sự dự-tưởng, thời cái chủ-ý có lẽ là đúng thật, và thực-lẽ-thượng có thể cho là đúng được. Thế là phương-pháp ấy đem ra ứng-dụng đã thành kết-quả hẳn-hoi vậy.

Nay mỗi khoa-học dùng phương-pháp đó có kiến-hiệu, bấy giờ mới nghĩ đem khuếch-trương ra cả bách-khoa khác. Những phép nghiên-cứu dùng về vật-lý-học được, thời sao dùng về hóa-học, sinh-vật-học, tâm-lý-học, xã-hội-học lại không được? Bởi thế nên đem thử dùng ra cả các khoa; dùng đâu thấy được đấy cả. Chắc rằng sự quan-sát và sự thí-nghiệm cũng có khoa khó dùng cho trọn- vẹn được. Tỉ như khoa thiên-văn, chỉ có thể quan-sát, không có thể thí-nghiệm. Khoa tâm-lý thời quan-sát ở nội-tâm, khó lòng cho xác-thực, còn chứng-nghiệm ở ngoài thời phải suy-lường, cũng không lấy đâu làm chắc-bằng cho lắm. Xã-hội-học thời phải lấy việc trong lịch-sử mà so-sánh, mà suy-nghĩ, mà chứng-nghiệm. Tuy-nhiên, cho đến các khoa đó nữa, phạm sở-đặc điều gì là chắc-bằng, có thể tin được, cũng là nhờ ở sự quan-sát, sự thí-nghiệm mà có suy-lý vậy. Cái gì không căn-cứ ở đó là hão-huyền cả. Rút lại thời thiên-văn, vật-lý, hóa-học, sinh-vật-học, tâm-lý-học, xã-hội-học, cũng chỉ có một phương-pháp mà thôi. Phương-pháp ấy là: nhân quan-sát sự-vật mà nghĩ ra những ý-kiến hữu-dụng; đem những ý-kiến ấy ra mà suy-lý để lường biết ảnh-hưởng thế nào; dùng cách quan-sát và thí-nghiệm để kiểm-diểm sự ảnh-hưởng đó; kết-quả được những điều gì, cố sắp-dặt lại cho có đầu đuôi, cho thành thống-hệ.

Phương-pháp đó đem ứng-dụng ra để nghiên-cứu các hiện-tượng trong trời đất lại phát-sinh ra nhiều ý-kiến hay nữa.

Trước hết là phạm các hiện-tượng có thể quan-sát được đều là theo những luật thiên-nhiên nhất-định cả. Phạm cái gì xảy ra trong trời đất là ở trong vòng nhân-quả hết cả. Hễ gặp vào trường-hợp nọ thời tất sinh ra trường-hợp kia. Trường-hợp trên lại sinh ra thời trường-hợp dưới cũng phát ra. Không có gì là chuyện kỳ-ngộ, không có gì là sự ngẫu-nhiên, cũng không có gì là quyền tự-do cả. Các hành-tinh quay chung quanh mặt trời, đường quỹ-đạo bao giờ cũng như bao giờ, Các vật rơi trong khoảng không bao giờ cũng theo một cách không sai. Kinh-khí và dưỡng-khí hễ hợp lại với nhau theo cách thế nào thì thành ra nước, bao giờ cũng vẫn như thế. Lá gan ở các giống động-vật có vú giống nào cũng dùng để sản ra chất « can-đường » (*glycogène* = 肝糖). Mỗi thất-tinh ở trong tâm-tinh người ta, bao giờ cái tinh-trạng nó xuất-hiện ra cũng như nhau. Luật phân-công ở xã-hội nào cũng thấy liên-lạc người ta với nhau và thấy cần phải có một chính-phủ trung-ương để thống-nhiếp. Khi nào đứng trước một cái hiện-tượng gì không giải được mà mạn-tưởng cho là trái với lẽ thường của trời đất, là khi ấy không hiểu rõ việc xảy ra như thế nào. Lại khi nào người ta tưởng mình có quyền tự-nhiệm, là khi ấy không nhớ đến rằng công việc của mình thường là bởi cơ-hội, bởi hoàn-cảnh, bởi tính-chất người sinh ra, chứ ít khi bởi mình tự-quyết. Thế-giới chính là một cái máy lớn. Vạn-sự vạn-vật xảy ra là theo phép-tắc nhất-định, bao giờ cũng như bao giờ, không hề thay đổi.

Sau nữa, tuy hết thấy các hiện-tượng quan-sát được trong trời đất

chưa thể kinh-nghiệm được cả, nhưng phần nhiều thấy có thể hình-dung ra và thu rút lại thành động-lực cả, như chấn-dộng, ba-dộng, chuyển-dộng. Giác-quan của ta chắc không hình-dung được đúng các sự-vật ở chung-quanh mình ta. Thường là làm sai-lạc đi, vì cái sức tì-h-nhuệ chỉ đủ dùng cho việc sinh-tồn ở đời mà thôi chứ không đủ bày tỏ được chân-tượng các sự-vật. Cứ xem như dùng cái kính hiển-vi làm cho hình-thể các vật biến đổi đi thế nào; lại xem như thanh - âm mà tai ta nghe, óc ta cảm, tức là một sự rung-dộng trong không-không khí mà thôi, thế mà khi ta cảm-giác nó ta có biết thế nào; cứ xem như vậy thì đủ hiểu rằng giác-quan của ta còn thô-dộn lắm. Nay giác-quan chỉ có thể hình-dung được những cái biểu-tượng ở ngoài mà thôi, còn chân-tượng ở trong thì muốn suy lường cho được, thế-tất phải dùng đến cách ức-thuyết vậy. Trong các ức-thuyết nghĩ ra như thế, có một cái nghiệm thấy thích-hợp với sự thực nhiều lắm. Là cái ức-thuyết cho rằng phạm vật-thể là gồm những « phân-tử » (*molécules*) cứ vận-dộng luôn, phân-tử ấy lại gồm những « nguyên-tử » (*atomes*) cũng vận-dộng, và trong nguyên-tử có lẽ lại có những phần diện rất nhỏ gọi là « điện-tử » (*electrons*) xoay tít luôn luôn. Cách hình-dung về vật-chất như thế có lẽ chưa được hoàn-toàn, còn cần phải sát-hạch, cần phải cải-chính lại nhiều. Tuy-nhiên cũng đủ khiến cho người ta tưởng-tượng phần nhiều các hiện-tượng về lý-hóa cho là những sự chuyển-dịch phân-chất cả. Lại khiến cho người ta có thể đem ra mà lường, mà tính, mà lợi-dụng được việc vậy. Nay xét ra các hiện-tượng về sinh-hoạt rút lại có lẽ cũng là những hiện-tượng về lý-hóa rất phiền-phức mà thôi, như thế thì có thể cho rằng bao nhiêu các hiện-tượng thuộc về thế-giới hữu-hình là những hiện-tượng về động-lực hết cả.

Sau hết, sự tiến-bộ của các khoa-học thực-nghiệm lại còn phát-khởi ra một cái ý-kiến rất quan-trọng như sau này nữa. Phải triết-học cho rằng trong vũ-trụ có một đấng chúa-tể, thường căn-cứ ở hai lẽ lớn như sau này: 1° trên thế-gian có các giống sinh-vật; nay xét ra mỗi giống cây, mỗi giống vật hình như có ai chủ-ý sinh ra một cách đặc-biệt để sống theo một cách đặc-biệt ở trong một cái hoàn-cảnh đặc-biệt, và nhân đó phủ-dữ cho những cơ-quan cùng những năng-lực đặc-biệt; 2° cứ xét cái đại-thế trong vũ-trụ thì rất có trật-tự lắm, như có người an-bài sắp-dặt hẳn-hoai. Nếu không có một ông Hóa-công gây dựng, một ông Thiên-chúa chủ-trương, thì sao mà được như thế? Thế-giới tất phải có tay sáng-tạo, cũng như cái đồng-hồ phải có người chế ra vậy. — Hai lẽ đó, khoa-học ngày nay muốn phá đổ cả.

Lẽ thứ nhất thời do khoa sinh-vật-học phá đổ. Khoa này xướng ra một cái thuyết tiến-hóa về các giống sinh-vật cho động-vật thực-vật là nhân-tuần nhau mà sinh ra, chứ không có mục-dịch gì cả.

Các động-vật thực-vật bày ra trước con mắt người quan-sát thời ra hình những cá-thể đặc-biệt nhau. Nhưng các cá-thể ấy lại có tính-cách giống nhau. Cứ theo các tính-cách ấy có thể hợp thành chủng, thuộc, tộc, loại, v. v.. Thí-dụ như trong một cái rừng không biết bao nhiêu là cây, mỗi cây là một cá-thể. Cây ấy có thứ thuộc về giống dinh, có thứ thuộc về giống lim, có thứ thuộc về giống táo, v. v.. Động-vật cũng có giống ngựa, giống lừa, giống trâu, v. v.. Trong bao lâu các nhà bác-vật-học vẫn tưởng các chủng-loại đó là sinh ra tự thiên-cổ đến giờ, giống nào giống rầy, không liên-can với nhau và không thay đổi bao giờ. Người ta cho mỗi giống là tự Thiên-

chúa sáng-tạo ra, đặc-biệt với cả các giống khác. Thiên-chúa xếp-dặt các giống trong vũ-trụ như người thợ khéo bày các hình-tượng trong nhà bảo-làng vậy. Nhiều giống tương-tự với nhau, nhưng thực không có quan-hệ tộc-thuộc gì cả. Cứ xem chứng-cớ như sau này thì đủ rõ. Ngày nay đào thấy trong các mồ của Ai-cập có những xác các giống vật ướp ở đấy, xét ra thì giống với các giống ngày nay như hệt. Lại thường nghiệm ra tạo-vật hình như có ý phân-biệt hẳn giống nọ với giống kia. Như khi hai giống giao-cấu với nhau thời hoặc là không sinh-sản ra được, hoặc là sinh ra những vật tạp-chủng rồi cũng không sinh-sản được nữa. Nhưng có một cái chứng-cớ hiển-nhiên, là giống nào giống nấy xem ra rõ-ràng kết-cấu theo một cái mục-dích nhất-định. Mỗi giống có những cơ-quan, những năng-lực cần dùng để theo đuổi một cách sinh-hoạt riêng ở trong một hoàn-cảnh riêng và để cho sinh-sản được phần-thịnh mãi mãi. Mỗi giống ví như một cái mĩ-thuật-phẩm do tay một người thợ tuyệt khéo chế ra để chủ một cái mục-dích gì, và chế ra một lần là được hoàn-toàn ngay vậy. Những cái tính-cách như thế, ai là người không từng nhận thấy? Ai là người đã nhận thấy mà lại không cho cái cổ-thuyết là phải, cho rằng mỗi giống là một cái bản-vị nhất-định, tự một ông tạo-vật sáng-tạo ra, mà đã sáng-tạo ra thì cứ y-nhiên như thế mãi mãi? Xưa nay đã có nhiều giống mất đi, sau này rồi cũng nhiều giống mất đi nữa. Nhưng giống nào giống nấy không hề có thay đổi bao giờ. Sinh ra theo cái hình-thể nào thì đến lúc diệt đi cũng vẫn giữ cái hình-thể ấy.

Cái thuyết ấy trong thế-kỷ thứ 19 đã suy đi nhiều lắm. Ngày nay nghiệm ra thì thấy các giống vật không phải là

nhất-định, không phải là sáng-tạo ra đặc-biệt giống này với giống khác. Các giống, hoặc gần hoặc xa, đều có cái quan-hệ tộc-thuộc với nhau cả. Cái thuyết mới đó có đủ chứng-cớ mạnh mẽ, nay lược-thuật mấy điều như sau này. Cái chứng mạnh nhất là do khoa cổ-độn-vật-học tìm ra. Theo khoa-học ấy thì những giống vật hiện sống trên mặt đất không phải là vẫn có từ xưa đến nay đâu. Về đệ-nhất thạch-kỷ, đệ-nhị thạch-kỷ, đệ-tam thạch-kỷ, và cho đến đầu đệ-tứ thạch-kỷ đã từng có vô-số các giống vật hiện nay không còn nữa, chỉ còn thấy di-tích ở dưới đất mà thôi. Nhiều các giống xưa ấy khác hẳn với các giống ngày nay. Những giống cổ nhất thì hình-thể giản-đơn lắm. Cứ xem như thế thì cũng đủ biết rằng các giống vật có thay đổi. Lại nghiệm kỹ hơn nữa thời càng thấy rõ hơn, như xét kỹ các giống vật đã biến mất đi, thấy nhiều giống tương-tự với các giống kế-tiếp về sau, như con ngựa ngày nay giống với con cổ-mã hóa-thạch ở dưới đất (*hipparion fossile*); con chồn-chuồn ngày nay giống với con chồn-chuồn to-tướng về đời than đá; con voi ngày nay giống với con cổ-tướng *mammoth* và *éléphas primigenius*. Những giống tương-tự nhau như thế kể có hàng trăm. Nay cất nghĩa sự tương-tự ấy thế nào? Có thể cho là tạo-vật trước sản ra nhiều giống, sau diệt đi, rồi sau lại sản ra giống khác tương-tự với giống trên không? Hay là cho rằng các giống vật ta biết ngày nay là miêu-duệ những giống cổ ngày xưa, mà qua đời nọ sang đời kia có biến-hóa đi ít nhiều? Muốn theo cái thuyết trên thì phải cho là các giống sinh-vật đã từng qua đến 6, 7 lần đại-diệt-chủng, và mỗi lần diệt đi rồi lại sản ra giống mới hệt như giống cũ; như thế thì phỏng có tin được không? — Càng nên thuyết dưới có lẽ đúng hơn, và nghiệm ra có nhiều chứng-cớ

rõ-ràng. Trước hết các giống vật ngày nay đều có chỗ giống nhau hết: như đem so-sánh cái mỏ, cái cánh, cái chân, bộ xương của các giống chim thì thấy giống như hệt; lại các giống có vú, các giống có xương sống, các chất thịt làm ra các giống sinh-vật, suy rộng mãi ra cũng thấy giống nhau hết cả. Vì các giống hiển-nhiên có tương-tự với nhau như thế nên các học-giả từ xưa đến nay đã gộp các động-vật thực-vật lại thành từng « tộc-loại », là có ý chỉ rằng các giống ấy hình như có họ-hàng thân-thuộc với nhau vậy. Sau nữa nói rằng các cơ-quan và các năng-lực của mỗi giống sinh-vật là thích-hợp cho sự cần-dùng của giống ấy cả thì không được đúng hẳn: như giống đực mà có vú thì vú ấy dùng để làm gì? giống cá và giống sấu bọ ở dưới vực sâu, thì có mắt để làm gì? lại giống cá voi mà có xương nhú ra như hình hai cái chân sấu, thì để làm gì? Nếu có ông tạo-vật chế ra các giống vật hoàn-toàn tuyệt-dịch như trên kia vừa nói, thì cơ sao lại còn đặt ra những cái cơ-quan vô-dụng như thế? Cho nên chỉ có cách cắt nghĩa như sau này là hợp lẽ. Các giống sinh-vật ngày nay là do những giống sinh-vật đời xưa chuyên-biến đi mà thành ra, bởi thế nên có nhiều cái cơ-quan xưa kia là cần-dùng, mà nay không dùng đến nữa, nhưng dấu vết vẫn hầy còn. Nhân đó có thể kết-luận rằng: 1^o các giống sinh-vật ngày nay là chuyên-lai từ các giống cổ-thời, vậy thời không có giống nào là tuyệt-dịch nhất-định; 2^o con cá voi ngày nay tổ-tiên nó xưa là giống bốn chân, nay còn cái xương nhú ra đó là dấu-vết chân cũ, như vậy thì các giống qua đời nọ sang đời kia hình-trạng thay đổi đi cũng nhiều lắm. — Lại thêm cái công người ta chăn nuôi nữa: người chăn-nuôi khéo thì gây ra được nhiều giống cây và giống vật mới để lắm: như các giống chó, giống

gà, giống chim ngày nay nguyên xưa là giống ở rừng cả, do người ta luyện-lọc mãi mới thành ra như bây giờ. — Lại hướng-lai thì-nhiệm mà biết rằng hoàn-cảnh có ảnh-hưởng đến các giống thực-vật sâu-xa lắm; lại thấy rằng có nhiều giống cây nhân duyên-cớ gì sấu-biến tính-ách đi, rồi những tính-cách ấy từ đây thành ra di-truyền; còn khoa thai-học thời nghiệm ra trong thai các giống sinh-vật cách sinh-hoạt hình như gộp cả lịch-sử của chủng-tộc từ khi mới có giống đến giờ. — Đó là mấy cái lý-do-cốt yếu khiến cho cái thuyết « vật-chúng biến-hóa » đã dựng thành như ngày nay vậy.

Trong khi thuyết ấy dựng lên thời bác-sĩ LAMARCK (người Pháp), trước rồi đến bác-sĩ DARWIN (người Anh) sau tìm thấy cách chứng-giải về sự thành-lập các giống vật, và lấy những lẽ thuộc về hình-chất để cắt nghĩa vì cơ làm sao mà cơ-quan năng-lực của mỗi giống lại hình như có chuyên-chủ về một cái mục-dịch sinh-hoạt nhất-định, xưa kia cho là có tay một ông Tạo-vật khôn-ngoan gây-dựng ra.

Bác-sĩ LAMARCK thì xướng lên mấy điều như sau này: 1^o các giống sinh-trưởng trong hoàn-cảnh nào thì trực-tiếp chịu ảnh-hưởng của hoàn-cảnh ấy, thí-dụ như ánh sáng mặt trời làm sắc da thay đổi đi; 2^o có công-dụng nhiên-hậu có cơ-quan (*la fonction crée l'organe*), thí-dụ như giống vật nào hay chạy thì chân dài; — 3^o giống nào mới sinh ra có cái đặc-tính gì thì đặc-tính ấy di-truyền mà thành ra thiên-tính, thí-dụ như giống hầy hay vùng tay nhảy cành cây nọ sang cành cây kia thời sinh con để cái về sau đều có cánh tay dài và mạnh.

Nay giả-thiết có một giống vật sinh-trưởng ở một cái hoàn-cảnh A. Giống phần-thịnh lắm: con-cái đẻ ra phải di-cư sang nơi khác, đi tản ra các hoàn-

cảnh B, C, D. Lại giả-thiết hoàn-cảnh B thời lạnh lắm, đồ ăn toàn dùng tôm-cá ngoài bể cả; còn hoàn-cảnh C thời lại nóng lắm, đồ ăn lấy ở cây. Con vật nào sang ở xứ B thời phải chịu cái hoàn-cảnh lạnh mà hành-động biến-hóa ra cách xứ lạnh; con vật nào sang ở xứ C thời cũng chịu cái hoàn-cảnh nóng mà hành-động biến-hóa ra cách xứ nóng. Cứ thế trong mấy nghìn vạn năm; rồi thành ra cùng một nguyên-chủng mà chia ra hai ba giống đặc-biệt hẳn nhau, tự-nhiên như thế, không phải có tay ông Tạo-vật nào can-thiệp vào. Những giống mới sinh ra đó, rồi khác hẳn cái nguyên-chủng cũ, không thể nhận được nữa. — Bấy nhiêu lẽ coi rất giản-dị mà giải được nhiều điều lắm, nhưng cũng chưa giải được hết cả.

Lý-thuyết của bác-sĩ DARWIN thời có khác. Nay có một nhà chăn nuôi súc-vật gây được mấy giống chim bồ-câu mới. Làm thế nào mà gây được như thế? Nhà ấy chọn lấy những con chim nào có những đặc-tính hay, như có lông ở chân, v. v., cho nó giao-cấu với nhau mà không cho tiếp-xúc với ngoài. Trong những chim non mới nở, lại chọn lọc một lượt nữa; những con nào có lông chân đẹp lại để riêng ra, lại cho giao-cấu với nhau, cứ làm thế mãi. Thí-nghiệm trong ít lâu thời thấy cái đặc-tính có lông chân đó thành một tính di-truyền. Bởi lẽ gì mà được như thế? Tất chỉ có hai lẽ như sau này: 1' lẽ biến-dịch: vật mới sinh ra không giống nhau mà cũng không giống hẳn bố mẹ; 2' lẽ di-truyền: những đặc-tính của các vật thường truyền cho con-cái để ra. — Nay sức người làm được như thế, sao sức thiên-nhiên lại không làm được? Sức thiên-nhiên ấy, DARWIN gọi là sức « sinh-tồn cạnh-tranh ». Trong một hoàn-cảnh, những giống cùng ăn một thứ là cạnh-tranh với nhau, vì nếu con này ăn hết cả thì con kia tất phải chết đói. Trong một hoàn-cảnh những

giống ăn và giống bị ăn là cạnh-tranh với nhau. Trong một hoàn-cảnh, giống đực giống cái giao-cấu với nhau thời đực với đực, cái với cái là cạnh-tranh với nhau. — Kết-quả: con vật nào không thích-hợp với hoàn-cảnh thời tiêu-diệt đi, không để lại con-cái để di-truyền những đặc-tính của mình nữa; con nào thích-hợp vừa thời sinh-tồn một cách bình-thường thôi; con nào thích-hợp lắm, thời vừa sinh-tồn được mà lại vừa sinh-sản được phồn-thịnh, giống nó lưu-truyền đi được mãi. Tóm lại: trong một hoàn-cảnh, giống nào thích-hợp thời được sinh-tồn, giống nào không thích-hợp thời bị đào-thải. — Thuyết này khác hẳn thuyết LAMARCK, nhưng không có phần với thuyết ấy. Thí-dụ như trên kia, một giống di-cư sang hai cái hoàn-cảnh B và C. Ở hoàn-cảnh B, con nào *may* có đặc-tính chịu lạnh được, biết lội nước, thời sinh-tồn và sinh-sản được tốt hơn các con khác; ở hoàn-cảnh C cũng vậy, con nào *may* có đặc-tính chịu nóng được, biết leo cây thời sinh-tồn và sinh-sản được tốt hơn các con khác. Những con khác ấy đã không thích-hợp thời dần dần cũng tiêu-diệt đi. Cách mấy nghìn vạn năm về sau, sự đào-thải cứ theo một đường đó, tất sinh ra giống mới, tuy cùng ở một nguyên-chủng mà ra mà đặc-biệt hẳn, khó nhận cho biết được cội nguồn vậy.

Những lý-thuyết đó phát-minh ra, thế nào không ảnh-hưởng sâu-xa đến triết-học? Nếu lời giải của LAMARCK và DARWIN như thế là đúng, thời một cái bi-quyết to của tạo-vật sẽ khám-phá được. Các giống sinh-vật ở hoàn-cảnh nào có tư-cách thích-hợp với hoàn-cảnh ấy, hình như tạo-vật chủ-ý sinh ra để cho mà ở đấy, điều đó cồ-lai vẫn cho là một cái bi-quyết lạ-lùng, lấy làm chứng-cớ để tán-dương công-dức của Tạo-vật, nay rõ-ràng là một sự tự-nhiên, không lấy | gì làm lạ cả. Nếu

trong mỗi hoàn-cảnh, 1^o những vật nào không thích-hợp biến mất đi, 2^o những vật nào có thích-hợp mới sống được và sinh - sản được, thời những giống sinh-tồn được ấy tất-nhiên bao giờ xét cũng hình như trời sinh ra riêng để mà sống ở đấy. Kỳ-thực không có tay ông Trời nào ở đấy cả, chỉ có lẽ đào-thải tự-nhiên mà thôi, lẽ ấy rất giản-dị, không ai là không hiểu : ở một nơi nào, vật nào không sống được tất phải chết, vật nào không sinh - sản được tất tiêu-diệt ; vật nào sống được mới sống, vật nào sinh-sản được mới lưu-truyền, lưu-truyền được lâu thời chúng-loại phồn-thịnh.

Nay không những các giống sinh-vật như thế, đến cái trật-tự của toàn-thế vũ-trụ cũng có thể giải-thích theo một lẽ đó được, không cần phải mượn đến lẽ trời can-thiệp vào.

Mà thực, điều đáng lạ không phải là vũ-trụ có trật-tự chỉnh - nghiêm, chỉnh là người ta thấy trật-tự ấy mà lấy làm lạ vậy. Sở-dĩ lấy làm lạ được, là bởi có thể nghiệm thấy được, có thể nghiệm thấy được là bởi có thể sinh-tồn được. Nay nếu trong cái thế-giới làm trường - sở cho địa - cầu ta vận-động, không có đủ trật-tự để cho các tinh - cầu khỏi đụng chạm nhau, thì chúng ta sinh-tồn làm sao được ? Chúng ta không sinh-tồn được thời làm sao biết được vũ-trụ không có trật - tự ?

Không những thế mà thôi. Nhân các khoa số-học phát-dat, lại phát-minh được nhiều lẽ mới nữa. Như phép tính độn, bày được một lẽ cũng lạ. Lấy một cái máy quay số, chia ra từng ô đen đỏ ; tích-cờ ném hòn « bi » vào, thời không có lẽ rơi vào ô đỏ hơn là ô đen. Thực ra thì khi rơi vào ô nọ, khi rơi vào ô kia. Có khi rơi luôn vào ô đỏ một hồi, hay luôn vào ô đen một hồi. Vậy thời ném trong ít lâu không ai đoán biết được đen đỏ thế nào. Nhưng suy-nghĩ thời hiểu ngay và thí-

nghiệm sẽ biết rõ : hễ ném càng nhiều thời số đỏ đen càng thấy sầm-si bằng nhau. Nay ví ném vô-cùng, thời chắc số đỏ số đen sẽ dần-dần cân nhau hẳn. Đó gọi là cái luật các số lớn (*loi des grands nombres*).

Nay xét đến toàn-thế vũ-trụ. Cái số những nguyên-chất kết-thành ra vũ-trụ chắc là vô-cùng. Cái cách các chất ấy phối-hợp với nhau chắc cũng là vô-cùng, trí người không thể tư-lượng được. Nhưng có một điều ta phải chịu, là điều như sau này. Tự thiên-vạn-cổ đến giờ, trong khoảng thời-gian vô-hạn, cách phối-hợp các chất trong vũ-trụ, cách nào chắc cũng đã trải qua cả rồi ; cách nào chắc cũng đã từng trải qua và sau này lại còn sẽ sinh-xuất ra không biết HẰNG-bà sa-số nào là lượt, trí người không thể tư-lượng được. Lại cổ vãng kim lai, phạm cách nào là cách có thể bày ra được, chắc cũng đã bày ra cả rồi, và chắc cũng đã trải qua cái số ngang bằng hết thấy cả các cách khác rồi. Nghĩ tới sự đó, trí người không thể không lấy làm kinh-dị. Lấy làm kinh-dị mà lấy làm suy-nghĩ, nghĩ rằng phạm cái gì xảy ra ngày nay, xưa kia chắc là xảy ra vô-số lần rồi, và sau này cho đến vô-cùng-tận, còn xảy ra không biết bao nhiêu lần nữa. Nghĩ thế mà đến hốt-hoảng người lên ; tuy-nhiên không phải là sự mơ-tưởng, chính là sự thực, và có lẽ là sự thực thiên-cổ vậy.

Ấy các khoa-học thực-nghiệm phát-minh ra những lẽ mới lạ như thế. Trong các nhà tư-tưởng, thế nào lại không có những người có trí cai-quát muốn nhân những điều phát-minh đó, khái-niệm ra mà kết-cấu thành triết-học, cho một cái giá-trị tuyệt-dịch ?

(Còn nữa)

TRƯƠNG-CHI biên-dịch

HAI NGƯỜI NƯỚC TRIỆU ĐỜI CHIẾN-QUỐC

Liêm Pha và Lạn Tương-Như

Một đồng cát kia dẫu to bằng cái núi mà nước có thể làm trôi, gió có thể thổi tan đi được, là vì nó không có kết-lực. Thế mà hòn đá kim-cương nhỏ, dù bé bằng đầu kim cũng cắt được pha-lê, rũa được ngọc, là vì nó có cái kết-lực rất kiên-cường. Đến như nước nhà của người ta cũng vậy. Một nước mạnh hay yếu, thịnh hay suy, còn hay mất, không phải ở đất rộng người nhiều mà chỉ nhờ vào cái kết-lực của người trong nước ấy thế nào đó mà thôi. Ông Mạnh-tử nói rằng : « Thiên-thời không bằng địa-lợi, địa-lợi không bằng nhân-hòa. » Nhân-hòa tức là cái kết-lực của nhân-dân đó. Ông Mạnh-tử lại nói rằng : « Một nước tất trong tự sát-phạt nhau thì rồi người ta mới sát-phạt được ». Câu ấy thực là một cái án sắt vong-quốc bại-gia ở trên lịch-sử cổ-kim. Ngày nay cái nghĩa ấy nhiều người biết được, nhiều người nói được mà cũng nhiều người trách người ta được, đến như tự mình nên làm thế nào cho được nhân-hòa, cho có kết-lực thì vẫn còn hiếm mãi.

Nhân đọc lịch-sử đời Chiến-quốc, thấy nước Triệu bấy giờ chỉ nhờ được có hai người mà khiến cho nước Triệu đủ mạnh, chính lại nhờ được hai người ấy biết hòa-hiệp với nhau mà khiến cho nước Triệu càng thêm mạnh. Hai người ấy cũng tự biết, cũng cùng chịu nhìn lui-lời nhau, giao hoan với nhau để cố-kết với nhau, khiến cho nước Triệu hồ yếu lại mạnh, đã suy lại thịnh, cho nên nước Triệu tuy to mà người ta chỉ kể có hai người.

Đời Chiến quốc đến bấy giờ trong đám « Thất-hùng » (bảy nước mạnh) thì nước Tần ngày càng cường-thịnh hơn hết, sáu

nước, Hàn, Ngụy, Triệu, Yên, Tề, Sở đều sợ-hãi, lúc thì hợp-tung lại với nhau để chống Tần, lại khi thì liên-hành lại với nhau để thờ Tần, không nước nào là không bị cái chiến-họa, kinh cái binh-uy của Tần, cắt đất xin hòa, nộp « con tin » để thông-hiểu, ngày đêm lo sợ bị thôn-tính về với Tần. Nhất là nước Triệu ở giữa cái đất « Tam Tấn » gần với địa-giới Tần, từ đời vua Vã-linh-vương hạ lệnh cho quân-dân đều ăn mặc y-phục rợ Hồ, vua thì tự mình tập cưỡi bắn để dạy quốc-dân, quốc-thể mới dần dần thịnh-vượng. Tần vẫn ghét, nay vua Huệ-vương còn bé nổi ngôi, Tần chỉ chực thừa-cơ diệt Triệu rồi mới đến nước khác, nhưng trời còn tựa nước Triệu, trong hàng quân-nhân có kẻ tướng tài nổi lên, đánh đuổi không cho con hồ-lang Tần mon-men vào bờ-cõi nước Triệu, uy-thanh nước Triệu lại lừng-lẫy ở các nước chư-hầu, ấy là ông Liêm Pha đó.

Ông Liêm Pha là người có dũng-lực, lại khéo dụng-binh, từ khi đem binh đi hợp với quân Đồng-minh năm nước là Tần, Ngụy, Yên, Hàn, Triệu để diệt nước Tề về, các nước đều biết tiếng, vua Huệ-vương nước Triệu phong cho làm Đại-tướng-quân.

Tần mấy lần đem binh sang đánh Triệu, cũng bị Liêm Pha phá tan. Tần biết không thể áo được Triệu bằng cách vũ-lực, bèn quây ra thông-hiểu để lừa Triệu bằng mẹo ngoại-giao, thế là Triệu được một người khiến cho nước đủ mạnh rồi đó.

Từ bấy giờ Tần Triệu hai nước tựa hồ thân-thiện với nhau lắm, nhưng trở đời còn lạ gì đánh đu với « tình » mà

không cứng bóng vía thì khó giữ cho « tinh » nó khỏi nát. Vua Tần là Triệu Tương-vương nghe nói vua Triệu mới được một hòn ngọc quý vô-giá, gọi là « Hòa-thị bích-ngọc » của người họ Hòa từ nước Sở đưa lại; ngày thì kỳ bụi kỳ rười, đêm thì có ánh sáng, nên cũng gọi là « ngọc dạ-quang ». Vua Tần bèn đưa thư xin đánh đổi 15 thành Tây-dương; vua tôi Triệu tiếp thư lo nghĩ, không đổi thì sợ vua Tần giận, mà đổi thì sợ mắc lừa, không biết tính thế nào, muốn tìm một người giỏi để sai đi sứ chưa được.

Liêm tướng-quân tuy làm cho Triệu mạnh về đường quân-sự thật đấy, nhưng đấu chọi nhau bằng mồm-mác thì Tướng-quân tài, mà đấu chọi nhau bằng mồm-mép thì tướng-quân không sở - trường, nên tướng - quân cũng không sao được, thành ra sự-thế bấy giờ lại đổi ra cái thời hành - động của kẻ thư - sinh. Có quan Trưởng-bộ Thị-thần là Vu Hiền dâng một người xá-nhân là Lạn Tương-Như để đi sứ. Tương-Như doan xin đem ngọc sang Tần, vì Tần quả không đổi thành thì Tương-Như lại đem được ngọc về tuyền vẹn.

Tương-Như mang ngọc sang đến Tần, vua Tần nghe nói ngọc đã đem sang tới nơi, mừng lắm. Hội-đồng cả quần-thần ở cung Chương-đài để đợi. Tương-Như để cái hộp đựng ngọc lại ở nhà Dịch-quán, chỉ cho ngọc vào trong cái bao gấm mà bưng vào dâng lên vua Tần, vua Tần mở bao lấy ngọc ra xem thì sáng quắc mà trong suốt không có tí vết nào, những chỗ nét chạm là hình thiên nhiên cả, thực là của báu hiếm có. Vua Tần ngắm-nghĩa và khen ngợi lâu rồi đưa cho các quan chuyên tay cho nhau xem một lượt, ai cũng tung-hô vạn-tuế. Vua lại sai quan Thị cho vào bao gấm mà đưa cho các người Hậu-cung xem một hồi lâu nữa.

mới đem ra để trước án. Lạn Tương-Như đứng chực mãi ở bên chẳng thấy nói gì đến cái chuyện giao thành lại cho, bèn tâu rằng : « Viên ngọc này cũng hơi có vết, thần xin trở để ngài coi ». Vua Tần sai cầm ngọc đưa ra cho Tương-Như. Tương-Như tiếp lấy ngọc liền bước đến gần cái cột đèn, nộ-khí nổi hăm-hăm, trợn ngược mắt bảo vua Tần rằng : « Viên ngọc họ Hòa này là vật rất quý ở đời. Đại-vương muốn dùng, đưa thư sang nước Triệu, quả-nhân tôi hội cả quần-thần lại bàn-bạc, ai cũng nói : Nước Tần cội mạnh chỉ nói hão đó thôi, chắc ngọc mất mà chả được thành-trị gì đâu, thì đừng nghe. — Nhưng thần thì nói rằng : Đến kẻ bàn-tiền nó chọi với nhau cũng chả lừa nhau nữa là ông vua nước lớn, sao mình lại đem cái bụng xằng ngờ người ta cho thêm tội với Đại-vương. Vì vậy quả-nhân phải trai-giới năm ngày rồi mới cho thần mang ngọc đây dâng Đại-vương, thế là kính-trọng lắm. Nay Đại-vương tiếp thần một cách khinh-rẻ quá, ngài nhận lấy ngọc rồi đưa cho các quan cùng bọn Hậu-cung đùa bỡn. Coi đó biết Đại-vương không có bụng đổi thành cho, nên thần phải đòi ngọc lại, nếu Đại-vương bách thần thì viên ngọc với dầu thần cũng vỡ tan ra với cái cột này, thà chết chẳng thà mất ngọc. » Nói rồi nắm viên ngọc chực đập vào cột. Vua Tần sợ ngọc vỡ, bèn từ-tạ rằng : « Quan Đại-phu sao lại làm thế. Quả-nhân có nói dối nước Triệu làm gì. » Rồi gọi lấy đĩa-đồ lại, vua Tần vừa trở vừa nói từ chỗ này đến chỗ này cộng là 15 thành.

Tương-Như nghĩ bụng rằng đó là vua Tần nói dối để lấy ngọc chứ không phải là chân-tình, bèn bảo vua Tần rằng : « Quả-quân không dám tiếc cái của quý hiếm có để đeo tội với Đại-vương, cho nên lúc sai thần đem ngọc đi, ăn chay năm ngày rồi hội đủ quần-

thần truyền mệnh. Nay xin Đại-vương cũng trai-giới năm ngày, thiết-lập đồ lễ-vật cho trọng-thể. Thần mới dám dâng ngọc.» Vua Tần xin vâng, cũng truyền lệnh trai-giới năm ngày và cho đưa Lạn Tương-Như về Sứ-quán.

Lạn Tương-Như về đến Sứ-quán lại nghĩ rằng : Mình chót nói ở trước mặt vua rằng hề Tần không các thành cho xin đem ngọc về tuyền ven, nay vì vua Tần cố lừa lấy ngọc mà không giao thành thì mình còn mặt mũi nào trở về nước Triệu nữa. Tức-thì sai người lưng-giả mặc quần áo vải xấu giả làm người nghèo, thắt bao ngọc vào bụng, trốn đi đường tắt về Triệu và tâu với vua cho rằng : « Thần sợ bị lừa nên cho người đem ngọc về nộp. Còn thần chớ tội ở bên này dầu chết cũng không hề nhục đến vương-mệnh. »

Vừa năm ngày, vua Tần lên ngự đền thượng, trần-thiết lễ-vật, mời cả sứ-thần các nước đến dự xem dâng ngọc, có ý phô-trương. Lạn Tương-Như ứng-dung đi vào, làm lễ xong, vua Tần trông tay Tương-Như không thấy ngọc, hỏi rằng : « Quả-nhân đã trai-giới năm ngày, kính-cần để nhận ngọc mà sao bây giờ Sứ-giả lại không đem ngọc vào ? » Tương-Như tâu rằng : « Nước Tần từ đời vua Mục-công đến nay hơn hai-mươi đời vua, đều làm những việc đối-trá, ngày xưa thì tước Kỷ-tử lừa nước Trịnh, người Mạnh-minh lừa nước Tấn, gần đây thì gã Thương-Uông lừa nước Vệ, người Trương Nghi lừa nước Sở, bao nhiêu việc đã qua, không còn có tín-nghĩa gì. Nay tôi chỉ sợ bị ngài lừa để phụ lòng quả-quán, nên đã cho người mang ngọc lên về rồi, tôi xin chịu tội chết ở đây ». Vua Tần giận lắm nói : « Trước người bảo ta không kinh, ta phải trai-giới năm ngày để nhận ngọc, nay lại cho đem ngọc về mất rồi, thế là lừa dối ta ra mặt ». Bèn sai trói ngay Tương-Như lại. Tương-

Như không đổi sắc mặt tâu rằng : « Đại-vương hãy thư giận lại, thần xin nói một lời ; cái thế ngày nay Tần thì cường mà Triệu thì yếu, chỉ có Tần lừa Triệu chứ không khi nào Triệu dám dối Tần. Đại-vương muốn lấy ngọc thì cắt 15 thành cho Triệu trước rồi sai một viên Sứ-giả đi với thần về Triệu lấy ngọc. Triệu nào dám sai lời để đeo tội với Đại-vương. Thần tự biết cái tội đối Đại-vương thế này là đáng chết, nên đã hứa với quả-quán không sống mà về nữa, xin cam mờ-xả để cho Chư-hầu người ta biết cho là Tần vì muốn lấy không ngọc mà giết sứ-thần Triệu, trái phải ở đây. » Vua Tần với quần-thần nhìn nhau chẳng nói được câu gì. Sứ-thần các nước đều lo thay cho Tương-Như. Lính chực kéo Tương-Như đi, vua Tần vội truyền để lại, bảo quần-thần rằng : « Bây giờ giết ngay Tương-Như đi cũng không được ngọc, mang tiếng bất-nghĩa mà tuyệt giao-tình của hai nước Tần Triệu với nhau. » Bèn hậu-dãi cho Tương-Như về Triệu. Triệu phong cho Tương-Như làm Thượng-dại-phu.

Vua Tần không được ngọc căm vua Triệu lắm, cho sứ ước vua Triệu vào hội-liên với vua Tần ở đất Giang-tri trong nước Tần. Vua Triệu sợ vua Tần lừa vào mà bắt giữ lại như việc lừa vua Hoài-vương nước Sở vào hội mà giam lại ở Hàm-dương. Liêm Pha với Lạn Tương-Như bàn với nhau rằng : « Không vào thì Tần họ khinh ta là đất », bèn xin vua cứ đi mà cho Lạn Tương-Như đi hộ giá, Liêm Pha thì ở nhà phủ Thái-tử, lại cử Lý Mục với Bình-nguyên quân đem đại-binh đi phòng-bị, khi tiễn vua đến cửa ải, Liêm Pha nói rằng : « Việc ngài vào miệng cộp không biết thế nào, xin ước với ngài từ nay quá 30 ngày không thấy về thì chúng tôi bất-chước việc nước Sở ngày nọ lập Thái-tử làm vua, cho Tần họ khỏi nhòm-nhối nữa. » Vua nhận lời.

Bùng hện hai vua làm lễ tương-kiến nhau, rợu ngà-ngà vua Tần bảo vua Triệu gầy đàn sắt, vua Triệu phải gầy, vua Tần sai Ngự-sứ Tần chép rằng : « Năm... tháng... ngày... Tần-vương với Triệu-vương hội ở Giang-tri, sai Triệu-vương gầy đàn sắt. »

Tương-Như thấy vậy cũng bẻ cái hũ sành ra trước xin vua Tần gỡ một cái để hòa lại, vua Tần hăm mặt lại không gỡ. Tương-Như quì xuống bẻ cái hũ sành gờ lên tận mặt vua Tần xin vua Tần gỡ, vua Tần cũng không gỡ. Tương-Như nói : « Thế ra ngài cậy thế nước Tần mạnh lắm sao, trong chỗ đất dẫm bước chân này tôi dám lấy máu cổ tôi mà bôi vào ngài được. » Các quan Tần mừng Tương-Như vô-lễ toan bắt lấy, Tương-Như trốn mất thét lên, râu tóc đứng dựng làm cho họ phải lui ra. Ý vua Tần không bằng lòng, nhưng sợ Tương-Như, miễn-cưỡng gỡ một cái, Tương-Như đứng lên bảo Ngự-sứ Triệu chép rằng : « Năm... tháng... ngày... Triệu-vương với Tần-vương hội ở Giang-tri, sai Tần-vương gỡ cái hũ. »

Các quan Tần xin giữ vua Triệu với Tương-Như lại, vua Tần biết Triệu có binh phòng-bị, nếu giữ không được thì thiên-hạ cười, bèn thêm kính-trọng vua Triệu, kết làm anh em, thế không xâm lấn nhau, lại cho Thái-tử sang làm con tin bên Triệu để Triệu kiến-tin mà được chuyển-tâm về mặt nước Hàn.

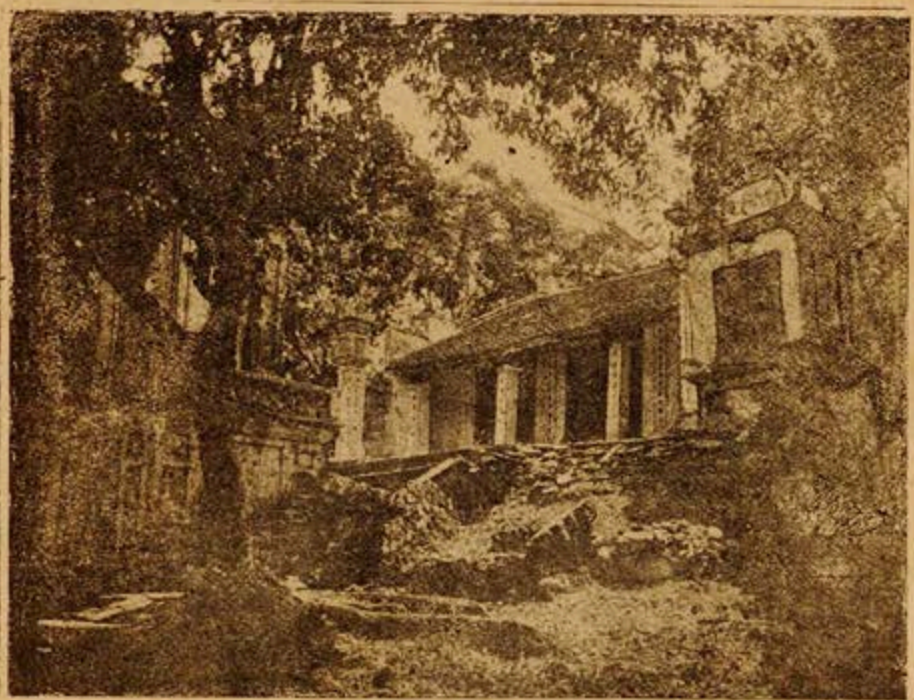
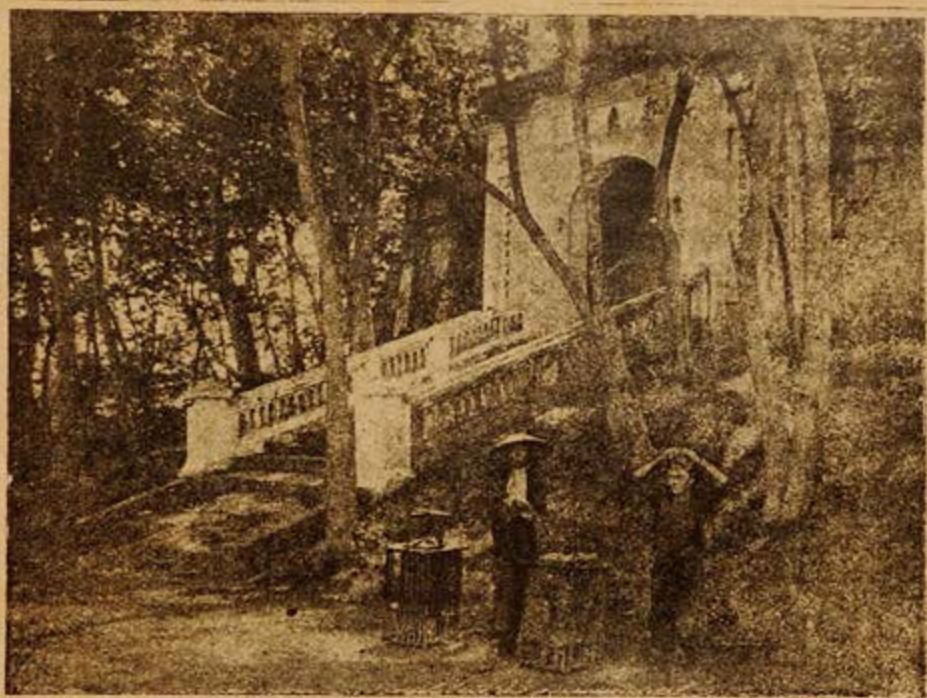
Tần hội về vừa 30 ngày, vua Triệu nói : « Ta nhờ có Tương-Như mà thân ta yên, nước ta vững, quân-thần không ai hơn Tương-Như được. » bèn cho Tương-Như làm Tương-quốc, ngôi ở trên Liêm Pha. Thế là Triệu lại được một người nữa là hai. Sở dĩ Triệu được mạnh là mạnh ở hai người, Tần phải sợ Triệu là sợ ở hai người, hai người thực là phúc cho nước Triệu, hai người

đều có quan-hệ cho nước Triệu. Như thế nhưng còn cái cách hai người tương-đối với nhau sẽ ra thế nào.

Liêm là người dũng-lược có chiến-công thì làm Đại-tướng-quân, Lạn là người trí-mưu có thực-trang thì làm Thủ-tướng. Vua Triệu thực cũng biết người mà khéo dùng, không có thiên-tư gì. Hay đâu Liêm Tướng-quân vốn có bụng tốt với nước mà chưa thoát khỏi cái kiến-thức tầm-thường, nghe thấy Lạn hơn mình thì giận lắm, nói rằng : « Tao đánh thành giữ nước, công-lao biết bao ; thằng Tương-Như nó xuất-thân hàn-vi, làm đầy-tớ nhà hoạn-quan, chỉ vì lém-lầu mà được ở trên tao, sao tao chịu, hễ tao gặp nó là tao giết chết. » Xem lời-lẽ Tướng-quân chỉ li-nạnh có ở trên ở dưới thì cũng là cái tính nóng-nảy mà vô-tâm của kẻ vũ-nhân đấy thôi, nhưng vì gặp phải Lạn Tướng-quốc mà là kẻ tiểu-nhân âm-hiềm vị-kỷ ra thì thế-tất bất-tương-hạ nhau, vất bỏ việc nước ra một nơi mà quyết cùng nhau vật lộn, vắn càng hiểm thì vũ càng hung, diễn ra biết bao nhiêu cái ác-kịch bi-kịch gớm-ghe, vạch áo cho người xem lưng gầy béo mà nước Triệu khó giữ cho toàn được là nước Triệu nữa Tri-giả xem đến đây mà lấy làm lo cho hai người và lo cho nước Triệu.

Song cũng may, Lạn Tướng-quốc là người có độ-lượng, là người chân-tâm vì nước, ông cho sự cầm quyền là cầm cho nước chứ không phải cầm cho mình, ông biết Liêm Tướng-quân cũng chỉ là người nóng-nảy thường-tình đó thôi, thì liệu đường đóng cửa trong nhà dạy nhau chả còn hơn hở môi cho gió nó lọt, nên nghe thấy câu chuyện ấy thì ông tìm hết cách mà tránh cho không gặp mặt ông Liêm, đến buổi công-triều mà có ông Liêm thì ông cũng cáo bệnh không dự, bợn xá-nhân nhà ông Tương-Như ai cũng cho ông là dặt

Ảnh miếu Trung-lương (Thái-hà-ấp)



Kinh ảnh T. C. Kuyễn

Ảnh miếu Trung-lương (Thái-hà-ấp)



Kính ảnh T. C. Khuyển

mà bàn vụng với nhau; đến tai Trương-Như. Trương-Như nói: «Hèn như Tần-vương, thiên-hạ đều sợ oai mà tôi còn mắng cho ở giữa công-đình, làm nhục cả bọn quần-thần của họ, nữa là Liêm Tướng-quân, tôi lạy hèn nhưng có sợ gì ông. Tôi chỉ nghĩ một điều rằng: Nước Cường-Tần mà sở-đĩ không dám đem binh đến đánh Triệu là vì có hai người chúng tôi, nay hai con hổ cắn lộn nhau thế nào cũng không toàn cả được. Tần biết chuyện tất thừa cơ đánh Triệu ngay, bởi thế nên tôi phải mặt dày mày dạn mà tránh ông đi là tôi lấy việc nước làm trọng mà thù riêng làm khinh đó.» Những kẻ xá-nhân đều lấy làm thán-phục. Ôi, yếu nước mà chịu nín nhịn nhau đến như ông mới thực là yếu nước. Ông đã vì nước như thế, ông là một con hổ có độ-lượng, không những gặp con hổ khảng-khái mà ông nhường-nhịn, chứ vì gặp con không phải hổ có lẽ ông cũng không sá chi.

Bấy giờ có một người quê ở Hà-đông lên là Ngu Khanh sang chơi Triệu nghe câu chuyện ấy vào yết Triệu-vương mà nói rằng: «Có phải trọng-thần của ngài bây giờ là Liêm Pha với Lạn Trương-Như không?» Vua nói: Phải. Ngu Khanh nói: «Tôi nghe nói các đời vua trước quần-thần nhiều người giỏi lắm, cùng nhau mưu toan việc nước, nay ngài chỉ trông cậy được có hai người trọng-thần mà đề cử thù-hằn nhau thế không phải là phúc của xã-lễ đâu, ông Lạn cứ nín-nhịn mà ông Liêm cứ kiêu-ngạo mà ông Lạn không dám găn, trong triều có việc không ai giúp ai, ngoài biên có cấp không người nào đỡ người nào, tôi lấy làm lo cho ngài.» Vua Triệu xin vâng.

Ngu Khanh vào yết Liêm Pha bắt đầu xưng-tung ngay cái công-lao của Liêm. Liêm thích lắm. Ngu Khanh tiếp luôn lên rằng: «Kề công thì không ai

bằng tướng-quân được mà kể cái lượng thì «thầy nho Lạn» còn hơn nhiều.»

Liêm Pha gắt lên rằng: «Thằng ấy là đũa hèn-mặt chỉ nhờ khẩu-thiệt mà được công-danh, còn có lượng gì.»

Ngu Khanh nói: — Ông Lạn không phải là hèn đâu, ông ấy biết cái nghĩa lớn đó. — Rồi Ngu Khanh thuật lại cái lời Trương-Như nói với bọn xá-nhân cho Liêm Pha nghe xong, lại nói: — Nếu Tướng-quân không muốn thán-thần ở nước Triệu nữa thì thôi, chớ vì Tướng-quân còn định nhờ ở nước Triệu nữa mà hai ông đại-thần với nhau một bên thì cứ nhũn, một bên thì cứ sẵng, tôi e cái tiếng tốt không về Tướng-quân nữa đâu.

Ôi, Ngu Khanh chỉ là khách đến chơi nước Triệu, cũng không ai mượn mà tự mình xin đi điều-đình cho hai nhà cứu-gia hòa-hiệp nhau để giúp cho nước Triệu, thì biết kẻ nhán-nhán ở đời không muốn trông thấy ở đâu có những sự hằm-hè sáu-xé nhau trong đồng-loại. Song Liêm cũng thật là người biết vì nước, sự ghen-tị kia bất-quá là cái tính nóng-nảy chốc-lát mà thôi, cho nên nghe Ngu Khanh nói thì nghĩ ra ngay mà lấy làm cả then, nói lại rằng: «Vì không có tiên-sinh báo cho thì tôi không biết được cái lỗi của tôi, tôi còn kém ông Lạn xa lắm. Ở đời biết được cái lỗi của mình khó lắm, có người báo cho mà nhận ngay lấy lỗi lại càng khó lắm, biết lỗi đó mà chịu đời ngay lại càng khó lắm nữa, phi kẻ dưng mà nhán không làm nổi.» Liêm Pha nói thế xong, bèn nhờ ngay Ngu Khanh đến nói trước với Trương-Như cho, rồi ông tự đến cửa nhà họ Lạn bỏ trường tay áo ra mà từ-tạ rằng: «Bỉ-nhân bụng dạ hẹp-hòi, không biết Tướng-quốc có cái lòng khoan-dung đến như thế. Bỉ-nhân thất-chết cũng không hết tội.» Nói xong

quì xuống ở giữa sân. Đấy ! biết lỗi mà cải lỗi ngay đến như thế. Liêm Tướng-quân thật đáng là Đại-Tướng-quân. Trương-Như vội-vàng chạy ra ôm Liêm Pha lên mà rằng : « Hai người chúng ta sánh vai giúp nước, làm bày tôi xã-tắc, Tướng-quân chiêu-tình cho tôi thế là hay lắm rồi, còn tạ là gì nữa. »

Liêm Pha nói : « Tôi què-khích thô-bạo quá, nhờ Tướng-quốc tha thứ cho như thế, tôi lấy làm xấu-hổ vô cùng. » Nói rồi cầm lấy tay Trương-Như mà khóc. Trương-Như cũng khóc. Liêm Pha nói : « Từ nay xin kết làm bạn thiết, sinh tử có nhau, dầu rụng đầu cũng không

đổi nghĩa. » Hai bên giao-bái rồi đưa nhau vào nhà đặt tiệc rất vui-vẻ. Người đời sau có thơ rằng :

引車驅避量誠洪。
肉袒將軍志亦雄。
今日紛紛競門戶。
誰將國計置胸中。

Diễn nôm :

Tránh xe bụng cũng đã khoan-dung,
Qui tạ ngoài sân trí lại hùng ;
Những bọn lau-nhau tranh quần nọ,
Nước nhà còn có nghĩ gì không ?

Đ. N.

LUẬN-THUYẾT TÂN XÃ - HỘI (1)

11

Nói về xã-hội công-cộng chính-trị.

1^o Các biểu trong làng phải lập mỗi biểu một nhà gia-tộc hội-đồng. — Nay các họ trong xã-hội nước ta, mỗi nhà một nhà thờ, mỗi nhà một phong-tục, nhà thì trang-hoàng, nhà thì men-mốc, cách tự-sự rất là xô-xóc khó coi, nhà thì chỉnh-dốn, nhà thì ó-dờ, cách cư-xử rất là so-le không nhất-định. Tiếng tuy cùng họ, không phải ngày kỵ ngày lập, chưa từng liên-lạc với nhau, đến như ngày thường, thì thực không có một điều dở, một điều hay để cùng khuyến-giới, không có điều hơn lẽ thiệt để cùng bảo-ban, con cháu trong họ không ai giáo-giới, dẫu rằng trong họ lằng-loàn không ai cấm-ngăn, tiên-tổ trong họ đã xa đời không ai ghi nhớ, tôn-thân trong họ khi già yếu không ai hỏi-han. Nay muốn cải-lương làng, trước hết phải cải-lương

các họ. Phạm các họ trong các làng vô-luân to nhỏ, mỗi họ đều phải lập một gia-tộc hội-đồng để phụng-sự bản-tộc tiên-tổ, và liên-lạc bản-tộc tôn-thân, mỗi họ phải lập một gia-tộc giáo-duc-dưỡng, để giáo-duc bản-tộc tử-tôn, và khuyến-giới bản-tộc hôn-tế. Mỗi họ phải lập một gia-tộc công-sản, để sửa vào gia-tộc hội-đồng, gia-tộc giáo-duc-dưỡng kinh-phi, mỗi họ phải lập gia-tộc công-cộng hiện-phả, và gia-tộc lịch-dại lưu-truyền phả-giám, để giữ nền tinh-túy bên Đông-phương.

2^o Các làng phải chỉnh-dốn lại hội-đồng dân-chính — Nước ta mấy năm nay có hương-hội, mà dân-chính đổi-bại, là vì không có ba quyền phân-biệt. Nay nghĩ xin đặt tộc-biểu, để dựng quyền-lập-pháp, phạm các công việc nội-tri ngoại-giao trong làng, các tộc-biểu

(1) Xem N.-P. số 118.

đều được dự-bàn, xin đặt Chánh-phó hương-hội để giữ quyền tư-pháp. Phàm các hiến-pháp của quốc-gia đã định, cùng các công việc trong làng đã bàn, các chánh-phó-hội phải kính giữ hiệu-cáo dân-tình chu-tri, ai không giữ phép thì có quyền phép xét hỏi. Xin đặt chức Giáo-học, chức Minh-nông, chức Đốc-công, chức Hưng-thương, chức Lương-y, chức Tuân-bình, chức Điền-bình mọi chức để giữ quyền hành-pháp. Phàm các công việc thực-nghiệp, như việc học, việc cấy, việc thợ, việc buôn, việc thuốc, việc canh-phòng, việc hình-án của xã-hội, các chức đều phải chấn hưng thi-hành. Xin đặt thư-ký, thủ-quĩ, lý-trưởng làm trợ-sự để biên ghi sổ-sách, thu-phát ngân-tiền, cùng đốc-lý mọi việc. Những các chức vừa nói trên đó, làng to thì mỗi chức hai người, làng nhỏ thì mỗi chức một người, làng nào có chợ thì đặt người quản-thị, làng nào duyên sông thì đặt người quản-giang, làng nào có núi thì đặt người quản-son, để xét thương-sự vắng-lai, gian-phi ân-phục, đó là châm-chước chính-trị bên Tây-phương.

30 *Tuyên-cử dân-chính tư-cách.* — Xã-hội nước ta mấy năm nay có hương-hội, những người đủ tư-cách thì còn thuộc về số ít, những người chưa đủ tư-cách còn thuộc về số nhiều, có người không có sản-nghiệp, không thông quốc-ngữ, chỉ cậy có mảnh giấy hu-hâm, tranh ra ngồi ban hương-hội, phàm việc gì được chấm mút thì chăm-chăm nghị-luận mà thôi; có người không thông Hán-tự, chẳng có quốc-ngữ, chỉ cậy có tiền hàng tập, cũng tranh ra ngồi chiếu hương-hội, chẳng được một câu nghị-luận ích-lợi gì, chỉ chăm-chăm đợi ký biên-bản mà thôi. Xét cho kỹ mà xem, thì những người ứng-cử ấy, lại thuần là bọn kỳ-hào cũ, lại bầu-cử nhau ra, giữ lấy quyền-lợi

của dân, thường có người trong họ không biết dấy là dâu, người trong làng không ai biết dấy là dâu, họ cùng đảng thông-dồng với nhau, tác-tệ dân-tình lại có phần hơn trước, dân-tình có nói, thì họ nói làm việc với quan, tộc-thuộc có nói, thì họ nói họ làm việc với hương - hội, mà xem ra làng nào cũng thế, giá hỏi đến việc nông, việc học, việc công, việc thương, việc binh, việc y, việc hình, mọi việc quan-thiết của xã-hội, trình-dộ tiến-bộ hay thoái-bộ như thế nào, thì họ lại lảng đi chuyện khác; thậm có kẻ nhân thời-thế cải-lương, mà mất cả lương-tâm, thóa-mạ phụ-huynh là không biết thời-thế, vũ-doán tử-dê là không biết luật quốc-gia, khoe với thế-thiếp là tân-nhân-vật ở xã-hội, công-quĩ hao nhiều thì cùng ra tay chấm mút, khi đi nghe việc diễn-thuyết, lời-thói năm ba ngày, để lấy tiền cơm, tiền xe, khi đi làm sổ sách, dắt-diu một bọn dài, tính cả tiền quà tiền phien, giấy những-lạm chất đầy cả nha phủ-huyện, tờ khiêu-nại vang khắp cả chỗ tỉnh-đường, ai cũng nói cải-lương thành ra vi-ác. Nay nghĩ xin định các tộc - biểu, ở họ nào thì phải do họ ấy công-cử ở gia-tộc hội-đường, chánh phó-hội ở làng nào, thì phải do toàn-số dân ở làng ấy công-cử, đầu-phiếu công-cử ở công-dân công-sở; thư-ký, thủ-quĩ, lý-trưởng thì phải do có tốt-nghiệp văn-bằng ở trường khuyến-học mới được, làm quản-thị, quản-giang, quản-son thì phải do sở-tại toàn-dân đầu-phiếu công-cử; còn chức giáo-học thì phải do có tốt-nghiệp văn-bằng su-phạm; chức minh-nông, thì phải có văn-bằng tốt-nghiệp ở sở canh-nông; chức đốc-công phải có tốt-nghiệp văn-bằng ở trường kỹ-nghệ; chức hưng-thương phải có văn-bằng ở trường thương-mại; chức lương-y phải có văn-bằng tốt-nghiệp ở trường y-học; chức tuân-bình phải có tốt-nghiệp văn-

bằng ở trường binh chính; chức điền-binh phải có tốt-nghiệp văn-bằng ở trường hình-luật, các chức vừa nói trên đó, như tặc-biêu, như chánh-phó hương-hội, như thư-ký, như thủ-quĩ, như quản-thị, quản-giang, quản-sơn, kể về tuổi thì phải từ 30 tuổi trở lên. ai chưa đúng tuổi thì chưa được làm. kể về niên-hạn thì 3 năm mới được mãn, khi mãn ai được tái-cử thì lại được làm; kể về dân-phiếu ai được thăng-phiếu thì được thăng-cử, ai kém phiếu thì đình-cử; kể về sản-nghiệp thì có độ năm trăm bạc trở lên mới được tuyền. ai chưa được thế thì chưa được tuyền; kể về học-thức thì phải đủ hai ngòi bút là bút sắt, và bút lông, đủ 4 thứ chữ là quốc-ngữ, nam-âm, pháp-văn, hán-tự, ai được thế thì ứng-dụng, ai không được thế thì không ứng-dụng. Còn giáo-học, minh-nông, đốc-công, hưng-thương, lương-y, tuần-binh, diển-hình thì đều phải có tốt-nghiệp văn-bằng như trên vừa nói, đó là đại-lược tuyền-cử dân-chính phải nên như thế.

40 *Thiết-lập Hương-học*. — Hóa dân thành-tục, cốt bởi ở học, xã-hội các nước văn-minh đều lấy việc đó làm cần nhất, xã-hội ta mấy năm nay cải-lương về phần hương-học hãy còn khuyết-diếm, nay nghĩ định muốn cho dân-trí mở-mang, dân-đức tấn-tới, dân-lực mạnh giỏi thì cần nên lập trường học ở các hương-thôn, cường-bách các con em, bảy tám tuổi trở lên, vô-luận nam-nữ đều phải tới học, nếu trẻ nhà nào không đi học, thì phạt bố mẹ, cách học thì dùng quốc-ngữ phổ-thông cách thì dùng quốc-ngữ làm vấn-đề, hạn học 3 năm phải thi, ai thi trúng thì phát xã-hội tốt-nghiệp văn-bằng, ai trúng bằng xã-hội tốt-nghiệp thì sáu được dự vào tòa dân-chính, đến như thầy giáo thì do nhà-nước

tuyền-bỏ, còn lương thì do công-quĩ hương-thôn cấp-phát.

50 *Tổ-chức nông-sự*. — Sinh-dân đại-bản cần nhất việc nông, nước ta là nước canh-nông, xem ra việc nông các làng rất là coi thường lắm, nay nghĩ định những sự ích-lợi cho việc nông:

1) Đường khuyến-nông phải đắp rộng-rãi phẳng-phiu, rộng ước khoảng 5.6 thước ta, để người đi lại Khang-trang, và trâu bò khỏi giẫm hại lúa-mả;

2) Đường kinh-giới, tức là bờ ruộng phải đắp rộng một thước một ta, để tiện sự khỏi lẫn bờ, lẫn cõi, và người với trâu bò khỏi séo nát lúa mầu;

3) Ngòi cừ phải khơi cho sâu, để phòng khi thủy-hạn;

4) Cầu cống phải xây đắp để phòng khi tháo khi cầm;

5) Quán vệ-nông. Mỗi khu phải lập một quán vệ-nông, để cho người làm ruộng trú khi mưa, khi nắng;

6) Quán quan-nông, để cho người tuần-binh trú khi gió khi sương, những sự đó chức minh-nông phải nên khuyên-miễn đấy.

Những sự làm thiệt-hại cho nghề nông:

1) Thả vịt ngỗng, thả ngựa dê, thả lợn gà, thả trâu bò ăn rong ở các ruộng lúa mầu;

2) Đánh lờ, đánh dỏ, đánh riu, đánh chà, đánh lưới ha-sa ở các cánh đồng giữ nước;

3) Sẻ trên mặt ruộng cái, cùng tháo nước đi để kiếm cá tôm;

4) Phá chân đập đôi bé đi để cho rộng ruộng;

5) Lập đường thông-thủy để thủy-thế không thông;

6) Tháo nước vũ-lao ở cánh nọ ra cánh kia để cho điều-hòa tầm-một,

những sự đó chức minh-nông đều nên nghiêm-cấm đấy.

Những sự trộm cắp nhà nông :

1) Kẻ hay ăn trộm các thức hoa-mầu ;

2) Những kẻ hay ăn trộm các thức lúa mạ ;

3) Những kẻ hay ăn trộm đồ diên-khi. Chức minh-nông đều phải minh-sát mà trừng-trị đấy.

6^o *Chấn-hưng công-nghệ.* — Đồ dùng lợi dân ấy là công-nghệ, xã-hội nước ta làng nào công-nghệ gì, là người đốc-công cũng phải nên chấn-hưng nghệ ấy để cho phát-đạt khắp trong ngoài, để chiếm lợi-quyền trên thế-giới.

7^o *Chấn-chỉnh thương-trương.* — Giao-thông phú - quốc, ấy là nghề thương, xã-hội nước ta làng nào có chợbuôn hay có điểmbuôn, làm người hưng-thương phải nên chấn-chỉnh, không được dong những kẻ ăn trộm ăn cắp, phải tra xét những kẻ bán của gian-phi, như thuốc phiện lậu, rượu lậu đều phải nên cấm, những bài-phu, tam-cúc, thò-lò, súc-sắc, tổ-tôm, tài-bàn, ich-si, các thứ thuốc về cờ-bạc, các thứ thuốc về bán thuốc phiện, đều phải nên trừng-trị.

8^o *Sáng-lập y-viện.* — Thọ-dân thọ-quốc, ấy là nghệ y, xã-hội các nước văn-minh đều có y-viện, xã-hội nước ta vô-luận là làng to, làng nhỏ, đều không có y-viện, để điều-tễ dân khi có tật-bệnh gì cả, mà đâu có cũng chỉ là thầy thuốc gia-truyền một vài phương kinh-nghiệm mà thôi, cùng những phường chẳng biết làm thuốc, mà cũng giả-mạo làm thuốc để kiếm lợi. Ôi tính-mệnh muốn nghìn người trong xã-hội, mà phó cho bọn dong-y ấy, chẳng cũng nguy lắm dư ! Nay nghị-định xã-hội ta bất-cứ to nhỏ, làng nào cũng phải có y-viện, bỏ thầy lương-y để chữa

dân khi tật-bệnh, cấm những kẻ dong-y, không được sạ-lợi, để làm hại tính-mệnh của sinh-dân.

9^o *Phân-sáp hương-bình.* — Canh-phòng nội-hương ngoại-dã để giữ-gìn tính-mệnh tài-sản trong một làng, một làng cần phải có hương-bình, xã-hội nước ta, việc canh-phòng rất là sơ-khoảng, và lại coi thường, người giàu có thì không cần gì, kẻ nghèo-khó thì càng lười-biếng, nên trộm cướp đêm ngày thừa-cơ ăn-phục, mấy năm nay các làng giản-tuyền hương bình cũng là hư-úng, trộm vẫn hoàn trộm, cướp vẫn hoàn cướp; nay nghị-định các làng hương-bình phải phân làm hai ban, một ban canh nội-hương-ấp, một ban canh ngoại-dồng-diên, canh nội-hương-ấp do những nhà có sản-nghiệp, mỗi ngày một người luân-phiên canh ở cổng làng, còn luân-phiên canh ở chung quanh làng, thì phải lương - cấp, trừ những người tàn-tật già yếu đàn bà trẻ con thì không phải canh, còn người tự 18 tuổi đến 49 tuổi thì đều phải canh. Làng to mỗi cổng mỗi đêm năm người, làng nhỏ cũng thế. Những người có sản-nghiệp mà đi làm việc quan xa hay học-hành xa, hay buôn bán xa, đến tuổi canh mà không về canh được, thì mỗi người mỗi năm phải xuất một đồng bạc để cung-ứng vào tiền dầu đèn; còn canh ngoài đồng, thì những nhà có điền-sản, đệ-niên phải luân-lưu mà canh, ngày thì mỗi ngày một người, đêm thì mỗi đêm năm người, tuần-phòng những khi lúa mạ, thì có lương cấp, lương ấy do các nhà điền-chủ chiếu phong-niên thì được thu, hung-niên thì đình-thu, những kẻ không có điền-sản thì không phải canh, đốc-suất việc canh-phòng thì do người tuần-bình phải thôi-đốc đấy.

10^o *Tổ-chức tài-chính.* — Thế - giới văn-minh cần dùng tài-chính, vậy thì xã-hội cũng phải nên tổ-chức tài-chính,

là việc cần thứ nhất: 1) phải có công-quĩ để thu các ngân-tiền, những khoản tiền ấy do chiết- nạp ở các lệ quan, hôn, tang, tế, cùng việc ký-táng, với di-dịch điền-thổ, và các thứ tiền phạt để sung vào; 2) phải có công-sương để thu các thóc, những thóc ấy do ở bán các công - điền công - thổ cùng sương túc để sung vào, tiền thóc ấy giao thủ-quĩ cầm giữ, giao tuần-bình canh-phòng, phạm khi xã-hội có kiến-trúc hay tu-lý việc gì, và khi sắm-sửa đồ gì, với chi-phát lương mọi chức-việc thì trích-thủ ra để tiêu-dùng, khi thu vào được bao nhiêu, khi phát ra hết bao nhiêu, khi người nộp bao nhiêu, khi người lĩnh bao nhiêu, thủ-quĩ đều biên vào sổ-sách cho minh-bạch, đệ-niên tháng năm tháng mười, phải tính cho hội-dồng dân-chính được biết, và xã-hội chu-tri, nếu canh-phòng bất-cần mà mất tiền thóc ấy, thì tuần-bình phải bồi mà phải cách, nếu thu phát không tính, mà đến sai-xuyến tiền thóc ấy, thì thủ-quĩ phải bồi mà phải bãi.

11^o *Tuyên-bố hình-án*. — Hình-án là để trị xét người có tội, những kẻ phạm về trọng-tội thì đã có quốc-gia trừng-trị, còn những kẻ ở trong xã-hội phạm về khinh - tội mà công-chúng bắt được, thì người diên-hình phải xét thực, kẻ còn nhỏ thì phải phạt roi, kẻ đã lớn đã già thì phải phạt tiền, mà phải đều ghi vào sổ bất-hảo thanh-tích, là người can-án ở làng, người đã can-án không được dự hội-dồng dân - chính, và không được dự hội-dồng hương-âm.

12^o *Bảng trước-bạ-thư*. — Ba-thư là để biên ghi các thực-sự trong làng thì người thư-ký phải biên ghi cho tường.

1) Sổ sinh-tử, giá-thủ, người trong xã-hội nhà ai có người sinh hay người tử, hay người giá-thủ, hạn trong 7

ngày, thì phải trình với thư-ký để trước-bạ ;

2) Sổ nhân-dinh điền-thổ, người trong xã-hội ai đến tuổi hoàng - dinh, hay di-dịch điền-thổ, hạn trong 7 ngày cũng phải trình với thư-ký để dâng-bạ;

3) Hội-dồng nghị-định, phạm trong hội-dồng dân-chính có làm nghị-định làm công việc gì, thì thư-ký phải ghi làm biên-bản, niêm-yết lên công-sổ, để xã-hội chu-tri, rồi sau sẽ chiếu nghị thi-hành.

13^o *Hội-dồng dân-chính. Lương-bông*. — Những người làm chức-sự nhà-nước đều có lương bổng cung-cấp, những người làm chức-sự ở dân-thôn lại há chẳng nên có lương bổng để cung-cấp dư? Nay nghị-định hội-dồng dân - chính lương bổng làm 5 bậc: một là hạng ăn lương năm; hai là hạng ăn lương tháng; ba là hạng ăn lương mùa; bốn là hạng ăn lương ngày; năm là hạng ăn lương phiên. Trong 5 hạng ăn lương ấy, là tính những người làm công việc trong hàng năm, hàng tháng, hàng mùa, hàng ngày, hàng phiên, trong xã-hội thì phải tùy số dự-thu dự-chi mà định lương, tiền lương ấy trích-thủ ở công-quĩ để phát ra, ai lĩnh lương thì phải có tự ký làm bằng.

14^o *Hội-dồng thương-nghị*. — Phạm xã-hội có công việc gì, thì được mở hội-dồng để thương-nghị, hội-dồng thì cứ mỗi tháng ngày mồng 2, ngày 16, làm định-lệ, còn phi-thương hội-dồng thì tùy lúc cấp-vụ, không cứ là ngày nào, cũng phải mở hội-dồng mà bàn ngay, khi họp hội-dồng thì chánh-hương-hội làm chủ tọa, còn phó-hương-hội và tộc-biểu, cùng các bậc dân - chính phân-ban mà ngồi, khi định làm công việc gì, thì chánh-hương-hội phải có giấy mà khai-thuyết đọc lên cho mọi người đều nghe, trong hội-dồng ai có ý

kiến thế nào đều được tỏ bày, các thính-giả không ai dị-nghị thì thôi, nếu có ai dị-nghị thì phải đứng chấp tay nói phân-minh, những lời bàn đó, vô-luận công việc gì, cốt nhất được số nhiều hứa-khả thì mới được, nếu một nửa hứa-khả, một nửa không hứa-khả, thì theo đảng có sản-nghiệp có học-thức hơn mà làm, trong khi toàn-số hứa-khả, lấy võ tay làm hiệu, nếu một nửa hứa-khả, một nửa không hứa-khả, lấy giơ tay làm hiệu ; khi hội-đồng bàn lại có chuông làm hiệu, người nọ nói xong thì chánh-hội rung chuông đến người kia nói, cấm không ai được lóidồng, không ai được đấu-khẩu, không ai được huyên-náo, không ai được xuất những câu nói bất-tồn mà vắng nọ vắng kia, không ai được thô-lộ những câu bất-nhã, như chớ chữa, khi chữa, v.v, cốt nói câu gì, cũng phải có phép-tắc, có nghĩa-lý mới được, nếu những người trong hội-đồng vô-luận bậc nào ai phạm điều cấm ấy, thì hội-đồng làm biên-bản trực-xuất ngoại hội-đồng ngay, tự dấy trở đi, không cho dự ban hội-đồng nữa ; trước khi hội-đồng sắp bàn, hay sau khi hội-đồng đã bàn xong, cấm không ai được mở miệng bày ra cuộc cờ bạc, rượu-chè, thuốc-phiện, xướng-hát, cùng nói các chuyện, nhảm, vân-vân ; những người uống rượu say, hay người có chứng điên-cuồng cũng không cho dự-thính hội-đồng được. Đó là lập-nghiêm cho hội-đồng nghị-sự.

15^o *Thu-thủ sương-túc.* -- Cây cấy có thóc, thì phải ra sương-túc cho người trông nom đồng-diền khi mưa nắng, đó là công-lệ của các xã-hội ta xưa nay, xã-hội các làng ta xưa lắm làng lệ nặng quá, tuần-phiên cứ đến đâu bờ lấy lúa sương, lượm dẫy, lượm to, kê chùng vô-hạn, hoặc về nhà thu thì chế dậu thực lớn thực dẫy vô-ngần, phân ra nội-canh ngoại-canh, lấy gập lấy gố, không còn có nhất-dịnh. Mấy năm nay cải-lương lệ định đồng

niên bốn hào một sào, có sào cấy được có sào không cấy được, có sào giồng được có sào không giồng được, có sào ăn hai mùa có sào ăn ba mùa, có sào ăn một mùa, có sào một năm không được mùa nào, mà cũng lấy đều như nhau, thực là chưa phải. Nay nghị định sương-túc, đệ-niên chiếu những ruộng giồng hoa màu, thì 15 rạch lấy một rạch, những ruộng gieo mạ, thì mỗi sào lấy bốn su, những ruộng đồng-niên cấy được cả hai mùa, thì ra mỗi sào năm su, do được chiêm thì thu tháng năm, được mùa thì thu tháng mười, những ruộng đồng-niên cấy được một mùa thì ra mỗi sào bốn su, do cấy được mùa nào thì thu mùa ấy, năm nào hồng-thủy đại-hạn bất-hạnh mất mùa, những ruộng ngập lụt cháy khô, thì không được lấy sương-túc ; quyền thu sương-túc thì ở tuần-binh, mùa đến trước khi sắp thu-hoạch, thì các điền-chủ phải có giấy trình tuần-binh, tuần-binh phát phải thì mới được thu-hoạch, khi thu-hoạch còn hết bao nhiêu cũng phải trình tuần-binh, tuần-binh định kỳ thu sương, đó là lệ hiện-canh thu-sương, thu như thế thì năm được mùa nhà làm ruộng không đến nỗi ta-thán, năm mất mùa nhà làm ruộng không đến nỗi kêu ca ; còn như sự tuần-phòng không cần-mà để đến mất lúa mất mạ, mất hoa, mầu thì các điền-chủ phải trình tuần-binh khám xét, tuần-binh phải chiếu lường, chiếu mầu chiếu sào mà bồi-thường ; và lại trong tiền thóc sương ấy, phải chia làm hai phần, một phần phải trả lương người tuần-binh canh-phòng, một phần để bỏ vào công-quĩ hay là công-xưởng để chi việc công-ích.

16^o *Cung-cấp sưu-thuế.* -- Sưu-thuế là nghĩa-vụ quốc-dân phải nộp để nhà nước phát lương cho quan-lại binh-lính cùng các bậc tông-sự chính-phủ trợ-sự quốc-dân, hữu-diền hữu-tổ, hữu-thân hữu-dòng, đó là lệ thông thiên-

hạ xưa nay, trong ngoài đều thế, thế mà có người lấy làm phải nộp sưu-thuế làm giặc, thế là không biết lẽ. Thuế nước ta Chính-phủ đã đều định thành ngạch, thuế đinh thuế điền thu toàn cả về tháng năm, mà thu toàn lấy tiền cả, thuế điền chia làm 3 bậc thì đã dành rồi; còn thuế đinh đánh làm một bậc, thực là chưa phải. Nay nghĩ xin định thuế đinh cũng phải chia làm 3 bậc.

1) Bậc thượng-lưu là bậc có danh-sắc, đệ-niên phải nộp 5 đồng mà đeo thẻ sắc đỏ ;

2) Bậc trung-lưu là bậc hội-dồng dân-chính, đệ-niên phải nộp 2 đồng ruỡi mà đeo thẻ sắc vàng ;

3) Bậc hạ-lưu là bậc dân-dính, đệ-niên phải nộp 1 đồng ruỡi mà đeo thẻ sắc trắng.

Sưu mà nộp tiền cũng phải, thuế mà nộp tiền ở nhà thương-dân thì tiện, ở nhà nông-dân thì thật là chưa tiện nay nghĩ xin thuế điền bắt nộp thóc thì hơn, mà cũng chia làm 3 bậc :

1) Nhất-đẳng - điền bắt nộp thóc đồng-niên phải nộp thóc 3 phương ;

2) Nhị-đẳng-diền đồng-niên mỗi mẫu phải nộp thóc 2 phương ;

3) Tam-đẳng-diền đồng-niên mỗi mẫu phải nộp thóc một phương.

Phương ấy do quốc-gia chước định, thóc ấy phải phơi già quạt sạch để nộp, năm phân làm đồng hạ hai mùa mà thu. Quyền thu nộp sưu thuế do ở lý-trưởng, mỗi tỉnh mỗi phủ mỗi huyện mỗi làng mỗi xã phải lập một kho để thu thóc, như thế thì tiện cho quan dân lắm.

Một là lương các quan sau này cũng nên phát thóc gạo để cho khỏi phải đi đong, hai là tiện cho nông-dân, mùa đến không phải bán thóc rẻ, xem như mấy năm xưa, những năm được mùa thóc gạo nhiều, người Tàu buôn được giá rẻ, thành ra lợi về nước ngoài,

đến như mấy năm nay mất mùa thóc gạo ít, quan dân toàn-quốc đều phải ăn giá đắt, lại không có thóc gạo mà đong, thành ra thiệt biết bao nhiêu của trong nước, sự đó nhờ chính-phủ thương-lượng để cho nông-dân các xã-hội được nhờ ơn.

17^o *Trình báo.* — Chức sự xã-hội nước ta, khi chưa có hương-hội, cùng khi đã có hương-hội, ai có công-việc gì cũng phải trình khắp cả tân cựu lý-dịch, tân cựu hương-hội, thực là phiền quá. Nay nghĩ - định về việc trình báo, phạm trong xã-hội có việc cần về sự học, thì phải trình chức giáo-học, ai có việc cần về sự làm ruộng thì phải trình chức minh-nông, ai có việc cần làm thợ thì phải trình chức đốc-công, ai có sự cần về sự buôn-bán thì phải trình chức hưng-thương, ai có sự thuốc - thang phải trình chức lương-y, ai có sự cần về việc binh-lính thì phải trình chức tuần-binh, ai có sự dăng-bạ thì phải trình chức thư-ký, ai có sự nộp lĩnh tiền thóc thì phải trình chức thủ-quĩ, ai nộp sưu thuế, phải trình chức lý - trưởng, ai có hình-án thì trình chức điền-hình, ai có việc cải cát ký táng, hay di-dịch điền-thổ, cùng khiếu-ngụ và xuất-ngoại, thì phải trình chánh - hương - hội, ai có việc cần ở duyên - thị, duyên-giang, duyên - sơn, thì phải trình quản-thị quản-giang quản-sơn. Trong các họ ai có muốn thỉnh-cầu công việc gì, hay hỏi-han điều gì, ở họ nào thì trước phải trình với tộc - biểu họ ấy, ấy là cách trình báo riêng từng người chức-sự, chứ không phải trình chung cả mọi người. Phép trình không phải mất tiền nong, trầu cau gì cả ; đó là một cách giản-tiện về sự trình-báo cho đỡ phiền.

Nói về xã-hội công-cộng giáo-dục.

1^o *Cưỡng - bách học-qui.* — Xã-hội các nước văn-minh đều có trường

công-dân giáo-dục, vô-luận con trai, con gái, nhà giàu nhà nghèo, từ 7,8 tuổi trở lên, đều phải cưỡng-bách tới học, trẻ nhà nào không học thì phạt phụ-huynh; xã-hội nước ta mấy năm cải-lương việc giáo-dục hãy còn khuyết-diêm. Nay nghĩ xin các xã-hội đều phải lập học-đường do công-dân tập-si sáng-lập, cách-thức học-đường tùy số học-sinh nhiều ít, và xã-hội to nhỏ mà thiết, còn cưỡng-bách qui-điều thì theo các nước văn-minh, cách học cách dạy, thì theo chương-trình nhà nước.

2^o *Thi-hành học-thuế.* — Xã-hội nước ta thường không có học-thuế để làm lương các thầy giáo, và kinh-phí nhà trường, nên sự học hương-thôn rất là chèn-máng. Nay nghĩ định các làng phải có hương-học-thuế, do mọi người trong các nhà ở xã-hội, phải chiểu số cung-cấp, hạng thuế ấy nộp tại thủ-quĩ, thủ-quĩ phải chiểu nguyệt-lương cấp-phát, ai không đóng thuế ấy thì thủ-quĩ phải làm giấy trình hội-đồng dân-chính truy-vấn, nếu thủ-quĩ nhiệm-chỉ và chậm thiếu thì giáo-chức phải làm giấy trình hội-đồng dân-chính, và học-chính-quan cứu-xử.

3^o *Định xã-hội học-sinh số.* — Chiểu số học-sinh trong xã-hội, tới 30 người hoặc bốn năm mươi người thì phải bổ một thầy giáo, học-sinh tới tám, chín mươi người, hoặc một trăm người thì phải bổ hai thầy giáo, học-sinh tới 150 người thì phải bổ ba thầy giáo, học-sinh tới 200 người thì phải bổ bốn thầy giáo, số học-sinh càng tăng-liển, thì số thầy giáo càng tăng-bổ.

4^o *Định giáo-học lương-bổng.* — Lương bổng các chức giáo-học chia

làm 3 bậc :

1) Bạc tập-sự, đệ-niên lương-bổng 70 đồng ;

2) Bạc trợ-giáo, đệ-niên lương-bổng 85 đồng ;

3) Bạc thực-thụ, đệ-niên lương-bổng 100 đồng .

Các giáo-học đã ăn lương-bổng của xã-hội, những người học-sinh tới học đều phải có phụ-mẫu thân-dẫn làm giấy trình với thầy giáo cho trọng sự-thể, mà không phải chèn lá trầu cau gì cả. Dầu các nghi-tiết như mồng năm tháng năm, mồng mười tháng mười, cùng tết nguyên-đán, đều nên giảm cả, chỉ duy khi thầy đến thì làm giấy hoan-nghênh thầy, và thầy bỏ đi nơi khác, thì làm giấy kính tiễn thầy, để tỏ nghĩa sư-sinh, trọng đường đạo-thống.

5^o *Thi xã-hội văn-bằng tốt-nghiệp.* — Phạm những các bậc làm chức giáo-học ở các xã-hội thì phải có văn-bằng xã-hội sư-phạm tốt-nghiệp, thì mới được làm.

6^o *Thi xã-hội học-sinh tốt-nghiệp văn-bằng.*

7^o *Định cách dạy, cách học.* — Cách thi ở xã-hội, cũng lấy quốc-ngữ làm chuyên-khoa, lấy pháp-tự hán-tự làm phổ-thông, xã-hội giáo-dục phải nên như thế, thì sau này tri-thức xã-hội ngày mới mở-mang, trình-độ xã-hội ngày mới tấn-tới.

(Còn nữa)

NGUYỄN THẾ-XƯƠNG

ĐÀN BÀ ĐÔNG-PHƯƠNG (1)

X

Kỳ-nữ Tứ-cô-nương

Tứ-cô-nương 四 姑 娘 là một người nghĩa-nữ tước Dục-vương 翼 王 về hồi Thái-bình thiên-quốc năm Hàm-phong Đông-trị đời Mãn-Thanh. Tứ-cô-nương nguyên là con gái thầy lão-cống-sinh họ Hàn 韓, ở về Hàn-gia-thôn, tên là Bảo-Anh 寶 英, vì sau này làm nghĩa-nữ Dục-vương, mới gọi là Tứ-cô-nương. Trước kia người thân - phụ Bảo-Anh là kẻ học rộng văn hay, giáo-thụ chốn hương-lý, môn-sinh có lắm kẻ phát-đạt về khoa-danh. Bảo-Anh sinh ra, có tính thông-tuệ, lên ba tuổi mới thôi bú, người thân-phụ dạy cho thơ Đường, đã đọc ra xoang-xoảng ở trên miệng; kịp lên bảy tuổi, đã biết làm thơ, chốn hương-lý đều khen là vị nữ-thần-dòng. Đến năm mười bốn thì quân Thiên-quốc khởi lên, tức là cái thời-kỳ dân-tộc Trung-hoa phân-đối với dân-tộc Mãn-Thanh lần thứ nhất; đất Quan (An-huy) đất Ngạc (Hô-bắc) mới thành ra chỗ chiến-trường. Hàn-gia-thôn chính ở về chỗ Quan Ngạc tiếp-giới, n oài cánh quân Hồng-dương (tức quân Thiên-quốc), lại còn có vô-số là quân thô-phỉ thiết-phát vô - thường; cái cảnh-tượng lưu-ly thống-khổ của dân-gian bấy giờ, không kể sao cho xiết. Tứ-cô-nương thật là thoi vàng trong lò lửa mà sót lại, hạt ngọc dưới lưới búa mà nảy ra, mà cũng là cái hoa đào tươi rói bằng máu mà lấm về lạ-lùng tốt-tươi. Nay muốn biết cái lịch-sử Tứ-cô-nương kỳ-dị thế nào, trước phải biết cái lịch-sử Dục-vương canh-liệt, nho-nhã, thăm-khốc, cao-thượng, gian-nan thế nào. Vì có cái lịch-sử Thái-bình thiên-quốc chiến-

dấu với Mãn-Thanh, sẽ có cái lịch-sử Dục-vương; có cái lịch-sử Dục-vương, sẽ có cái lịch-sử Tứ-cô-nương vậy.

Dục-vương họ Thạch 石, tên là Đạt-Khai 達 開, vốn là một kẻ nhà nho, túc-học năng-văn, nhà phong-phú, người huyện Qui-huyện, tỉnh Quảng-tây từng thi kỳ oa bác-sĩ, dự hàng sinh-viên. Sau kết-dãng với bọn Hồng Tú-Toàn, Dương Tú-Thanh, Vi Xương-Huy, Phùng Văn-Son. Hồi Hàm-phong mặt-niên, cùng nhau khởi quân cách-mệnh ở Quảng-tây, suy-tôn Hồng Tú-Toàn làm minh-chủ, đồ-dãng đều cắt bím dề tóc, theo lối y-quan nhà Minh, cho nên hồi ấy người Mãn-Thanh gọi là phát-tặc. Quân tự dất Kim-diên tỉnh Quảng-tây chuyên-chiến lên phía bắc qua Hồ-nam Hồ-bắc lấy Vũ-xương Hán-khâu, rồi thuận dòng Tráng-giang tiến xuống mặt đông lấy Nam-kinh; quân đi thế như mưa gió, đi đến đâu quân Mãn-Thanh tan vỡ đến đấy. Khi ấy Hồng-quân lấy Nam-kinh (tức Kim-lăng) làm sào-huyệt, chuẩn-định làm chỗ kinh-dô, xưng là Thái-bình thiên-quốc. Hồng Tú-Toàn xưng là Thiên-vương, Dương Tú-Thanh xưng là Đông-vương, Vi Xương-Huy xưng là Bắc-vương, Thạch Đạt-Khai xưng là Dục-vương; tự lúc khởi-bình đến hồi lập-quốc, trước sau đã được mười năm. Hay đâu Thái-bình thiên-quốc đến kỳ hư-hông, chư-vương vì cơ tranh quyền, sinh lòng ghét nhau, rồi giết lẫn nhau, nghĩa huynh-dệ biến ra đảng cừu-thù. Bắt đầu Bắc-vương bày kế giết Đông-vương, gồm cả bộ-hạ Đông-vương kẻ có vạ người, không người nào tránh khỏi nạn. Bắc-vương mở

(1) Xem N.-P. số 117.

tiệc hạ-công. Thiên-vương với Dục-vương đều dự tiệc. Tiệc ăn nửa chừng, Bắc-vương đứng dậy chúc thọ, trước đem thìa canh hiến Thiên-vương, rồi mời đến Dục-vương. Dục-vương thấy vị tanh có khác vị thường, đứng dậy hỏi canh gì. Bắc-vương trừng mắt mà đáp rằng: « Canh dê dấy, chăn nuôi đã vài mươi năm nay, béo lắm đấy, vị nó thế nào? » Lại đem thìa canh ấy, ban khắp cho quân-sĩ. Dục-vương biết rằng tức là thịt Đông-vương, bụng nghĩ lấy làm thán-xót vô-cùng. Bắc-vương sao tàn-nhân như vậy, muốn thôi không nói cũng không thể thôi được, mới đứng lên mà nói rằng: « Kinh tã cái thịnh-y của Bắc-vương, đem thịt Đông-vương cho Thiên-vương với chúng ta ăn, nhưng chúng ta không thể nhìn đi mà không nói được. Than ôi! Chúng ta đem cái chủ-nghĩa cứu-thế mà khởi-bình, tám năm đến nay, thiên-hạ chữa yên, đại-công chữa thành, dương mong anh em tận-lực đồng-tâm, thảo diệt Mãn-tặc. Chẳng may Đông-vương đắc-chí kiêu-căng, nửa vói bội-minh trái óc, bất-đắc-dĩ phải giết đi, chính nên thương xót mà chớ lấy làm mừng, cơ sao lại lấy da-sát làm công, lấy ăn thịt Đông-vương làm sướng thế ru! Xin rằng tự nay về sau, anh em ta cần-thận giữ-gìn, đồng-tâm làm việc nghĩa, anh em là nghĩa đồng-thất với nhau, chớ cậy một mũi giáo ấy để làm công-nghiệp. » Bắc-vương không đợi Dục-vương nói hết lời, tức-khắc cả tiếng hét to, đuổi Dục-vương ra, và trở Dục-vương bảo rằng: « May cũng hoài-bảo cái dị-chỉ ư? » Dục-vương toan muốn biện-bạch, thì Thiên-vương ở giữa hòa-giải, Bắc-vương mới thôi, nhưng sắc mặt còn ngậm-ngui. Rượu xong, Dục-vương tức-khắc lên ngựa ruổi về nhà, bảo bộ-hạ tướng - tá với người nhà rằng: « Cái thế ta không ở chốn kinh-thành này được, nay ta hãy tạm tránh đầu voi dữ, đi ra nơi khác, ngày khác

ta vói các người lại có dịp tốt trông thấy nhau. » Dục-vương biết rằng Bắc-vương sắp-sửa bắt mình, mới không do cửa thành đi ra, tạm náu ở chỗ góc thành cởi áo ra để ở bên cạnh bờ ao, dường như đã gieo mình xuống sông mà chết rồi, đến đêm mới tự mặt thành gióng dây xuống chân thành trốn ra. Đêm hôm ấy Dục-vương núp ở trong chiếc ngư-thuyền, vượt sông Dương-tử sang bắc-ngạc đi về phía tây. Qua núi Hàm-sơn, mới tiếp được người thân-hữu chạy theo đem thư cáo-biến. Thì ra Dục-vương đi khỏi thành Kim-lăng được ba ngày, Bắc-vương sai một đội thân-binh trăm người, vào Dục-phủ bắt cả nhà Dục-vương đem về Bắc-phủ. Thái-phi là mẹ, vương-phi là vợ, vói ba người thiếp, hai người con gái, thế-tử là con cả, và năm người con trai, tất cả là mười ba người, toàn-số hạ-độc-thủ đem giết sạch. Lại những người ở trong thành Kim-lăng có quan-hệ với Dục-vương, bắt-luận người nào, cũng tìm bắt kỹ hết đem giết đi. Dục-vương khi ấy ở Chu-thôn, đang uống rượu làm kẻ khuấy buồm, được thư đại-phá-khốc, hồngắt đi, rồi nói rằng: « Mẹ ta bảy mươi hai tuổi, vợ ta là kẻ hiền-thục, ba người thiếp ta đều có tài-sắc, con ta trai gái tám người, vợ con ta không tội chết oan, cũng đã thắm rồi, mẹ ta già-nua tuổi-tác, cũng bị cái ách ấy a! Hận rằng không có thể cầm giáo quay về, tay giết đứa cừ-thù, cho hả lòng oan-phẫn. Nếu không thế, thì ta cũng nên cầm gươm đâm vào bụng ta cho chết đi, để trông thấy lão-mẫu ở dưới tròng-toàn. » Chu-tướng ở Giang-bắc đều lại khuyên giải. Dục-vương cắn ngón tay chảy máu mà tự thệ rằng: « Ta phen này, nếu phá được Lu-châu, Yên-khánh, Cửu-giang, thì ta cuốn sạch quân Vũ-Hán, về Kim-lăng cùng với lũ ấy quyết thư hùng. » Mới dần dần ngậm nước mắt lại, không khóc nữa, làm

thơ hai bài đề tự tả rằng : « Cáo chuột tung-hoành quen cắn người, một nhà xuân đó chợt tan rời ; đêm khuya thử đứng đầu thành ngó, đầu về yêu-tinh chói góc trời. 狐鼠縱橫慣噬人。無端衝破一家春。夜闌試向城頭望。何處妖星巨若輪。 » — « Bước đi vừa khỏi cửa Chiêu-quan, muốn kiếp cùng cầm dứa ác-gian; giọt lệ cửu-toàn tuôn thấm mái, trông xa mây bạc ngàn Hàng-san. 行行纔過古昭關。千古同嗟好與頑。淚洒九泉收不得。白雲誰望太行山。 »

Dực-vương tuy một mình trốn đi, nhưng danh-phận và phẩm-vị Dực-vương ở trong Thiên-quốc vốn cao, cho nên chu-tướng ở Giang-bắc, đều có lòng suy-tôn Dực-vương làm kẻ lĩnh-tụ. Dực-vương lại thống-lãnh quân-đội ở Giang-bắc, tiến phá thành Lư-châu ; thành Lư-châu hoàn-toàn thu-phục, mới xuất-bảng đề yên dân. Dực-vương khi ấy nghĩ đến thù nhà chữa báo, sao đáng làm người ; lại nghĩ đến việc nước còn ngổn-ngang, công-danh chưa kiến-lập. Nửa đêm vùng trở dậy cầm gươm lên múa, rót rượu giải-sầu, suốt đêm không ngủ, đi vòng trong dinh-thự, đến mấy trăm lần. quân hầu đều mỏi-mệt, mà Dực-vương vẫn tinh-thần hách-dịch, như giữa ban ngày. Chợt nghe tin Bắc-vương sai Anh-vương Trần Ngọc-Thành đem đại-đội-quân lại đuổi bắt. Dực-vương tỏ ý không sợ mà nói rằng : « Binh-lực Trần tuy cường, nhưng ta với Trần còn có cảm-tình, tưng-nhiên Trần dẫu ác mà giở mặt chẳng nữa thì ta quyết-tử chiến-dấu với Trần, nhất Trần chết, nhì ta chết, ta sợ gì ! »

Dực-vương tự Lư-châu-thành tiến quân, khi ấy bộ-hạ Dực-vương đã có nhiều tướng giỏi, Triệu Như-Long, Lục Thành-Đổng, Hoàng Cái-Trung đều là tay hồ-tướng. Dực-vương chia đạo sai đi công-thành, Thụ-thành, Đồng-thành, kế-tiếp tấu-tiếp. Dực-vương

thống-suất quân - đội qua Hoắc-sơn chợt có đại-đội Mãn-bình tự Hoắc-sơn tiến lại, Dực-vương bày ngay trận-thế, phục-quân sườn núi, xông ra ác-chiến, Mãn-bình đại-bại, sát-thương quá nửa. Dực-vương quyết kể bỏ mặt đông, tiến sang mặt tây, chỉ ở dóm Ba-thục (Tứ-xuyên).

Dực-vương chinh-đội qua Tiềm-sơn cùng với viên Tiềm-sơn chủ-tướng Vương-mỗ, dùng quân-lễ tương-kiến, ước-thệ làm nghĩa anh em. Đương nói chuyện chữa dứt lời, chợt có một đạo phi-ky tự Kim-lãng đến báo tin rằng Thiên-vương dùng kế-sách của Can-vương, hiện đã đem Bắc-vương tuyên-tội giết đi, và chu-di tam-tộc. Bắc-vương tức là kẻ nấu canh thịt Đông-vương, và sát-hại mười ba mạng nhà Dực-vương vậy. Dực-vương nghe tin, thở dài một hồi lâu mà than rằng : « Đám mây trắng ở giữa trời, phứt chốc chợt biến ra con chó xanh, sự đời không dẫu hỏi chi cả. Cái quyền-thế của Bắc-vương, ví như non băng, núi giá, thật thiên-đạo hiếu-hoàn, người ta làm ác chỉ cho tự khổ đó thay. Ta chuyển này vào được đất Thục. Nếu được kẻ hiền-tài như Công-Tôn, Chư-Cát, ta quyết đem quyền-chức nhường cho. Ta chỉ đi đòi dây cỏ, đội chiếc mũ vàng, lánh sâu vào núi Nga-mi, không muốn cùng với người đời tranh-khí chi nữa. » Chư-tướng ở Tiềm-thành đều tỏ ý vì Dực-vương khản-hạ. Dực-vương lại tỏ ra ý buồn, nói rằng : « Đồng-tâm đồng-đức, nhà Chu sở-dĩ hưng, cốt-nhục tương-tàn, nhà Tần sở-dĩ bại. Thiên-triều ta khởi-nghĩa ở Kim-diễn, huynh-đệ cùng nhau minh-thệ, đồng-sinh đồng-tử, chỉ có bốn năm người. Nhất-dân vì cơ tranh-quyền, anh em cầm dao, chém nhau dằng lưỡi, làm thương cái nguyên-khi của triều Nam, làm lớn cái yêu-phân cho giặc Bắc. Than ôi! mười năm dấy nghĩa, công lớn chưa thành, dân ta tội gì, chìm

trong kiếp-sát. Ta chỉ phía đông trông về đất Kim-lăng, muôn hàng lã-chã, gạt nước mắt dấy mà thôi. » Tối hôm ấy ngủ ở Tiềm-thôn, quán sáng ngày tiến-phát.

Độc-giả nên biết rằng thiên-công cũng khéo bày trò đó thay! Trong triều Thiên-quốc, mưa cuồng gió thảm, sớ-dĩ xuất-hiện kẻ bô-thần. Trước cờ Đực-quân, chuột chạy cáo tan, sớ-dĩ xuất-hiện người kỳ-nữ. Thiên-công cũng khéo bày trò đó thay!

Đực-vương tự Tiềm-thôn tiến-phát, đi ba mươi dặm, nghỉ quân ở chỗ Quán Ngạc tiếp-giới là Hàn-gia-thôn. Thôn ấy tựa lưng về núi, ngánh mặt vào hồ, là con đường thông qua vào đất Hồ-bắc. Khi ấy thổ-phỉ quấy nhiễu, đốt giết cướp bóc, vô-sở bất-chí. Đực-vương vì cơ thông đường, không ra sức tiêu-trừ cũng không được, mới nhân việc tiêu-phỉ ấy, được một kẻ kỳ-nữ-tử, thật là một sự sinh-bình cực khoái-ý của Đực-vương, lại là một sự sau này cực đặc-lực của Đực-vương. Đực-vương khi hành-quân, thường nghiêm răn các tướng về sự tham của hiếu-sắc, cho nên hiệu cờ Đực-vương tới đâu, bách-tính đều có lòng hoan-nghênh cảm-ngưỡng đến đấy, thật là một cánh quân đặc-sắc trong Thiên-quốc. Trước kia Đực-vương khi ở Kim-lăng trốn ra, bắt đầu phá được thành Lu-châu, đã từng có một viên quân-quan mở đem hiến một người con gái đẹp, nói rằng: « Đại-vương nay tả-hữu không có người, xin đem người này khuya sớm phụng sự chần gối, để yên ủi lúc tịch-liêu ». Đực-vương khước đi, nói rằng: « Các người thực có bụng khần-thiết yêu ta, nhưng có biết lòng ta không vui về sự nữ-sắc đó không! Lũ chúng ta chính nên nằm trên đồng củi, ném vị mật đắng, để lo toan sự tiến-thủ. Nếu chỉ lấy nữ-sắc làm vui,

kẻ trên làm, kẻ dưới bắt-chước, thì khác gì cái lũ bất-nghĩa kia họ hành-vi (trở lữ Bắc-vương). Huống-chi cái cảnh ta ngày nay, mẹ già với vợ lớn vợ bé, vừa mới bị cơn độc-hại, lòng ta đương uất-tích về mối thương-tâm, lại còn bụng nào kịp lấy nữ-sắc làm vui nữa. Nguyên tự giờ về sau, các người đừng làm những sự ấy nữa. Mà ngay như lũ các người cũng nên đề lòng cứu-dân cứu quốc, thiết-thiết chờ tạo ra cái dâm-nghiệt ấy làm gì. » Từ đấy, trong quán hễ bắt được người đàn bà con gái nào gặp cơn binh-hỏa, trơ-vơ dọc đường, thì tưởng hỏi quê-quán, tức-khắc sai toán quân đưa về tận nơi.

Kịp khi Đực-vương qua Hàn-gia-thôn tiêu-phỉ, chợt có một tên vệ-binh dẫn một người con gái xuân-xanh xấp xỉ cập-kê lại yết-kiến. Khi ấy thổ-phỉ hoành-hành, đến Hàn-gia-thôn chiếm-cử đất hồ-sơn, một nhà người con gái ấy thẳng-thốt chạy ra, vừa toan tạm nấu vào trong núi, chợt gặp quân thổ-phỉ, cha mẹ anh em người con gái ấy đều bị sát-hại. Chỉ người con gái ấy nép mình ở trong làn cỏ, được sống sót, lại bị đưa phỉ-tốt chợt trông thấy, chạy lại bắt liền, đem hiến đưa phỉ-khôi, đương cường-bách người con gái ấy vào trong hồ, đại-dội-quân của Đực-vương chợt đến, quân phỉ vội-vàng bỏ người con gái ấy ở dọc đường mà trốn đi. Người con gái ấy là ai? Tức là Hàn-Bảo-Anh, sau này gọi là Tử-cô-nương vậy. Lúc ấy trời đã xế chiều, tên vệ-binh của Đực-vương thấy một người con gái bé xinh, gào khóc kêu oan ở ven đường, mới đem dẫn vào yết-kiến Đực-vương. Đực-vương trông nét mặt tuy xanh-xao như lá rau, ra hình khổ-sở nhin dói, nhưng có vẻ thanh-tú, khác với con nhà tầm-thường, và khuôn mặt lại giống người đệ-nhị-nữ của Đực-vương năm nọ lắm. Đực-vương ngồi vậy động-tâm, mới tưởng

hỏi gia-thế người con gái. Người con gái khấn - đầu ở trước ngựa, khảng-khái-trần-thuật cơn hoạn-nạn nhà mình, vừa khóc vừa nói, nước mắt chan-chứa, tỏ ý kêu-nài, vì ngộ-nhận Dục-vương là ông quan chuyên-trách về việc tiễu-phi lại đây. Người con gái lại vạch trở chỗ sào-huyệt của giặc, xin với đại-quan hết sức tiễu-trừ cho, lời lẽ thâm-thiết, khi-khái cũng mạnh, mà có phép-tắc. Dục-vương nghe nói, bất-cấm phải chau mày cúi mặt một hồi lâu. Chư-tướng người nào người ấy cũng đều phải động-dung.

Dục-vương bản-ý là mượn đường đi qua, dù có tiễu-phi, chẳng qua một đêm đi lọt thì thôi, không muốn can-thiệp làm gì lắm. Song vì cảm-dộng lời thỉnh của người con gái ấy, muốn không tận-lực cũng không được. Dục-vương tức-khắc truyền lệnh lấy quân tiền-phong và quân trung-đội nghìn người, chia hai đạo, một đạo vào hồ, một đạo lên núi, hết sức săn bắt thỏ-phi, quân thỏ-phi chẳng qua hơn trăm người, tận-số bắt được đem ra không một đứa nào thoát chông lọt lưới, nhất nhất trói lại, khiến người con gái nhận mặt đứa nào là đứa cừu-thù, thì đem mổ giết đứa ấy ra để tế bố mẹ; còn kỳ-dư truyền quân đại-đao đem dây cỏ một lượt; địa-phương ấy đều gơ tay đội đức cảm ân. Dục-vương lại khiến chỉnh-bị mọi đồ quan-quách y-khâm, chôn cho bố mẹ lẫn anh chị người con gái. Lại sai ba trăm quân chuyên nhiệm việc thỏ-công, tức-khắc tối hôm ấy trống canh ba, các mã toàn-gia họ Hàn đều đắp thành. Người con gái đại-cảm-kích, khấn đầu trước Dục-vương xin đem thân thờ Dục-vương một làm tỳ, hai là làm thiếp, theo đại-vương mệnh-lệnh. Các tướng trong quân cũng đều khuyên Dục-vương thu-nạp lấy người ấy, vì các tướng cho rằng dưới trướng Dục-vương đã lâu nay không có người khuya sớm thân-

cận. Dục - vương không nghe, bảo chúng rằng : « Ta là con nhà hung-mã, việc binh do điều nghĩa mà hành-dộng. Nếu tự mình lại can-phạm vào điều phi-nghĩa, thì sau này bộ-hạ tất có kẻ vin lệ ấy để làm chứng thực cho cửa miệng, sự đó không phải là sự lưỡng-toàn. Và lại người ấy là con gái tở mà ta đã ngót năm mươi tuổi, già chơi trống bỏi, chẳng xấu lắm ru ! Huống-chi dung-mạo người ấy lại rất giống con gái ta, ta nghĩ đến cái nạn ngày trước lòng ta há nỡ quên. Nếu không thể thôi được, thì tức-khắc ta nhận người ấy là nghĩa-nữ, người ấy gọi ta là nghĩa-phụ; mà lưu người ấy ở trong quân, đợi ngày khác ta kén rể cho, nên chăng? Vì rằng người ấy đã không có nhà, trơ-vơ cô-khở, rời ta mà đi, còn sợ gặp kẻ cường-bạo, thì ra ta làm ơn, mà làm chẳng được trót. » Người con gái kinh-thuận vâng lời. Chư-tướng cũng tán-thành khen phải, lời chẳng dứt lời.

Dục-vương nguyên có tám con, năm người con trai không kể; người con gái thứ nhất thứ nhì thì khi bị nạn Bắc-Vi, đôi hạt châu đồng-thời tan vỡ; người thứ ba thì đã chết sớm đi rồi. Nay Dục-vương được người con gái ấy, người con gái ấy tức là Hàn Bảo-Anh, muốn đem Hàn Bảo-Anh đến bù về sự khuyết-hám, cho nên gọi là Tứ-cô-nương. Từ đấy trong Dục-quân đều gọi Hàn Bảo-Anh là Tứ-cô-nương. Nghĩa là cô nàng Tư, đề nối về hàng gái họ Thạch, nàng Cả, nàng Hai, nàng Ba, nàng Tư, vâu vau.

Tứ-cô-nương văn hay, chữ tốt, hạ-bút thao-thao, thơ-từ mãn-tiếp. Trước kia trong Dục-quân vẫn có một viên ký-thất họ Đào, Đào cũng là tay danh-sĩ, chuyên giữ việc văn-hàn. Đến khi ấy Tứ-cô-nương mới giúp việc cho Đào, biến ra tài hân-mặc. Dục-vương cả hân-hạnh, lấy làm trời cho mình kẻ kỳ-tài.

Từ đây trở đi, trên vũ-dài nhung-mã của Dục-vương. Tứ-cô-nương bao giờ cũng đứng về một vai diễm-xuyết có quang-cảnh, có thú-vị, không những diễm-xuyết mà thôi, lại là một vai có quan-hệ nữa. Ôi ! trời đã sinh ra người kỳ-nữ, trời muốn cho thiên-hạ biết cái nhân-quang người kỳ-nữ, cho nên trời tạo ra cuộc Vũ-Hán phong-vân. (Dục-vương chiến-thắng ở Vũ-Hán). Trời lại muốn cho thiên-hạ biết cái trí-thức người kỳ-nữ, cho nên trời tạo ra cuộc Kinh-châu lồi-vũ (Dục-vương vào đánh Thục thất-bại). Trời lại muốn cho người kỳ-nữ được hi-lộng cái quang-cảnh thái-bình, cho nên trời tạo ra cuộc Giang-tây vân-nguyệt. (Dục-vương thưởng-nguyệt ở Bách-hoa-châu). Trời lại muốn cho người kỳ-nữ được thỏa thích cái tình-tình du-lãm, cho nên trời tạo ra cuộc Đông-giang thủy-thạch, Tây-hồ nguyệt-phong (Dục-vương hành-quán du-lịch phía đông-nam). Trời lại muốn cho người kỳ-nữ đã có công-phu tạo-nhân, nên có thành-hiệu kết-quả, cho nên trời tạo ra cuộc Ba-sơn chướng-vụ, Thục-lĩnh yên-lam. (Dục-vương bị nguy-khốn ở Đại-dộ-hà) Trời lại muốn cho người kỳ-nữ không phải ngậm khổ ngậm cay ở dưới chín suối, cho nên trời tạo ra cuộc Nga-mi sơn-dinh, tuyết-diều vân-thâm (Dục-vương vào tu ở núi Nga-mi). Tứ-cô-nương thật là một người con của trời, trời yêu trời chiều đó thay !

Tứ-cô-nương truy-tùy Dục-vương. Dục-vương khi ấy tiến binh Tiều-tri-khâu, ra Vũ-huyệt quan-sát hình-thế, cùng với tước Anh-vương Trần Ngọc-Thành hội đại-quân tiến đánh Vũ-xương. Dục-vương với Anh-vương khi ở Kim-lăng; anh-hùng biết anh-hùng, hào-kiệt biết hào-kiệt, cũng hơi có tình tương-đắc. Khi đó Anh-vương thống-lĩnh đại-dội nối gót Dục-vương lên phía tây, lại chinh là người của Bắc-vương chú-thác về sự đuổi

bắt Dục-vương. Anh-vương đi đến ngang đường, thì Bắc-vương ở Kim-lăng đã bị tru-di. Anh-vương mới tiến quân Vũ-huyệt hội với Dục-vương, cùng nhau kế-hoạch về sự đánh mà cướp lại Hán-khâu Vũ-xương. Mãn-tướng giữ thành Vũ-xương bấy giờ là Hồ-Lâm-Dục, cũng là một tay hùng-kiệt, mới thành ra một phen Vũ-Hán phong-vân. Trận phong-vân ấy, ở trong lịch-sử Thái-bình-thiên-quốc cũng hơi có thú-vị.

Dục-vương với Anh-vương tương-kiến ở Vũ-huyệt, nắm tay nhau, chuyện mới tình xưa, phần bi phần hỉ, hai mối giao-tập, đàm-boại cùng nhau, rất là kịch-liệt, mà cũng nhiều điều có thú, đến nửa đêm chửa thôi. Dục-vương sai Tứ-cô-nương ra dùng cách tốc-ký, ghi-chép lấy những lời nói, vì cách cầm bút theo lời, Tứ-cô-nương vờ thao. Anh-vương là người dũng-mãnh nhất đời, khi lâm-trận không ngánh đầu lại, nhưng là người hiểu-danh, lại hiểu-sắc nữa. Anh-vương khi ấy thỉnh-thoảng đoái lại liếc trông Tứ-cô-nương, cật-vấn hai ba lần, có ý toan phỏng Tứ-cô-nương đem đi, nghe Dục-vương nhận là nghĩa-nữ mới thôi. Anh-vương ước với Dục-vương đợi nhau ở Vũ-Hán, cùng phá-diệt Mãn-tặc. Dục-vương nhận lời, xin đem toàn-lực ra hội-chiến, Anh-vương mới cáo-biệt.

Dục-vương khi ấy sắp-sửa hội-chiến, phải hiệu-triệu toàn-quân. Nào là tờ hịch triệu các đạo thủy-lục quân-mã, nào là tờ thôi-dốc vận-tải các xứ lương-thảo, nào là tờ mật-thụ cho chư-tướng phương-pháp tiến-quân, nào là tờ giao-thiệp với Trần-quân, nào là tờ hiệu-dụ cho bách-tính, nào là tờ tuyên-cáo cho quân giặc; trong hàng ngày, văn-thư bốn mặt chạy ra như bướm-bướm, đều do một tay Tứ-cô-nương cầm bút thảo ra. Mỗi khi

tờ thư phát ra, thì Tư-cô-nương ngồi giữa, ruỗi tay lên mặt án, vận quần bút như ngọn gió. Đồi bên tả hữu có hai ghế, mỗi ghế đều có một kẻ thư-sinh ngồi chực. Tư-cô-nương tay viết miệng trào, hết bên tả lại đến bên hữu, hết bên hữu lại đến bên tả. Bài văn hễ hạ bút là cáo thành, có thể giao-phát ngay đi được, khoanh-khắc có nghìn lời nói, không phải tốn-phí công-phu điềm-duyet. Dực-vương thời thường dựng cạ nh nghề dóm, khôn xiết kinh-dị thân-phục. Vì Dực-vương vốn học rộng tài cao, thường tự khoe nghề văn-chương, đến khi ấy cũng phải thân là bất-cập.

Dực-vương tiến Hoàng-châu, dắt Tư-cô-nương, Đào-kỳ-thất, chở chiếc thuyền qua chơi sông Xích-bích, bắt chước sự ông Tô. Gác mái chèo giữa dòng sông, xem cái cảnh trăng mọc lên ở đầu núi, nghiêng hồ rót rượu, hứng-tận rồi về. Dực-vương tự lấy làm là cái giai-cảnh hai-mươi năm nay ít khi gặp. Vì Dực-vương vốn là kẻ hào-sảng nho-nhã, tuy lúc quân-sự bối-rối, cũng không bỏ cái hứng-thú phong-lưu. Nay được Tư-cô-nương vừa làm tình tâm-phúc, làm nghĩa thân-hôn, vừa làm khách giang-san phong-nguyệt, Dực-vương thật là bất-có vậy. Tư-cô-nương cũng có tính hào-du, nghe chỗ nào có sơn-thủy thanh-kỳ, danh-thắng cổ-tích, thì trong lòng hân-hỉ, chỉ muốn những đi đến nơi. Dực-vương cũng chiều Tư-cô-nương, thậm-chí phát-ngôn rằng: « Cha đem quân đi dọn đường trong thiên-hạ, xin vì con làm một con ngựa khỏe, để con đi xem khắp thiên-hạ danh-thủy danh-sơn ».

Dực-quân tự Hoàng-châu tiến-phát, ăn ngo-phạn ở Kỳ-châu, rồi chỉnh-dội thẳng tiến Hạ-khâu. Quân đi nhanh lắm, đến giờ thân trời mới xế chiều, đã tới Hồ-khâu, cách Hạ-khâu còn có mười dặm. Đã thỉnh-thoảng thấy toán

bại-binh của quân Mãn đi qua Hồ-khâu, mà có ý núp-náu nom-dòm. Dực-quân tùy-thời phát-lạc, toán thì bắt, toán thì giết. Biết rằng tiền-lô phong-vân, đã có giai-triệu. Được tin báo bộ-hạ Anh-vương đã chiếm giữ Hán-dương với Hán-khâu hai trấn, hiệu cờ Thiên-quốc đã hách-hách bay phấp-phới trên Hoàng-hạc-lâu. Chỉ thành Vũ-xương, hiện đương vây đánh còn chưa được. Vì thành Vũ-xương là chỗ đại-doanh quân Mãn, lại có viên Mãn-tướng họ Hồ, thông-hiểu binh-lược, cố chết giữ thành. Quân Trần đánh vào, quân Hồ đánh ra, nhật-dạ liên-chiến, đôi bên đều có thắng-phụ cả, không thể sao cấp-thiết hạ được. Thành Vũ-xương, thành Hán-dương, thành Hán-khâu ba thành, ở về chỗ ngã ba sông Hán với sông Dương-tử hợp-lưu, giữa tỉnh Hồ-bắc, là chỗ anh-hùng dụng-vũ, binh-sự tất-tranh. Thành Hán-khâu ở mé đông, thành Hán-dương ở mé tây, thành Vũ-xương ở mé nam, ba thành đối-ngạn nhau, đều là cự-trấn. Mãn-thanh được ba trấn, thì khả-dĩ chế được tử-mệnh Thiên-quốc; Thiên-quốc được ba trấn, thì khả-dĩ chế được tử-mệnh Mãn-thanh; Thiên-quốc với Mãn-thanh tranh nhau ba trấn ấy, trong mười năm đã cướp đi giết lại đến ba lần. Thứ ấy Anh-vương huyết-chiến hai ngày hai đêm, mới khắc-phục được Hán-dương Hán-khâu hai trấn. Dực-vương nghe báo, than rằng cái công mờ-hôi trên mình ngựa của Anh-vương, thật đáng kính-khen vậy! Dực-vương kịp tiến-quân, hội với Anh-vương ở Hán-dương, lưỡng-vương tương-kiến, ny-phong bách-bội, cái lời đọi nhau ở Vũ-Hán ngày trước, nay quả-nhiên. Nhân ước với nhau sáng ngày mai sang sông hội-chiến, lấy thành Vũ-xương.

Sáng mai, Anh-vương sang sông đốc-chiến trước. Dực-vương mới truyền-lệnh quân-sĩ kết bè chặn ngang

sông để ngăn-tiết đường thủy-quân của giặc. Nhất-diện thân - đốc quân tinh-nhuệ sang sông. Quân-đội Dục-vương thuận là quân-đội tinh-nhuệ cảm-tử, một người đương được mười người. Vả bấy lâu nghỉ-ngơi, sức-tích được nhuệ-khi đã lâu, đến khi ấy dũng-khi bách-bội. Bắt đầu sang sông, đột ngột tiến-quân. Mãn-binh bất-ý, không chống-cự nổi, kinh vỡ bỏ chạy, Dục-quân vừa đánh giết vừa tiến, chiếm-lĩnh ngay được Xà-sơn. Xà - sơn ở ngoài thành Vũ-xương, là một nơi hình-thế thiên-nhiên quan-trọng, cúi xuống dòm vào trong thành. Dục-quân mới dùng súng đại-bác, bắn vào các dinh-thự trong thành, các dinh-thự trong thành đều bị tan vỡ. Dục-quân lại nhất-diện phân quân xông vào chỗ chết, cố sức lên được thành. Trần-quân thấy Dục-quân đã đắc-thắng, mới reo lên âm-âm, sẵn vào đại-sát-phạt, tiếng reo rậy trời đất Mãn-tướng Mãn-binh bị tù bị giết, bất-kể kỳ-số. Tự giờ thìn đến giờ dậu, ước tự non trưa đến xế chiều, thành Vũ-xương lại vào tay quân Thiên-quốc. Anh-vương cả mừng, đón Dục-vương vào trong dinh-thự, đặt rượu hội-âm, xin đem cái chức trấn-thủ Vũ-xương nhường cho Dục-vương. Dục-vương cố từ nói rằng: « Mỗ chỉ năng-chiến chứ không năng-thủ ».

Dục-vương lưu ở trong thành Vũ-xương ba ngày, ngày thứ ba, khao-thưởng quân-sĩ xong. Ngay chiều hôm ấy, Dục-vương cùng với mấy kẻ bộ-hạ đi ra ngoài thành chỗ Lương-tử-hồ, xem dân đánh cá, nói rằng: « Cái bản-tính ta thế vậy ». Đến tối về uống rượu ở trong một cái nhà kẻ thôn-dân, sáng ngày mai về thành. Từ-cô-nương nhân tiến ngôn nói rằng: « Con xem Anh-vương là kẻ cậy công kiêu-căng, mà bình-nhật là kẻ phóng-túng, tuy có thiện-chiến, nhưng không biết trị-quân,

bộ-hạ nhiều kẻ không phục-tòng mệnh-lệnh. Con xem Vũ-Hán ba trấn, không trồng cây về điều gì, mà an-toàn được. Cha ở đây, tất là phải chia phần lo, không gì bằng mau chóng đi ra nơi khác là hơn. » Dục-vương nói rằng: « Kiến-thức con cũng ám-hợp với chí ta ». Ngay ngày hôm ấy, Dục-vương mật-truyền bộ-hạ sắp đồ hành-trang, đến xâm-xâm tối, truyền cho các quân-đội trở cờ cuốn trại, cùng với Từ-cô-nương tiến-phát trước, thẳng nẻo phía tây mà đi. Dục-vương ở lại sau, vào phủ Anh-vương từ-biệt nói rằng: « Mỗ - ngu - huynh xin đi lấy thành Kinh-châu và đất Nghi-xương, để giúp cho hiền-đại-đệ cái uy chinh-thảo về sau này. Tối hôm ấy, Dục-vương ngủ ở Tiên-đào-trấn, sáng sớm tự Tiềm-giang khởi-trình. Đến chiều, Dục-vương điếm-kiểm quân-đội nhân uống rượu say, cảm-niệm đến sự cũ, thuật lại mọi sự chư-vương tự-truân tàn-sát ở Kim-lăng ngày nọ cho Từ-cô-nương nghe. Từ-cô-nương sa nước mắt khóc mà than rân: « Thiên-triều từ đây trở đi, chắc là suy sút. Thiên-triều ta chủng-tộc y-quan, khởi binh thảo quân Hồ-lỗ. Ôi, mà sao huynh-đệ trong một nhà, hòa khí chưa thấy đâu, thấy những lệ-khí như vậy! »

Dục-vương ra khỏi Vũ-xương được ba ngày, bộ-hạ Anh-vương ở Điền-gia-trấn, có một viên tiều-tướng giết viên chủ-tướng, chặt lấy đầu, cấp sang hàng Mãn-quân. Nghe đầu chỉ vì tranh nhau một người đàn bà đẹp, gây nên vạ ấy. Điền-gia-trấn đã bị Mãn-quân cướp mất, Anh-quân lại đại-bại ở Vũ-huyệt. Vì bộ-hạ Anh-vương, mỗi người một bụng, không ai bảo được ai. Mãn-quân thừa thắng, Vũ-Hán ba trấn lại mất. Anh-vương chạy về Quảng-nam, quả không sai lời Từ-cô-nương liệu lượng.

Từ-cô-nương không những là tay văn-mặc mà thôi, lại là người hiểu

binh-cơ, hiền thiên-hạ đại-cục. Ở trong quân Dục-vương, thường có bàn ra nói vào. Dục-vương cũng có điều nghe, cũng có điều không nghe. Cho nên kẻ xem truyện Tứ-cô-nương, nửa phần vì Dục-vương kính mộ kính-cảm, nửa phần vì Tứ-cô-nương kính phục kính-thương.

Dục-quân phía tây đi đến Sa-thị, cùng Mãn-binh tiếp-chiến, Mãn-binh thua chạy. Dục-quân tiến đại-dội thẳng tới dưới thành Kinh-châu, tuyên-dụ rằng thuận nguyên đem thành hàng, thì bảo-toàn cho tinh-mệnh một quận, ta nay vì Thiên-triều tuyên-bố uy-dức, quyết không quá-khắc đãi các người. Mãn-tướng sai sứ phụng-hàng thư ra hàng. Dục-vương chỉnh-dội vào thành, thu-nhận quân số dân số và ấn-lin địa-đồ, giao cho một viên bộ-tướng là Hoa-Hưng-Hán làm chức trấn-thủ. Trận ấy không mất một mũi tên một hòn đạn mà được thành Kinh-châu. Duy có giết một viên Mãn-tướng với một kẻ thích-khách, vì Mãn-tướng có lộ ra hình-tích phản-trắc. Dục-vương ruid ngựa đi kinh-lược các chốn thị-chiến trong cõi Kinh-châu, vô-về yên-ủi mọi kẻ cư-dân. Kinh-châu phụ-lão có lắm kẻ cảm-khích khóc-lóc, vì bấy lâu bị thói Hồ-lỗ hôi tanh, bây giờ mới được trông thấy cảnh y-quan sáng-sủa.

Dục-vương nhân đi kinh-lược, lên chơi núi Kinh-môn, thấy Kinh-môn sơn-thể hùng-tráng, nhân tưởng đến sự-nghiệp đức Quan Vũ. Ngay chiều hôm ấy dắt Tứ-cô-nương trèo lên đỉnh núi Kinh-môn, vào yết miếu Quan Vũ, thấy tượng đã đồ nát, trong tâm thê-nhiên. Tối hôm ấy ngủ ở trong miếu, xem cảnh trăng ở trái núi Vạn-Tùng. ngâm thơ mã thiên; Tứ-cô-nương theo vần họa lại. Dục-vương vốn tự-phụ là bậc thi-hào trong quân-giới, Tứ-cô-nương khi ấy cũng tự-đương là vị nữ-tướng trong thi-dàn.

Rồi sau một viên kỹ-thất đem bút-giấy lên lượt chép lấy.

Dục-vương về thành Kir-h-châu, biên-chế quân-dội, thu-thập lương-trởng, thương-nghị cái kế-sách vào lấy Thục (tức tỉnh Tứ-xuyên). Định chia quân hai đạo. Một đạo theo thượng-lưu sông Dương-tử vào đất Ba-thiểm là chính-đạo, thì tự mình thống-lĩnh đại-dội tiến-hành. Một đạo do đất Nghi-xương, đi xuyên-sơn ra cửa Ngũ-long qua đèo Thạch-trụ là gián-đạo, thì giao cho mấy viên kiện-tướng là lũ Triệu Như-Long suất-lĩnh đội kỹ-binh tiến-phát. Ước hội với nhau ở Vạn-huyện, tiện nẻo vào lấy Thành-dô (tỉnh-thành Tứ-xuyên). Nửa đêm, Tứ-cô-nương vào tận chỗ Dục-vương làm thất, dùng cách cơ-mật can ngăn Dục-vương rằng: «Đất Thục là nơi thiên-hiềm, vào Thục khó lắm; cái công họ Chung họ Đặng vào chẹn Khương-Duy bắt Hậu-chúa ngày xưa, chưa có thể ra may mà mong thành được. Không bằng cha hãy giữ lấy Kinh-châu, để xem thiên-hạ đại-cục biến-dộng ra làm sao.» Dục-vương nói rằng: «Cái bản-nguyên vào Thục của ta, không thể trái được.» Dục-vương vẫn ngày đêm kế-hoạch cái phương-pháp vào Thục. Tứ-cô-nương thừa cơ lúc Dục-vương một mình ngồi tĩnh-đưỡng ở trong một cái phòng, lại vào can rằng: «Thục là một xứ tây-ngung, mà đường vào lại gian-nan hiềm-trở. Thì không bằng ta do nẻo Tương-hà ngược lên, cầm gươm thét ngựa, giông-ruid chốn trung-nguyên, chưa biết thiên-hạ về tay ai, con thiết tưởng thế là đắc-sách hơn. Và lại tướng-sĩ ta đều là người đất An-huy Hồ-bắc, sợ rằng họ không có chí vào Thục. Và chẳng tướng-sĩ ta quen lối vùng-vẫy chốn giang-hồ, cướp đất tranh thành, hò-thét ở nơi binh-nguyên khoáng-dã; chứ cái lối trèo non vượt núi, lên thác xuống ghềnh, lại không phải là sở-tràng,

Con chỉ sợ rằng cái kẻ vào Thục của cha, thành ra cái bánh vẽ ra mà trông đấy thôi, không thể ăn được.» Dục-vương vẫn không cho lời Tứ-cô-nương là phải. Dục-vương lại muốn thông-khoản kết hợp với các tù-trưởng trong thê-mán miền Thạch-trụ, để làm kẻ hướng-dạo. Tứ-cô-nương lại can rằng: « Cái tính rợ-mọi, nó hay gian-giảo, hân-phúc, lấy lợi-dụ nó thì rồ theo, chứ nó tin-nghĩa gì mà ước-thệ với nó. Nếu bị nó lừa-dối mình, thì mình làm thế nào » Dục-vương nói rằng: « Máy là kẻ tiểu nhi-nữ, biết đâu cái dao dụng-bình ». Tứ-cô-nương chỉ nín-lặng mà thôi, không dám nói gì nữa.

Tứ-cô-nương từ đấy, đối với tiền-dồ Dục-vương chừng trong lòng đã có một cái mối rất tru-ái, rất kỳ-vĩ, rất thâm-trầm, để báo-đáp lại cho Dục-vương. Duy cái mối ấy là cái mối Tứ-cô-nương mới tạo-nhân, chưa kịp đến hồi kết-quả, thì cũng không ai đã có thể xét ra mà trông thấy được.

Khi Dục-vương mới vào thành Kinh-châu, ngẫu-nhiên ở trong đám nha-thự, được một viên thư-ký, tuổi còn ít, tên là Mã Đức-Lương, biết lối chữ dăng-dầu tiêu-khải, lối chữ viết nhỏ, mà người rất thành-thực chất-phác. Vì trong quân hay có những tờ bí-mật, lối chữ ấy cũng thích dùng.

Mã thư-ký diện-mạo cực giống Dục-vương, chỉ tuổi có phân biệt ít mà thôi. Một hôm Dục-vương nói với Tứ-cô-nương về chuyện Mã-thư-ký giống mình. Tứ-cô-nương ghé ra trông, mỉm miệng cười. Mã cũng là người trang-trọng biết giữ lễ, không dám trông lên. Dục-vương lấy làm lạ. Vì Tứ-cô-nương xưa nay, đối với các hàng nam-tử, vốn nghiêm-chính; tuy đẹp như hoa đào hoa lý, nhưng lạnh tựa nét băng nét sương, sao lại bất-nhiên thấy chú-ý về Mã-sinh.

Lại một hôm Dục-vương đương ngồi trong phòng riêng, tính-toán mọi sự vào Thục. Tứ-cô-nương rón-rén bước vào, đứng ở trước mặt Dục-vương, lấy tay che nửa miệng, mà có vẻ tươi-cười, hình như muốn nói mà lại không nói nữa; như thế đến ba lần. Trong khi ngưng-ngưng ấp-úng, thấy má đỏ tưng-bừng. Dục-vương biết rằng tất có cái ẩn-tình, vì muốn nói ra đó, mới bảo Tứ-cô-nương rằng: « Con cứ nói ra, cha tất nghe con, sao lại làm ra thái-trạng ấy vậy! » Tứ-cô-nương nói rằng: « Cha cho chàng Mã Đức-Lương là nhân-vật thế nào? » Dục-vương nói rằng: « Mã là người thành-thực cần-thận, biết lối tiêu-khải, còn thì cũng không có đại-chí gì, là nhân-vật tầm-thường đấy thôi. » Tứ-cô-nương nói rằng: « Con xin với cha gả con cho người ấy, lòng cha có quả-quyết mà nghe không? » Dục-vương không ngờ Tứ-cô-nương đã sậu nói ra lời ấy, ngồi nín-lặng, ngẫm-nghĩ một hồi lâu, rồi nói rằng: « Lòng con đã nguyện, cha đành phải nghe. Duy tên ấy là một kẻ hủ-nho, làm gì được, mà con thương-thức nó vậy! Trong quân cha thiếu gì kẻ văn-vũ tài-sĩ. Vì lâu nay quân-sự mang-bách, chưa kịp nghĩ đường hôn giá cho con. Con sao không ngỏ ý cho cha biết sớm, muốn kén rề thì có khó gì, mà tất-thủ đến cái hạng tầm-thường ấy vậy! » Tứ-cô-nương hiện ra nét mặt thẹn-hùng, nói rằng: « Lời cha dạy là phải; song ý con riêng có sở-chú về một điều, đến ngày khác thì cha hoặc tự-nhiên biết vậy. » Dục-vương biết rằng Tứ-cô-nương dụng-tâm sâu-xa, mới không cật-vấn nữa. Lập-tức triệu Mã-sinh vào, bảo cho biết; kỳ cho ngày mồng một tháng năm này, bị lễ thành hôn. Mã sinh cố từ chối, vì có thư-sinh bản hàn, không lấy gì đủ lễ được, mà dám lấy vợ của vương-hầu. Dục-vương biết rằng thế, bảo cho nhất-

thiết sinh-lễ, vương-gia dâm-dang cả không sách-vấn gì nhà sinh Mã-sinh quá mừng, tự lấy làm bản-tâm không dám hi-vọng thế.

Dực-vương vì việc Tứ-cô-nương hệ-thị con gái vương-gia sắp sửa hạ-giá, phải chỉnh-bị nghi-lễ ít nhiều. Dực-vương lại tự cười mình rằng : « Ta ngày trước con cái cũng nhiều, nhưng chỉ ta vẫn ở góc bể bên trời, tuyệt-nhiên không hỏi đến những sự nhỏ-nhặt trong gia-đình. Nay vì yêu một đứa nghĩa-nữ, kiêm cả cái chức-sự làm mẹ-liệu-lý cả đồ cưới cho con, há là sự tưởng đâu như thế vậy. Chỉ hiềm Kinh-châu là chỗ sản-vật hiếm nghèo, phong-tục kiệm-phác ; những đồ trang-sức cho con, không lấy đâu cho xươg ý được ; nay chỉ gọi là có, gọi là đẹp mà thôi. » Tứ-cô-nương cũng cố xin theo về đường tiết-kiệm, lại xin khước cả mọi đồ lễ-vật trong bộ-thuộc đem lại mừng. Dực-vương không nghe, nói rằng để cho cùng thỏa lòng người, hà-tất kiểu-tình.

Có một hôm về buổi chiều, Dực-vương ngẫu-nhiên lại thương-nghị với Tứ-cô-nương về sự vào Thục. Tứ-cô-nương lại thông-dong nói rằng : « Con xem cảnh-tượng Kinh-châu ngày nay, có thể dùng làm nơi căn-cứ được ; xin cha cứ ở Kinh-châu, mà sai chủ-tướng đi ra các đạo đông tây mở-mang thổ-dịa là phải. » Dực-vương lại ngờ rằng Tứ-cô-nương có chông mà tính sự yên vui, liền bảo rằng : « May với chông may ở lại giữ Kinh-châu, ta thân-hành vào Thục nên chăng ? » Tứ-cô-nương nghe nói, sắc mặt biến đổi, òa lên khóc, nói rằng : « Con thực một dạ trung-thành, vì cha tính kế trằng-cửu, không phải vì thân mưu sự yên vui, sao cha lại ngờ con thế. » Dực-vương nói rằng : « Việc ở lại giữ Kinh-châu, con cũng làm được, không phải là ngờ con, chỉ tiếc cho thằng Mã-sinh nó không phải là người phó thác được đấy thôi. » Tứ-cô-nương

không dám nói gì nữa. Dực-vương lại nói rằng : « Cái kế vào Thục, cha đã quyết rồi, nếu không đem vợ chồng con vào Thục, thì cha lấy gì để yên-ủi lúc thần-hôn, lời nói ban nãy, là cha nói bỡn đấy thôi. » Tứ-cô-nương biết rằng không thể can được, mới chuyển lời đi mà nói rằng : « Cha vào Thục, sao chẳng cứ dùng cái kế-sách chính-bình do Ba - thiêm, kỳ - binh do gian-lạo mà tiến, như lời nghị trước, may ra trời hoặc chiều người mà nên chăng. » Là ý vẫn không muốn Dực-vương dùng cái kế-sách kết-hợp với quân mọi rợ, để phòng sự nguy-hiểm. Dực-vương gạt đầu, nhưng cũng là chiều ý mà ưng qua đấy thôi.

Ngày hôm sau là ngày cưới Tứ-cô-nương, ngày hôm trước, chủ-tướng trong Dực-quân đều dâng lễ-vật để tặng-tống, kẻ đồ châu ngọc, kẻ đồ thái-sắc, xâu-lạn tung-bùng ; trong trường nhung-mã can-qua, hốt-nhiên có vẻ phấn-hương cầm-tú, âu cũng là một sự kỳ. Tứ-cô-nương thì lại kỳ lắm ! Ngày mai là ngày cưới, mà ngày hôm nay vẫn vì Dực-vương soi xét quân-sự, viết-lách quân-thư như cũ, tuyệt không đi sửa-soạn mọi đồ trang-sức của mình chi cả. Dực-vương than rằng : « Tứ-cô-nương thực là kẻ nhi-nữ anh-hùng thay ! xứng-dáng là con ta vậy. » Mà Mã-sinh thì lại rón-rén khép-nép, như người con gái mới về nhà chồng, ai tỏ lời chúc mừng, thì lấy tay che miệng sẽ cười, dường như sợ-hãi hân-hỉ quá, mà không dám nói ra vậy, cũng lại là một sự kỳ !

Ngày mồng một tháng trọng-hạ, Tứ-cô-nương với Mã-thư-ký làm lễ thành-hôn, ra khẩu - đầu trước mặt Dực-vương. Dực-vương trông mặt cả cười, ban lời chúc mừng cho phu-phụ tương-kính, dài-lão bách-niên. Dực-vương than rằng : Mấy năm nay ta vì quốc-sự đau lòng, hàng ngày sầu-muộn, chữa

từng mở miệng cười, đến ngày nay vì chúc mừng cho vợ chồng Tứ-cô-nương, mới mở miệng cười vậy. Quan-thân dân-sĩ trong thành Kinh-châu, có nhiều bọn cất người lĩnh-tụ lại mừng, và đến xem lễ. Dục-vương nhất - nhất ân - cần khoản - đãi, chúng đều ca - vũ hoan-hô, hứng - tận rồi về. Hoặc có người bàn riêng rằng Mã-sinh dễ thường chính là con Dục - vương, nếu không phải con, sao nét mặt giống như vậy. Chiều hôm ấy, lửa lựu lập - lõe, rượu bồ chan-chứa, vợ chồng Tứ-cô-nương cùng dâng chén rượu chúc thọ. Dục-vương cả vui, nhân say rượu, làm một bài thơ, thơ có câu rằng: «Vi thói hữu - tình nên quyến thuộc, dám rằng chim quạ đậu cành ngô. 自是有情成眷屬。敢云彩鳳去隨鴉。」 Là đề kỹ-thực đó. Người ngoài xem vào, không khỏi có lời tiếng hồng ngâm chuột vọc, hạt ngọc ngâu vầy, mà Tứ-cô-nương một lấy làm hân-hạnh khác thường. Cái tâm-lý Tứ-cô-nương khi ấy, cũng đủ khiến cho người đáng nghiên-cứu vậy.

Từ đây Tứ-cô-nương với Mã-sinh hàng ngày vào chỗ tư - thất Dục -

vương, cơm canh quạt gối, sớm hỏi chiều thăm, hết cái hiếu - đạo làm con làm rể. Xong rồi, lại ra sở hàn-mặc, cùng giúp việc quân-thư, ngày nào cũng như ngày nào. Dục-vương rất lấy làm xứng-tâm.

Cưới Tứ - cô - nương xong, Dục-vương thực-hành cái kế-sách vào Thục. Bắt đầu chia quân ba đạo, tướng Triệu tiến Nghi-xương, tướng Hoàng tiến Nghi-dô, tướng Lục tiến Kinh-môn. Tứ-cô-nương nói rằng: «Xin hãy bói xem cát-hung đắc-thất thế nào, rồi sẽ tiến-hành.» Điều ấy, Tứ-cô-nương cũng không phải là không dụng-ý. Dục-vương cũng theo lời, khiến gieo qua quẻ bói. Nhưng Dục - vương chỉ đã quyết, Tứ-cô-nương cũng khó phần ngăn-trở được. Chư-tướng chia ba đạo tự Kinh-châu - thành tiến-binh, quân-dung rất là tề-chỉnh.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN



TÙNG - ĐAM

TẠP-BIÊN VỀ CAO-LY

10 Cầu sông Áp-lục. — Bờ phía tây sông Áp-lục có một nơi thuế-quan, là nơi nước Tàu nước Nhật hai nước cùng kiểm-xét hàng-hóa để đánh thuế.

Cầu sông Áp-lục rất dài, khoảng giữa lát gỗ trầm, trên đặt đường sắt để làm đường cho xe hỏa đi. Đồi bên cũng lát gỗ trầm, trên can ván để làm đường người đi. Những chỗ đường sắt với đường người đi phân-giới và đồi bên đường người đi đều có chắn lan-can để hộ-vệ cả. So với đường hỏa-xa Kinh-Hán trên cầu sông Hoàng-hà thì phần xếp-dặt dự-bị lại kỹ-càng hơn. (Cầu Hoàng-hà có đặt đường sắt xe hỏa chạy, chứ không có đường người đi.) Suốt ngày ở trên cầu ấy nào là người Tàu, người Nhật, người Triều-tiên, những người đi buôn bán, kẻ hàng giòng, người lao-dộng, kẻ nông-dân, đi lại trên cầu không biết bao nhiêu mà kể. Người Nhật ở về phía bờ đông-ngạn tây-ngạn, trên đầu cầu có đặt ra sở tuần - cảnh để kiểm - tra những người qua lại. Đối với người Tàu thì tra-soát rất là khoan-dung, chẳng qua chỉ hỏi là đi làm việc gì rồi cho đi ngay. Nếu hai người kết bạn cùng đi thì phải nói y một lời mới được đi. Nếu nói sai nhau thì không được đi. Đối với người Triều-tiên thì tra-kiểm rất ngặt, phải có giấy thông-hành của sở cảnh-sát cấp cho xuất-cảnh mới được đi, nếu không thì phải giữ lại, cũng có người đầu có giấy thông-hành, mà khi hỏi nói lúng-túng, thì liền bị tiêu mất giấy thông-hành ấy đi, mà còn phải phạt giam nữa.

20 Tinh-chất và thể-phách người Triều-tiên. — Người Nhật-bản thì lộ ra cái khí tinh-minh đầy mặt; người Triều-

tiên thì lộ ra cái khí trung-hậu đầy mặt; dân-khí Nhật-bản thì phát-dương, dân-khí Triều-tiên thì âm-nhân, một đảng là kẻ quốc-dân di chinh-phục, một đảng là kẻ quốc-dân bị phải chinh-phục, hai đảng tính-cách vẫn khác nhau.

Người Triều-tiên hay có cái lòng sai-nghi, lòng âm-hiềm, ấy cũng là cái tính thường có của kẻ dân hèn yếu.

Người Triều-tiên về cái lòng trữ-súc rất là bạc-nhược, vì khi trước về thời-dại vương-chính, kẻ quan-lại, kẻ phú-thương, kẻ nào-nông có nhiều người tri-phủ đến hàng nghìn vạn trở lên, chính-phủ mới đặt ra cái lệnh thu lấy thuế và mười phần trong trăm phần. Vậy nên suốt cả nhất-ban quốc-dân ai cũng có cái tư-tưởng « hôm nay có rượu ta say khướt », hết đi thì thôi chứ không nghĩ gì về sau cả. Những quân phu xe ở Triều-tiên nếu kiếm được tiền đủ cung cơm rượu trong một ngày, thì là tức - thì về nhà nằm khểnh, đầu cho đến bao nhiêu tiền cũng không đi nữa. Không như người Tàu ở Thiên-tân há thấy có tiền thì lặn lưng vào làm, đầu bảo xong vào nước lửa cũng chẳng từ, còn kẻ gì là thì giờ nữa.

Người Nhật-bản hay ưa thích sự kịp thời chơi vui, như là những sự xem hoa, uống rượu, chơi đĩ, coi làm sự thường cả, xã-hội không ai lấy làm ché bai gì, cho nên kiếm được tiền chỉ là chơi sướng, cái lòng trữ-súc cũng rất là bạc-nhược. Song người Nhật thì lại hay lao - động làm việc, hề được tiền thì ăn chơi, tính-chất cũng hơi giống như người Tàu ở Thiên-tân, chứ không như người Triều-tiên tính rất lười biếng.

Thân-thể người Nhật-bản thì lùn bé, thân-thể người Triều-tiên thì cao lớn; con gái Triều-tiên khỏe-mạnh cũng không kém gì con trai, đàn bà Tàu cũng không thể kịp được.

30 *Cách vận-tải và đồ vận-tải của người Triều-tiên.* — Người Tàu và người Nhật đi buôn bán và lao-động thì thường dùng vai để gánh các đồ vật, người Triều-tiên thì đội bằng lưng. Xem ra hình như cách gánh bằng vai nhanh hơn tiện hơn, mà đội bằng lưng thì chậm-chạp. Song gánh bằng vai thì chú-trọng ở một cái vai, dùng sức nhiều hơn mà hình-thể có phần nguy-hiểm. Đội bằng lưng thì chú-trọng cả hai vai và cả lưng, dùng sức ít mà hình-thể có phần vững-chãi hơn.

Thường trông thấy người Triều-tiên lấy miếng gỗ buộc ép con lợn lớn tưng vác lên vai đi vào trong phố kinh-thành để bán, mà trọng-lượng con lợn ấy ít ra dọ vào cân Tàu cũng đến một trăm bảy tám mươi cân, xem thế thì cái sức vác nặng khỏe mạnh lạ-lùng. Người Triều-tiên đi bán thóc gạo rơm củi đều đội bằng lưng, có khi củi cao hơn đầu người đến bốn năm thước, trông xa chỉ thấy đống củi động đậy chứ không thấy người đi. Hoặc khi dùng lừa chở, chất củi cao hơn lưng lừa đến bảy tám thước, trông xa chỉ thấy đống củi tự di-dộng mà đi, chứ không biết ở dưới có con lừa vậy.

Đàn-bà Triều-tiên mang đồ vật gì thì hay đội bằng đầu, trên đầu đặt trước một miếng vải bóng vừa tròn trên đầu để cho phẳng-phiu, rồi đặt đồ-vật gì lên trên mà đội, mắt phải trông ngang chứ không trông xuống, mà đi rất vững-chãi. Phỏng trọng-lượng độ một thùng nước hoặc ba thùng rượu — trọng-lượng phải cứ số ba để chu-vi cho cân, nếu hai thùng thì thiên-lệch ra hai bên không thể đội được — thì đội đi như chơi.

Khi ở Bình-nhưỡng đã nhờ người quán-chủ thuê cho một cái xe tay-phu xe là người Triều-tiên kéo, loazh-quanh thế nào lại bị phải anh phu xe Nhật cướp giật kéo đi mất, xem thế thì kẻ quốc-dân bị chinh-phục, dẫn đến cái chức-nghiệp lao-động nhỏ mọn cũng không dám tranh với người.

Nhân-dân ở chốn kinh-thành rất là mang-bách, trai gái đi lại tấp-nập trên các đường phố, trông ra một cách đi đứng mạnh-tợn vói-vàng, chứ không được đi đứng ung-dung như người Tàu. Bởi vì các công-xưởng mới sáng-lập, đường giáo-dục đã khai-thông, trong nước người nào cũng có chức-nghiệp nhất-định, không như quân cò-binh ở Bắc-kinh chỉ là bọn du-thủ đi giông chơi mà thôi.

40 *Phục-sức của người Triều-tiên.* — Người Triều-tiên đàn ông đã tiền-phát cũng nhiều, nhưng còn để búi tóc cũng chẳng ít, vì cái thói quen khi xưa không thể một lúc mà trừ hết đi được. Đầu tóc đàn-bà chải rẽ ra làm hai mái tóc, rồi quặt lại dằng sau phan ra làm mấy món kết thành hình hoa vừng, rồi lại vòng quanh tròn lên trên đầu, hơi giống như cách thi-trang người Bắc-kinh. Con gái tết bím đại-loại cũng giống như có ở Tàu người Bắc-kinh.

Người Triều-tiên thừa cái di-phong của ông Cơ-tử, chuộng sắc trắng, mùa hè thường mặc áo vải sắc trắng, mà mùa đông cũng thấy mặc áo bóng sắc trắng, hình như vẫn chưa hiểu cái lẽ mặc sắc đen thì nó hấp-thụ cái nhiệt-độ của thái-dương nóng quá.

Trai gái người Triều-tiên đều mặc quần đùi, duy ống quần dưới hơi to lưng-thụng quá. Người đàn ông thì mặc áo dài độ quá gối, ngắn hơn áo bảo của người Tàu, vậy nên lúc vận-dộng có điều nhanh-nhẹn hơn. Áo trên của đàn bà thì dài đến ngực, hai vú để rù

ra ngoài áo, hễ khi nào trẻ con bù thì không cần phải cởi áo. Không kỳ kẻ giàu người nghèo, người nào cũng đều mặc quần cả, không có mặc thứ áo dài, chỉ dùng quần buộc che đàng trước ngực, toàn thân quần-áo đều trắng toát cả, trông y như lối tuồng cũ diễn trò bạch-xà toàn mặc đồ trắng cả.

Người Triều-tiên đàn ông đội một thứ mũ giống như kiềum mũ đại-lễ của Tây mà nhỏ, chỉ đủ che đỉnh đầu chứ không che đến trán. Thứ mũ ấy tết bằng mã-ví, lại có dải buộc xuống dưới mang tai. Còn những kẻ lao-động thì không đội mũ, chỉ đội cái võng-cân tết bằng thứ tơ đen, hình như cái chụp mũ Chiêu-quân của đàn bà Tàu đội khi trước, phủ lên trên trán để thu vén những cái tóc ngắn xòa ra chung quanh. Thứ võng-cân ấy cũng giống như cái mạng khỉ của con hát, trông cực giống cái anh con hát đội mũ chóp ra giáo đầu.

Cái dù của người Triều-tiên dùng để che mưa thì làm bằng tre rồi phất giấy dầu phủ ngoài, hình như cái ô che mưa của người Tàu mà không có cán, hình-thức rất nhỏ chỉ đủ đội vừa đầu để che mưa, chứ không đủ che kín vai. Còn thứ mũ của những bọn hạ-lưu dùng thì tết bằng cỏ, giữa cao lối lên, chung quanh rủ xuống, hình như cái vỏ ốc, hình-thức rất lớn, có thể che khắp được cả vai với lưng, giá gặp lúc giữa đường mưa to, thì cứ ngồi xồm ở bên đường có thể che kín được cả toàn-thân.

Người Triều-tiên không cứ gì mùa đông mùa hè đều đi thứ giầy may bằng vải bông, người hạng thượng-lưu thì đi thứ giầy làm bằng tơ-lụa, nhưng cái hình nó hẹp hồ nhọn khoắt, tuy rằng không có cái tặc bó chân, nhưng cũng có cái ý tại sao mới làm nhỏ như thế, giá-thủ chấu những người thông-thường ta thì không thể nào đi

vừa. Bọn lao-động thì đi một thứ dép thảo-hài, dưới đệm bằng cỏ, trên tết bằng gai, chu-vi lại có dây gai giàng-buộc để làm quai, hình nó khác với kiềum thảo-hài của Nhật-bản. Lúc trời mưa thì hay đi guốc gỗ, hình nó như cái thuyền nhỏ, thắt giữa mà đôi đầu nhọn. khác với các kiềum guốc của Nhật-bản.

5° *Lối nhà cửa của người Triều-tiên.*

— Người Tàu thì nhiều kiềum nhà gạch, người Nhật thì nhiều nhà bằng gỗ, người Triều-tiên thì hay lợp nhà bằng cỏ. Kiềum nhà Nhật ai cũng khen là giản-tiện, nhưng lại còn một cách sạch-sẽ nữa thật là đáng khen. Cách kiến-trúc kiềum nhà Triều-tiên, các nhà thông-thường thì chỉ dùng gỗ làm giàn, rồi trên nóc lợp bằng cỏ, chung quanh thì làm rường tre ngoài trát đất, thế là xong nhà, chứ không có ngăn buông tường vách gì cả, dẫn-hỏa cực dễ mà phòng trộm rất khó; các nhà chốn thò-quê không kỳ giàu nghèo đều kiến-trúc một cách như thế cả. Những chốn thành-thị nhà nào làm lối hoa-mĩ thì đều có ngăn ra viện-lạc nho nhỏ, mỗi một viện lại có mở ra hai cánh cửa lớn, giống như cánh cửa xe ở Bắc-kinh, bên tả mở thì bên hữu đóng, bên mở thì để làm lối cho người ra vào, bên đóng thì để làm chỗ tiểu-tiện, mỗi khi có khách vào chơi đến cửa thì chủ-nhân chiếu-lệ mời khách đi tiểu, ngoài cửa thì nước tiểu bần-thiểu, chỗ lối ngõ đi vào thì phải giẫm lên cả trên ó-uế rất là bần-thiểu. Mới đây người Nhật cai-trị bắt quét dọn các nơi thành-thị phố-phương, thì cái thói bần-thiểu đã bớt đi được nhiều. Trong nhà chỗ phòng ở thì làm như hình chữ *khâu* □ giống như phòng tư-hợp ở Bắc-kinh, nhưng bề ngoài không có sân, tứ-vi đều có dãy nhà hồi-lang có song mà không có hộ, đi đến dưới hành-lang thì rút giầy ra chui qua cửa song mà vào. Bậc cửa song cao độ hơn một thước, trong nhà trên

mặt đất đều lát bản đá, ở trên lại giải một thứ giấy Cao-ly rất dày. Về góc Tây-Bắc để một gian làm buồng bếp, dưới bếp đốt lửa lên thì khói nó thông suốt cả dưới gầm ván trong nhà, mùa đông thì ấm, mùa hè thì bức ngốt. Trong nhà không có giường ghế gì cả, chỉ lấy ván lát đất để thay ghế, không có ý không có bàn, chỉ có cái ghế thấp để thay bàn, cái đệm ngồi để thay ghế, đằng sau có cái gối dựa xếp bằng tròn mà ngồi. Bên cạnh ghế có một cái ống nhỏ, một cái bình tiểu-tiện, trên đều có nắp cả, hoặc làm bằng thứ đá hoa xanh đỏ người lạ mới đến thì tưởng là cái hộp bánh hay là cái bình chè. Khi chủ khách ngồi nói chuyện lâu, muốn đi tiểu-tiện thì cứ tự-do lấy cái bình ấy mà dái vào, không khác gì những người tỉnh phía Nam nước Tàu cứ để thùng dái ở bên cạnh mà chẳng lấy làm quái lạ. Trên các đường phố tuyệt không có một nhà si công nào cả, khi đi dái ra phố thì phải đi tiểu trước ở trong nhà trọ, không thì ra khỏi cửa rồi không có chỗ đi tiểu, trừ chỉ có nơi công-viên và nơi bác-vật-quán thì mới có chỗ đi tiểu, không thì phải vào đi tiểu nhờ ở các nhà buôn bán thực là lói thối lắm.

60 *Cách ăn uống của người Triều-tiên.* -- Người Nhật ăn cơm ba bữa thường dùng gạo trắng, thức ăn thì hay dùng cá, giống như cách sinh-hoạt người phương Nam bên Tàu. Người Triều-tiên từ hạng người trung-lưu trở lên mới được ăn gạo trắng, còn hạng trung-lưu trở xuống thì chỉ ăn gạo lương, không có chừng-mực nhất-định nào cả, mỗi một buổi sớm thì nấu một bữa cơm rồi chia cho mỗi người một bát cơm đựng bằng bát đồng lớn tùy ý lấy mà ăn. Thức ăn thì thường dùng thứ dưa muối với ớt, cứ mỗi năm vào độ tháng chín ta thì họ hái lấy thứ rau dưa rồi ướp muối với ớt và các thứ rau

thơm, để vào trong vại bịt kín lại, đến độ tháng chạp mới mở ra ăn. Lại còn cách muối dưa ngon nhất thì cứ mỗi một lượt dưa lại để một lượt quả bình, một lượt thịt « dăm-bông », một lượt cá muối, những các thứ ấy đều tầm nước tinh rượu rất nhiều, muối chín đi mới đem ra ăn, khi mới ăn thì hơi hăng - hăng thối - thối không thể nuốt được, ăn độ vài mươi ngày quen đi thì lại thành ra thơm ra ngon, bữa cơm mà không có thứ dưa ấy thì không ăn no được. Người Triều-tiên, hễ gặp ngày tết thì thường đem thứ rửa để tặng các thân-bữ, nhà giàu có khi muối đến một hai trăm vại, vì nó có thể để lâu được không đến nổi hủ-lạn.

70 *Quan-kỹ người Triều - tiên.* -- Nước Triều-tiên từ trước không có kẻ kỹ-nữ đi hát, chỉ có hơn một trăm người quan-kỹ, đều là quan nữ-nhạc của nhà vua, cứ vào hồi 10 giờ gần trưa thì phải vào châu tâu nhạc hầu vua xơi cơm; hai giờ chiều thì lại lui châu, ba giờ thì đến thượng-nha-môn, năm giờ thì đến hạ-nha-môn, tâu nhạc xong rồi thì về ngụ-sở, bảy giờ thì trở ra về tự-do làm việc. Các sở nha-môn tức là nơi giáo-phương, có người trưởng quan là bậc nhị-phẩm đại-viên cũng là một người kỹ-nữ, các thuộc-quan đều là kỹ-nữ cả, phẩm-cấp thì tự tam-phẩm đến thất-phẩm, con gái cứ tự mười tuổi trở lên thì được vào viện học tập, đến độ 25 tuổi thì đã đến kỳ được chiếu lệ cáo lão hồi-lương. Nước Triều-tiên trong chốn cung cấm rất nghiêm, kẻ kỹ-nữ không được vào cung, các quan qui-thích đại-thần cũng không có lấy làm bà phu-nhân bao giờ, các kỹ-quan sau khi tri-sĩ rồi thì chỉ lấy làm vợ một người quan viên nào phẩm-cấp tương-đương với mình.

Nước Triều-tiên ngày trước không có xe ngựa, quan đại-viên nhất-phẩm trở xuống thì ngồi kiệu, quan nhị-

phẩm trở xuống tứ-phẩm trở lên thì cuối lưà, ngũ-phẩm trở xuống thì đi bộ. Chỉ có bà quan viên giáo-phương lúc vào chầu thì được mặc triều-phục đai ngọc mà đi kiệu, sau khi thoái triều rồi thì lại trang-thức không khác gì người dân bà tầm thường. Lúc về tự-do đi hát khi ra vào thì lại không được đi kiệu, chỉ đem theo một người đẩy tờ trai dầu đội khăn lục gọi là thằng qui-nô 龜奴, hoặc là ả xoa-hăn 叉裨, hễ ai có gọi hát thì phải có người giới-thiệu đến nói trước, không thời không đến ứng-thù. Bề ngoài tuy là lấy giao-tình đối đãi không phải vì kim-tiền, nhưng tiền thường hát lần đầu cũng phải đến tám đồng, rồi sau cứ mỗi lần tăng thêm mãi lên như là lần thứ hai thì phải đến mười sáu đồng, lần thứ ba thì phải đến ba mươi hai đồng, v. v., rồi lên đến hàng trăm đồng thì thôi. Sau có gọi hát cũng không phải mất tiền thường nữa. Tiền phí-tồn xa-xỉ như thế, nên khách làng chơi cũng ít. Lúc ngồi hầu rượu, thì quan-kỹ lại ngồi thượng-tọa, khách ngồi bên cạnh, chủ-nhân ngồi hạ-tọa, quan-kỹ trước nhất mời rượu mọi

lượt rồi hát lên một khúc, rồi mới tới đến chiếu ngồi hầu rượu, tiệc nửa chừng thì lui về.

80 *Khi-hậu và đường thiết-lộ của nước Triều-tiên.* — Phía Bắc nước Triều-tiên thì thường gió nhiều, phía Nam thì thường mưa nhiều, bắc-bộ thì rét, nam-bộ thì ấm, bắc-bộ liền với Mãn-châu là khi-hậu đất liền, nam-bộ liền với Nhật-bản là khi-hậu đường bể. Đường thiết-lộ Kinh-nghĩa thì hai bên làng xóm sơ-sai nhiều nhà gianh. Đất Hán-thành là kinh-đô của Cao-ly hồi sau coi cũng hoang-lương lắm, nhà ga cũng hẹp-hòi thấp nhỏ không được phồn-thịnh. Đường thiết-lộ Kinh-phủ thì hai bên nhiều ruộng lúa, làng cũng phồn-thịnh, có nhiều đất sắc đỏ hàm rất nhiều thiết-chất.

Các rừng núi trong cõi đất Triều-tiên có nhiều cây nhỏ mới gòn, tuy không tốt bằng rừng núi cõi nước Nhật-bản nhưng còn hơn nước Tàu thì lại hoang-lương lắm.

Đ.-C. dịch



HƯƠNG-CHÍNH TINH-NGHĨA (1)

鄉政精義

III

Tuy thế lại còn phải trông vào phép luật của nước có ưng cho nhân-dân được tự-do thiên-tỉ, thì chốn hương-thôn mới thực-hành nhận kẻ trụ-dân được.

Tự-do thiên-tỉ là phạm nhân-dân trong nước, đến đâu cũng được quyền trụ-cư, được quyền tậu điền-địa, được quyền mở-mang nghề-nghiệp làm ăn, Nhà-nước không có cấm. Nhà-nước đã cho nhân-dân được tự-do thiên-tỉ, thì nhân-dân bất-tất cứ phải lấy cái làng có đăng đình-tịch mới là làng, chứ nếu ngoài cái làng người ta có đăng đình-tịch ra, Nhà-nước không nhận cho người ta được là trú-dân của làng nào nữa, thì là Nhà-nước tuy có cho thiên-tỉ mà thực chưa cho tự-do vậy.

Nhà chính-trị-bọc cho rằng: Tự-do thiên-tỉ là cái quyền-lợi trời phú cho người ta, đối với những sự tự-do khác như xuất-bản tự-do, ngôn-luận tự-do, v. v., không còn có thứ tự-do nào quý trọng bằng thiên-tỉ tự-do. Vì là để cho những kẻ tự-quyết được lấy lợi-hại của mình mà chọn lấy chỗ trụ-cư doanh-nghiệp, là một lẽ đương-nhiên rất phải vậy. Nay quốc-gia cho nhân-dân được tự-do như thế thì quốc-gia cũng được lợi-ích nhiều. Vì sao, vì rằng chỗ nào sinh-kế tiện-lợi cho ai thì người ấy tự biết mà chọn lấy. Nếu quốc-gia mà cho nhân-dân được tự-do thiên-tỉ thì nhân-dân sẽ yên trí mà định-cư ở cái chỗ sinh-kế tiện-lợi cho mình. Sinh-

kế của nhân-dân đã hưng-vượng, thì quốc-gia cũng nhân đó mà được thịnh-giàu.

Coi đó thì về phần các hương-thôn nên biết lấy chính-trị làm mục-đích, trừ bỏ những cái tệ-tục « góc chiếu » đi, lợi-dụng lấy kẻ trụ-dân để thêm thịnh-vượng cho làng, mà về phần Nhà-nước thì nên thi hành nhất-luật cái phép tự-do thiên-tỉ ở xã-thôn cũng như ở thành-phố vậy.

Dù thế mặc lòng, tự-do thiên-tỉ cũng như các tự-do khác, không phải là không chế-hạn được đâu, song chế-hạn phải có phép-luật nhất-định. Về nước pháp-trị-quốc thì quan-nhà với hương-hội phải bắg-cứ vào phép-luật mới thi-hành được quyền chế-hạn sự tự-do thiên-tỉ của người ta ấy.

Quyền chế-hạn tự-do thiên-tỉ có hai cách là: do sự-vụ cảnh-sát mà phải chế-hạn là một; do lợi-ích của dân làng mà phải chế-hạn là hai.

Do sự-vụ cảnh-sát mà phải chế-hạn là ngăn cấm không cho những kẻ tù-đi, ăn mày và du-dăng đến trụ-cư.

Do lợi-ích của làng mà phải chế-hạn là cự-tuyệt những kẻ không có nghề-nghiệp làm ăn mà hay vãng-lai đến làng.

Tuy vậy sự cấm ăn-mày cũng phải phân-biệt mới được. Cấm là chỉ cấm những kẻ xem ra có sức-lực làm ăn được mà không chịu làm ăn, còn như

(1) Xem N.-P. số 117, 118.

những kẻ yếu đuối, tàn-lật, không có thể làm ăn gì được phải đi xin ăn, thì phải đợi khi nào các làng thành-thị hương-thôn đều thực-hành cái nghĩa-vụ cứu-tế được cả thì mới cấm được. Vì rằng đến bấy giờ thì làng nào cũng đã lấy công-quĩ ra mà trợ-cấp cho kẻ khốn-cùng trong làng ấy rồi, lúc đó mà đưa nào không chịu an-phận còn lang-thang ra ngoài, thì không cho nó bước vào địa-vực làng mình là phải. Bằng chưa đâu làm được cái nghĩa-vụ cứu-tế ấy thì không có chỗ nào có cái quyền được cự-tuyệt kẻ ăn-mày, vì cự-tuyệt như thế là tàn-nhân mà kẻ khốn-cùng sẽ nương nhờ vào đâu.

Về cái nghĩa-vụ cứu-tế, sẽ có một chương bàn kỹ sau này. Còn ở đây thì lại hãy giải cho rõ cái nguyên-tắc về tự-do thiếc-tỉ để cho độc-giả hiểu thêm đã.

Đã gọi là tự-do thiếc-tỉ thì cái quyền trụ-cư bất-tất phải theo phép « nguyên-tịch » hay phép « nhập-tịch » như trên kia nữa. Cứ thấy chiếm trụ-cư ở cương-vực làng nào thì tức là người làng ấy, ấy cái câu đề kết-luận cho cái pháp-luật thiếc-tỉ chỉ có thể mà thôi, tức cũng giống như câu « cư đâu dịch đấy » của ta ngày xưa vậy.

Cho nên trừ mấy điều phải chế-hạn như trên kia vừa nói ra thì kẻ đến ở làng hay kẻ ở làng đi không cần phải tra hỏi phiến-nhiều gì, chỉ biết ai hiện đang trụ-cư ở làng thì phải nộp những tiền thuế tài-sản và tiền lệ-phí các vật công-dụng cho làng.

XIII — Thế nào là trụ-dân-quyền.

Cứ quốc-pháp và hương-ước của các nước đã thi-hành thì người nào vừa có quyền-lợi hưởng-dụng tài-sản cùng vật công-dụng của làng, vừa có nghĩa-vụ phải chịu các việc đóng góp với làng, thì mới gọi là trụ-dân-quyền.

Trụ-dân-quyền đã đành là cái quyền của kẻ nào trụ-cư ở làng thì được,

song không phải là kẻ ở xởi-thì, tất phải là kẻ định ở lâu dài chung-thân mới được, cho nên khi đã chiếm trụ-cư ở làng nào rồi thì là trụ-dân làng ấy, tức có trụ-dân-quyền, chứ không phải khai vào sổ dinh-tịch cùng can-thiệp gì nữa.

Đã đành rằng kẻ ở xởi-thì thì không có trụ-dân-quyền, song kẻ nào cứ thấy ở mãi mà ý vẫn không định ở tràng-cửu, thì trong khi đó, hưởng-dụng những vật công-ích của làng có khác gì kẻ ở lâu dài. Hưởng lợi-ích của làng nhiều mà không chịu trả phi-tồn lại cho làng, thì sao cho phải là công bằng. Vì vậy luật hương-chính nước Nhật-bản hề đến cư-lưu ba tháng trở lên là phải tính từ khi mới đến mà chịu nghĩa-vụ đóng góp cho làng, đan-cứ như những tiền thuế đên thuế nước ở các thành-phố vậy, như thế thì làng không phải thiệt-hại về kẻ đến cư-lưu mà lại nhờ được kẻ đến cư-lưu giúp cho làng thêm thịnh-vượng.

Tuy vậy, làng muốn thu lấy cái lợi-ích của kẻ đến cư-lưu như thế, nhưng cái cách của làng đối-đãi với kẻ đến cư-lưu mà bất-lich-sự thì cũng chẳng ai buồn đến cư-lưu làm gì, vậy làng phải hết sức lo tính sự tiện lợi cho kẻ đến cư-lưu mới được; ở Âu-châu các thành-phố lớn có đặt ra Ủy-viên-hội để tìm cách tiện-lợi đãi cho kẻ đến cư-lưu.

Quyền-lợi, nghĩa-vụ của kẻ trụ-dân thế nào, phải theo pháp-luật mà định rõ. Hương-hội với quan-aha không có thể tùy ý mà cho hay không cho người ta được. Cho nên khi pháp-luật đã xác-dịnh rồi mà kẻ trụ-dân nào bị thiệt-hại về quyền-lợi thì có thể tố-cáo đề Hội-đồng tự-trị cao-đẳng hay là Tòa-án cai-trị xét xử cho. Thế cũng là một nguyên-tắc của pháp-trị-quốc đó.

XIV — Thế nào là công-dân-quyền.

Vẫn biết hề có trụ-dân-quyền thì được hưởng mọi sự lợi-ích ở trong làng. Song đến như cái quyền quản-trị ở

trong làng tức là cái quyền đi tuyên-cử với bị tuyên-cử mà nhà pháp-luật gọi là công-dân-quyền đó, thì không phải là cứ hễ người trụ-dân nào ở trong làng là cũng được cái quyền công-dân ấy cả đâu. Pháp-luật các nước cho những hạng người không được có cái quyền công-dân là những hạng sau này :

1^o Người ngoại-quốc không được có công-dân-quyền. Vì công-dân-quyền là cái quyền-lợi về công-pháp. Cho nên cái nguyên-lý của Vạn-quốc công-pháp » không cho người ngoại-quốc được hưởng công-dân-quyền.

2^o Người không độc-lập được không được có công-dân-quyền, người đã độc-lập được là những người đã đến tuổi, đã ra ở riêng, không bị điều ngăn-cấm về cái quyền làm chủ của, nghĩa là đã biệt-lập thành gia-đình, được phép giữ tài-sản và tiêu tài-sản.

Xét hạng này luật Hương chính Bắc-kỳ ta có cho rộng hơn một chút là nghị-định hương-chính điều thứ hai cho cứ đàn ông từ 18 tuổi trở lên thì được ký bầu Hương-hội-viên, chứ không hỏi đến tài-sản, còn làm Hương-hội-viên thì phải 25 tuổi trở lên mà có tài-sản ở làng mới được. Thế là chỉ cho có một nửa công-dân-quyền, nghĩa là kẻ mới thành-đình không kẻ có gia-sản hay không, chỉ được đi bầu mà thôi, đó cũng là theo về cái thuyết « bình-quyền » của nước Pháp sẽ bàn sau này.

3^o Đàn bà không được có công-dân-quyền, nhiều nước theo về thuyết này.

4^o Kẻ nào đã phải lĩnh tiền cứu-lễ bởi công-quí của làng thì không được có công-dân-quyền.

5^o Kẻ nào không đóng được « các thuế làng » với làng thì không được có công-dân-quyền.

6^o Tuy rằng ai là trụ-dân thì được có trụ-dân-quyền, song đến như công-dân-quyền thì kẻ mới đến ở chưa được bao

lâu không thể có được. Vì công-dân-quyền là quyền cai-trị trong làng, tất là kẻ ở đã lâu, thông-hiểu tình-thế trong làng và có cái lợi-hại trực-tiếp quan-hệ với làng thì mới biết dùng được quyền ấy cho xứng-đáng, cho nên tuy có trụ-dân-quyền, nhưng ít ra cũng phải ở đã vài năm, hiểu thấu tình-thế, trực-tiếp lợi-hại rồi thì mới được. Bởi vậy luật Hương-chính Nhật-bản hễ đến ở làng được hai năm trở ra mới được có công-dân-quyền.

Sáu hạng người không được có công-dân-quyền trên ấy là thông-thường ở các nước, còn ở Bắc-kỳ, luật lại có một hạng người nữa không được có công-dân-quyền. Hạng ấy là đàn ông từ 18, 25 tuổi trở lên mà đã phạm tội có bị mất công-dân-quyền thì không được đi bầu-cử và ứng-cử làm Hương-hội-viên. (Xem điều thứ hai trong nghị-định Hương-chính Bắc-kỳ). Song trong Hình-luật Hoàng-Việt lại có định ra cách « phục-quyền » để cho kẻ mãn-tội được khai-phục cái quyền công-dân lại.

Trên ấy nói những hạng là trụ-dân mà không được công-dân-quyền. Đây lại nói đến những hạng không phải là công-dân mà luật Hương-chính các nước cũng cho được có quyền đi tuyên-cử. Hạng này thì nghị-định Hương-chính Bắc-kỳ hiện nay chưa có, song sách này đã là sách tinh-nghĩa về hương-chính, nên cũng bàn qua ra đây cho độc-giả biết rộng.

Hạng này nhà pháp-luật cho là « Hạng lệ ngoại » như trẻ con hay đàn bà mà có nhiều bất-động-sản ở trong làng, hoặc là người không phải là trụ-dân, nghĩa là vẫn ở làng khác mà có điền-địa cùng bất-động-sản khác ở làng, hoặc là hội nào hoặc đoàn-thể nào có tư-cách pháp-nhân mà có nhiều bất-động-sản ở làng, thời những người ấy là có lợi-hại quan-hệ đến công-việc

của làng cả. Vì thế pháp-luật có đặt ra làm hạng lệ-ngoại mà cho được có quyền tuyền-cử. Song lấy cơ gì mà phân được cái lợi-hại lớn hay nhỏ của từng người hay từng hội ấy, thì các nước đều lấy cái ngạch nộp thuế mà định quyền cho. Ví như một người hay một hội nào mà nộp thuế gấp ba người thường thì được quyền đi tuyền-cử, mà trẻ con, đàn-bà cùng hội nào, thì phải có người đại-lý thay mặt cho. Sở-dĩ cho rộng quyền như thế là lấy tài-sản làm mục-dịch trọng-yếu cho Hương-chính vậy.

Bởi chính-sách các nước lấy tài-sản làm trọng như thế, nên trong làng kẻ nào không có tài-sản thì không được có quyền tuyền-cử Hương-hội mà cái quyền tuyền-cử ấy thì cứ lấy cái ngạch đóng thuế mà lượng định ra, là lấy nghĩa rằng : Hại-dễ công việc trong hương-hội chỉ có một vấn-đề tài-chính mà thôi. Cho nên sự kế-toán tài-chính của làng còn trọng-dại hơn là sự kế-toán tài-chính của Nhà-nước. Làng đã phải lấy tài-chính làm trọng-dại, thì phạm các khoản đóng góp, tất bao giờ kẻ giàu cũng phải gánh nặng hơn kẻ nghèo. Vậy nên ở bộ cơ-quan của làng mà không thêm quyền cho kẻ có tài-sản thì ra để cho kẻ không có của lại được quyền nghị đến thuế-lệ và thao-túng cả tài-sản của kẻ có của, thì sao phải là công-bằng.

Vả lại những viên-chức trong hương-hội là tinh những chức vinh-dự không có lương cả, phi nhà dư-dự không làm được, cho nên những chức vinh-dự ở trong làng cũng là những nghĩa-vụ của kẻ có của phải gánh.

Vì lẽ đó, nên luật Hương-chính ở các nước tuyền-cử Hương-hội cũng bỏ vé kín như tuyền-cử quốc-hội. — Người nào được thăng-phiếu làm Chánh-hương-hội mà cố từ thì phải phạt, phải đình-chỉ quyền công-

dân một hạn là bao nhiêu năm. Lại còn bắt phải nộp tăng các thứ thuế làng lên nữa. Xem thế thì kẻ giàu đã phải chịu nghĩa vụ gánh-vác cái gì cũng nặng hơn kẻ nghèo, thì tất cũng được cái quyền-lợi về chính-trị nhiều hơn kẻ nghèo là phải. Kẻ giàu khỏi bị kẻ nghèo đê-nén mà cái giá-trị được đi tuyền-cử càng thêm quý, quý thì nhân-dân mới biết rằng muốn được cái quyền đi tuyền-cử không phải là dễ.

Tuy vậy, cái gì thiên-trọng quá cũng không được. Pháp-luật đã cho kẻ giàu được nhiều quyền-lợi hơn kẻ nghèo thì pháp-luật lại phải dự-phòng cẩn-thận cho kẻ giàu khỏi lạm-dung quyền-lực mà ức-áp kẻ nghèo thì mới là hoàn-thiện.

Ấy cái lý-thuyết về quyền tuyền-cử Hương-hội ở các nước như thế.

XV — Pháp-luật của làng.

Cái cơ-sở tổ-chức thành ra làng cũng như cái cơ-sở tổ-chức thành ra nước. Có thổ-địa, có nhân dân rồi cũng chưa đủ, lại còn phải có pháp-luật để cai-trị lấy thổ-địa nhân-dân thì làng nước mới thành ra làng nước được.

Ví như người, thổ-địa nhân-dân là phần thân-thể, pháp-luật là phần tinh-thần, muốn cho thân-thể được hoạt-dộng phải cần cho tinh-thần được tinh-tao, mà muốn cho làng nước được hưng-thịnh phải vụ cho pháp-luật được hoàn-thiện. Cho nên hiến-pháp của nước phải tùy quốc-thể mỗi thời mà canh-cải, thì luật-lệ của làng cũng phải theo trình-độ tri-thức của nhân-dân trong làng mà mỗi lúc đổi thay, đó là cái lẽ tất-nhiên như vậy. Xem thế thì biết rằng phép-luật trong nước trong làng có được hoàn-thiện hay chưa là chỉ do cái trình-độ tri-thức của nhân-dân trong nước trong làng mà ra cả đó thôi.

Nay đem pháp-luật của làng chia ra làm hai phần mà giải bàn như sau này :

Phần thứ nhất. — Phần này làng phải tuân theo pháp-luật của Nhà-nước đã định ra cho, ấy là hiến-pháp của làng đó. Hiến-pháp ấy bày ra cách tổ-chức bộ cơ-quan của Hương-hội và chỉ-dịnh cái quyền-hạn của Hương-hội đối với làng với Nhà-nước thế nào. (Tức như đạo nghị-dịnh cải-lương Hương - chính Bắc-kỳ năm 1921).

Ngày xưa quốc-gia lấy cái địa-vị Triều-dinh đối với bộ-lạc như trên kia đã nói, không muốn can-thiệp đến nội-chính của các làng. Nên khoán-ước các làng không đâu phải theo đâu, đâu muốn lập ra thế nào cũng mặc, quốc-gia không hề hỏi đến. Ngày nay quốc-gia như ở các nước văn-minh là lấy cái tư-cách đại-biểu quốc-quyền đối với các địa-phương. Làng đã là một địa-phương dưới nhất của quốc-gia, ủy cho để thực-hành chính-quyền của nước, nên quốc-gia không can-thiệp giám đốc đến không được, mà đã can-thiệp giám-dốc đến thì phải có một cái pháp-luật nhất-dịnh và thống-nhất là lẽ tất-nhiên.

Xem thế thì làng ngày xưa không phải là không biết tự-trị, chính tự-trị một cách thật hoàn-toàn tự-do, song là cách tự-trị riêng tây nhỏ-hẹp, mục-dịch về chính-trị chỉ đến cái giới-hạn của làng là cùng. Làng ngày nay thì tự-trị một cách theo phép-luật của quốc-gia, mục-dịch chính-trị lấy nước làm chuẩn, cái tinh-nghĩa về Hương-chính ngày xưa với ngày nay hơn kém nhau là ở đó.

Phần thứ hai—Phần này do quyền tự-chủ của địa-phương định lấy, nghĩa là mỗi hạt mỗi làng tự thảo lấy điều-lệ khoán-ước của hạt mình làng mình. Song những điều-lệ khoán-ước của mỗi hạt mỗi làng bởi quyền tự-chủ thảo

ra ấy lại phải không trái với những pháp-luật của quốc-gia đã định ra cho như phần trên vừa nói thì mới được. (Tức như quyền Hương-ước lập thành của các làng Bắc-kỳ đang thi-hành).

Về phần thứ hai này đã nói là bởi quyền tự-chủ của địa-phương thì các làng phải định lấy là phải. Xét từ xưa các làng ở nước ta, vốn đã có hương-ước cả rồi, xem mấy làng ở Bắc-kỳ gần đây, làng thì còn giữ được cái bảng gỗ, làng thì còn giữ được cái bia đá, ghi các khoán-ước đề tại đình, phạm những việc tự-trị như tuần-phòng, tura kiện, trộm cướp, dâm-dăng, cứu-hỏa, khuyến-học và các điều khuyến-trưng về giáo-học, phong-tục, v. v., đều là chu-trí lắm, thì biết lúc trước khoán-lệ làng nào cũng có minh-văn cả. Sau trải qua mấy hồi biến-loạn về cận-thế mà thất-lạc đi hết, đến nay làng thì nhớ đâu chép lại đấy, làng thì chỉ nhớ m òng với nhau, mà thường nhớ có mấy điều về khẩu-trái, vị-thứ mà thôi. Còn bao nhiêu thói hay tục tốt, nhân-nhượng phù-trì nhau, cơ-hồ quên đi mất sạch.

Vả lại mấy điều hương-âm vị - thứ buổi ban đầu cũng còn là giản-dị cả, mà suy-nguyên ra vị-tất đã không có cái ý-nghĩa thành-thực bởi cái tư-tưởng hẹp-hòi của thời-thế lúc đó mà diễn ra, như hương - âm thì mượn « thần-quyền » để trọng sự yển hội, vị-thứ thì lấy cái nghĩa « đạt-tôn tam » để khuyến-khích nhân - phẩm, thì cũng không phải là không hay, sau càng nhờ được cái cuộc thiên-an (yển được một góc) của Nhà-nước, trong thì dân-sinh trù-thịnh mà ngoài không có cái lo liệt-cường giao-thiệp, phong-tục càng dễ sinh lưu-tệ. Tục vị-thứ thì thành ra sùng-bái nhân-tước một cách u ám dè-hèn, tục hương-âm thì thành ra cái nợ miệng nặng-nề; hai cái cổ-tục chân-quê toại thành ra hai cái

dây trói buộc tâm-thần người hương-thôn rất chặt. Nay thời-thế mở-mang, dân các nước đã đều khai-thông tiến-hóa cả rồi, mà cái tư-tưởng người hương-thôn Việt-Nam không mở-mang chút nào, cũng chỉ vì hai cái dây trói ấy nó trói chặt quá vậy. Xem những chỗ phố-sá làng xóm nào mới tân-lập, có mươi mươi-hai nóc nhà người nhà quê đến nhóm họp, chẳng hề tổ-chức được cái đoàn-thể tự-trị gì, hát đầu khởi lập ngay hai cái lệ vị-tư với khăn-trái ấy; không những người nhà quê như thế, ngay những người vốn sinh ở thành-thị mà cái tư-tưởng vị-thứ với khăn-trái cũng chẳng kém gì người nhà quê hương-thôn, như không tin lời đó thì vào ngay một cái đình hàng-phố nào đó mà xem.

Ấy phong-tục thì như thế mà khoán-lệ thì mỗi làng mỗi khác, trong làng lại mỗi người dân anh tự ý bày ra mỗi khác, chẳng số sách gì, gọi là lệ miệng, làm-sự dân không lấy gì làm bằng-cử, quan-nhà không biết đâu mà xử-doán, bởi vậy Chính-phủ lại phải can-thiệp đến, nhất lấy những khoán-ước cũ tham với nghị-định cải-lương mới cùng những điều hợp với quyền-lợi của Chính-phủ mà đặt ra một quyền Hương-ước lập-thành (*coutumier de la commune*) cho các làng, phạm những điều về tự-trị thì các làng đại-đồng như nhau, còn những phí-khoản về bán Nhiều bầu Hậu, tế thần cùng các thứ tiền chiết-can ăn uống về đám ma đám khao, v.v., thì để giấy lưu-không cho các làng cứ

tùy ý mà diễn vào. Song những số tiền chiết-can chuộc lệ ăn uống ấy không được vượt qua cái hạn của cái « phái-giá » mà Chính-phủ đã định sẵn. (Xem cái phái-giá phụ ở đạo nghị-định hương-chính năm 1921). Hương-ước làng nào đã trình Chính-phủ duyệt-y rồi mới công-nhận cho thi-hành.

Tuy vậy, sách Hương-ước lập-thành mới ấy, lời phát-doan nói về « Chú-ý cải-lương » (*But de la réforme*) có kết rằng: « Sau sẽ theo trình-độ tiến-hóa mà cải-bổ thêm — *Des améliorations ultérieures pourraient être apportées au présent coutumier, suivant l'évolution du peuple* ». Coi đó thì biết chính-phủ bất-quá cũng chỉ muốn cho thống-nhất đại-khái đó mà thôi, thì kịp ngay những tục vị-thứ, khăn-trái là những ác-tục phải nên giảm bỏ và cải-lương lại đã đành, còn như những thói hay tục tốt, cái gì về văn-hóa xưa nên giữ, cái gì về văn-minh mới nên theo, mà làng nào muốn bổ thêm vào mục nào trong quyền Hương-ước mới ấy thì cứ can thêm giấy mà viết vào đề trình-duyet, miễn các món tiền chiết-can đừng vượt qua cái « phái-giá » đã định thì được. Chứ không phải đợi đến một kỳ-hạn các làng cùng cải-bổ lại với nhau một lượt. Làm như thế cũng là một cách thí-nghiệm và làm phép cho các làng hậu-tiến về sau.

(Còn nữa)

N. T.-T.



TUỒNG HÁT

NGUYỄN-CHÚA PHÙ LÊ-HOÀNG (1)

VI

HỒI THỨ VII

*Khinh chàng Trịnh chúa Mạc thua quân
chạy.
Đuổi giặc Mạc tướng Trịnh rước vua
ra.*

Chương-trình

Khi Trịnh Kiểm về Thanh-hoa, chúa Mạc tự Thăng-long vào, đòi thổ-quan hồi, thổ-quan là nhà nhỏ, thấy trò nhất sợ nước cười, rồi chúa Mạc ra đánh trận thua chạy, Trịnh Kiểm về địa-đồ Thanh-hoa và dâng thơ vào châu Sầm-rước vua Lê chúa Nguyễn và Ngọc-Bảo cùng về.

BÀI-TRÍ

Cảnh đang đi và chiếu-trận

CÁC VAI TRÒ

Chúa Mạc — Thổ-quan — Trịnh-Tử — Quân lính.

Chúa Mạc Đãng-Dong ra bạch (nghe tin vua Lê chúa Nguyễn sai Trịnh-tử

về danh, liền tự Thăng-long về Thanh-hoa kháng-cự) : —thét : Than ôi, trứng nào đem chọi đá, nhà gạch mà lại toan phá bằng gậy vòng. —Tán : như ta nay đất nước vầy vùng (2). —thét hường : کیا thiềng hào, nọ đồn bảo, chen chặt cối non sông. — ngâm :

Cối non sông hiềm-trở mấy mươi trứng (3). — *Tán : rủa má sá ghé cho vua Lê cùng chúa Nguyễn — ngâm :*

Toan đốt trời bắt gió như không (4) *thét : Kia như cối Thanh-hoa là một nơi non xanh động biếc, chốn thiềng vàng ao nóng, đua đuổi mặt iêng-hùng, mà chi dám cho Trịnh-tử chen vòng tranh-cạnh (5). — Cười nói : Ha ha, nào tướng hùng quân mạnh, quyết ra tay quét tạnh mù sa. — Gợi : Quân, sắp binh-nhung vào tới Thanh-hoa, sá nữ dễ sơn-hà phá lở, a. — hát khách-phủ (bắc-tầu-mã) : ngàn hoa hờn-hở, dẫm đường trường vô ngựa ruồi giông, dấy núi chấp chông, nơi hiềm-*

(1) Xem Nam-Phong số 116, 117, 118,

(2) Đây tả chúa Mạc nói cậy thế mình, Lê Nguyễn và Trịnh-tử không địch nổi.

(3) Đây tả chúa Mạc giữ thế cậy hiềm, không thoát khỏi lời Trịnh-tử bàn tướng-lược trên ấy.

(4) Đây tả chúa Mạc nói Lê Nguyễn Trịnh không biết liệu sức dám cùng mình địch.

(5) Chúa Mạc nói đất Thanh-hoa là một nơi thắng-địa hùng-quan, kẻ anh-hùng hẳn phải gan, mà nay Trịnh-tử không biết địa-thế, ở đâu mới về, dám xông-dội đến đó, là chỉ làm liều mà thôi, nhưng đó tự chúa Mạc nói, thì cho là Trịnh-tử không biết địa-thế mà làm liều; chớ tự lời Trịnh-tử bàn-tướng-lược trên đây, thì Thanh-hoa với châu Sầm thực là thế Quan-trung với Ba-thục của vua Hán Cao, vậy nên Trịnh-tử về đó, tự là biết địa-thế lắm, nên sau đuổi được Mạc.

yếu mác đồng thẳng trở (2). — *Dùng nói*: A đây đã tới Thanh-hoa rồi đó. — *Gọi*: Quán, đòi thổ-quan địa-chủ tới trà, (quán dạ).

Thổ-quan là một ông Tiến-sĩ, làm Tổng-trần Thanh-hoa ra bạch (phụ tên linh cầm cờ biển ra nói tạm): — *Thổ-quan vào*: Chờ anh em rủ nhau đi mần tuồng, uầy ai còn vai nhỏ, rửa ta đã vào buồng ta đóng vai quan. — *Gọi*: Quán, — *Thét*: nào cờ nào biển, nào áo ban-lan, sắm cho ta ra khỏi trước màn.

Tên linh nói: Rửa cứ ngỡ ngài đi đâu.

Thổ-quan ngấm liếp: Quyết ra tay giày giẫm với giang-san, để cho bạn đi trai đi ốc, cô loan cô cốc biết là quan.

Tên linh nói: Đó xin ngài cứ dầy giọng, để các dì các cô ấy xem, biết ngài là quan tiến-sĩ rằm tháng tám. (*Thổ-quan thét mắng*).

Thổ-quan vào nói: Dạ dấm tầu, tôi thổ-quan, tới trà.

Chúa Mạc ngồi hỏi: A thổ-quan, rửa người có biết giặt nó đóng dấu không?

Thổ-quan nói: Dạ tầu ngài giặt nó đông lắm, nó đồn dinh hạ trại cả ngoài kia.

Chúa Mạc hỏi: Rửa sao người không đánh?

Thổ-quan nói: Dạ tầu ngài, tôi tưởng thi đổ ra làm quan, ngài hỏi tôi việc

văn-học, cái lều, cái gọng, cái chiếu cái chông, đánh dôi lấy cờ biển, rồi ngồi ngâm mấy câu thơ câu phú, mặc áo đội mũ, ăn mỗi tháng mấy trăm bạc, chờ nay ngài lại hỏi tôi việc giặt-giã chông mác, thì nhà nhỏ chịu chết không sao dặng.

Chúa Mạc hỏi: Rửa thì người đưa quán ta đến có dặng không?

Thổ-quan run nói: Dạ bẩm ngài, ngài chạy tới cũng chạy, nó đến bây giờ, không phải đưa, chết cả, chết cả! làm thế nào!

Tên linh nói: Sao quan không ngâm một vài câu thơ phú, để cho giặt nó lui, không thì vắt cờ biển đem lều chiếu mà phủ cho kín (3) (*Đương nói thì Trịnh-tử kéo quân đến, thổ-quan lên linh bỏ chạy chúa Mạc ra trận*).

Trịnh-tử dùng nói khiêu, trách chúa Mạc: — *Thét*: A chúa Mạc ơi chúa Mạc, người sao ở ra lòng đen bạc. — *Ngâm*:

Lòng đen bạc tội mi đang thác,
Con gươm này trừ gặc loài gian.

Chúa Mạc dùng nói khiêu-khích Trịnh-tử: *Thét* — A chúa Trịnh ơi chúa Trịnh, người dùng cây là người sức mạnh — *ngâm*:

Người sức mạnh cùng đây tranh-canh,
Hanh đao này khôn tránh tay ai.

(*Hai bên giao-công*)

Trịnh-tử dùng ngâm đoán-mã: — Chống lưới gươm dài, sá nữ đề giặt trời sắc-mặc.

(2) Đây là chúa Mạc nói rồi truyền quân đi Thanh-hoa, khi đi đường hoa phất ngựa giông, núi chông đạo ruồi như vậy.

(3) Đoạn này tả chúa Mạc và Thổ-quan nhà Mạc nói bâu, đều là cách nói ba lơn cả.

Chúa Mạc dừng ngậm doãn-mã: —
Ném con dao sắc, âu sẽ tìm đất bắc
lời lui (1).

Chúa Mạc dừng nói (thua chạy): —
Thét: Thôi đại-bại đại-bại, ta không
ngờ đến nỗi, mà Trịnh nay đã mạnh
giỏi nhường bao. — *Ngâm nam-thương*:

Bốn bề quanh lớp thiêng cao,
Non trèo vấp đá đàng rào mắc chông (2).
(Hạ)

Trịnh-tử dừng nói (thắng-trần về):
— *Cười nói*: Ha ha, ha ha, ta vừa mới
ra oai một phút, mà Mạc nay đã lăn-
lút dằng tê. — *Ngâm nam-bình*

Ba quan trở nẻo đàng về,
Cờ bay tổ mặt bia đề ta ghi công.
(Cùng hạ)

*Trịnh-tử ra bạch (dừng ngậm cảnh
Thanh-hoa rồi họa đồ gửi về Sầm-
châu, xin dựng kinh-đô, và sai người
rước vua Lê chúa Nguyễn cùng công-
chúa Ngọc-Bảo về Thanh-hoa)*: — *Hường*:
Đá biếc mài gươm bạc, non xanh sạch
bụi hồng. — *Ngâm*: Tay iêng-hùng mở mặt
non sông, — *thét*: thiêng dài khói ngất,
biển lặng mù trong. — *Ngâm*:

Cảnh xinh-xinh non-nước trùng-trùng,
Cõi riêng chiếm một vùng Nam-Việt (3).

— *Thét*: Rừa như ta nay, — *giồn*: túi
thao-lược nghiêng bầu trắng tuyết, —
Via nam-xuân:

Thao-lược nghiêng bầu trắng tuyết,
Luống vui về núi chông đá chẹt về quan-san.
Đem quân ra cửa hùng-quan,
Chim muông giọng hót huê ngàn hương đưa.
Nhớ ai ngư-ngâu ngàn-ngư,
Nhớ ai ai nhớ bấy giờ nhớ ai (4).

Cậu lính nói tạm: Bầy chừ đuổi dặng
giặc rồi, lại sắp óng nhớ bà bà nhớ
ông, ông bà nhớ nhau, chớ nhớ ai ai
nhớ, chỉ tôi cậu lính chẳng nhớ con mụ
mường nào dặng.

Trịnh-tử dừng thét: Ối như đây—*hường*:
hang mờ động thắm, nước cuộn huê
gài, — *ngâm*: thoát nhác coi như non
nước bồng-lai, — *thét*: ngảnh đầu trông
— *hường*: kia rừng chen chặt đất, nọ núi
ngất lưng trời, — *ngâm*: hang hầm gào
beo thét đầy nơi, — *thét*: lại một chốn
Hàm-quan kiếm các (5) — *cười nói tán*:
Ờ, kha kha, thử vẩy bút ta hãy vẽ bức
tranh thoải-mạc, — *thét*: vẽ nào núi nào
non, nào bề ngàn sông nước, — *ngâm*:

(1) Hai khúc doãn-mã này, khúc trên là Trịnh có ý băng-hái, sắp được trận; khúc dưới tả Mạc có ý rấp ném đồ binh-mã chạy về Bắc-kỳ.

(2) Đây tả chúa Mạc thua chạy bàng-hoàng rối-rít, không biết tiến-thoái đường nào cả.

(3) Đây tả Trịnh-tử nói việc non nước thanh-bình và xem phong-cảnh núi sông riêng chiếm một cõi Nam-Việt như vậy.

(4) Đây tả Trịnh-tử nói non nước thanh-bình, mà mình hành-quân vẫn là thanh-sở chỉ lấy núi sông kỳ-quặc làm vui-thù hơn cả, vả từ khi đem quân về Thanh-hoa thấy chim hót hoa bay, ngậm-ngui lại nhớ đến châu Sầm chỗ công-chúa ở mà động tình.

(5) Đây tả Trịnh-tử nói đất Thanh-hoa hoa cười nước cuộn, phong-cảnh hẹp như một chốn bồng-lai là chỗ tiên ở, và rừng núi hiểm-trở là một chốn hầm gào beo thét, lại là cửa Hàm-quan nước Tàu, núi Kiếm-các nước Thục, thực là chỗ hùng-quan trọng-dịa, có vương-khí kinh-đô nhà vua lắm.

ghi họa-đồ, — *Sép*: ghi họa-đồ mà dâng trước nhà vua, — *tán*: xin lấy dây dựng cõi thiêng đồ, — *thét*: sẽ ra quân rộng mở cơ-dồ, dù chúa Mạc muốn giữ trò sao dặng chỉ mơ. — *Ngâm nam-bình*:

Chớ nước non ai vẽ cuộc cờ,
Nước thăm-thăm biếc đá lơ-mờ xanh.

Mấy vòng tường sĩ đua ganh,

Kẻ chen nước mã người dành lối xe (1).

— *Đừng gọi*: Quân, chừ sẽ tới châu Sầm, dâng tiếp-thư và họa-đồ, rước Tân hoàng và dâng chúa cùng công-chúa đều về, nghe chưa (2).

(*Quán, dạ dạ, cùng đi.*)

Câu lính ra hát sa lệch giọng Huế đi châu Sầm (đây pha giọng chèo cho vui trò); Em có yêu iêng, trăm con sông iêng cũng lấy đá gieo cầu, ba sáu mươi tám biển tình-tang-tình iêng cũng vượt, bốn chín ba mươi sáu dây, thiêng sáu iêng cũng trèo qua, y-y iêng ới iêng nói đây hẹn có nước non nhà; (*láy*) chừ đá vàng tình bằng iêng cũng quyết mà đề có phong-ba, phong-ba iêng cũng liều, y-y bầy ới bầy lâu nay tình bằng mưa gió bèn rập-riu, (*láy*) chừ đề tình tha-hồ cho ngọn nước mà đề có trận chiều trận chiều nhỏ nhấp nhỏ, y-y ta yêu nhau tình bằng chẳng cứ bên hẹn hò (*láy*), chừ đề tình con đang té ngang dọc mà đề có chiếc dò chiếc dò

xuôi ngược xuôi (3), y-y iêng ới chỉ thể tình bằng có bóng ông trắng soi (*láy*), chừ đề tình kẻ Lào người Việt mà đề có tời lui nên cũng tròn, y y chừ ới chừ dẫu rằng em ới sông cạn đá dù mòn, (*láy*), chừ đề tình còn non còn nước mà đề có hãy còn hãy còn dây dấy dây, y y nữa ới nữa một mai em ới đôi lứa ta xum-vầy, (*láy*), chừ đề tình bực gương tur-mã mà đề có sau này sau này ta soi chung, y y cái con đường xa-xối xin em chớ ngại-ngùng (4). — *Nói* Mau đảo tới sơn-trang, trước thiêng vàng báo tiếp.

(*Hạ-màn*)

HỒI THỨ VIII

Về đô mới vua chúa mừng thặng-bình.
Ven ước cũ vợ chồng nói ân-ái.

Chương-trình

Khi lính vào báo tiếp, vua Lê chúa Nguyễn và Ngọc-Bảo cùng về, khi ấy có gia-đồng theo đi bần chim nói ba-lợn với thị-nữ, điệu-bộ rất khó, khi về đến Thanh-hoa Trịnh Kiểm ra đón vua Lê chúa Nguyễn cùng vào ban tiệc, có mấy ông cụ lão ra mừng, rồi Trịnh Kiểm về trào, lại cùng Ngọc-Bảo tư ân-ái cũ.

(1) Đây là Trịnh-tử ngắm cảnh Thanh-hoa rồi gọi bút vẽ địa - đồ gửi vào châu Sầm xin với vua Lê Tân-hoàng và chúa Nguyễn hãy tạm lấy Thanh-hoa làm kinh-đô, sau sẽ ra Thăng-long đánh Mạc, thì hẳn là chúa Mạc không chống lại được nữa. Câu nam dưới là tả Trịnh-tử nói coi bức địa-đồ như bàn cờ vẽ, mà tướng-sĩ ganh nhau mỗi người hay một nước.

(2) Đây là Trịnh-tử nói rồi sai người đi châu Sầm. — Xét mấy đoạn trên này thoạt coi nghĩ là trung-phục, nhưng đoạn trước tả Trịnh-tử nói non nước thanh-bình, và mình hành quân thanh-túc, như nói nhớ châu Sầm; thứ nói địa-thể Thanh-hoa; thứ nói về địa-đồ, thứ nói coi bức địa-đồ, thì non nước như cuộc-cờ mỗi người hay mỗi nước, cuối cùng sai người đi châu Sầm, đoạn-lạc rất là minh-bạch lắm, nên càng khuất-chiết càng hay, văn càng kỳ-quặc càng thú.

(3) Đây nói người đã bằng lòng với nhau, dù có ngang dọc ngược xuôi khác nhau nữa cũng cứ tùy-tiện không có câu-nệ gì những cái hình-tích đó, chỉ cốt có lòng thôi.

(4) Bài đường trường này tuy tả tên tiều-tốt, mà thực mượn giọng tên tiều-tốt, để tả khí-phách Trịnh-tử lúc sinh-bình, thế mới đáng là giọng kẻ đồng-bộ: của tướng-môn, chừ không phải kẻ lính thường vì được.

BÀI-TRÍ

Cảnh đàn rừng và tiệc yến.

CÁC VAI TRÒ

Vua Lê — Chúa Nguyễn — Ngọc-Bảo
— Thi-nữ hai người — Tiêu-dồng —
Trịnh-tử — Quân lính — Phụ-lão hai
ông.

*Vua Lê Trang - tôn chúa Nguyễn
cùng ra ngồi mong tin Trịnh-tử. —
Vua Lê ngồi bạch: — Hường: Ơi Trịnh-
tử, chắc là thắng-tiếp. Thanh-hoa chi
khéo chầy tin, chợt ngay réo-róc
chim quyên, luống hầy mong chờ thơ
nhận.*

*Chúa Nguyễn ngồi tàu: — Da dầm tàu,
— hường: Trịnh-tử xông vòng tên đạn.
Thanh-hoa trái mấy suối rừng, dẫu
dàng xa chậm-trễ tin mừng, song tài
giỏi chắc là trận được.*

*Công-chúa Ngọc-Bảo cùng ra ngồi đình bên
cạnh nhớ Trịnh-tử ngậm sầu: — Nói: Quai lạ,
cậu nó về Thanh-hoa lâu vậy, rứa mà
chưa thấy tin-tức chi cả. — Ngâm
nam xuân:*

*Chàng đi khuất nẻo khơi chùng,
Xa mong cá nước nhao rừng đưa tin.
Nước non cách mấy dặm nghìn,
Chờ xuân luống hầy thăm nhìn cõi cây.
Câu lính vào đàn tiếp ở trước vua Lê cùng
chúa Nguyễn: — Hường: Qui gối tàu, tôi
tiền-tối, cúi đầu tấn tiếp quân-nhung,
bức họa-đồ chủ-súy niêm-phong, tờ
thắng trận cửa trời dâng nộp. (quan Thi-
ngự nhận tờ tàu)
Câu lính lui ra báo tin cho công-chúa Ngọc-*

*Bảo: — Hường: Tôi nơi thêm biếc, gửi bức
thư hồng, quan trên vừa dâng tiếp quân-
nhung, tiêu-tốt lại đón mời công-chúa.
(Ngọc Bảo nhận tờ).*

*Vua Lê chúa Nguyễn cùng Ngọc-Bảo được
tin cùng mừng-rỡ vào sắp-sửa ra về.*

*Vua Lê ra bạch (khen Trịnh-tử rồi
về Thanh-hoa): — Thét: Nhắc nghe tin
tiếp-báo, và mở bức họa-đồ, cười nói:
kha kha, ta khen cho Trịnh-tử, thật là
người anh-kiệt trượng-phu. — Ngâm:
nam-bình:*

*Chớ tặc lòng vì nước vì vua,
Một tay gây dựng cơ-đồ quân bao.*

— Tân: rứa nay như trăm — Ngâm:

Sấn tay bẻ khoá động-đào.

Hàng meo-móc vượn cây xào-xạc chim (1).

*Chúa Nguyễn ra bạch (khen Trịnh-
tử rồi cùng về Thanh-hoa): — Thét: Ồi,
thoắt mở tờ thư, xem bức tranh thoải-
mạc — Cười nói: ha ha, ta khen cho
Trịnh-tử là một tay lỗi-lạc iêng-hùng
— Ngâm nam-bình:*

*Chớ vì vua vì chúa lập-công,
Hai vai gánh vác non sông cõi ngoài.*

*— Thét: Chớ dầy ta tới Thanh-hoa
chưa? — Ngâm: E sắp tới rồi, — Tiếp
nam-bình*

*Chớ trải qua một quãng rừng mai,
Chim kêu cửa động huê cài đình non (2).*

(Hạ)

*Công-chúa Ngọc-Bảo ra bạch (mừng
tin Trịnh-tử rồi cùng về Thanh-hoa): —
Thét: Bỗng nghe con chim xanh đầu
cánh nó-nức (3), ngộ thơ nhà một
bức huê-tiên, — Ngâm nam-xuân:*

(1) Đây tả vua Lê tân-hoàng nghe Trịnh-tử báo-tiếp, từ châu Sầm về Thanh-hoa, trải bao nhiêu núi rừng, nghe chim kêu vượn hót, có ý như rờng ra khỏi ao, hồ về tới rừng vui-vẻ lắm.

(2) Đây tả chúa Nguyễn nghe Trịnh-tử báo - tiếp từ chốn châu Sầm theo vua tân-hoàng cùng về Thanh-hoa trải qua các rừng núi, thấy những chim kêu hoa mừng, cũng có ý vui vẻ lắm.

(3) Chim xanh tục gọi là con choẹt, bay báo tin cho người.

Chờ nghe chàng thảng-tiếp có tin,
Mộng hồn như đã tới miền Thanh-hoa.

— *Gọi* : Bờ đồng, sắp theo chúa về
Thanh-hoa (1) — *Thét* : Thanh-hoa là
đất nước nhà đó. — *Ngâm tiếp nam-xuân* :
Ta về ta tắm ao ta,

Buc trong ta tắm nước nhà còn hơn (2).
(Phụ hai thi-nữ Hồng-Trâm Thủy-Nhị đi theo)
Hồng-Trâm ngâm tiếp nam-xuân.

Nhẹ mình một gánh gia-g-sơ,
Bề tình còn rộng nguồn ơn còn dài.
Thủy-Nhị ngâm tiếp nam-xuân :

Một bai gánh liễu cương-dài,
Xanh xanh còn mãi với người xuân xanh.

*Phụ tiều-đồng theo công-chúa đi
đàng rừng bắn chim* : — *Thét* : Mặt trời
vừa rạng đông, — *Ngâm* : chúa sai tôi
sắp gánh dọn gỗ, — *Thét* : tay tôi cầm
túi đạn, — *Ngâm* : vai tôi mang cái ống
xỳ-đồng, — *giễn* : tôi tự trong rừng Lào
đi men đi móc, tìm chim tìm chóc, —
Ngâm : khắp mọi vùng tôi trở ra. — *Via
song-quan* : rứa kia rứa như cái con chim
vẹt, nó kêu nó hót, nó nhảy nhót trên
ngành cây đa. — *Đổi song-quan* : Rứa kia
kia như cái con chim iêng, nó bay nó
liêng, nó quẹo-luỵển cái dây cổ gà. —
bắn : dùng dùng, — *nói* : A đã dặng
con chim rồi đó. — *Tán* : Này tôi
ngánh lại mà trông. — *Via tiếp song-quan* :
Nọ cái chim le, nó le-te mặt nước, —

đổi song-quan : nọ con chim chích, nó
lich-tích chồi hoa, *bắn* : dùng dùng, —
nói : ư lại dặng con chim nữa rồi đó,
tiếp giễn : Này, hỡi các cô con gái 15,
16, 17, 18, 19, ai có muốn ăn chả thì về
cùng tôi (3). (Hai thi-nữ đánh mảng).

*Công-chúa Ngọc-Bảo dưng bạch (về
tới Thanh-hoa)*. — *Thét* : Ồi như đây.
— *Ngâm* : trải qua một quãng hàn-sơn,
— *thét* : những núi cùng non, nghiêng
nghiêng ngửa ngửa (4). — *Ngâm* : Nhác
trông lên, đá dèo chen bừa, cửa động
tròn vuông, huê cười chim nói, khách
bồng-hồ, (*sép*) khách bồng-hồ nước dôi
mây tuôn, — *thét* : đó mới thiệt là nơi
thanh-tú. — *ngâm* : khéo xinh xinh non
nước một buồng, — *ngâm nam-xuân* :

Xinh-xinh non nước một buồng,

Tuyết ngâu vách đá trắng luồn bóng cây (5)

(Càng hạ).

*Vua Lê chúa Nguyễn cùng về tới
Thanh-hoa. Trinh-tử ra đón mừng* : —
Hương Rõng mây gặp hội, cả nước ư
duyên — *Tán* : rứa tôi nay, *Hương*, trải
mấy lần xông-dội đạn tên, may chừ tôi
đặng báo đền trời biển ; — *Tán* : rứa
nay tôi, — *Hương* : trên chúc tân-hoàng
dưới mừng chúa Nguyễn, — *tán* : bức

(1) Đây tả công-chúa nói nghe tin Trinh-tử thảng-tiếp, giấc mộng bình như đã về đến Thanh-hoa mà mừng, vì người chưa về, mà lòng đã về trước, là bởi xưa vẫn mong mỏi lắm, mà giờ nghe được tin thực, thì tinh-thần tưởng-tượng như thế.

(2) Đây tả công-chúa vẫn có ý mến nước nhà, nên nay dẫn câu ngạn ngữ lên hề-dồng như vậy.

(3) Đây diêm-suyết bài bắn chim của tập văn Tân-Đà đề tả tên hề-dồng theo công-chúa từ châu Sầm về, trải bao nhiêu rừng núi mà giọng kẻ hề-dồng sẵn bản vui-vẻ như vậy, thế mới biết đem dân hoan-hân cổ-vũ của ta, lại ai còn dịch được.

(4) Đây tả công-chúa đi dưng núi gặp-gheñh khó-nhọc như vậy, để rõ đường châu Sầm về Thanh-hoa, là một con đường hiểm lắm.

(5) Đây tả công-chúa về đến Thanh-hoa, chợt trông thấy dèo đá động non hoa cười chim nói, và người đông cảnh đẹp, bấy giờ đã tuyết phủ trắng cái, trời vừa sắp tối, nom thấy cảnh-thú lạnh-lùng mát-mẻ như vậy, thì khúc lòng mến nhà yêu nước, nghìn dặm mới về, băng-khuông bát-ngát, biết là thế nào, đọc đến đó, có vô-số sắc mừng cảnh thú về ra một người con gái đi xa mới về.

họa-dồ trước tôi dâng tiến, — *giữn* :
Xin hãy lấy Thanh-hoa chử đó làm
nơi cung-diện — *Via nam-bình* :

Chử đó làm nơi cung-diện,
Dưng hoàng-dồ sẽ tiến quân-nhung.
Quan quân mở tiệc hạ công,
Muôn binh nghinh tướng hội-dồng tây-oan.
Dặm hồng bụi cuốn chinh-an,
Bình-uy từ đó sớm raa trong ngoài (1)

Vua Lê đứng nói khen Trịnh-tử : —
A tướng-quân ơi tướng-quân, trẫm
khen cho tướng-quân, rứa dặng là người
dõm-lược — *Via nam-bình* :

Rứa dặng là người dõm-lược
Gánh gươm đàn nhẹ bước non sông.
Nay mừng bề lặng sông trong.
Thiêng vàng sững đứng bụi dặng xa bay.
Nước non có lúc vui vầy.
Bia đề khắc dấu tiệc bày thưởng-công (2).

Chúa Nguyễn đứng nói khen Trịnh-tử : — A tướng-quân, ta cũng khen
tướng-quân rứa dặng là người anh-
kiệt. — *Via nam-bình* :

Rứa dặng là người anh-kiệt,
Tái lược-thao thu hết quan-san.
Rầy mừng mưa tạnh sương tau,
Gió rừng cuốn lá trắng ngàn trong gương.

Công-danh một bước nhẹ-nhàng.

Dấu sơn tô nét quyền vàng ghi tên (3).

*Vua Lê đứng bạch (khen non-nước
Thanh-hoa đẹp rồi vào ngồi ban tiệc)* :

— *Thét hường* : Ới xinh thay non-nước
mà đẹp thay nước-non, trên rừng
hồng hoa dầy, dưới biển bạc sóng cồn.

— *Ngâm* :

Sông vòng núi chạy,
Giống Lạc Hồng nước rầy mây tuôn.

Thét : Rứa vậy mà sông bao chử cạn,
đá bao chử mòn, trẫm từ khi xa cách
nước-non, nay dặng thấy vòng tròn
non-nước (4). — *Gọi* : Quân, toàn bá-
quan vô trào ban tiệc dầy mơi, (vào ngồi).

*Chúa Nguyễn vào ngồi tham-trào
tâu bạch* : — Dạ dảm tâu tân-hoàng,
nay mừng khi hạ-tịch, lòng vua tôi bực-
bạch với non sông. — *Ngâm nam-xuân* :

Ước bao đem được thiêng rồng.

Non nam chấu chén rượu hồng dầy vơi (5).

*Trịnh-tử cùng vào ngồi tham trào
tâu bạch* : — Dạ dảm tâu Tân-hoàng,
nay mừng khi hạ-tịch, cõi tân-dồ quét
sạch mù sa, — *ngâm nam-xuân* :

Thiêng rồng xa các bao xa.

Thăng-long rồi cũng đất nhà Lạc-long (6).

(1) Đây tả Trịnh-tử trước nói vua tôi gặp-gỡ, thứ bày công, thứ chúc mừng, thứ nói
tân-lập kinh-thành, cuối cùng nói mở tiệc thưởng-công, rồi từ đó quân-thanh động-đạt
cả Trung-Bắc lưỡng-kỳ.

(2) Đây tả vua Lê tân-hoàng khen công Trịnh-tử đuổi Mạc dựng thành, nên kỷ-niệm
và thưởng-thức.

(3) Đây tả chúa Nguyễn khen công Trịnh-tử tài khéo họa đồ, và công to binh Mạc
có thể khắc vào dấu và chép vào sử được.

(4) Đây tả vua Lê nói đất Thanh-hoa trên rừng dưới bể, núi chạy sông quanh và dân
giống Lạc Hồng rất là đông đúc lắm, ta từ khi tị-nạn ở châu Sầm không ngờ nay lại được
trông thấy non nước ấy.

(5) Đây tả chúa Nguyễn vào tham bồi tiệc rượu mừng vua Lê Tân-hoàng ở cung
Thanh-hoa, mà nói vẫn không quên Thăng-long, thế mới là yên không quên nguy, trị không
quên loạn, là vì bấy giờ cung Thanh-hoa đã dựng thành đô rồi, nhưng Thăng-long vẫn
còn về chúa Mạc, nên lòng lão-thần mưu sáu lo xa, vẫn không quên được.

(6) Đây tả Trịnh-tử tham bồi tiệc rượu vua Lê chúa Nguyễn, nhân chúa Nguyễn nói
đến Thăng-long, vậy Trịnh-tử cũng lấy khắc-phục Thăng-long làm trách-nhiệm của mình
sau này, nên nói nay Thanh-hoa đã dựng làm tân-dồ, đuổi được Mạc rồi, thì Thăng-long
cũng có thể lại tiến lên thu-phục được làm đất nhà Lạc-long.

Các phụ-lão ra mừng cùng vào trước tâu bạch: — Ông lão nhất vào nói: — Dạ dâm tâu nhà vua cùng đấng chúa, chúng tôi là kỳ-lão nước nhà, trải mấy lần tuyết ú sương pha, ngoảnh mặt lại đã phơ-phơ đầu bạc. — Ông lão nhì nói tiếp: — Dạ dâm tâu, chúng tôi cũng không tưởng da mỗi tóc bạc, còn bỗng nay dặng nhác mặt rờng, rứa chúng tôi ngày vẫn xa mong, xin trời thêm cho luống tuổi, dù sức mỗi lưng còng, cũng gượng chống con gậy trúc, mà gắng đợi xem vòng non nước.

Vua Lê troán cho thị-nữ chuốc cho mỗi ông lão chén rượu, đứng uống.

Ông lão nhì vào nam-xuân:

Gắng đợi xem vòng non nước,

Cuộc thái-bình một bước không xa.

Nước non bao tuổi mà già,

Bởi vì sương tuyết hóa ra bạc đầu.

Ông lão nhất ngâm tiếp nam-xuân:

Ơn trên chất nặng đỉnh đầu,

Trước thêm chuốc chén rượu bầu lưng
lưng (1).

Vua Lê troán búi trào. Cùng hạ.

Trịnh-tử tự trào về gặp công-chúa Ngọc-Bảo vừa ở Lào về lời nói, đón mừng rồi tự-tĩnh. — Hỏi: Chớ ai như tiên-khanh đã về tới đó? — Thét: Rứa như ta nay, — hường: trước dền ơn vua chúa, sau trọn ngãi vợ chồng, — tán: Thôi từ đây muôn tứ nghìn chung, — hường: phi nguyên sánh phượng đẹp duyên cưới rờng. — Ngâm nam-xuân:

Chớ vừa tuần nguyệt đã,

Rầy xem phỏng đã cam lòng ấy chưa.

Cung cầm lựa những ngày xưa,

Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.

Còn non còn nước còn dãi,

Còn vàng trắng bạc còn lời nguyên xưa (2).

Ngọc-Bảo đứng nói mừng Trịnh-tử và cùng tự-tĩnh. — nói: Dạ dâm bầm quân-hầu, từ khi quân-hầu trẩy vắng, — thét: thiếp vẫn-vẫn vợ-vợ, lơ sầu giãng-đẳng. — ngâm:

Chốn buồng khuê đặng-đẳng buồn thay.

— gion: bỗng tin nhà một bức tờ mây lòng băng-khuông như cắt gánh dầy, — ngâm:

Băng-khuông như cắt gánh dầy,

Mà lòng đã chắt những ngày một hai.

Cùng nhau trời đã nộog lời,

Dẫu món bia đá dâm sai tắc vàng.

Thề xưa giờ đều kim-hoàn,

Mảnh gương còn đó phiếm đàn còn dây (3)

(Hai vợ chồng giã tay nhau cùng vào. Hạ màn.)

TÂN DƯỚI

Đoạn thứ nhất (3 hồi)

HỒI THỨ 1

Phong con chúa vua Lê nhớ ngãi cũ
Báo ơn vua con chúa lập quân-công

Chương-trình

Khi về Thanh-hoa, chúa Nguyễn mất, vua Lê Trang-tôn thương khóc, rồi đòi công-tử bạch-bào bạch-cây vô trào, hỏi đó nguê rất thâm xót, vua Lê cho công-tử làm hữu-tướng tiên-phong, sai đi đánh đồn Mạc, được trận, về phong làm Đoan-quốc-công, ngang bằng chúa Trịnh Kiểm.

BÀI TRÍ

Cảnh triều-dinh và đồn-ái

CÁC VAI TRÒ

Người dẫn trò — vua Lê Trang-tôn —
Nguyễn công-tử Quốc-công — Tướng
Mạc — Quân lính.

(1) Đây tả các phụ-lão ra mừng tiệc rượu, nói lâu trải biến-loạn, chốc đã đầu râu tóc bạc, không ngờ ngày nay lại được thấy uy-nghi nhà vua, vậy chỉ cầu cho trời thêm luống tuổi, dẫu già mỗi cũng chống gậy mà xem cuộc thái-bình.

(2) Đây tả Trịnh-tử nom thấy công-chúa vội ra đón mừng, nhân tập kiêu lục mấy câu đề tự nhân-duyên tái-hiệp.

(3) Đây tả công-chúa mừng Trịnh-tử, nhân tập kiêu lục mấy câu đề nói nhân-duyên tái-hợp như vậy.

Người dẫn trò ra bạch : — *Hương* :
Giúp nước khéo thay người yếm thắm (1)
đồ thiêng ghé cho ả má hồng (2),
vin ngành hoa sao chẳng nhớ cây trồng
(3), gặp cội gốc mới biết là dao sắc (4),

Tân : Nhớ xưa nước chia miền Nam
Bắc (5), bởi hai nhà Nguyễn Trịnh phân
chia, xưa Trịnh vừa gặp Mạc cướp ngôi
Lê, bước lai-láng phải tìm về chúa
Nguyễn. Đấng chúa Nguyễn coi người
phương-diện, gả con rồi đem tiến vua
Lê, cội Thanh-hoa Trịnh phá Mạc mở
đường về, mà đấng chúa đã vội về
minh-phủ, con chúa Nguyễn hãy còn
bé nhỏ, nổi chức - quyền sớm tỏ
quân nhung ; Trịnh e rằng vàng
hắn hơn đồng, dâng ơn-ái bỗng xui
lòng ghen -ghét. Đấng Quốc-công
vốn là người sớm biết, sai sứ ra
vào yết Trang Trinh. Trang ngâm
câu một dải non Hoành, ngài tỏ ý
tâu xin vào Thuận-hóa. Trinh rằng
chỗn thành vàng vách đá, quyết khăng-
khăng một dạ không nghe ; được
chị ngài là bà Ngọc-Bảo Trinh-phi,
cùng với Trịnh nói mọi bề phân-giải :
Rằng thiếp chẳng tóc tơ nên ngài, phải
người em khăng-khái ngang trời ; âu
thì thôi khuất mặt cho rồi, đành ném
nỏ rừng thiêng nước độc. Trinh nghe
nói vào tâu bệ ngọc, cho Quốc-công
vào trấn Thuận-thành. — *Ngâm nam-xuân* :

Chớ nao hay một dải non Hoành,
Nước non gây dựng trào-dia từ đây.

— *Tân tiếp* : Rửa mà, xứ Thuận-hóa từ
ngày vô đó, Mạc sai quan trấn-thủ

đình đồn ; dấng Quốc-công ngài lập
mưu Giang-tả dề-hôn, đem thị-nữ gả
về tướng Mạc, Mạc Lập-Bạo vốn là sắc-
mắc, gặp phải nàng Ngô-thị khôn-
ngoan ; tới bên sông sửa ước lập đàn,
bỗng gặp trận gươm đàn giáo dựng.
Mạc Bạo chết thật là cay-dắng, Ngô-
thị về xem bặng công-lao ; với Mạc
xưa đã dứt sợi tơ đào, cùng Võ-bà lại
trao con chỉ thắm. Xứ Thuận-hóa từ
đây yên thắm. — *Via nam bình* : Thuận-
hóa từ đây yên thắm, bởi vì ai say đắm
hồng-nhan ; rửa ngài gặp bước gian-
nan, một tay rộng mở giang-san nước
nhà (6).

(Hạ màn)

Vua Lê Trang-tôn ra ngồi bạch
(khóc chúa Nguyễn rồi truyền đòi công-
tử vào triều) : — *Hương* : Non-nước ân
sâu, vua tôi ngài cũ, — *Tân* : Trẫm vốn
Lê Tân-hoàng xưa cùng Nguyễn-chúa,
tránh Mạc sang ở trọ Sầm-châu, xứ
Thanh-hoa nay mở cội vương-hầu,
mà đấng chúa đã vội về minh-phủ. —
Thét : Ới thương ơi ! cào núi quay đầu,
ngựa tâu chề cổ, rửa như ngài là một
người công-lao thừa nợ, — *Đại lâm-khốc* :
chớ như trẫm (sếp) chớ như trẫm, dặng
chi không, tay vẩy giọt hồng, ruột sa
máu đỏ, — *giòn* : khóc khóc thương
thương, — *ngâm* : xiết vì nỗi năm mưa ả
gió thương ơi ! — *Ngâm nam-ai* :

Tấm thương dù thấu đất trời,
Trời sa nước mắt đất chời khúc đau.
Ngồi-ngang bề thắm thành sâu,
Nấu nung gan sắt dải-dầu lòng sau.

- (1) Trò công-chúa Ngọc Bảo. — (2) Trò Ngô Thị-Lâm. — (3) Trò Trịnh Kiêm. —
(4) Trò Nguyễn công-tử Đoan-quốc-công. Bốn câu ấy nói mở đầu.
(5) Tự Hoành-sơn Linh-giang trở về Nam thuộc chúa Nguyễn, trở về Bắc thuộc vua
Lê chúa Trịnh. Đây trở xuống mới dẫn ra sự-lich.
(6) Bài này trước nói lung, đem bà Ngọc-Bảo, Ngô mĩ-nhan, Trịnh-chúa và Quốc-công
lâm bốn trụ, thứ nói truy-nguyên tấn trên đề tỏ Trịnh bạc-tình, thứ dẫn vào tấn dư
đề tỏ Quốc-công là người giỏi, dưới dẫn lịch khi vô Thuận-hóa bình Mạc Bảo thì lại
càng tỏ Quốc-công là bậc thao-lược lắm, nên câu kết thiết trách Mạc Bạo mà tán-dương
Quốc-công như vậy.

— *dùng gọi*: Quân, troàn công-tử vô trào trãm phán đây mơ (1).

Nguyễn công-tử ra khóc cha rồi vào triều: — *Hương*: Vua sáng tôi ngay, cha già con nối, — *tán*: như tôi Nguyễn công-tử, con nhà dòng-dõi, theo cha về từ cõi Sầm-châu. — *Thét*: Ối bồng đầu, chốn thiên-cung nay ngái vợi về châu, riêng chắt để một bầu trung-hiếu. — *Thét giỡn đại lâm-khốc*: Rứa như tôi, (sếp) rứa như tôi dù dạ sắt gan vàng cũng héo, — *Via nam-thương*: Dạ sắt gan vàng cũng héo, nặng một gông vừa hiếu vừa trung; xa xa mấy bạc mấy trùng, dễ cùng trời biển dải lòng tôi con. — *Dùng gọi*: Quân, nghe có chiếu thiên-tử ra đòi dặng cho mỗ vô trào bài mang, a. — *Ngâm bắc-tâu-mã*: Sương sa tuyết lạnh, dầy Thái-hàng như trạch lông son, gió giục mưa giông, nẻo vọng - khuyết xa chồn vô ký. — *vào nói*: Dạ dâm tâu tôi công-tử vô trào (2).

Vua Lê ngồi nói phong công-tử làm Hữu-tướng-liên-phong sai đi đánh đồn Mạc. — A công-tử ới công-tử, trãm xem như chúa Nguyễn, là một người trung-liệt huân-lao, chốn thiên-cung nay ngái vợi

về trào trãm xiết nỗi trãm chiều thương nhớ; rứa nay trãm cho đòi công-tử, trao chức quyền nối giữ quân-nhung, trãm phong làm Hữu-tướng-liên-phong, âu công-tử phải hết lòng trung-hiếu; nay tướng Mạc luống còn khuất-nhiều, nên chờ từ kim-cách tông-nhung, câu rằng kẻ cả có dòng, con nhà tông không giống cách cũng giống lông, thế mới gọi tướng-môn hữu tướng nghe chưa (3).

Công-tử đứng tâu xin vàng mệnh. — Dạ dâm tâu Tân-hoàng, nay tôi là một người niên-thiếu, dặng gia quân khuất nẻo xa đàng; chừ Tân-hoàng phó việc quân-vương, tôi dâm chẳng hết lòng quân-quốc (4) — *via nam-bình*: Dâm chẳng hết lòng quân-quốc, thất bạch-bào gượng buộc dây cương, hai vai một gánh cương-thường, nặng-nề chỉ dâm để nhường cho ai. — *Dùng nói*: Dạ dâm tâu Tân-hoàng yên vững ngôi trời, cho tôi dặng tời tràng nhung-mã. (Bãi trào, ha)

Công-tử ra bạch (sắp quân đi đánh Mạc) *Hương*: Làm người con hiếu, giữ

(1) Đây tả vua Lê nói chúa Nguyễn trước đem mình tránh Mạc sang trợ Sầm-châu, nay về được Thanh-hoa như cáo quay đầu về núi, mà ngái đã vợi mất, thì một ngựa đau, cả tàu chê cỏ, vậy nên đồng-khốc, rồi truyền gọi công-tử vào triều để hỏi ban mọi việc.

(2) Đây tả Nguyễn công-tử chột nghe mệnh vua đòi đội mũ tang áo trắng ra khóc cha rồi truyền gia-thần sắp-sửa cho mình vào châu. Khi đi đàng trông thấy dãy núi Thái-hàng, nẻo đàng vọng-khuyết, tưởng đến cảnh sương sa tuyết lạnh, gió giục mưa giông, là ý cha vợi mất, giặc chưa tan, thì lòng trung-hiếu mình lại càng cảm-động lắm. — Ông Lương-công Địch Nhân-Kiệt đời Đường Trung-hoa trông dãy mây trắng núi Thái-hàng, cảm nhớ cha mẹ rằng hình như người thân ta ở dưới đám mây đó.

(3) Người đương có tang thì không nên đi làm việc quan, nhưng gặp lúc nguy-cấp thì cũng phải kim-cách tông-nhung. Đây tả vua thấy công-tử mặc tang-phục vào chầu nhân nói nhớ chúa Nguyễn rời phong cho công-tử làm Hữu-tướng-liên-phong, khiến đi đánh Mạc-tướng, vì bấy giờ chúa Mạc đã bỏ Thanh-hoa chạy về Tường-long, nhưng tướng Mạc vẫn còn quấy nhiễu Thanh-hoa, nên vua lại khuyên công-tử phải theo việc kim-cách và lại nói tướng-môn hữu-tướng, là mong cho nối được chúa Nguyễn trước.

(4) Đây tả Nguyễn công-tử nghe mệnh vua Lê liền vâng lĩnh ngay, không suy nhượng gì cả, là việc nghĩa-mệnh nên như thế mà không từ vì bấy giờ nhà Lê vừa mới dựng lại, mà chúa Nguyễn vợi mất, xứ Thanh-hoa cũng chưa là yên vững, mà nếu công-tử cứ giữ lễ thường theo việc kim-cách thì trách-nhiệm đó để cho ai, mà trung-hiếu sao cho trọn gánh, vậy vâng mệnh ngay là phải thế mới biết công-tử là tính hiếu-lễ.

diệu tôi trung : — *tán* : rửa như tôi
— *hương* : vua cùng cha trao phó một
lòng, nhà với nước gánh gồng hai lẽ ;
những rắp dạ báo đền trời bể, phải
giấn mình bước nhẹ non sông, — *thét* :
nhác trông lên — *hương* : kia dấu
thiêng khói ngất, nọ dãy núi mây lồng,
— *thét* : chốn trung-nguyên chưa quét
sạch bụi hồng, dành kim-cách phải
chen vòng nhung - mã, — *gọi* :
Quần, nghe tướng Mạc nhiều bề rộn-
rã, sắp can-qua nhung-mã lên đàng ;
— *thét* : rửa như ta nay, — *Ngâm nam-
tâu-ma* :

Ba quân đo mặt chiến-trường,
Dậm hồng nổi gót gươm vàng trao tay.
Sứ trời sớm giục đờng mây,
Tiếng gá điểm cổ đầu giầy cầu sương.

Gọi : Quần, đây đã tới Mạc-dồn,
tròn chừ-tướng bài binh bá trận (1).
(Quần dạ dạ)

Tướng Mạc ra đối trận nói khiêu : —
Chớ ai như Nguyễn công-lữ, a mà
Nguyễn công-tử, có sao mà lâu lữ
đến chi đây ? hay muốn sang bốn kiếm
già này, thử sắc nhứt biết tay lão-
tướng (2).

Nguyễn công-tử đứng đối trận nói khiêu : —
A tướng Mạc, ta đã nghe tướng Mạc,
còn nói chi sự sắc mác sự không đầu.

nếu sớm khôn bó giáp về châu, kéo
mai một treo đầu cửa khuyết (3).

(Hai bên giao-công).

Công-tử đứng ngâm doãn-mã : — Áo bào
khăng-khit, gươm long-lanh búa nguyệt
mài non (4).

Tướng Mạc đứng ngâm doãn-mã : — Vô
ngựa bõn-chồn, dăng giông-ruổi roi
còn chống đất (5).

*Tướng Mạc đứng nói (thua trận tìm
đường chạy)* : — Thôi thôi là đại-bại,
kip tìm dăng (*sép*) kip tìm dăng trở lại
non mây. — *ngâm nam-tâu-mã* :

Bước đi một bước một chầy,
Rừng hoa lùn bóng ngàn cây giặt mình (6)
(Ha)

*Công-tử đứng nói (được trận sắp về
trào)* : — Thôi thôi vừa bài mệnh, đã
ra tay (*sép*) đã ra tay quét tạnh mù sa ;
— *ngâm nam-tâu-mã* :

Xa trông một nẻo một xa,
Cửa trời tổ lối sân hoa ta về trào (7).
(Đi quan vào)

Công-tử ra bạch (về trào tấu tiếp) :
— *Hương* : Một vùng non nước, ngàn
dặm kiếm cung, chỉ làm trai toan

(1) Đây tả Nguyễn công-lữ đã vâng mệnh vua Lê rồi, ra nói mình vâng mệnh vua, cha, gánh việc nhà nước, những toan báo đền trời bể, nên phải nhẹ bước non sông, huống nay trông khi vương đế thành, kinh vua Lê mới dựng, mây lồng núi Thái, đấng chúa Nguyễn khuất rồi, và chốn trung-nguyên vẫn còn chúa Mạc ở Thăng-long, vậy mình đương tóc lang, cũng phải theo việc kim-cách như vậy, nhân nói nghe tướng Mạc rộn-rã, truyền quân lên đàng ; khi đi đàng nói dậm hồng mong nổi gót chúa Nguyễn, gươm vàng vừa chịu tay vua Lê, và cảnh chiều sớm hành-quân như thế.

(2) Đây tả tướng Mạc nói khiêu-chiến, có ý khinh cợt công-tử là người tuổi trẻ, muốn sang thử gươm của lão-tướng này.

(3) Đây tả Nguyễn công-tử nói khiêu-chiến, có ý bảo tướng Mạc đừng nói sự khoe gỏi đầu cá, nếu khôn thì sớm liệu về châu vua Lê, không thì rồi treo đầu cửa khuyết mà thôi.

(4) Đây công-tử nói có ý cầm gươm liếc múa.

(5) Đây tả tướng Mạc nói có ý toan rút còn chầy.

(6) Đây tả tướng Mạc thua chạy vào rừng bàng-hoàng kinh sợ, thấy cỏ cây nghi là quân nấp cả.

(7) Đây tả công-tử nói thắng-trận, có ý quét sạch mây mù nom thấy trời xanh, sắp về trào tấu tiếp.

trắng nợ tang-bồng, khi tuổi trẻ phải chen vòng chông mác, — *tân* : rửa như tôi — *hương* : gặp cơn loạn Mạc, đốc chí phò Lê, khi mài gươm ái bắc, khi rửa kiếm sông tề, — *thét tân* : nay vừa chốn chiến-tràng xông-đột, lũ vượt hùm nọc rắn, đã xa nẻo san-khê. —

Gọi : Quân, — *ngâm nam-tâu-mã* :

Chờ ba quân rộng mở đường về,
Mây lồng cửa khuyết hoa kè đỉnh non.
Lòng rung lộng hây bồn-chứa,
Lưng cái áo giáp ngựa giễu vó câu.

-- *vào nói* : Dạ dâm tâu, tôi công-tử về trao dâng tiếp (1).

Vua Lê Trang-tôn ra ngồi khen công-tử, phong làm Đuan-quốc-công, ngang bằng chúa Trịnh Kiểm : — *thét* : A công-tử, trẫm khen cho công-tử, là một người vẹn chữ hiếu-trung, rửa

mới nên nòi giống con dòng ; — *tân* : trẫm phong là tước Đuan-quốc-công, — *thét* : so phẩm-cấp sánh ngang cùng chúa Trịnh. — *giễn* : việc quân-quốc khuyên đừng khánh-nánh, — *Via nam-xuân* :

Quân-quốc khuyên đừng khánh-nánh,
Đốc một lòng gông gánh non sông.

Nước non đua đuổi iêng-hùng,
Thiêng vàng quét gió dậm hồng tan mây.
Phấn son rạng vẻ râu mây.

Càng sâu bề ái càng đầy nguồn ân (2).

(Ha mãn)

(Còn nữa)

NGUYỄN THỨC-KHIÊM

(1) Đây tả Nguyễn công-tử khi thắng-trận rồi đứng nói lai-lịch và tự việc đuổi Mạc, gọi quân về trao, khi về thấy cửa khuyết đỉnh non, mây lồng hoa nở, thì lòng trung mình càng nở nức, mà lưng cái áo giáp, chân giễu ngựa câu mà về cho chóng tới.

(2) Đây tả vua Lê khen phong Nguyễn công-tử, và khuyên nên cùng lòng với chúa Trịnh, mà đuổi sạch đảng Mạc, rồi sau ân-ái còn nhiều, vua Lê khuyên thế, thì Nguyễn công-tử cũng muốn thế, nhưng chúa Trịnh không cùng lòng, thì cũng không có thể làm sao được.



TIÊU-THUYẾT

CHÔNG TÔI

Phong-lưu diêm-sử

(Tiêu-thuyết Tâu Dư Chi Phu 余之夫 của TỬ TRÂM-Á)

I

CHƯƠNG THỨ I

Làm sách mới trận lưới chiến lời vu,
Nhớ sự xưa phong-lưu truyên sử diêm.

Sinh ra bất-hạnh mà làm kẻ văn-nhân,
lại bất-hạnh mà làm kẻ văn-nhân
sinh ra về buổi mặt-vận. Tay không có cái sức trói nổi cánh gà,
bụng thường chứa cái tài nhả ra lông phượng.
Ấu cũng thế nhĩ, bầy thước ngang-tàng,
đội chung một trời, đập chung một đất.
Ừ mà lạ sao, ba sinh phiêu - dăng,
ngậm những là đắng, nuốt những là cay!

Non sóng một cảnh diu-hiu,
Cái hồn làm sĩ dễ chiều thương-thu;
Gió trăng trêu cợt chi nhau,
Xuân trong giấc mộng chưa hầu thấy
xuân :

Đào-nguyên lấp lối tị Tần,
Trông về tở-quốc nợ-nần chan-chan;
Giang-hà dương mắt trung-nguyên,
Cái thân cực-địa kinh-thiên dễ mà;
Vi chẳng toàn-thạch yên-hà,
Quốc-chi ích-quốc thân đà khiết thân;
Sinh-nhai trong cuộc phong-trần,
Mưa sa gió táp tiêu dân chí cao;
Tẻo-teo cũng thế anh-hào,
Một dây tâm huyết nước triều láng-lai;
Mắt xanh mấy kẻ ở đời,
Đau thì bóp bụng ai người thở than;
Trên thì báo-quốc thân-dan,

Dưới thì phủ-ngưỡng tôi hèn khắc gia;
Thân-danh vì nước vì nhà,
Bước vào vợ mắng bước ra đời thù;
Cơ-hàn không lẽ nằm co,
Mưu-y mưu-thục tiền-đồ khó-khăn;
Đông tây nam bắc là thân,
Coi chừng cái bước phong-trần đã quen;
Cầu vẫn chẳng đáng đồng tiền,
Trông vào mẫu áo pha miền nước dưa;
Quyền vàng vẫn giữ khư-khư,
Đời vẫn lấy thóc đợi chờ nơi nao?
Danh-sơn sự-nghiệp là bao,
Nghĩ cho đến chữ thiên-thu then mình;
Nực cười mặt-lộ thư-sinh.
Miếng cơm gạo trắng ra hình gian-nan.

Bất-đắc-dĩ phải làm bạn với ngôi bút,
đề tiêu-khiển thàng ngày; may ra phá-sầu không phải mượn đến trận rượu,
đắc-hứng chỉ nhờ có câu văn. Nhưng mà nói thẳng thì xúc phạm thời-ki,
nói hay nói phải thì không hợp tục-tình. Hoàng-chung đại-lã, lưu-thủy cao-sơn,
tìm đâu được một kẻ, hay hoặc nửa kẻ tri-âm đó. Thì chỉ có một cách:

Gửi tình trong cuộc tang-thương,
Đem lời nói ngụ làm phương dạy đời;
Bình-hoa phẩm-nguyệt mà chơi,
Mượn ao nước mực làm nơi gột sầu.

Văn-chương kinh đầu được hải-nội,
bút-trát tả lấy được ngã-tâm; nhả mấy đoạn can-trường uất-tích, thành

một bộ trước-tác ly-ký dấy mà thôi.
Sở dĩ :

*Hồn phương-thảo, từ nữ-nhân,
Nửa phần tình-ái, nửa phần gia-bang ;
Chàng Tư-mã, vợ khách-thương,
Trong cơn cảm - khắp cùng phường
thiên-nhai.*

Ấy chẳng phải là đệ-nhất khả-liên
và cái sự đệ-nhất khả-liên trong thiên-
hạ đó ru ?

Trước-giả nói một hồi như trên. Có
một vị, biệt-hiệu là Ưu-thời-tử, nghe
nói, dùng-dùng cả giận, mắng rằng.

— Hiện nay phong-vân lấy-Ấu,
khân-cấp như vậy, tình-cảnh Đông-Á,
nguy-ngập như vậy, châu thần vực
Vũ, trăm-luân đến nơi, mấy trăm triệu
đồng-bào ta sắp-sửa làm nô-lệ người.
Gặp thời-cực ấy, mà chẳng tưởng ra
lấy một cái phương-pháp để cứu-
quốc, lại đi giảng-cứu về những sự nhai
văn nhấm chữ, gọi tình khêu tình ; ấy
chẳng khác rào loài yến-tước vui-thú
ở trên một cái mái nhà sắp-sửa đồ, mà
không biết sự sống chết là chi chi. Nói
đến văn-sĩ, thật là khả-hận ; giống vô-
dụng thứ nhất trong thiên-hạ, là giống
văn-sĩ. Xưa kia bác Tương-Như có bài
văn *Phong-thiện* nịnh vua Hán, anh
Dương Hùng có bài luận *Mĩ-tán* phò
giặc Mãng, văn-sĩ đến nỗi không biết
đường lập-thân. Lại như đời Lương-
Tấn vì văn-sĩ thanh-dâm mà nước hoại,
đời Lục-triều vì văn-sĩ xa-mĩ mà
nước suy, văn-sĩ lại đủ làm cái vật
táng-quốc. Lại kém nữa, thì phường
dã-sử bãi-quan, tiểu-gia văn-tự, làm
hại đời càng không xiết kể. Than ôi !
Phong-tục nước ta, vốn là xỉ-mĩ, nhân-
tâm nước ta, vốn là phú-bạc. Nay lại
vì các nhà tiểu-thuyết khiêu-ba trợn-
lan, làm rối tư-tướng, dễ biên-lộng
lấy kim - tiền ; ngày nay xuất một
cái tạp-chí, ngày mai xuất một bản
tân-ký, trong sách nói ra, chẳng sự

tử-sinh ly-biệt, thì sự nam-nữ ái-tình,
trước-tác bề-bộn, thay nhan đổi hiệu,
trùng-trùng điệp-diệp, làm cho liêm-
sĩ mất hết, danh-dự chẳng hề doái-
hoài. Cái người xem tiểu-thuyết, bất-
lận trình-độ người ấy cao hay là đê,
xem xong các giống dâm-từ ấy, chẳng
ai là chẳng điên-đảo si-mê, kẻ làm
traí thì tượng ngay mình vào kẻ tài-
tử trong sách, kẻ làm gái thì tượng
ngay mình vào kẻ giai-nhân trong
truyện, nhất-vị ham-mê đắm-đuối,
phó mặc cho trời sa đất sụt, cũng
chẳng nghĩ chi. Văn-sĩ đã là vô-dụng,
mà các giống tiểu-thuyết vô-ích ấy,
lại là cái ác-ma trong xã-hội, cái tội-
nghiệp trong văn-chương. Ông bảo
rằng văn-sĩ khả-lan, tôi bảo rằng văn-
sĩ khả-tội.

Ưu-thời-tử nói xong, giẫm chân đập
tay, nộ-khi còn thấy hăng lắm. Trước-
giả cười ha-hà thừa lại rằng :

— Tiên-sinh yên lặng, xin đừng nóng-
nảy, nghe tôi dãi một lời. Tiên-sinh
nói văn-sĩ vô-dụng, điều đó thì tôi xin
thừa-nhận. Tiên-sinh nói tiểu-thuyết
làm hại xã-hội, mà chuyên-chỉ về
các giống tân-tiểu-thuyết hiện-hành
ở đời, thì thật là nói quấy nói quá,
không thành mô-dạng chi cả. Nói cho
đáng, trong rừng tiểu-thuyết, cũng nên
phân-biệt có tiểu-thuyết hay, có tiểu-
thuyết dở. Tiểu-tử chúng tôi đây,
không phải là định gỡ tội cho mình,
cũng không phải là cố cãi thay cho
người khác ; nay xin cứ bình-tĩnh mà
lận. Nguyên-lai giống tiểu-thuyết,
không phải toàn là thương-phong bại-
tục cả đâu, lại có chốn diệu-dụng về
phần di-phong dịch-tục nữa. Phạm kẻ
làm tiểu-thuyết, đệ-nhất là tôn-chỉ phải
cho thuần-chính. Hiện nay các nhà
tiểu-thuyết, phần nhiều là những hạng
đời-bại văn-nhân, mới cầm nổi cái bút
đã toan sự kiếm lợi, chứ có tôn-chỉ
gì đâu. Sở-dĩ làm cho thiên-hạ điên-

cuồng, nhân-tâm chim-dã. Chỉ nên nói rằng kẻ làm tiền-thuyết không hay, chứ không nên qui-cữu cho tiền-thuyết. Vì hằng các nhà tiền-thuyết ở nước ta hiện nay biết hồi-quá lại, nhất-thiết đem cái tâm-địa mơ-hồ thiên-hạ ấy rội-rửa sạch đi, đều xu-hướng về một đường thuần-khiết chính-dáng, thì tiền-thuyết há chẳng phải là một phương thuốc hay dễ cứu-tế cho đời đó dư? Chẳng những thế, tiền-tử tôi lại muốn chuyên chú-ý về phương-diện ngôn-tình tiền-thuyết. . .

Trước-giả nói đến đây, Ưu-thời-tử không đợi nói hết lời liền lên tiếng trách rằng :

— Khốn-nạn ! ông lại nói sự ngôn-tình tiền-thuyết. Ông xem những bọn thanh-niên nam-nữ hiện-tại ngày nay, mười kẻ thì chín kẻ không thành-đức thành-tài, đua nhau về những sự trong bọc trên đầu, mà không biết liêm-sĩ, không phải là thế-giới tình, chỉ là thế-giới dâm, không phải là thế-giới người, chỉ là thế-giới vật ! Suy-nguyên cái họa-căn chỉ tại những giống ngôn-tình tiền-thuyết nó làm hại. Ông bảo rằng khả-hạn, hay không khả-hạn đây ru ?

Trước-giả đáp rằng :

— Hai chữ tình dâm giới-hạn nên phân-minh, chớ nên hỗn-hợp. Hiện nay kẻ văn-nhân cầm bút, hoặc tâm-thuật bất-chính, hoặc phạm-hạnh bất-doan, tự mình còn vả chẳng biết tình là cái vật gì. Sở-dĩ hạ bút viết ra, hết thấy là những lời tiết-mạn dâm-dãng, rồi đến nỗi lưu-dộc cho xã-hội, di-hại vô-cùng. Đến như « chân-chính ngôn-tình đích tiền-thuyết », thì lại có thể bao giờ. Cái phạm-vi của một chữ tình bao-hàm rất rộng. Suy ra cho rộng, thì những điều nhiệt-tâm ái-quốc ái-chúng, cũng điều gì là chẳng phải trong một chữ tình nó tác-dụng ra đó. Tiên-sinh xem ngay như những kẻ anh-hùng

hào-kiệt, tự xưa đến nay, không một kẻ nào là kẻ tịch-mịch quả-tĩnh, mà thuần là những kẻ chiến-miên trung-hậu, nhất-vãng tình-thâm. Sẽ biết một chữ tình kia, chính là cái nguồn gốc công-danh sự-nghiệp của người ta vậy. Người đời lại ngộ-nhận chữ tình, đem chữ tình chuyên thuộc về sự nam-nữ ; lại đem những sự phi-tình của bọn nam-nữ, ngộ-giải là chữ tình, khiến chữ tình biến thành ra chữ dâm, há chẳng khá cười, há chẳng khá ngán ! Tiền-tử tôi sinh ra đời, không phải là cái vô-tình, cũng không phải là con người vong-thế. Chỉ vì đại-cục đã hoại, mà quyền không ở tay, ái-quốc thì cũng đồ-nhiên, ưu-thời thì cũng vô-ích. Mà mình tự đoái mình, thân-thể bình-hồng, đông-tây phiêu-dãng, hết năm ấy sang năm khác, chỉ còn thừa được mấy hàng huyết-lệ, đôi mái sấu-ti. Hiện nay đã thành ra một hạng người lênh-dè-h, vốn cũng nên thoát-ly cái thế-giới ngũ-trọc này cho sớm mà lánh mình đi. Song-le sống vậy đã cùng-sầu, chết vậy chưa tất đã lạc-thú. Sở-dĩ, vẫn cứ gửi nhờ cây cỏ, diu-dặt bút nghiên, một đoạn u-tình, nhờ đàn phát-tiết, ngẫu-nhiên hứng-dào, giở giấy viết nhanh, chẳng qua thư-dãi cái khí-khái bất-bình trong phũ-phủ của mình, mà làm cái phương-pháp tiêu-khiển lúc tịch-liêu cho mình, tuy chẳng thuộc về lối đại-gia, nhưng cũng không sai về đường chính-tắc.

Trước-giả sở-dĩ làm ra sách này, vì trước-giả truy-ức lại mười năm về trước, từng có ghi-thuật được một đoạn « phong-lưu diễm-sử ». Cái thân-thể vị chủ-nhân-ông trong bộ diễm-sử ấy, lại giống như cái thân-thể lưu-lạc của trước-giả hiện nay ; cái thân-thể trước-giả hiện nay, tức là cái thân-thể đệ-nhi của người ấy. Vậy đem truyện người ấy tự-thuật ra đây, một là vì thừa thổ-khi cho những kẻ giai-

nhân tài-tử lưu-lạc bất-ngộ xưa nay,
hai là dễ làm một áng văn-chương đối-
chiếu với hình-ảnh của mình vậy.
Than ôi!

*Tâm kia khi tuổi đã già,
Tơ vàng còn nhũnq vương ra với đời.
Gà kia đứng múa mà chơi,
Lông dài múa đẹp mình vui lấy mình.
Con trùng khắc-chạm xinh-xinh.
Những nghề liêu-kì lưu-danh dâm kỳ.
Mặc đời thi-thị phi-phi.
Mắt xanh hoặc kẻ tương-tri sau này...*

CHƯƠNG THỨ II

*Khách giang-hồ tiêu-tụy lại ngắm thơ;
Duyên bèo nước án-cần lưu ngũ trợ.*

Thành Hải-ngư sơn-thủy thanh-kỳ,
là nơi đệ-nhất xứ Ngô-trung. Phong-
cảnh toàn-thành, chung-đúc cả về
phía tây-bắc, hai quả núi ở trong một
cái hồ, song-song đối-trĩ, trong vùng
đó có nhiều bề danh-thắng. Có một
chỗ cách thành Hải-ngư độ hai dặm,
ngọn núi nguy-nga, rừng cây xanh
biếc. Ở trong có một tòa tiêu-lâu, tựa
lưng vào núi mà kiến-trúc, lầu cũng
không cao gì cho lắm, nhưng vì địa-
thế thanh-u, cho nên độc-chiếm giai-
thắng. Mở bốn mặt cửa sổ mà trông
ra bốn bên, thì núi non như bức họa,
nước hồ như tấm gương, kiêu đủ cả
cái cảnh-thú sơn-dinh lẫn thủy-các,
nhân thế mới gọi tên là Tứ-chiều-lâu.
Cứ đến mùa xuân mùa thu, những
ngày thuộc về lương-thần giai-tiết, kẻ
tạo-nhân mặc-khách, đề-huê bầu rượu
túi thơ, lại đó du-thường, qua bọn ấy
đến bọn khác, không lúc nào vắng
người.

Mùa thu năm Mậu-tuất, chợt có
một người danh-sĩ lại chơi thành Hải-
ngư. Người ấy họ Giang, tự là Tiểu-
sơn, người đất Duy-dương, dòng-dối
vọng-lộc. Bình-sinh bâm tính cô-cao,

ngụ-tĩnh phóng-lãng, tài thanh như
nước, ý lãnh như băng, đã thất-chí
về sự công-danh, lại hoi-tám về
đường gia-thất.

*Khi dirt áo khi bù đầu,
Ôn-quân khừ-quốc Lý-hầu ly-gia.
Đời chân Uyên-bắc phong-hoa,
Khắp nơi cứu-mã đâu là Ngũ-lãng ?
Cầm-thư một gánh gió trắng,
Giang-nam sơn-thủy đề chừng dạo chơi.*

Mùa hè năm ấy, đi tìm phương
tránh nực ở quanh miền Cô-tô, dạo
qua các nơi thắng-cảnh vùng Hồ-
kỳ. Khi ấy tiết thu đã đến, mà hươg
chơi chưa cùng, nghe phong-cảnh
thành Hải-ngư, hơn cả đất Ngô-trung,
lại là chỗ văn-nhân tụ-hội, cách đây
cũng không xa, nên dạo chơi một
chuyến. Nhân thu-thập đồ hành-lý,
đem một đũa kiếm-nô, đi thuyền sang
chơi Hải-ngư, tạm trọ một nơi Phá-sơn
thiền-viện ở ngoài mé bắc thành. Khi
đó giữa về nửa tiết thu, khi lạnh sương
nghiêm, rừng già cỏ cứng, cảnh Ngư-
sơn lại có một vẻ tiêu-sái khác thường,
Tiểu-sơn đoái trông, lấy làm vui thích.
Nhân có người tự-tặng bảo Tiểu-sơn
rằng Tứ-chiều-lâu phong-cảnh u-thắng,
là nơi tùy-ngâm du-thường của các bạn
danh-nhân. Tiểu-sơn mới hỏi rõ đường
lối, dắt đũa kiếm-nô cùng đi. Khi bước
ra đi, lá vàng ở đôi bên đường đã rụng
xuống đất thành gò thành đồng, hơi thu
quạnh-cõi diu-hiu. Kịp đến trước lầu,
cùng đũa kiếm-nô lần từng bậc đi lên,
trông ra bốn bên bóng hồ với sắc núi,
đều ở cả trước mắt, phong-cảnh quầ-
nhiên là độc-tuyệt; trông vào trong lầu,
mọi đồ trần-thiết, đều có bề nhã-khiết,
đã thấy có vài bốn người đến trước, ở
trong lầu dương uống rượu nhân-dàm.
Tiểu-sơn gọi kiếm-nô đem tiền mua
rượu, tựa vào bức câu-lơn, ngồi uống
rượu một mình. Uống say nửa với, lại
đứng lên ngắm-nghĩa, nghe ngọn gió
thông ào-ào, tự đàng xa đưa lại, bất-giác

Tiểu-sơn đáp rằng :

—Tiểu-dệ vốn nghe Ngu-sơn là chỗ danh-thắng, nhân đi Tô - châu, tiện đường dạo chơi qua, lại đây mới năm ngày, tạm ngụ ở nơi Phá-sơn thiên-viện.

Tử-dã nói rằng :

— Tôi nghe kể trụ-trì ở Phá-sơn thiên-viện, là kẻ tục - tăng, sao lại dung-nạp được xa-giá cao-nhân !

Tiểu-sơn nói rằng :

— Thực như lời đại-huynh, vị tăng ấy thậm-khả-ố. Tiểu-dệ tưởng rằng chùa ấy là nơi thắng-tích đất Giang-nam, kẻ trụ-trì tất không phải là kẻ tầm-thường, cho nên mới đặt gánh hành-trang, tức-khắc vào đó thuê trọ. Không ngờ phù-dồ mà cũng phùng thể-lợi, chỉ lấy bạch-nhân đãi người ; vì tiểu-dệ ở đây cũng chẳng lâu, vậy không so kể gì với họ cả. Than ôi ! hiện nay những nơi sung-lâm cổ-tự, có danh tiếng hân-hoi, mà quá nửa bị những bọn tục-tăng ấy chiếm-cư, nói đến sự đó, thực khả hận thay !

Tử-dã nói rằng :

— Há những bọn tục-tăng ấy thế vậy ; hiện nay một bọn danh-sĩ, cũng quá nửa là phùng ăn cắp hư-danh.

Tử-dã nói xong, than-thở chút lâu, rồi lại hỏi rằng :

— Hiện nay tây-phong lâm-liệt, khách-lộ thế-lương, ngô-huynh ở đó, liệu chừng phỏng độ mấy ngày ?

Tiểu-sơn nói rằng :

— Con yển bay trong luồng gió, đi đến đâu là nhà đến đấy, bèn trời góc bể, chưa biết lại ở về chốn nào, tiểu-dệ ở Phá-sơn thiên-viện, chẳng qua tiêu-dao, độ nửa tháng mà thôi.

Tử-dã nói rằng :

— Phong-cảnh Ngu-sơn, nhiều vẻ xinh lắm, ngô-huynh vội-vàng đến đây,

các xứ danh - thắng, tưởng lịch-lãm cũng còn chữa khắp. Phen này rừng cây trơ-trọc, khí thu lạnh-lẽo, không tiện đi chơi xa. Đợi sau này xuân-hồi đại-dịa, gò núi khai-nham, sẽ có giai-thú khả-tầm. Chỗ tề-xá tôi tuy nhỏ hẹp, còn có chỗ đặt được giường ghế, ngô-huynh nếu chẳng hiềm chật hẹp, dời sang ngụ ở tề-xá tôi, để qua cái năm tàn tháng lạnh này đi. Khi ấy đốt đuốc chỗ tây-sông, đàm-đạo tinh cổ-cựu, chẳng hơn ở chỗ chùa hoang cảnh vắng, hàng ngày nghe tiếng chuông tiếng mõ kẻ tục-tăng ấy dư ?

Tiểu-sơn cố xin từ chối. Tử-dã nói rằng :

— Chúng ta với nhau đã thành nghĩa tri-kỷ, tư nên phát - lược hình-tích. Người đời xưa có cái cao-phong giết gà, thổi cơm gạo thử đề lưu khách, há người sau lại không biết yêu khách hay sao ? Ngô-huynh nếu quá-khước, thế là coi lão-phu này cũng như kẻ tục-tăng, lão-phu này quyết chẳng nghe.

Tử-dã không đợi Tiểu-sơn nghe hay chẳng nghe, giục ngay kiểm-nô về chùa lấy đồ hành-trang. Khi ấy trời đã hoàng-hôn, người trong lâu đã tan về hết. Tử-dã với Tiểu-sơn ngồi đợi chút lâu, kiểm-nô đem đồ hành-trang đến, rồi hai người cùng dắt tay nhau tự trong lâu bước ra, kiểm-nô quây đờ theo sau, bộ-hành vào trong thành, khi vào thành, thì nhà nào nhà ấy hết thấy đã thấp đèn.

Nguyên-lai nhà Tử-dã ở về chỗ tây-nhái thành Hải-ngu, chỗ ấy là chỗ thành-thị trung-tâm, kẻ đi người lại chen vai, diêm-phố xan-xát, có cái quang-cảnh phồn-hoa nào-nhiệt dị-thường. Tiểu-sơn đi đến trước nhà Tử-dã, ngựa đầu trông lên, thấy trên cửa treo một bức hoành-biên, đề khắc bảy chữ rằng : « Hạc-hồn-quán, thụ-họa cổ-ngoạn. » Tiến vào trong nhà, thì thấy

nào Thục-cầm. Ngô-lãng, nào Tần-chuyên, Hán-ngõa, những đồ cồ-ngọc qui-báu, la-liệt đầy nhà. Tử-dã bảo Tiểu-sơn rằng : « Nghề sinh-nhai đó, không phải trần tục, vì làm sĩ gặp bước cùng, bỏ nghề ấy không lấy gì mưu-y mưu-thực, xin ngô - huynh chớ cười.»

Tiểu-sơn nói rằng :

— Sự bác-vật hiếu-cổ chính là phận-sự kẻ nho-giá, mượn nghề ấy để mưu-sinh, cũng là lối ăn-dật nơi thành-thị, ngô-huynh hà-tất quá khiêm.

Tử-dã dẫn Tiểu-sơn vào chỗ nội-thất thì thấy thư-tịch hàng van quyền, sắp đặt một cách tinh-nhã khác thường. Hai người cùng nhau chia lễ tân-chủ cùng ngồi. Tiểu-sơn nghĩ bụng rằng tự lúc vào nhà đến giờ, trừ hai ba kẻ học-dồng, ngoài ra không thấy một người nào nữa, trong tâm mười phần nghi-hoặc, ngộ lời hỏi rằng :

— Ngô - huynh qui - quyền không ở đây à ?

Tử-dã nghe hỏi, thở dài đáp rằng :

— Vợ tôi chết đã ngoài mười năm nay, tôi cũng không lấy vợ nữa, chỉ một mình tiêu-dao đãi khách, tìm kẻ sinh-nhai, làm bạn với mấy kẻ học-dồng, tương-lai chưa biết kết-cục ra thế nào.

Tiểu-sơn chỉ lẳng-lặng không nói.

Tử-dã nói rằng : — Nay có qui-khách, ta nên khai-hoài xướng-âm.

Tức-khắc hô tiêu-dồng đi làm rượu, một chốc, đồ rượu la-liệt, rượu tốt đem ra, hai người lại cùng nhau thong-âm kịch-dâm. Rượu say nửa vơi, Tử-dã kiểm-xuất một quyển thi-cảo, đề là Hạc-hồn-quán ngâm-thảo, đưa cho Tiểu-sơn. Tiểu-sơn ngó xem, trong cảo có bài thơ Ký-hữu, dùng về lối ngũ-cổ, thơ rằng :

*Ta năm tuổi mười lăm,
Duy-dương việc hàng-ngũ ;
Mười-bảy khách đất Hoài,*

*Mười tám chơi đất Sở ;
Khoảng hai mốt hai hai,
Lưu-ly lại tân-khổ ;
Cảm-vật thường bi-ngâm,
Dương cuồng cũng vô-bổ ;
Bến trời có bạn hiền,
Tin-tức khắp 7è Lỗ ;
Khiến ta những tương-tư,
Sơn-xuyên dài cách-trở ;
U-lan chốn không-cốc,
Phù dung miền thâm-chử ;
Hái bẻ đã quá thì,
Mệnh tuổi khéo làm-lỡ.*

Tiểu-sơn kinh thần rằng : — Khéo là một thiên văn-niên đặc-ý của Bạch-thái-phó đấy a !

Tử-dã mời thong-dong nói rằng :

— Tôi thừa thiếu-thời, cũng toan dụng-thế. Gặp đời loạn-ly, mới bỏ nghề văn-tự, đi bôn-tẩu vài năm, không thành sự gì cả. Về sau cuộc đời yên-ổn, thì mình tuổi đã già, ngựa kỳ ngựa ký, nắn rập ở trong chuồng, cái chí thiên-ly, đã trái hẳn đi rồi. Hưởng-chi lại phiêu-lưu đãi khách, hồn-cổ-quốc gửi ở trên miệng đồ-quyển. đến nay nhất-thần đa-bệnh, tứ-hải vô-gia, sau này muốn về cố-hương, thì chỉ bất-chước như chuyện hóa hạc qui-tai vậy thôi.

Tiểu-sơn nói rằng : — Lời ngô-huynh nói rất là thương-tâm, chính là ý-nghĩa ba chữ « Hạc - hồn - quán » đấy phải không? Song thiên-hạ sự thực có nhiều sự kiông thể giải-thích ra được, muốn nhất-nhất mà hỏi ra lấy duyên-cớ, duy khốn thay ông xanh-xanh kia chỉ nín lặng mà không nói gì. Ngô-huynh cũng là kẻ đạt-nhân, hà lại không hiểu lẽ ấy. Nên biết rằng công-danh phù-quí, vốn là cái thân-ngoại phù-vân, mà ngay như thế tử thất-gia, cũng là cái sinh-tiền nghiệp-trái. Nói đến sự cố-hương, lại không đủ quyền-luyện chi nữa, chỗ nào có núi xanh, tức là nhà ta chỗ ấy, ta sống để gửi thân ta, ta

chết để vui xương ta, ta cứ tru-du tự-thích, để vui cái tuế-nguyệt của ta, há chẳng hảo-hảo, há-tất bụng tim oán mệnh, gãi đầu hỏi trời !

Tử-dã nói rằng :

— Ngô-huynh nghị-luận, quả là khoáng-dạt ; song lão-phu này đã dành, đến như ngô-huynh tài cao tuổi trẻ, sao không mưu sự tiến-thủ, cùng với cuộc đời chuyển-di, sao lại phóng-túng lãng-du, hỏi-tâm lãnh-chi như vậy?

Tiểu-sơn đáp rằng : — Thiên-hạ-sự đều có chốn nan-ngón, cái thân-thể tiểu-dệ cùng với thân-thể ngô-huynh, cũng như đôi bộ bánh xe, đi trước đi sau, cùng đi một lối quĩ-đạo, chẳng khác gì nhau.

*Ló lắn bất-ngộ ra về,
Vạ trên khung-cửi chẳng hề dừng thoi.*

*Dương Chu khóc ngẩn than dài,
Đường chia hai ngã biết noi đường nào.*

Tóm lại cái thân-thể tiểu-dệ, không đủ nói cho ngô-huynh nghe ; chỉ biết rằng tiểu-dệ với ngô-huynh cùng là bạn thiên-nhai luân-lạc đó mà thôi.

Tử-dã biết rằng trong bụng Tiểu-sơn tất có cái chốn nan-ngón, mới không hỏi kỹ-cặn nữa. Hai người uống rượu đến quá canh hai, rượu trong hồ đã thấy lạnh ngắt, mới dừng chén không uống nữa.

Tử-dã nói rằng :

— Đêm đã khuya, xin đi nghỉ, có chuyện gì, sáng mai ta lại nói.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN dịch

V Ậ N - U Ỗ Ề N

THƠ VĂN CỜ

XUYẾN-NGỌC-HẦU THI VĂN TẬP (1)

III

V — Văn tế nhũ-mẫu

Than rằng : Ngẫm cõi trần cõi trần là lối cũ, dưới âm-minh tuy hồn vũ rãng yên ; cảm công sinh công dưỡng cũng đồng căn, trên dương-thế nghĩ phận con còn hữ.

Dặm nghìn non nước vũ trông con ; một khắc bề dâu con xót vũ.

Thuở trướng nước nhai cơm vắt sữa, phong-thề một ngày một khác, con nhờ vũ gáy nên tâm trưởng-thành ; lúc bèo

mây đỡ gió che sương, giang-sơn ba nổi ba chìm, vũ vì con nếm đủ mùi tân-khổ.

Ngày tháng mong tuổi vũ lâu dài ; bụi ngọt thỏa lòng con báo bõ.

Bông xe hạc vôi-vàng, chẳng gắng lấy ít nhiều năm nữa, vũ từ đây đường vãng-phản đã không rồi ; mà non táy cách diễn, nào kịp trao mấy chút lời chi, con từ ấy nổi ai-tư khôn dứt bõ.

Ôi ! sườn núi hoa rơi, đầu tường quốc rữ.

(1) Xem N. P. số 117-118.

Thương bạch-phát cũng nhiều oan truân-kiến, đường lúc-thực phong-y được mấy, bảy mươi thu chưa thỏa vũ tam-sinh; ngân đào thơ mà gặp buổi phong-trần, của dưỡng-sinh lỏng-lử lấy chi, bốn tuần lễ giận vì con bán-độ.

Nay gió cuốn cần phan; xe giông đường lờ.

Vũ tuy đã đổi đường cách-trở, công tam-niên nghĩ nhớ lúc sơ-sinh; con gọi là một triệu kính dâng, lễ bát-mẫu ngộ theo lễ thượng cồ.

VI — Văn tế cha

(Làm hộ nhà buôn thuyền)

Than rằng: Móng-mệnh bề giác, bề từ xuôi ngược dầu xa buồng; lãg-đăng nước triều, thuyền khách đi về tình ngại chớ.

Chồi tang rây tuyết oán dầm-đĩa; cây tử dinh rêu sầu hoen-hủy.

Trộm nhớ thũs súc-tài lương-g-đống, cờ cuộc sá chen vành lợi, chước dọc ngang khinh sự-nghiệp 1ó Trương; trải đời phen dật-hưng giang-hồ, chén vui khoan bề chèo lan, cơ thua được gác chuyện-trò Hán Sở.

Lên ghềnh xuống thác đã quen thung; vào biển ra ngòi từng đủ thú.

Nhà thanh-bạch vẫn sản-sản xuân phú-quí; đành rằng phúc âm đổi muôn thu; buổi phiêu trần còn xang-xác chỉ phong-lưu, mừng được thái-bình riêng một cửa.

Vững nền phúc thọ há du chi; đóng cửa âm-dương sao kịp nở.

Phận kính-bố đã so le ước cũ, ba năm trọn những mơ chiến tướng gối,

net đào-hồng sắc chửa từng quên; dây sắt cầm vừa chấp nổi duyên sau, sàu thu tròn mà bề kính lia tơ, nguyện đã vàng lấm sao chẳng nhớ.

Đã thôi tranh-cạnh tỏa lợi giảm danh; song thiết dinh-ninh đường quê nổi chợ.

Ói! Hạc (1) về họa-biểu đầu xưa đầu; Mễ (2) đội Lam-quan ngày nào nữa.

Ngảnh lại chốn bình-sa trúc-đ, Tráng (3) mặt bến nước cồn sóng thắm, thắm này chìm tới cửa long-cung; ngừng trông chừng gót ngọc am mây, Lãn (4) đầu gành chim giục tiếng sầu, sầu ấy nổi vào doanh Nguru-nữ

Thông (5) củ rời bước, Quyên (6) lệ chan-hòa; Cảo (7) lý xa trông, Viên (8) trảng bờ-ngõ.

Nay nhân: đường lờ rước về; tuần ngu tạm mở.

Lòng khồ luyện ngắm-ngùi đạo hiểu, mùi xướng vị nhạt bày dưới thoi vàng; khói trầm-hương nghi-ngút chữ thành, giấy ngân tình dài gửi trên ngọn lửa.

VII. — Văn tế ngu

(Làm hộ ông xã Nam-hoà-phường)

Than rằng: Khép mở ấy then con khuôn đúc, nương đầu bãi bề vẫn nhiều phen; gửi về là đường cái xưa nay, nước Nhược non Bằng nào mấy kẻ.

Trăm năm tóc bạc, cỏ lếp sương vui; một năm rêu xanh, mưa tan gió xẻ.

Xưa nghiêm phụ buổi nhà Vương cửa Tạ, mùi hương thập-lý đã thơm lừng; tới từ vì cơn nước phật làng liên, vui gành cửa-củ thêm nặng trĩu.

Cười nhân nói nghĩa đất vun tài; đứng phép ngồi khuôn trời đúc vẻ.

(1. 2. 3. 4.) Hạc, Mễ, Tráng, Lãn là tên bốn chỗ cửa tuần người bị ôn vẫn qua lại.

(5. 6. 7. 8.) Thông, Quyên, Cảo, Viên là tên bốn người con trai nhà tang-chủ.

Chìm sóng lợi dần ai bụi đỏ, ngoài tai giảm tỏa cửa đào môn; nỗi thuyên thương hiệu dấu họ Đào, trước mặt gió trắng doanh bích-từ ủy.

Ngày lân tháng lửa, ước chân trăm thu; tuyết quở sương trêu, gần trong bầy kỹ.

Nhà đan-được hãy hênh lò thuốc Biền, qui gìn chén thọ vốn còn lăm; áng bạch vân đầu sịch bánh xe tiên, phượng thét hồi tiêu sao kịp nhĩ.

Bầu thềm gọi nhớ vàng hồi ve; trước số khêu buồn rền tiếng rế.

Chang nắng hạ mới se dây cát lũy, đã đôi phen mà phận ấy chông-chênh; quanh nơi xuân nên vỗ vóc phù-dung, thì chín suối đề nguyên kia ven-vẽ.

Xây cơn lỵ tán càng đau; giữ chuyện gia-đình lại lẽ.

Thương người đã tới tuần trở quả, trước gió lá xanh phất rụng, để lại một đoàn măng sữa, luống âm-thầm cửa bạc nhà thừa; xót kẻ vì gần độ gieo cầu, dưới trăng lơ thắm chữa xe, những là nhiều chốn sương gieo, thêm then lúi com san áo xẻ.

Một đoàn hoè quế, nỗi biết bao đành; hai đóa liễu bồ, tình khôn xiết kể.

Một thời lếch xe loan vui khúc

phượng, ấy khuya bụi sớm ngọt đã không rồi; một thời đeo tóc hạc tế duyên hoàng, mà chân tuyết đầu sao là mặc thế.

Nỗi tam-sinh dương ấy là bao hận; thiên-cổ từ đây rồi đề.

Ói, hoa trời mặt nước, hàng liễu mây chau; ác lặn sườn non, ngàn dâu bóng xế.

Cát mắt phổ Nam nơi đất khách, loảng-choảng tiếng hàn-châm nên nhất, chệnh nguồn cơn thêm quận khúc viên-tràng; ngành đầu thôn Ngộ chốn quê nhà, lãng-băng con phi-yến về hôm, tưởng nỗi nước lại sa hàng giao-lệ.

Suối tắm khế-khoát lúc dây vơi; cồn trận bi-tư cơn nặng nhẹ.

Ngóng đỉnh Quế đá chông mây lớp, sương che khói ngất, đi về đường liễu nhất mơ-màng; dải sông Đằng sóng nổi đôi lãng, gió thổi mây tuôn, xuôi ngược là buồm hay lẽ-thê.

Nay nhân: hương lò rước về; tuần ngu tạn lẽ.

Nhà thanh-bạch biết lấy gì báo đáp, ngỏ mượn khói hương dâng chữ kính, trước giường thiếp xin kêu với quỷ-thần; cửa thư-hàn đầu còn có phong-lưu, xin đem mảnh giấy vẽ tình riêng, trên mây bạc họa thêu cùng thiên-địa.

DỊCH CỜ-VĂN

1

Trùng-Nhĩ di du-lijch các nước.

Công-tử nước Tấn là Trùng-Nhĩ, khi bị nạn chạy ra ấp Bồ, người Tấn đuổi theo đánh Bồ-thành, người Bồ-thành muốn chông lại, Trùng-Nhĩ bảo không nên mà rằng: « Ta thừa được mệnh vua cha, được hưởng bổng lộc để dưỡng-sinh, vì thế mới có người theo ta, nay ta có người giúp mà lại ganh nhau với vua cha, tội chẳng gì lớn hơn vậy, thôi ta đành tránh đi. » Mới chạy ra nước Địch. Những người theo hầu là Hồ Yển, Triệu Thôi, Diên Hiệt, Ngụy Vô-Tử, Tư-Không Qui-tử. Người nước Địch đi

đánh đất Trùng-cao-như, bắt được hai người con gái là Thúc Ngỗi, Quý Ngỗi đem dâng cho công-tử. Công-tử lấy nàng Quý-Ngỗi để ra Bà Trừu, Thúc Lưu. Còn nàng Thúc Ngỗi thì gả cho Triệu Thôi, để ra Thuần. Công-tử lại sắp sang nước Vệ, dặn bảo Quý-Ngỗi rằng: « Nàng đợi ta hai mươi năm nữa, nếu ta không trở lại hãy đi lấy chồng. » Nàng thưa rằng: « Nay tôi đã hai mươi năm tuổi rồi, lại đợi chừng ấy năm nữa mới đi lấy chồng, thì bấy giờ đã vào hôm gổ rồi, thôi tôi xin đợi chàng. » Công-tử ở nước Địch mười hai năm mới đi, qua nước Vệ, vua Văn-công nước Vệ chẳng lấy lễ tiếp đãi gì

cả. Công-tử đi ra đất Ngũ-lộc xin ăn ở người nhà quê, người nhà quê cho một cục đất, công-tử giận muốn đánh Tử-Phạm can rằng : « Đây là trời cho đất đấy. » Công-tử cúi đầu nhận hòn đất mà đi lên xe trở đi.

Khi đến nước Tề, vua Hoàn ông nước Tề gả cho nàng Khương-nữ, đã có được hai mươi cỗ ngựa, công-tử muốn yên ở đó, các người tụng-giả bảo rằng không nên. mời cùng nhau họp bàn ở dưới gốc cây dâu để mưu đi nơi khác, không ngờ có đứa thị-tì chần tằm nó hái dâu ở trên cây, nghe biết cả chuyện đem về mách nàng Khương-thị. Khương-thị giết chết con thị-tì đi, mà bảo với công-tử rằng : « Chàng có cái chí muốn đi du-lich bán phương, có đứa nghe tở chuyện tôi đã giết đi rồi đấy. » Công-tử rằng : « Ta có chí ấy đâu. » Khương-thị rằng : « Tôi đi đi, cứ miễn người yêu, yên chỗ vui mãi thì bại hoại mất cả công-danh. » Công-tử không có ý muốn đi. Khương-thị mới mưu với Tử-Phạm cho công-tử uống rượu say mà đưa đi. Khi tỉnh dậy vác giáo đuổi đánh Tử-Phạm. Nhưng đã đi ra đến đất nước Tào. Tào-công nghe rằng công-tử xưng sừn liễn nhau, muốn dinh xem lúc cời trồn, nhân khi tâm, áp-sát đến xem. Vợ Hi Phụ-Cơ nói rằng : « Ta xem những người tụng-giả theo hầu Tấn công-tử, đều là tài tướng-quốc cả. Nếu họ cùng giúp thầy họ thì thầy họ tất được trở về nước, được trở về nước tất là đặc-chí với các nước chư-hầu, đã đặc-chí với các nước chư-hầu mà trách kẻ vô lễ thì nước Tào là đầu, Chàng sao không sớm tự liệu trước đi. » Hi Phụ-Cơ mới đem biếu công-tử mâm cơm lại để giấu ngọc bích vào đó. Công-tử nhận lấy mâm cơm mà trả lại ngọc bích. Khi đến nước Tống, vua Kương-công nước Tống tặng cho hai mươi cỗ ngựa. Khi đến nước Trịnh, vua Văn-công nước Trịnh cũng chẳng lấy lễ tiếp-dãi gì cả. Thúc Thiêm can rằng : « Tôi nghe trời

đã mở cho, thì người không kịp được. Nay Tấn công-tử có ba việc hình như ý trời muốn gây dưng cho làm vua chẳng, nhà vua nên lễ-đãi tử-tế mới phải. Nghĩa là hai họ trai gái lấy nhau mà là người cùng họ, thì sinh đẻ không được thịnh, thế mà Tấn công-tử cũng bởi cùng một họ Cơ để ra mà vẫn còn đến ngày nay, ấy là một việc. Từ khi công-tử phải tai vạ chạy ra ngoài mà nước Tấn vẫn chưa yên, ấy là trời muốn mở đường cho công-tử trở về, ấy là hai việc. Công-tử lại có ba người tài giỏi theo giúp là đủ hơn người, ấy là ba việc. Và lại nước Tấn nước Trịnh là bằng hàng nhau, giả có kẻ con em đi qua cũng nên liếp-dãi tử-tế, huống-chỉ là công-tử sắp được trời mở đường cho. » Vua Văn-công không nghe.

Khi sang đến nước Sở, tước-tử nước Sở mở tiệc để tiếp-dãi, Sở-tử có nói rằng : « Công-tử nếu được trở về nước Tấn, thì lấy gì báo đền cho kẻ bắt-tài này ? » Công-tử thưa rằng : « Con gái với ngọc lụa thì nhà vua đã có cả, vũ-mao da sừng thì thỏ-sản nhà vua cũng nhiều, lại lan sang bán cả cho nước Tấn đều là của thừa nhà vua cả, thì biết lấy gì báo đền nhà vua được. » Sở-tử rằng : « Tuy rằng thế cũng phải có cái gì để báo đền ta chứ. » Công-tử rằng : « Nếu được nhờ uy-lệnh nhà vua trở về nước Tấn, mà sau này nước Tấn với nước Sở có đem binh ra gặp nhau ở đất Trung nguyên, thì tôi xin lui quân nhường nhà vua ba mươi dặm đường. Nếu nhà vua cứ tiến quân lên mà không nghe, thì tôi xin bèn tả sắp roi ngựa bên hữu rút bao tên, để cùng đối-dịch với nhà vua. » Tử-Ngọc xin giết Tấn công-tử đi. Sở-tử bảo rằng : « Tấn công-tử là người dễ-dàng mà kiêu-ước, văn-hoa mà có lễ. Những người theo hầu lại nghiêm trang mà khoan-dung, trung-chính mà hay hết sức. Còn như Tấn-hầu hiện bây giờ thì trong ngoài đều ghét cả không ai thân-

kin. Vả ta nghe rằng họ Cơ là con cháu sau ông Đường Thúc, có suy-diệt chẳng nữa cũng còn lâu, hoặc-giả Tân công-tử này lại nổi nghiệp lên được chẳng, trời sắp hưng lên ai hay phé đi được, nếu mình làm trái ý trời thì tất phải chịu tội lỗi.» Mới đưa công-tử cho sang nước Tần. Tần-Bà đem năm người con gái tặng cho công-tử, trong bọn năm người ấy có nàng Hoài-Doanh. Công-tử cũng bắt bưng chậu hầu rửa mặt. Nàng Hoài-Doanh hắt tay đi giặt mà rằng : « Nước Tần với nước Tấn là sánh vai với nhau, chàng sao dám khinh ta. » Công-tử sợ, đổi mặc áo thường mà từ-tạ. Một ngày kia Tần Bà bày tiệc mời công-tử yến-hưởng. Tử Phạm nói rằng : « Tôi vẫn-từ không bằng Triệu Thôi, xin cho Triệu Thôi theo hầu đi dự tiệc. » Khi yến-tiệc thì công-tử đọc thơ Hà-thủy, Tần Bà đọc thơ Lục-nguyệt. Triệu Thôi bảo Trùng-Nhĩ bài tạ ơn. Công-tử liền xuống một bậc rạp đầu bài tạ. Tần Bà cũng xuống một bậc mà từ-tạ. Thôi nói rằng : « Nhà vua khen cho Trùng-Nhĩ về để giúp thiên-lũ, nên Trùng-Nhĩ phải bài tạ. »

Lời bàn của Quá-thương-hầu.

— Trùng-Nhĩ trốn ra ở ngoài trời mười chín năm, nao là đi đến nước Địch, nước Vệ, nước Tề, nước Tào, nước Tống, nước Trịnh, nước Sở, nước Tần, trải bao nhiêu phen lận-khở, chịu bao nhiêu lần khinh nhờn, chỉ nhờ có Hi Phụ-Cơ, Thúc Thiêm, Sở Thành-Vương, Tần Bá, mấy người ấy có bụng chu-toàn mới được về nước lập nên bá-nghiệp. Nếu không có một thiên này kể lại lịch sử cho lén-lạc, thì không biết sau khi công-tử đi trốn từng trải ra làm sao. Thiên này chép việc hoặc tường hoặc giản thực là có phép.

Giới Chi-Thôi không thêm kẻ công.

Tân-hầu Trùng-Nhĩ đã về nước rồi thưởng cho người từng-vong. Giới Chi-Thôi không thêm kẻ công, nên tước-lộc cũng không kịp đến Thôi nói rằng :

« Con vua Hiến-công có chín người mà chỉ có công-tử còn lại. Đương lúc vua Huệ vua Hoài không ai phục, trong ngoài đều bỏ cả, trời còn chưa tuyết nước Tấn thì tất có người ra làm chủ, thế thì làm chủ-tự nước Tấn chẳng phải công-tử thì còn ai. Trời đã đặt cho làm chủ, mà hai ba gã lại nhận làm công của mình, chẳng là vu lảm ư. Trộm lấy của người ta gọi là kẻ trộm, phượng-chi là tham công của trời, nhận làm sức của mình ư, kẻ dưới không biết tội mà lại nhận cho làm nghĩa, kẻ trên không biết gian mà lại thưởng cho làm công, trên dưới lira đối nhau, thì ta khó cùng ở với họ được. » Người mẹ bảo rằng : « Sao không ra mà xin lấy thưởng, cứ chịu chết thì ai kêu oan cho mình. » Thưa rằng : « Người ta đã làm lỗi mà mình lại còn bắt chước thì lại là tội lắm. Vả lại đã nói ra lời oán, thì không nên nhận lấy lộc nữa. » Người mẹ nói rằng : « Cũng nên cho vua biết, thế nào ? » Thưa rằng : « Lời nói là văn sức cho thân mình, mình đã sắp đi ần, thì còn dùng văn-sức làm gì, nếu nói ra thì là cầu hiển-đạt vậy. » Người mẹ nói rằng : « Mày hay như thế à, thì ta cùng mày đều ần. » Hai mẹ con bèn cùng vào núi đi ần mà chịu chết. Tân-hầu cho đi tìm mãi không thấy, mới lấy khu ruộng ở Miền-thượng để làm tự-diền mà nói rằng : « Đây là để ghi lỗi ta và tình-biêu cho người thiên-nhân. »

Lời bàn của Quá-thương - hầu.

— Giới Chi-Thôi không chịu kẻ công đang đi ần mà chịu chết, thực là một kẻ thuận-thần hơn người. Còn như người mẹ cũng cùng với con chịu chết mà không hối-hận, thực là bậc can-quốc anh-hùng. Văn-công phong cho ruộng tự-diền, mà bảo rằng : « Để ghi lỗi trước và để tình-biêu người thiên-nhân », thì thực là lời nói gian-hùng.

Văn Tả-truyện
Đ.-C. dịch

THƠ VĂN MỚI

Lưu-giản

Chót đem xiêm áo đóng vai trò,
 Vẽ phấn bôi son chẳng thẹn-thò ;
 Bát-ngát xa trông miền núi Tản,
 Bâng khuâng còn nhớ cảnh sông Bo ;
 Nhớ dân nước lụt cơn sâu-khở,
 Nhớ khách béo mây lúc hẹn-hò ;
 Bề hoạn khi chìm khi lại nổi,
 Mái chèo xin cứ vững tay co.

Phó-bảng VŨ XUÂN-TÂM

1° — Chùa Sùng nghiêm (1)

Tới chốn Sùng-nghiêm lắm vẻ thanh,
 Nhìn xem phong-cảnh đẹp hơn tranh ;
 Ốc trên đầu tượng vàng pha thắm,
 Rêu dưới chân bia đá nhuộm xanh ;
 Cầu kệ tiêu-trần khi lừng gió,
 Tiếng chuông tĩnh-mộng lúc tàn canh ;
 Đã tu tu trót cho thành Phật,
 Đắc-đạo đem mà độ chúng-sinh.

Vịnh con cóc

Ngồi đây thôi à, hỡi cóc ơi.
 Hay là cậy thế cậu ông trời ?
 Nghiễn rằng cho biết cơ vãn chuyện,
 Giương mắt mà xem cuộc đời-dời ;
 Ý hẳn vững gan còn đợi lúc,
 Nghe chừng tắc lưỡi biết thương đời ;
 Có lên nói chuyện cho trời biết,
 Rằng : dưới trần sao lắm kẻ chơi.

Đức-hiệp BÙI TIÊN-MAI

1° — Khóc đời

Quái lạ ! vì đâu giọt lệ tuôn,
 Mà nông nổi ấy kẻ thêm buồn.
 Nghĩa nhân nào thấy si chen-chức,
 Danh lợi kia xem kẻ cúi luồn !

Nước thấm non sâu bao độ nữa,
 Mưa sa gió táp mấy phen luôn !
 Cuộc đời điên-đảo coi mà ngán,
 Nỗi khổ tình thương biết mấy muôn.

2° — Kiếp trâu

Thương hại thay cho cái kiếp trâu,
 Dầm mưa dãi nắng suốt năm trâu ;
 Văng sừng găng sức khi bừa cạn,
 Co cõ ra công lúc cấy sâu.
 Giương mắt nhìn đời bao khó nhọc ;
 Sáng tai nghe họ lường thương đau !
 Nợ-nần thuở trước sao không trả,
 Đều đến ngày nay chịu dải-dầu !

3° — Đêm hè nghe cuốc

Năm canh tiếng nhắp đã thâu ba,
 Tiếng cuốc đêm hè vẫn gọi xa ;
 Ngán kiếp đồ-quyên buồn thẽ nhĩ,
 Ngấm hồn Thục-đế thắm ru mà !
 Canh tàn tựa giục lòng thương nước,
 Cảnh vắng như kêu nỗi xót nhà !
 Nhẫu hỏi tri-âm ai đó tá :
 Biết chẳng chẳng biết mối sầu ta ?

4° — Lời người vợ lẽ than thân

Cái thân-phận thiệp nghi mà thương,
 Nguyệt-lão xe chi mối đoạn trường ;
 Duyên số đã cầm mình lẽ mọn,
 Tháng ngày thêm tủi mặt phong-sương ;
 Anh chồng hèn-hạ tưởng vô-nghĩa,
 Chị vợ thâm-trầm giống bất-lương ;
 Muốn quyết một phen ra sống mái,
 Thử xem gan óc có nên đường !

5° — Mong trăng thu

Mong mỗi trăng thu những đợi chờ,
 Cùng trăng đan-diu tựa bao giờ ;
 Muốn lên cung quế thăm người ngọc,
 Chẳng xuống trần-gian góp bậu thơ !

(1) Chùa làng Đức hiệp là một chốn danh lam đã hơn 20 năm nay. Sự cụ và dân làng sửa sang rất là tráng lệ, người đến ngắm cảnh cũng hay vịnh đề.

Mặt nước long-lanh in sóng biếc,
Đầu non lơ-lửng rọi rùng thưa.
Mong trăng trắng có mong ta nhỉ ?
Ngồi ngbi mong trắng hóa thân-thờ.

Phác-ngọc Ph. Th.

HỒ TÂY buổi trưa

Một bầu trời nước rộng mông-mênh,
Bóng ác cheo leo nổi rập-rãnh ;
Mặt sóng mây lồng thuyền đung-đỉnh,
Giữa hồ gió cuốn đảo lênh-đỉnh.
Chim trời nhâm bóng kêu dung cổ.
Gót khách chờ em dạo khắp ghềnh ;
Ngành lại đường ai xe ngựa đó,
Trời ơi ! nước hời ! khéo buồn tênh !

Chờ em ở bờ HỒ-TÂY

Tàu sau họa có thấy lên chấu,
Thôi chuyển này thôi đã lở-làng ;
Nóng ruột chờ em, em chẳng thấy,
Trời ơi ! Bóng đã ngả ngang ngang.

*Ngang ngang bóng ngả mai đầu,
Tinh riêng vơ-vẩn con lấu veo-veo ;
Buồn tênh mắt vẫn trông theo,
Người đứng nhan-nhân vắng teo em
minh.*

Em mình chán chửa vắng teo-teo !
Có thâu tình chẳng hời bóng chiều ?
Yêu khách thì xin đừng tối vội,
Chờ em xem có sắp lên theo.

*Lên theo thấy bóng đầu nào,
Bên đường gió thổi ào ào lá rơi.
Chuyển tàu này nữa là hai,
Em mình chưa thấy hỏi ai bây giờ.
Bây giờ nào biết hỏi vào ai ;
Một bước đường đi thấy một dài.
Giá có phép gì co ngăn lại,
Cho em mình đến chóng bằng hai.*

*Bằng hai chờ đỡ mong chờ,
Chiều trời sắp tối bao giờ em lên.
Xa xa lơ-lửng con thuyền,
Khác chỉ thân khách đứng bên đường
này.
Đường này một khách đứng mong em,
Nhìn cá theo tăm cá đã chìm.*

Mê-mải trông trời đã mỏi mắt,
Giật mình xao-xác tiếng đàn chim.

*Đàn chim xao-xác trên cánh,
Đợi em vơ-vẩn cuối ghềnh một ta.
Chuyển tàu này nữa là ba.
Em hun-hút bóng, bóng tà tà nghiêng,
Tà-tà bóng ác gác chênh-chênh,
Nhìn trước trông sau có một mình.
Một mối tơ tằm trăm đoạn cuốn,
Trông trời nhìn nước vắng tanh-tanh.*

*Tanh-tanh vắng-vẻ trên đường,
Buông-khuáng quang cảnh, vẫn-vương
nổi nhà.*

*Mặt hồ gió cuốn xa xa,
Gió ơi, gió cuốn cả ta cho rời.*

Đời là giấc mộng

Ngắm đèn buổi già nua tuổi-tác,
Lúc xuân xanh nào được bao nhiêu.
Khác chi trận gió đưa vèo,
Đào kia thôi đã rụng theo gió này.
Người hời người, biết hay chẳng biết,
Đám bụi trần mải-miệt làm chi ;
Công danh nào có ra gì !
Xương tàn trả đất đen sì là xong.
Đã chót bước vào vòng thế-cực,
Biết cay mà nín khóc làm vui.
Vui đâu đến cái cuộc đời,
Nếu vui cất rốn đã cười như không.
Trẻ tạo-hóa hẳn lòng hiềm-độc,
Sinh người ra xem khóc mà cười.
Lệ người làm rượu cho trời,
Mà trời uống giọt lệ người không say ;
Ngồi thử ngbi bấm tay mà tính,
Suốt một đời không tỉnh mà mê,
Tính ra nào tỉnh những gì.
Quay cuồng múa-máy mà mê lúo nác.
Việc trong đời chiêm-bao hết cả,
Từ từ-sinh cũng đã là mê,
Hưởng chi tính đến việc gì,
Khác nào con cá dớp vì sao mai.
Đời là mộng đã ai tin chửa,
Tin hay không đã rõ đây rồi.
Từ khi mượn xác lên đời,
Đến khi trả đất nào ai biết gì !

Lúc sơ-sinh hẳn mẹ chẳng biết,
 Biết oe-oe thăm-thiết chào đời.
 Đến khi tạ-thế già rồi,
 Già thời già thật mẹ thời vẫn mẹ.
 Còn trong quăng sấp về mới đến.
 Tuổi trẻ trung đã bén mẹ rồi.
 Đêm ngày xoay-xoả với đời,
 Nào cơm nào áo nào vui nào buồn.
 Cơm đã tưởng là ngon cho lắm,
 Ngon gì đâu nào đậm gì đâu.
 Hóa-nhi lừa khéo làm sao,
 Chẳng qua đến lúc nuốt vào là xong.
 Áo kia kẻ nào bông nào lụa,
 Chẳng qua là cái vỏ mà thôi.
 Vỏ kia dầu có đẹp mười,
 Nhưng người trong vỏ vẫn người đưng
 mẹ.
 Còn kẻ đến vui thì vui thật,
 Vui quyền cao hạc chấ! là vui.

Than ôi, vui chính buồn rồi,
 Cho dầu vào cạm còn vui nổi gì!
 Nào còn nổi buồn té buồn đại,
 Buồn vì tiền thêm lại vì danh.
 Thấy buồn ta cũng buồn tanh,
 Buồn vì một lũ ruồi xanh nó buồn.
 Còn kiếp người hãy còn giấc mộng,
 Cái đời người thôi cũng buồn tanh.
 Mẹ man thời phí thân mình,
 Dầu xoay dầu xoắn vẫn đành là mẹ.
 Đã mẹ rồi khó bề mà tính,
 Chuyện đời thôi xoay tích làm chi.
 Chót sinh thôi đợi ngày về,
 Trong khi ngồi đợi ta thì cứ chơi.
 Dầu sao cũng đã đại rồi!

LÝ NGUYỄN-BÁCH
 (Thái-bình)

DỊCH VĂN TÂY

Sur la Civilisation

Plusieurs feraient volontiers tenir toute civilisation dans les créations concrètes de la littérature, des arts, de l'industrie même. Ce n'est sûrement pas ce que nous entendons.

Une civilisation n'est ni un décor, ni une philosophie. Certaines doctrines peuvent aider à en caractériser l'originalité, certaines formules à en condenser les tendances; la faire sortir de ces doctrines, de ces formules, serait renverser les réalités de l'histoire. Une civilisation est vie, c'est la poussée vers son épanouissement normal de la vie collective qui anime un groupe unifié par la nature et par les événements. Elle ne se réalise jamais qu'imparfaitement dans des œuvres déterminées, voire dans des affirmations générales. Elle jaillit des élans essentiels qui, pour nous, constituent le fond de la nature humaine; la portée de ses manifestations extérieures se mesure à la fidélité et à la puissance avec lesquelles elles reflètent toute la vie multiple et profonde qui est activité, intelligence, sensibilité. Elle ne se meut pas dans l'abstrait; elle demeure étroitement conditionnée dans toute son expansion

Nói về văn-minh

Có nhiều kẻ sẵn lòng cho văn-minh là gồm cả ở những sự chế-tác của văn-học, mĩ-thuật, công-nghệ nữa. Ý-kiến ta quyết không phải như thế.

Văn-minh không phải là bức tranh cảnh, cũng không phải là nền triết-học. Những học-thuyết xướng ra có thể tiêu-biểu được cái phần đặc-sắc của văn-minh, những lẽ-lối đặt ra có thể chung-đúc được những sự khuynh-hướng của văn-minh; nhưng cho văn-minh là ở những học-thuyết, những lẽ-lối ấy mà ra, thì thật là đảo-diễn cả chân-tướng của lịch-sử. Văn-minh là sinh-hoạt, là cái sức sinh-hoạt của một đoàn-thể, do thiên-nhiên và do lịch-sử kết-thành mà muốn bành-trướng ra cho phát-siễn được hoàn-toàn vậy. Có xuất-hiện ra ở các công-trình đặc-biệt, hay cho đến các chủ-nghĩa cai-quát nữa, cũng không phải là xuất-hiện ra toàn cả bao giờ. Văn-minh là ở tự cái nguồn động-lực trong tâm-tính người ta mà phát ra: phạm-biểu-tượng của văn-minh, cái giá-trị nó thể nào là tùy theo nó-phân-chiếu được cái sức sinh-hoạt phức-

par les démarches naturelles au milieu d'où elle se dégage et qui en font comme les ressorts organiques. L'expérience démontre d'ailleurs que ces ressorts qui caractérisent chaque groupe national sont très permanents. Assurément les facultés ethniques sont susceptibles de se fortifier, de se développer, et les doctrines, au fur et à mesure qu'elles s'affirment, ne manquent pas, par le jeu des libres initiations, d'exercer sur les faits une sérieuse action d'ambiance. Ce sont modifications lentes, secondaires; même opérantes, elles restent sous la commande des tendances primitives et de leurs réactions.

Comme l'art, la parole même, n'est-elle pas, presque autant qu'un instrument qui exprime, un symbole qui suggère? Elle n'explicite ni les sous-entendus de l'hérédité, ni le cortège d'harmoniques que la pensée, elle, enveloppe, qui diffèrent d'un auditeur à l'autre, et, bien plus profondément, d'un champ de civilisation à un autre. C'est ainsi que non seulement des cadres pareils de l'activité spirituelle, mais même des formules ou des thèses très voisines, correspondent à des contenus de vie, à des valeurs de conscience qui diffèrent grandement.

L'Orient a eu, comme la Grèce, un théâtre; l'Inde dans le sien, a déployé les grâces de son imagination, la délicatesse ou l'éclat de ses peintures: quelle distance entre le sentiment dramatique qui se dégage de part et d'autre! Par son enseignement de moralité et de bonté, par son organisation monastique et son prosélytisme, le bouddhisme, en plusieurs façons, évoque la comparaison du christianisme; qui cependant méconnaît parmi ceux qui de sang-froid pratiquent leur littérature et envisagent leur histoire, quel art

tap và thám-trăm một cách hiền-nhiên và mánh-liệt thế nào, sức sinh-hoạt ấy là toàn động-lực, toàn tri-tuệ, toàn cảm-tình cả. Văn-minh không có thi-thố trong cõi trừu-tượng; văn-minh phát-sinh ở nơi nào thì phạm bành-trương ra là phải mật-thiết tay theo với cái thế-thức thiên-nhiên của hoàn-cảnh nơi ấy, thế-thức ấy tức làm then-máy cho sự sinh-hoạt trong hoàn-cảnh vậy. Và đã nghiệm ra những cái thế-thức làm then máy cho mỗi đoàn-thê quốc-gia như thế, là lâu bền lắm, không có thay đổi mấy tí. — Vẫn biết rằng các năng-lực của chủng-tộc có thể bồi-bổ cho mạnh hơn, phát-dạt thêm lên được, và những học-thuyết cùng chủ-nghĩa càng rõ-rệt ra và càng có sức mạnh thời bởi sự cảm-hóa tự-nhiên, không thể không có ảnh-hưởng sâu-xa đến cõi thực-tế vậy. Nhưng phần thay đổi như thế chậm lắm và không quan-hệ gì; cho dầu có hiệu-quả, cũng vẫn là tùy thuộc những cái khuynh-hướng cố-hữu nó sử-linh và nó phân-động vậy.

Đến như ngôn-ngữ, cũng như nghệ-thuật, chẳng phải vừa là một cái khí-cụ để diễn-dạt, lại vừa là một cái biểu-hiệu để ám-chỉ dư? Ngữ-ngôn không giải rõ được những cái nghĩa ngầm của chủng-loại di-truyền, cùng những cái dư-âm nó vang động trong tư-tưởng, ở người này sang người kia nghe đã khác nhau rồi, huống lại ở cõi văn-minh này sang cõi văn-minh kia thì còn khác nhau đến bao nhiêu. Bởi thế nên không những có khi cái khuôn tư-tưởng giống nhau, mà có khi đến lời cách-ngôn, câu lý-thuyết giống nhau, thế mà trụ-trung bao-hàm những chất sinh-hoạt, những mối quan-niệm thật là khác nhau xa vậy.

Tỉ như Đông-phương cũng có diễn-kịch như Hi-lạp xưa. Lối diễn-kịch của Ấn-độ thật là tưởng-tượng khéo-léo, mà tả-mạc tinh-vi; tuy-nhiên cái diễn-kịch-tinh-thần của Ấn-độ sinh với Hi-lạp cách xa nhau biết bao nhiêu; Lại đạo Phật dạy người ta từ-bi bác-ái, đặt ra phép khổ-hạnh tu-hành, chăm về đường giảng đạo thuyết pháp, kẻ thì có nhiều bề có thể sánh với đạo Thiê-chúa được; tuy-nhiên ai là người bình-lâm nghiên-cứ sách-vở và lịch-sử hai đạo ấy lại không biết rằng hai đạo vốn sinh-trưởng;

sépare les plans de pensée et les lignes de développement suivant lesquels, nées et vivant de milieux différents, les deux doctrines se réalisent. Et c'est pourquoi si suggestifs qu'apparaissent certains rapprochements, il faut toujours se souvenir que sentencés ou enseignements similaires ne couvrent pas des réactions intérieures exactement comparables.

Ce serait chimère d'attendre d'un milieu à un autre une assimilation immédiate. Des connaissances positives se transmettent, des coutumes s'imitent, des théorèmes se copient: les forces de volonté, les mouvements de pensée qui leur ont donné naissance ou que, à leur tour, ils engendreront ne s'empruntent pas. Fût-on capable de discerner avec certitude de quelles associations d'idées, de quel tour de caractère, de quel jeu d'initiations procèdent des attitudes données de l'esprit ou de la conduite, serait-ce assez pour implanter ces modalités d'action, ces nuances de l'intellectualité dans telle autre civilisation dont les représentants n'en portent pas dans leur for intérieur les ressorts spontanés?

Une civilisation ne se transporte pas. Toutes peuvent s'enrichir d'emprunts. Je n'en vois aucune qui à l'aide d'emprunts, se soit fondamentalement renouvelée par voie organique d'évolution intérieure.

EMILE SENART (1)

ở hai hoàn-cảnh khác nhau, nên sản-xuất ra mĩ-thuật cũng khác nhau, thuộc về lý-tưởng, thuộc về hình-thức đều cách-biệt nhau hẳn. Bởi thế nên câu nhiều khi so-sánh thấy hiện-nh ền giống nhau thật, cũng vẫn phải nhớ luôn rằng lời châm-ngôn, câu giáo-huấn tuy giống đấy, mà ảnh-hưởng vào trong tâm-tính người ta không hẳn là giống vậy.

Muốn cho một cái hoàn-cảnh nọ tức-thì hóa theo ngay cái hoàn-cảnh kia được, thật là một sự ảo-tưởng. Những điều tri-thức có thể truyền di được, phong-tục có thể bắt chước được, lý-thuyết có thể phỏng-chép được; nhưng cái sức ý-chí, cái mỗi tư-tưởng phát-sinh ra những điều đó hay nhân những điều đó mà phát-khởi ra, thì không thể chước lấy được. Cho dầu có thể biên-biệt được chắc-chắn rằng những cách tư-tưởng hành-vi như thế nào là do những cách suy-nghĩ, cử-dộng, học-tập làm sao mà thành ra, thì cũng chưa đủ mà đem những cái trạng-thái đặc-biệt của sự hành-vi, sự tư-tưởng đó mà truyền-thụ cho một dân-tộc thuộc về một lối văn-minh khác được, dân-tộc ấy trong tâm-hồn chưa sẵn có then máy tự-nhiên cho thích-hợp vậy.

Nói tóm lại, phẩm văn-minh không thể chuyển-dịch di được. Có thể mượn của ngoài cho giàu thêm lên. Nhưng chưa lòng thấy có văn-minh nào chỉ đi mượn mà có thể tiến-hóa sâu được đến tâm-tính vậy.

HỒNG-NHÂN dịch

(1) Nhà bác-học nước Pháp chuyên-trị về đạo Phật và cổ-văn-tự Ấn-độ. Hiện có chức Hội-khảo-cổ Bác-sĩ (Académie des Inscriptions et Belles-Lettres) và làm Hội-trưởng Hội Đông-phương Ái-hữu (Société des Amis de l'Orient).



THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới. — Trong khoảng tháng năm, việc thế-giới có ba mối quan-hệ : một là việc nội-loạn nước Tàu, hai là sự hành-dộng của chính-phủ bảo-thủ nước Anh, ba là sự hành-dộng của Hội vạn-quốc thuộc về Quốc-tế kinh-tế hội-nghị (*conférence internationale économique*). Trừ việc nội-loạn nước Tàu còn phân-vân, chưa biết đích hẳn xoay ra phương-hướng nào, còn các việc khác đều khuynh-hướng về một cái chủ-đích khôi-phục lại sự hòa-bình trong thế-giới. Như cái thái-độ nước Anh bề ngoài tựa-hồ như muốn dùng cách quả-quyết, đem võ-lực mà thi-uy, nhưng kỳ-thực cũng là chỉ cầu cho lấy được yên-ôn, muốn tránh cái họa lớn hơn mà phải mượn sức mạnh để đàn-áp đi trước vậy. Còn như hội-nghị kinh-tế vạn-quốc thời những người chủ-trương cố-nhiên là có cái mục-đích muốn cầu cho thế-giới được hòa-bình, vì biết rằng phạm sự phân-tranh, muôn mối xung-đột trong các nước ngày nay, là phần nhiều vì lẽ kinh-tế cả. Duy có việc nước Tàu là trái với cái khuynh-hướng hòa-bình trong thiên-hạ, nhưng xét cho kỹ việc chiến-tranh ở nước Tàu không phải là có cái mục-đích xâm-lược gì, chẳng qua là đảng nọ đảng kia tranh nhau lấy cái công chính-dẫn cho nước nhà được hợp-nhất, được độc-lập vậy.

Nói về việc Tàu. — Kể thì suốt nước Tàu ngày nay đâu đâu cũng thấy cái cảnh-tượng chiến-tranh hết cả. Về phương-diện liệt-cường cũng đua nhau mà phải hải-quân lục-quân sang Tàu, tựa như dự-bị một cuộc đại chiến-tranh vậy. Thử xét rõ xem tình-hình thế

nào. Về phần nước Tàu thì tình-hình có thay đổi : cái phong-trào quốc-gia của người Quảng-dông khởi-xướng ra, hướng-lai cũng thừa-thế mà đặc-lợi, nay xem ra chung-qui cũng chỉ là những sự cạnh-tranh của cá-nhân đối với nhau, tướng này cướp quyền của tướng kia, là chuyện thường cơm bữa của nước Tàu xưa nay. Sự biến trong đảng cách-mệnh đó càng ngày càng nghiệm thấy rõ-ràng. Tình-hạng ấy chỉ thêm tai-hại cho dân Tàu, hết bị đảng này cướp bóc thì bị đảng kia giết hại, không kể những thổ-phỉ ở các nơi thừa-cơ hoành-hành, thêm nổi khốn-khổ cho dân-gian. Việc buôn-bán ở trong nước, việc thông-thương với nước ngoài đều bị đình-dốn hết cả ; người ngoại-quốc kiều-cư ở các nơi không những các tỉnh vừa vừa trong tội-địa phải dời bỏ đi hết, mà đến các tỉnh thật to như Hán-khẩu cũng không thể ở được. Chỉ trừ có các lãnh-sự vì chức việc phải ở lại mà thôi, còn bao nhiêu người làm ăn buôn-bán đi hết. Đến chủ-nghĩa cộng-sản của Nga thì do bọn người Nga Borodine truyền-bá sang nước Tàu, xét ra cũng không có ảnh-hưởng gì trong dân-gian cho lắm, nhiệm sâu duy có một bọn cầm quyền đã du-học ở Âu-Mĩ về mà thôi. Là vì chủ-nghĩa cộng-sản vốn không thích-hợp với tâm-lý người Tàu. Người Nga cũng hết sức cố-dụng, nhưng xem chừng không có công-hiệu gì lắm. Bọn Quảng-dông thời vẫn đứng vững ở Hán-khẩu, quân Bắc-phương chưa thể đánh đuổi được. Tướng Giới-Thạch đã từng tỏ ý muốn gần với Trần Hữu-Nhân, không biết định thế nào để đánh hay định thế nào để giúp, nhưng hai bên chưa hề được gặp nhau. Đến cuối tháng năm thì Hán-khẩu vẫn ở

dưới quyền bọn Quảng-dông. Nay cái phạm-vi thế-lực của bọn Quảng-dông rộng hẹp thế nào, cũng khó mà định cho rõ được. Vả lại tình-hình thật là bối-rối quá, ngay ở Bắc-kinh mà người ngoại-quốc cũng không thấy được yên-ôn, một độ đã rục-rịch muốn thu về ở hết cả Thiên-tân, như vậy thì ra sự rối-loạn ở vùng Dương-tử-giang đã tràn lên cả phía Bắc, và đảng Bắc-phương đối với người ngoại-quốc cũng không có tình-y thân-thiện gì hơn đảng Nam-phương. Đối với cái tình-trạng rối-loạn đó, người ngoại-quốc thế-tất phải phòng-bị; nhưng bắt đầu phòng-bị trước là nước Anh, rồi sau các nước mới bắt chước. Nước Anh đem tàu chiến, đem quân-đội sang Tàu, bắt cho các nước khác, thứ nhất là nước Nhật và nước Pháp, cũng phải theo gương, vì không nước nào có thể dễ cho Anh hành-động một mình được. Ngoại-quốc dùng cách võ-bị như thế cũng ngăn-trở cho việc hành-chiến của các đảng Tàu, và giữ yên được các tô-giới ngoại-quốc khỏi bị quân giặc Tàu xâm-lấn sang. Trong bọn các tướng trar h-danh 1 hau, không tay nào dám xung-đột với quân ngoại-quốc, nên các tô-giới mấy tháng trước hằng ngày nơm-nớp sợ thất-thủ, nay đã vững-vàng lắm, các chính-phủ Tàu bất-cứ thuộc về Nam-phương hay Bắc-phương đều có ý kiêng-nể không dám xâm-phạm vào. Cái mục-đích của nước Anh đem quân sang Tàu là chỉ để giữ lấy trật-tự cho việc thông-thương được yên-ôn như thường. Nước Anh cũng như các liệt-cường khác chỉ cần lấy hòa-bình để buôn-bán giao-dịch với Tàu. Nhưng không biết có mau được, hòa-bình hay không. Nước Tàu xưa nay vẫn là một nước quyền chính-trị không hề tổ-chức được vững-vàng như các nước Âu Mĩ, còn như cái nền-gốc xã-hội cũ thời huông-tai bị người Âu-Mĩ can-thiệp vào đã phá-hoại đi hầu hết cả, thành ra cái nền-nếp mới không

có mà nền-nếp cũ đã mất hẳn, khó lòng mà mau cho khôi-phục lại trật-tự hòa-bình. Bây giờ chỉ cầu cho liệt-cường đã đem binh-lực mà thị-uy như thế là đủ rồi, không cần phải trực-tiếp can-thiệp vào việc Tàu nữa, và trong bọn các tướng đương địch nhau sẽ có người đủ sức mạnh mà đàn-áp được hết cả, giữ được trị-an cho nước Tàu trong ít lâu để cho dân-gian có thể dần-dần hồi-tỉnh lại, chứ như bây giờ thì khổ quá. Còn như muốn cải-tạo lại nước Tàu cho chỉnh-đốn hẳn, cho thành một quốc-gia hoàn-toàn như các nước Âu-Mĩ, thì còn phải lâu lắm, không phải chốc-lát mà thành được, cũng không phải một đảng nào hay một người nào làm nổi được.

Sau đây là lược-thuật các diện-tín về việc Tàu gần đây.

Trước có tin đồn rằng Nam Bắc sắp muốn điều-hòa. Song gần đây lại có tin Tưởng Giới-Thạch tuyên-ngôn rằng: Cái tin Nam Bắc điều-hòa là tin của người ngoài bịa đặt ra, chứ Tưởng chưa hề phái đại-biểu đến Bắc-kinh để nghị-hòa bao giờ. Mục-đích của Quốc-dân-quân là cốt đả-cấp bọn quân-phiệt, lẽ nào lại cùng với bọn quân-phiệt nghị-hòa bao giờ. Cái tin ấy là do ở Bắc-phương bịa ra để ly-gián, làm cho quốc-dân-quân và dân-chúng đem lòng ngờ-vực nhau.

Tưởng Giới-Thạch và Phùng Ngọc-Tường mới đây đã quyết-định trong một cái thời-kỳ rất ngắn sẽ đánh lấy Sơn-đông. Phùng Ngọc-Tường và Ngạn Văn-Ngạc sẽ đánh mặt tây-nam; Bạch Sùng-Hy sẽ liên-biệt với Trần Dĩ-Sân theo đường Giac-tế đánh vào Tế-nam, còn Tưởng sẽ theo mặt chính đường Tân-phổ mà đánh lên.

Có tin rằng về mặt chính đường Tân-phổ quốc-dân-quân đã khôi-phục được thế tru-thắng. Quân Phùng thì

đã chiếm được Tào-châu. Ở về Trấn-huyện và Duyên-châu hai bên vẫn đánh nhau kịch-liệt.

Phùng đã phái Ngạn Vân-Ngạc và Lưu Trấn-Hoa làm tổng chỉ-huy theo trận-tuyến Lũng-hải đánh tá-dục của địch-quân, và đã phái đại-dội đến Tào-châu và Đan-huyện.

Mặt Từ-châu phủ thì trước có tin rằng Bắc-quân và quân của Tướng Giới-Thạch vẫn đánh nhau to ở phía nam. Lại có quân của Phùng đi đường hỏa-xa Lũng-hải đến trợ-lực cho quân Tướng Song nam-quân phải lui về Bạch-phụ. Bắc-quân hì h như thắng lợi.

Sau lại có tin rằng quân Sơn-dông đã khai thế-công đánh nhau với quốc-dân-quân ở Từ-châu trong tỉnh Giang-tô, quân Quốc-dân giả-cách lui đến chỗ cách Từ-châu 80 dặm, để đánh bầy quân Sơn-dông, quân Sơn-dông bị đánh úp, mất nhiều khí-giới.

Quân Phùng-thiên lại tỏ cả Thanh-giang, quân Sơn-tây (Diêm Tích-Son), liền đến chiếm lấy ngay.

Đến cuối tháng này lại có tin Bắc-quân đã lấy được Từ-châu-phủ là nơi các đường Thiên-tân, Phố-khẩu và Lũng-hải nối với nhau mà do Tướng Giới-Thạch đóng quân.

Trương Tác-Lâm chủ-trương rằng hãy sau khi đã lấy được Từ-châu rồi thì thôi không tiến quân nữa. Nhưng Trương Tôn-Xương thì định cố đánh lấy được Bạch-phụ, mới cùng chính-phủ Nam-kinh thoả-hiệp. Tôn Truyền Phương thì định kéo trận xuống miền nam.

Song lại mới có tin Nam-quân lại thu-phục được Từ-châu. Đường giao-thông từ Thượng-hải đến Từ-châu đã khôi-phục lại được như trước, thì cái tin ấy có thể cho là đích-xác được.

Xem như những tin trên ấy thì cuộc Nam Bắc phân-tranh vẫn chưa giải-quyết ra đường nào thắng-phụ cả.

Trong tháng tám tây lại có cuộc chiến-tranh Vũ-Hán với Nam-kinh. Nam-quân đã quyết - nghị đem binh đánh Hán-khẩu. Binh-gia của tướng Nam-quân là Hà Ứng-Khám đã sắp quân ra mặt trận.

Tình-hình Hán-khẩu hiện nay rất là rối loạn. Đường Sinh-Tri (về phái Hồ-nam không hợp với đảng cộng-sản). Hà Kiện (đảng quốc dân), Đàm Diên-Khải (theo về đảng Nam-kinh), Chu Bồi - Đức, Trương Phát-Khuê (đảng cộng-sản) cùng Diệp Đĩnh và Hạ Long đều đã tuyên-bổ độc-lập ở Nam-xương, thoát-ly với chính-phủ Vũ-Hán.

Đạo quân của Trương Phát - Khuê vừa đến đánh Nam-xương thì bị chết quá nửa. Đường Sinh-Tri bớt được một tay phản-dộng, nên đã quyết dời bộ-tổng-tư-lệnh đến Cửu-giang để đối-phó với chính-phủ Nam-kinh.

Phùng Ngọc-Tường cùng với Từ-Khiêm và Hồng Tường-Hy đứng ra điều-dinh hai chính-phủ Vũ-Hán và Nam - kinh. Đã gửi bản nghị-án lên thủ-hai đến cho chính-phủ Nam-kinh, có mấy khoản rằng: 1° Thủ - tiêu chính-phủ Nam-kinh; 2° Về việc các tay lĩnh - tụ trong hai chính - phủ tiến hay thoái sẽ hội ở Khai - phong để quyết nghị; 3° Lấy An - huy làm nơi hoãn - xing, cỉm - chỉ hai phương không được xung-dột; 4° Hiệp-lực Bắc-phạt. Và vấn-đề trọng-yếu của đảng quốc-cán để sau khi đã chiếm-lĩnh được Bắc-kinh rồi sẽ triệu-tập cuộc hội-nghị quốc-dân để giải-quyết.

Ông Tinh-Vệ đối với cái nghị-án ấy không tán - thành khoản thứ ba. Ông lại nói sẽ đến Nam-xương và Cửu-giang xem xét, nếu quân Nam-kinh có ý đánh Giang-tây thì quân Hán-khẩu sẽ đánh ngay.

Hiện ở Vũ-Hán có hai đảng: một đảng cộng-sản và một đảng-bộ quốc-dân. Đảng-bộ quốc-dân có triệu-tập cuộc đại-hội lần thứ tư để giải-quyết về vấn-đề cùng đảng cộng-sản nên ly hay nên hợp. Lại thông-cáo cho các quan-chức các cơ-quan, phạm người nào có ý phản-cộng thì phải lập tức thoát-ly đảng cộng-sản. Cuộc cách-mệnh chưa thành thì đảng cộng-sản không được phá-hoại và giả-danh hoạt-động. Người trong trung quốc-dân chưa được đảng-bộ đảng-ương cho phép, thì không được kiêm vào đảng khác.

Chính-phủ Hán-khâu có hạ-lệnh cho các cơ-quan cách-mệnh ở Nam-xương trong tỉnh Gian-tây xoá sổ tên những người cộng-sản và bắt những người ấy giao cho tòa án binh xét. Thế là chính-phủ Hán-khâu tỏ ra rằng đã lia bỏ chủ-nghĩa cộng-sản, mà yêu-cầu Tưởng Giới-Thạch phải từ chức đi thì mới cùng với chính-phủ Nam-kinh điều-đinh.

Có lẽ Tưởng hiểu rằng nếu vì mình cầm quyền mà để cho hai nơi không hiệp-tác cùng nhau được, đã không hiệp-tác cùng nhau thì cái mục-dịch tảo-trừ quân-phiệt cũng không sao đạt tới được. Vì thế nên Tưởng mới rời có một bài tuyên-cáo với quốc-dân Trung-hoa rằng: Tưởng lui về xứ mình để cho hai chính-phủ Nam-kinh và Hán-khâu điều-đinh với nhau, và để cho các phái của đảng quốc-dân thân-thiện với nhau.

Tưởng lui, thì hai phe Nam-kinh với Hán-khâu sẽ lại hiệp làm một chạng? Song ai thay địa-vị Tưởng, mà thay Tưởng thì liệu có hơn Tưởng không? Liệu có thể áp-phục được nổi các tướng cho khỏi sinh chi-tiết khác không? Nếu không thế thì chữa biết lại lung-tung xoay ra đến thế nào.

Mới rời có tin Tưởng Giới-Thạch đã lánh ẩn vào Tô-giới Thượng-hải, mà

các bộ-tướng của Tưởng thì theo về chính-phủ Hán-khâu.

Người ta nói rằng Tưởng mà từ chức, cái nguyên-nhân thứ nhất là vì các tướng bộ-hạ không chịu hết sức. Tưởng đã đem một vệ-đội 450 người và gia-quyển đến Thượng-hải. Có người nói ý Tưởng muốn về ẩn ở nơi điền-lý, không dự nghe đến việc nước nữa.

Có tin đồn rằng có lẽ Phùng Ngọc-Tường sẽ thống-lĩnh quân quốc-dân, như vậy thì lại sinh ra phong-trào cộng-sản. Song các tướng-tá phân rẽ nhau, Phùng không thể thống-nhất binh-quyền được. Nghe đâu Phùng có sai sứ-giã đến hội-kiến với chính-phủ Hán-khâu và Nam-kinh để điều-đinh cho có thể lại dễ binh Bắc-phạt.

Nhưng có tin rằng sau khi Tưởng từ chức thì Lý Liệt-Quân là người có tư-cách lão-luyện về việc quân sẽ lên thay. Nhưng cứ xem tình-hình thì tướng Hà Ứng-Khâm hiện có cái thế-lực về quân-sự rất to ở Giang-tô, thì Lý có lên thay, cũng chỉ giữ cái ngôi cao không mà thôi.

Hiện nay thì thế-lực Nam-quân có phần kém khi mới khởi binh Bắc-phạt. Duy cánh quân Phùng Ngọc-Tường là còn có phần phần-chấn hơn.

Có tin rằng Nam-quân thất-bại kéo đến Phổ-khâu rất nhiều. Bắc-quân hiện ở cách Phổ-khâu ba mươi cây-lô-mét.

Bắc-quân lại tràn xuống lấy Bạch-phụ và Hải-châu, lại chiếm lấy được cả Trấn-giang.

Mặt Sơn-tây thì nguyên có tướng Diêm Tích-Sơn bàn-cứ ở đấy đã lâu, thế-lực cũng mạnh, thường làm ngăn-trở việc hành-động của đảng Bắc-phương. Song Diêm vẫn tuyên-bố quyết giữ lấy cái phương-pháp hòa-bình để giải-quyết thời-cục, trừ-phi lúc nào bị người xung-kích mới ra khai-chiến.

Diêm Tịch-Sơn có mở cuộc đại-hội nghị ở Thái-nguyên (kinh-thành Sơn-tây) có đủ các đại-biêu đến dự-hội để lập cuộc Tam-giáp đồng-minh là Trương, Diêm, Phùng.

Trương Tác-Lâm thấy hợp cuộc Tam-giáp đồng-minh ấy rất lấy làm sợ hãi.

Người Nhật tỏ ý khuyên Trương Tác-Lâm nên hợp-tác với Diêm Tịch-Sơn để ngăn giữ Phùng Ngọc-Tường không cho vào Bắc-kinh. Vì Phùng với nước Nga có quan-hệ với nhau, nếu để cho Bắc-kinh lọt vào tay Phùng thì đảng cộng-sản lại dễ dưng hoạt-dộng, cho nên người Nhật hết sức vận-lộng cho Phùng-thiên và Sơn-tây liên-hợp để cự Phùng.

Mặt Văn-nam vừa tháng trước thì tướng Hồ Nhược-Ngu vào cầm quyền ở Văn-nam phủ. Sau các tướng của Long Văn nổi lên đánh đuổi tướng Hồ, Hồ phải bỏ chạy, tha cлио tướng Long Văn trở về.

Đương lúc ấy thì có hai đảng tranh đánh nhau: 1^o Đảng các ty-tướng của Long Văn, đặc-thắng trong trận mới rồi; 2^o Đảng cũ của Đường Kế-Nghiêu có Dương Kế-Vũ là yếu-nhân Đảng này có dự vào quân của Vương Kế-Tồ, nguyên chủớng vệ-binh của Đường Kế-Nghiêu, không chịu theo Hồ Nhược-Ngu, và đã bảo-thủ trật-tự ở Kinh-thành, cho đến khi quân của ty-tướng Long Văn kéo đến. Quân của Long Văn có đánh nhau với Vương Kế-Tồ, Vương thua, và bị bắt, bị tước bỏ khi-giới.

Nay thì Long Văn đã đặc-thắng trở về cầm quyền ở Văn-nam-phủ. Nghe đâu Hồ Nhược-Nga có cầu-viện quân Qui-châu xuống để chực trở về Văn-nam. Các sứ-giả của Hồ và của Trương Nhữ-Kỳ, đương điều-định để đặt cuộc liên-minh cho hai tướng Hồ và Long.

Nói về việc Nga. — Như trên kia đã nói, Nga truyền-bá chủ-nghĩa cộng-sản ở Tàu chỉ đủ làm cho nước Tàu điên-đảo, không được cái kết-quả gì đích-dáng, cũng không giúp cho kiến-thiết được gì. Xem thế thì đủ chứng rằng chủ-nghĩa cộng-sản không phải là một chủ-nghĩa tích-cực, chính là một chủ-nghĩa tiêu-cực, không có cái tinh-cách kiến-thiết, chỉ có cái tinh-cách phá-hoại. Và ngay ở nước Nga chính-thể cộng-sản có kiến-thiết được gì không và có thật thích-hợp với tâm-tinh người Nga không? Có nhiều người không ưa gì chủ-nghĩa cộng-sản, cho rằng chính-thể Sô-viết rồi lâu ngày dần dần cũng trở nên vũng-vàng và tạo-thành ra một chính-phủ hoàn-toàn được. Nhưng phần nhiều người quan-sát tinh-thể nước Nga thời cho rằng chính-thể ấy tất phải đến thất-bại, và vì lẽ kinh-tế cũng không thể đứng lâu được nữa, duy không dám quyết-đoán rằng Sô-viết bị đổ thời sẽ có chính-phủ nào thay, còn khôi-phục lại chính-thể quân-chủ cũ thời chắc không thể nào được. Và lại trong sự phán-đoán về nước Nga, hướng-lại chỉ lấy tình yêu-ghét mà xét, chưa hề lấy lẽ phải trái mà đoán-dịnh được. Còn người Nga thì họ khéo lợi-dụng khoa thống-kế-học lắm, lấy số-mục mà chứng rằng lối Sô-viết của họ là lối chính-trị tuyệt-dịch, nhưng các số đó, người ngoài làm thế nào mà kiểm-diêm cho được. Vậy chỉ bằng ở lời họ nói mà xét cái kết-quả chính-trị của họ thế nào, thời xét ngay các lẽ họ biện-bạch ra cũng chưa đủ chứng rằng chính-thể cộng-sản là hay và làm lợi cho dân-gian. Song đó là thuộc về lý-thuyết, nay cứ sự thực thời nghiệm ra trong khoảng tháng năm Nga vừa bất-lợi ở Tàu, lại vừa thất-bại ở nhiều nơi khác nữa; lại có cơ-hội có thể lợi-dụng được mà không biết lợi-dụng nữa. Như việc hội-nghị kinh-tế Vạn-quốc, dưới này sẽ nói

tương. Nga có can-thiệp vào, mà không thành kết-quả. Phái-bộ của Nga ra hội-nghị kém lắm, khi thì phản đối một cách cứng-cỏi quá, khi thì lại kêu-nài một cách không xứng-đáng, thường không có lý-sự gì; hoặc-giả nói một là Nga không đủ người có tư-cách mà phái đi, một là cố-ý phái những người kém để làm-thời có thể thoái-thác không nhận. Phái-bộ Nga ở hội-nghị quả-quyết rằng nước Nga ngày nay thịnh-vượng lắm, thứ nhất là về đường nông-nghiệp, vậy mà tiền không có, cần phải mộ quốc-trái dài hạn ở các nước, các nước nên sẵn lòng giúp, nếu không giúp thì sau này sẽ hối và có thiệt-hại cho mình. Cách nghị-luận như thế, xem chừng liệt-cường không ai dễ tai nghe, và khi hội-nghị giải-tán, Nga cũng không thu-hoạch được kết-quả gì. Phái-bộ lại muốn chứng-giải cho hội-nghị hiểu rằng cái chế-độ cộng-sản của Nga không tất-nhiên là phản-trái hẳn với chế-độ tư-bản của các nước Âu, Mỹ, và các nước nên vui lòng tục-giao với Nga như trước thì hay lắm. Hội-nghị nghe chừng cũng không muốn để tai nghe phái-bộ Nga về điều đó nữa. Tuy-nhiên hội-nghị khi bàn-bạc xong cũng quyết-nghị một cách đại-dễ, không công-nhiên tuyên-bố là thừa-nhận nước Nga, nhưng cũng để cho Nga có thể cho mình là gồm ở trong lời quyết-nghị đó được. Như vậy thì thuộc về phương-diện Nga được tham-dự vào Hội-nghị cũng không có ích-lợi gì. Trong khi ấy thời chính-phủ Anh đối với Nga thì-hành một điều kẻ cũng là nhục cho quốc-thể Nga lắm. Nguyên chính-phủ Nga có đặt ở Luân-đôn một sở Thương-vụ-tổng-cục tên là

Arcos. Sở này tuy công-nhiên là coi về việc thông-thương nước Anh với nước Nga, nhưng dùng người làm nhiều lắm, tất có can-thiệp đến việc chính-trị. Chính-phủ Anh thấy thế ngỡ là một sự trinh-thám và một nơi cò-dộng tuyên-truyền về chủ-nghĩa cộng-sản, không những trong địa hạt nước Anh mà cả trong suốt cõi Âu-châu nữa. Bèn hạ-lệnh cho khám trong sở. Chính-phủ Anh quả-quyết đối-phó với Nga như thế, tin ấy truyền ra, có ảnh-hưởng trong thế-giới, sâu-xa lắm. Chính-phủ Sô-viết liền gửi thư kháng-nghị trách nước Anh là phạm vào quyền đặc-biệt của ngoại-sứ (*immunité diplomatique*). Kỳ-thực theo phép ngoại-giao duy chỉ có sứ-quan và nhà sứ-quan là được hưởng quyền đặc-biệt mà thôi, sở thương-vụ không phải thuộc sứ-quan, không được hưởng quyền ấy, và chính-phủ sở-tại có quyền khám xét được. Chính-phủ Anh không những cho khám sở *Arcos*, lại yêu cầu Nghị-viện tuyệt-giao với chính-phủ Sô-viết, vừa về chính-trị, vừa về thông-thương. Nghị-viện Anh bỏ về quyết-nghị được 357 vétrag tuyệt-giao đối với 111 vé không ưng. Đó thực là một sự thất-bại to cho chính-phủ Sô-viết. Anh đã tuyệt-giao với Nga thời hai nước rút đại-sứ về và Nga thời nhờ Đắc-quân-cổ hộ các quyền-lợi của mình ở Anh. Trong lời kháng-nghị của Litvinov là quan coi bộ ngoại-vụ Nga, cũng không có cái lý gì dích-dáng cả, và lời-lẽ thời đại-khải cũng ôn-hòa. Cách Anh đối-dãi với Nga như thế thật là làm cho Nga mất thế-lực đi nhiều, và tự dấy dàu dàu cũng thấy khởi lên cái phong-trào phản-đối Nga hết cả. Đó là

một cái tình-trạng mới thật là không lợi cho chính-phủ Sô - viết, không biết rồi chính-phủ Sô-viết đối-phó ra thế nào, ta cũng nên để ý xem xét vậy.

Nói về ba nước tiều-dồng-minh.

— Ba nước Tiều-dồng-minh ở Đông-Âu là *Tchéco-Slovaquie*, *Yougo-Slavie* và *Roumanie*, gần đây ngoại-tướng, của ba nước là *BENÈS*, *MIRENKOVITCH* *MITILINEU*, mới hội-nghị với nhau ở *Iachimov* đất *Bohème*, để bàn định về chính-sách chung của ba nước. Công-việc của hội-nghị thế nào thì không biết rõ được, nhưng chủ-ý chắc là để liên-lạc cho bền chặt ba nước đồng-minh với nhau. Xem cái thái-dộ của hội-nghị đối với sự khôi-phục nước *Hongrie*, không có gì là tỏ ra không biểu-tình; còn thuộc về sự giao-thiệp với chính-phủ Sô-viết Nga thì hội-nghị định rằng: mỗi nước tự-do muốn đối-phó với Nga thế nào mặc lòng.

Nói về việc nước Đức. — Ở Đức thời tình-hình vẫn không thay đổi. Về ngoại-giao chính-phủ Đức vẫn giữ được đúng như hiệp-ước *Locarno*, song vẫn có ý yêu-cầu cho quân Đồng-minh đóng ở hạt *Rhénanie* rút về cho hết. Vấn-đề đó chính-phủ Đức chưa công-nhiên đề-xương ra, nhưng bao giờ cũng có cái ý ngầm ở đó. Còn Đồng-minh đối với Đức thì vẫn có ý hoài-nghĩ như mới rồi đảng « Cái mũ sắt » (*les Casques d'acier*), là đảng chủ-trương cái quân quốc-chủ - nghĩa và quân-chủ-chủ-ngĩa, vận-dộng ồn-ào các nơi ở nước Đức, lại càng làm cho đồng-minh thêm không tin ở cái chí hòa bình của Đức. Tuy chính-phủ mới tuyên-

bổ luật hộ - vệ cho dân - quốc để ngăn - ngừa những sự vận - động của đảng quân-chủ, nhưng xét-nghiệm cho kỹ thì dư-luận trong nước hình như muốn cứ bảo-thủ cái tình-trạng như bây giờ, chứ không hăm-hở cải-cách gì thêm nữa. Về một phương-diện khác thời vấn-đề sáp-nhập nước Áo vào nước Đức, tuy ở Đức không có công-nhiên đề-khởi, nhưng ở Áo thì hằng ngày bàn-bạc đến, và xem ra nhiều người đam-lắm.

Nói về việc nước Ý. — Cuối tháng năm thủ-tướng *MUSSOLINI* nước Ý có đọc một bài diễn-thuyết quan-trọng ở *Rome* về tình-trạng nước Ý ngày nay. Thủ-tướng Ý nói thường hay có cái giọng hùng-hồn khoa-dại. Cho nên những lời ông nói cũng không thể nhất-nhất bằng-cứ cả được. Đại-khái là ông bày tỏ cái chương-trình chấn-chỉnh việc nước, chương-trình tốt-đẹp thật, to-tát thật, nhưng thực-hành cho được tưởng cũng khó-khăn lắm; trong bài diễn-thuyết ông lại dương đông kích tây, châm-chọc nước này, dọa - nạt nước kia, liệt - cường nghe được những lời ấy thật không lấy làm hoan-nghenh một chút nào. Cứ như lời ông diễn-thuyết thời tướng nước Ý ngày nay thịnh-vượng vô-cùng. Nhưng xét cái tình-hình kinh-tế trong nước tuy cũng có nhờ ông chỉnh-dốn ít nhiều, song chưa lấy gì gọi là thịnh-vượng được. Đồng tiền *lire* thời miên-cuông định giá cao quá, không khỏi thiệt-hại cho công-nghệ trong nước. Còn những phương-pháp dùng để hạn-chế cái giá sinh-hoạt và tiền công thợ

thời toàn là những cách miễn-cưỡng cả, dân-tình không phục. Trong dân-gian thời cảnh-sát nghiêm-ngặt quá, người dân cũng lấy làm khó chịu. Ở Ý-dại-lợi tuy không có đảng phản-đối chính-phủ nữa, nhưng không phải là ai ai cũng bằng lòng chính-phủ cả. — Về ngoại-giao thì việc *Albanie* vẫn chưa giải-quyết xong. Vẫn biết rằng sớm trưa rồi cũng giải-quyết xong một cách êm-thắm, nhưng còn dằng-dằng như thế cũng làm cho việc ngoại-giao trong các nước ở bán-đảo *Balkans* thêm phân-vân khó xử. Như Thổ-nhĩ-kỳ đã rắp kỳ ước với nước Ý cùng các lân-bang khác, nhưng nhân việc *Albanie* còn phân-vân, nên cũng chưa quyết, thành ra một cái tình-trạng bấp-bỏ, không lợi cho việc ngoại-giao vậy.

Nói về việc nước Anh. — Ở nước Anh thời nội-các *Baldwin* vẫn là muốn cầu lấy sự hòa-bình, nhưng muốn hòa-bình thế nào là lợi cho nước Anh và hợp với cái tôn-cái bảo-thủ của nội-các. Đại-da-số trong quốc-dân Anh cũng cùng một ý-kiến như thế. Như nhân việc vận-động tòng-bãi-công và việc thợ mỏ than bãi-công năm trước, chính-phủ phải ban đặt ra luật hạn-chế quyền tự-do của các công-đoàn (*Trade-unions*) và ngăn cấm sự tòng-bãi-công. Việc đó tức là một cách đảng bảo-thủ trong nước phản-đối với đảng lao-động, cũng là một cái hiện-tượng đáng chú-ý ở trên trường chính-trị Âu-châu vậy. Và hiện-tượng ấy, không phải chỉ nhận thấy ở nước Anh mà thôi, ở Ý-dại-lợi, ở Tây-ban-nha, ở Ba-lan, ở Hung-gia-lợi, ở cả nước Đức cũng

từng nghiệm thấy rõ-ràng. — Về ngoại-giao thì xem như cái cách nước Anh xử-trí về việc Tàu và đối-phó với nước Nga thì cũng là thuộc về cái hiện-tượng như trên đó. Lại cái thái-độ đối với Ai-cập, mới rồi nước ấy đòi nội-các, đảng phản-đối lại nổi lên kịch-liệt, Anh xử-trí một cách quả-quyết, định rõ cái giới-hạn nhượng-bộ đến đâu là cùng. Xem như thế thì chính-trị nước Anh là có thống-nhất lắm. Mấy tháng trước kia thì vì không quả-quyết mà thế-lực có sút kém đi ít nhiều, nay đã chấn-chỉnh lại, thành ra lại khôi-phục được cái địa-vị quan-trọng như trước. Chính-trị Anh đã thống-nhất như thế, chính-trị Pháp xem ra cũng có liên-lạc với Anh nhiều. Như mới rồi quan Giám-quốc *Doumergue* sang chơi bên Anh, không phải là một sự du-lich thường, thật có quan-hệ đến chính-trị hai nước và có cái mục-dịch giàng-buộc cho bền-chặt thêm mối liên-lạc trong hai nước.

Nói về Hội Vạn-quốc. -- Hội Vạn-quốc chiều theo lời bàn của hai đại-biểu Pháp là *Jouhaux* và *Loucheux* đã mấy tháng nay sửa-soạn mở một cuộc hội-nghị kinh-tế vạn-quốc ở *Genève*. Hội-nghị ấy đã họp ngày tháng năm vừa rồi, bàn-bạc các vấn-đề kinh-tế quan-hệ đến cuộc hòa-bình trong thế-giới. Về công-nghệ, về thương-nghiệp, hội-nghị có bàn định được nhiều điều, tuy chưa thể giải-quyết hẳn được mọi sự khó-khẩn trong trường kinh-tế ngày nay, nhưng cũng đủ chỉ rõ được cái phương-hướng cho việc điều-đinh thương-thuật

của các nước. Xưa nay trong các hội-nghị kinh-tế, nông-nghiệp không có được tham-dự bao giờ, lần này mới là lần đầu mà trong hội-nghị kinh-tế vạn-quốc mới để dành một phần cho nghề nông, cũng được bằng-đẳng như các nghề công-thương khác. Đó cũng là cái chứng-cớ rõ-ràng rằng hội Vạn-quốc muốn hiệp hết các sức kinh-tế trong thiên-hạ để mưu sự hòa-bình cho các nước.

Nói về việc nước Paáp. — Ở Pháp thời Nghị-viện nghỉ một độ, lại mới họp khóa mới, nhưng các hoạt-động cũng vẫn còn bối-rối, chưa được phân-minh cho lắm. Mới đầu thảo-luận về thể-lệ quan-thuế, một phái nghị-viên thừa-cơ muốn công-kích nội-các POINCARÉ. Còn việc mấy người nghị-viên về cộng-sảu xui-giục làm loạn, nội-các muốn đệ ra tòa án để xử tội, phải xin phép Nghị-viện, nhưng Nghị-viện phân-vân không muốn cho, cũng là một cách

làm nhiều cho chính-phủ. Xét cho kỹ thời những cách vận-động đó là bàm có cái dã-tâm về việc tuyên-cử sang năm này cả. Tuy-nhiên thế-lực của nội-các POINCARÉ cũng vẫn còn vững-lắm, dẫn những người phản-đối nội-các cũng không dám ra tay phá đổ, vì biết rằng nội-các mà bị đổ thì cũng khó lòng mà thay được ngay cho ổn-thỏa. — Trong khoảng tháng năm có hai người Pháp cưỡi tàu bay tên là NUNGESKER và COLI định vượt qua Đại-tây-dương, chẳng may bị nạn chết lạc vào đâu không biết, sự bất-hạnh đó quốc-dân Pháp cũng lấy làm đau-đớn lắm. Giữa khi ấy thì viên quan tàu bay Mỹ tên là LINDBERGH bay được một thời thẳng từ *New York* sang *Paris*. Dân Pháp tuy buồn về sự thất-bại của hai người kia, nhưng cũng hoan-nghênh viên quan Mỹ một cách trọng-thê và sốt-sắng lắm.

Việc trong nước

Tình-hình chính-trị.— Quan Toàn-quyền VARENNE sau khi chủ-tọa kỳ hội-đồng thường-niên của Nhà-dân Đại-biểu-viện Trung-kỳ, thời rẽ sang kinh-lược bên Ai-lao, rồi đi đường sông Cửu-long xuống Nam-kỳ, tới Sài-gòn vào đầu tháng tám tây. Hội-đồng chính-phủ quyết họp vào thượng-tuần tháng mười ở Sài-gòn. Các quan thủ-hiến có chân Hội-đồng đã lục-tục vào Sài-gòn tự giờ. Ông BOREL là tổng-trưởng Thương-chánh-cục đi đường bộ vào đến N. hệ bị nạn ô-tô chết. Chính-phủ đã cử ông DEYME là chánh sở Thương-chánh ở Cao-miên lên thay.

Ông VARENNE trước khi đi Sài-gòn có ký nghị-định đặt ra hai cuộc kiến-thiết mới; một là một sở Lao-động Tổng-cục, có một chức Lao-động Tổng-Thanh-tra, để khảo-sát các vấn-đề quan-hệ đến bộ công nhân lao-động trong toàn-hạt Đông Pháp, chức Tổng thanh-tra cũ ông DELAMARRE là nguyên Giám-đốc chính-trị ở Cao-miên sung; hai là một cuộc Nông-nghiệp-Ngân-hàng, định trích tiền của nhà Băng Đông-Pháp cấp cho các tỉnh đặt mỗi tỉnh một hội các nhà nông trong hàng tỉnh, để người nào trong Hội có cần đến tiền chi-dụng về việc làm ruộng thời có thể vay ở

Hội được nhẹ lãi (từ 8 đến 12 phần một năm), chú-ý là ngăn-ngừa cái tệ cho vay nặng lãi trong dân gian, bảo-hộ cho nông-dân khỏi bị bọn tài-chủ bóp nặn, đại-khái cũng hơi giống như các Hội Nông-nghiệp tương-tử ở Nam-kỳ; hiện nay thời mới đương lục-lục thí-nghiệm ở mấy tỉnh Bắc-kỳ (như Hà-dông, Hải-dương, v. v.), Trung-kỳ (như Nghệ-an, v. v.) Cao-miên, hễ thấy thành-hiệu thời sẽ thi-hành khắp cả các tỉnh.

Ở Bắc-kỳ thời thượng-tuần tháng tám đã họp hội-đồng thường-niên Nhân-dân đại-biểu-viện. Kỳ này không có chuyện gì lạ, Chính-phủ có hỏi ý-kiến các ông đại-biểu về hai vấn-đề: một là việc lập các trường hương-học cho dân được quản-cổ lấy, hai là việc thi-hành cải nghị quan Toàn-quyền về sự lập Nông-nghiệp-ngân-hàng như trên kia thế nào cho thích-hợp với dân-tình. Không rõ các ông bàn định thế nào và thỉnh-cầu những gì. — Từ ngày thứ tư 17 đến ngày thứ bảy 20 tháng 8 ở thành-phố Hải phòng có xảy ra một việc xung-đột cũng khá-quái, nhưng dẹp yên được ngay. Nguyên-do chỉ có một người dân bà tàu với một người dân bà ta đánh nhau ở mấy nước, mà rồi lan ra đến người khách và người Nam trong phái lao-động xung-đột nhau đến lưu-huyết trong bốn ngày trời.

Ở Nam-kỳ thời trung-tuần tháng 8 họp Hội-đồng Quản-hạt, chưa rõ kỳ này có bàn định điều gì quan hệ không. Duy có ngày khai-hội, bầu-ử chức phó nghị-trưởng về phần An-nam, thời ông Bùi Quang-Chiêu là phó nghị-trưởng năm ngoái, phải bầu tới ba lần mới được. Nguyên ở Hội-đồng Quản-hạt có

14 người Tây, 10 người Nam, theo lệ phần Tây được một chánh nghị-trưởng, một phó nghị-trưởng, phần Nam được một phó nghị-trưởng. Bỏ vé bầu, lần trước ông Lê Quang-Liêm tức đốc-phủ Tây được trúng-cử, ông Lê không nhận. Lần sau bỏ vé, ông Bùi Quang-Chiêu không được đủ vé nên không được bầu, đến lần thứ ba ông Bùi được trúng cử, ông đã nhận chức phó nghị-trưởng rồi.

Ở Trung-kỳ thời vẫn không có việc gì là đáng chép. Nhân-dân Đại-biểu-viện đã giải-tán. Nhân các ông dân-bầu có yêu-cầu với chính-phủ đặt cho một phòng thư-ký để tiện việc giấy-má, chính-phủ đã ưng-thuận và nhận chịu tiền kinh-phi. — Báo *Tiếng Dân* cô-động bấy lâu nay, ngày mồng 10 tháng 8 mới xuất-bản số thứ 1 ở Huế. Báo ra mỗi tuần-lễ hai kỳ, ngày thứ tư và thứ bảy; chủ-nhiệm kiêm chủ-bút là ông Hoàng Thúc-Kháng, quản-lý ông Trần Đình-Phiên; bảo-quản ở đường Đông-ba, Huế; giá báo mỗi số 5 su, đồng-niên 6 đồng. Xem mấy số đầu thời lời-lẽ ôn-hòa lắm, có lẽ không vui cho những người muốn nghe những giọng ồn-ào kịch-liệt; nhưng lời êm-ái có khi thấm-thía hơn là những giọng ba-hoa. — Ở Huế lại mới xuất-bản một cái tạp-chí mới nữa, đề là *Thần-kinh tạp-chí*, do ông Lê Thanh-Cảnh, tham-tá tòa Khâm-quản-lý. Tạp-chí mỗi tháng xuất-bản một kỳ bằng quốc-văn, có phụ-trương bằng pháp-văn. Giá mỗi số 3 hào, đồng-niên 3 đồng. — Nhật-báo *Tiếng Dân* và tạp-chí *Thần-kinh* là hai nhà báo đầu nhất ở Trung-kỳ. Bản-chí có lời mừng hai bạn đồng-nghiệp mới.

Ở Cao-miền thời vua SISOWATH đã ngoài 80 tuổi vừa mới thăng-hà. Triều-dinh Mên cùng với Bảo-hộ Pháp lập hoàng-tử MONIVONG lên nối ngôi. Việc kể-truyền được êm-thắm, không sinh-xuất ra chuyện gì cả.

Giới-thiệu sách mới

1. — Truyện Thủy-Kiều. Búi-Kỷ và TRẦN TRỌNG-KIM hiệu-khảo. In lần thứ hai, chữa lại rất kỹ và rất đúng với bản nôm cổ. — Vinh-hưng-long thư-quán, 51 phố hàng Đường, Hà-nội, xuất-bản; giá 3 hào một quyển.

2. — Thất-kiếm thập-tam-hiệp diễn-nghĩa. HOA-NHÂN LÝ NGỌC-HƯƠNG biên-dịch. In tại nhà in Thụy-ký, Hà-nội, mới ra cuốn thứ 1. Giá 0\$,12.

3. — Trưag-vương. Thế-giới đệ-nhất nữ anh-hùng. NHƯNG-TỔNG soạn. Nam-đồng thư xã xuất-bản. Mới ra cuốn 1 và 2. Giá mỗi cuốn 1 hào.

4. — Bạn và vợ Bản kịch mới, của HOA-SƠN NGUYỄN HỮU-KIM soạn, Bán ở Quốc-hoa thư-quán, 115 Phố Hàng Bông, Hà-nội, giá 3 hào.

5. — Tây-phương mỹ-nhân. Luận-lý tiểu-thuyết. Của bà VƯƠNG KHÁ-LÂM tức Huỳnh-thị Bảo-Hòa soạn. Truyện người đàn bà Pháp lấy một người lính tông-chinh An-nam; truyện thực xảy ra ở Quảng nam năm nọ. — Mới xuất-bản cuốn thứ 1, ở Bio-tôn thư-xã, 36 đường Bonnard Sài-gòn.

Nam-Phong tùng-thư

PHẠM QUỲNH Chủ-nhiệm

Bộ Tùng-thư này xuất-bản thành sách, mỗi quyển chừng 120 trang, có tự-vựng các danh-từ mới thích nghĩa vừa bằng quốc-ngữ, chữ Hán và chữ Pháp; giá mỗi quyển 4 hào.

Đã xuất-bản :

Quyển thứ I. — Văn - minh - luận. PHẠM QUỲNH biên-dịch (1^o Giải-nghĩa văn-minh; 2^o Tính-cách văn-minh đời nay; 3^o Văn-minh học - thuật nước Pháp.)

Quyển thứ II. — Ba tháng ở Paris PHẠM QUỲNH soạn. (Thuật về sự du-lịch của ông Phạm Quỳnh ở Paris từ tháng năm đến tháng bảy năm 1922. Lại phụ thêm một thiên thuật về cuộc đi thăm các trận-địa ở Pháp.)

Sắp xuất-bản :

Quyển thứ III. — Văn-học nước Pháp.

« IV. — Chính-trị nước Pháp.

« V. — Khảo về tiểu-thuyết.

« VI — Lịch-sử thế-giới.

văn-vấn.

Nam-Phong tùng-thư xuất-bản và bán tại Đông-kinh ấn-quán, Hà-nội.

Giá mỗi quyển 4 hào. Gửi xa thêm tiền cước mỗi quyển 0\$,16, 2 quyển 0\$,22 và sau cứ thêm mỗi quyển là 0\$,06. Đó là giá gửi recommandé, chắc chắn lắm, không sợ thất-lạc được.

Bán buôn có trừ hoa-hồng.